

DC19
L120Đ

LÂM ĐỒNG

hướng tới thế kỷ

XXI



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG • 2000

LAM DONG TOWARDS THE 21ST CENTURY

HƯỚNG TỚI THẾ KỶ XXI

LÂM ĐỒNG

HƯỚNG TỚI THẾ KỶ XXI

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
2000



*/c Nguyễn Hoài Bảo - Bí thư Tỉnh ủy,
Chủ tịch HĐND tỉnh Lâm Đồng.
Mr. Nguyen Hoai Bao - Provincial
Party Secretary, President of Lam
Dong People's Council*

LỜI GIỚI THIỆU

Mấy năm lại nay, sách viết về Lâm Đồng của các tác giả trong và ngoài tỉnh được xuất bản khá nhiều. Bạn đọc trong và ngoài nước không còn ngỡ ngàng với địa danh Lâm Đồng. Nói đến Lâm Đồng, mọi người nghĩ ngay đến thành phố hoa Đà Lạt; nói đến Đà Lạt, du khách không thể không liên tưởng đến cả vùng đất Nam Tây nguyên đầy huyền thoại.

Tuy nhiên, cần một cuốn sách với những thông tin chọn lọc, tin cậy, đầy đủ trên mọi lĩnh vực, gây hứng thú cho du khách và đặc biệt là những thông tin về tài nguyên và nhân lực, về cơ chế chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai, đem lại cơ hội làm ăn phát đạt cho các doanh gia trong và ngoài nước tại Lâm Đồng, đến nay chưa có nhiều. Vì vậy, dù còn khiêm khuyết, song cuốn sách **“Lâm Đồng hướng tới thế kỷ XXI”** này đã có thể xem là cuốn sách chúng ta mong đợi. **“Lâm Đồng hướng tới thế kỷ XXI”** đã phác thảo nên một bức tranh về đất nước, con người Lâm Đồng..

Xin cảm ơn các tác giả cộng tác viên, biên tập viên đã hoàn thành cuốn sách chỉ trong một thời gian ngắn để chào đón Thiên niên kỷ mới.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc trong và ngoài nước!

Đà Lạt, ngày 1 tháng 1 năm 2001

NGUYỄN HOÀI BẢO

Bí thư Tỉnh ủy

Chủ tịch HĐND tỉnh Lâm Đồng

FOREWORD

In recent years, books and articles of local and out-of-town writers about Lam Dong have been published, which familiarize readers over the country and abroad with this Highland Province. Lam Dong is closely associated with the city of Dalat – the city of flowers, and the fairy-taled South West Highlands of Viet Nam.

What is needed, however, is a book with selected and reliable source of information dealing with various aspects of the province, of interest to tourists, and particularly information related to the province's economic and human resources, institutions and policies for future socio-economic development projects, which may provide opportunities for Vietnamese as well as foreign business enterprises. Therefore, in spite of some deficiencies, "**Lam Dong towards the 21st century**" can be the expected material, a vivid sketch of the land and the people of the province.

I would like to convey my deep appreciations to the writers and editors who have made every effort to complete the book in time to welcome the New Millenium.

I am honoured to introduce the book to readers in and out of the country!

Dalat, January 1st, 2001

NGUYEN HOAI BAO

Provincial Party Secretary

President of Lam Dong People's Council

KHÁNH HÒA

NINH THUẬN

BÌNH THUẬN

-  Tỉnh lỵ
 Huyện lỵ
 Ranh giới tỉnh
 Ranh giới huyện
 Ranh giới xã
 Đường giao thông



Đ/c Phan Thiên - Chủ tịch
UBND tỉnh Lâm Đồng.
*Mr. Phan Thiên - Chairman
of Lam Dong People's
Committee.*

PHÁT HUY TIỀM NĂNG, TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI NHANH, MẠNH HƠN TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ 21

■ PHAN THIÊN

Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng



ào những năm cuối của thế kỷ XX, mỗi đất nước, mỗi địa phương và mỗi con người đều chuẩn bị cho mình những “hành trang” để bước vào thế kỷ XXI. Tùy theo điều kiện của mỗi chủ thể mà “hành trang” đó có thể khác nhau. Nhưng tất cả đều có điểm chung trong mục đích là phải phát huy tiềm năng, thế mạnh riêng có của mình, tạo đà phát triển nhanh, mạnh hơn trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

Lâm Đồng là một tỉnh thuộc vùng núi và cao nguyên thuộc nam Tây Nguyên. Trong 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới, tình hình kinh tế xã hội đã có sự phát triển khá tốt. Bình quân mức tăng trưởng GDP hàng năm từ 13-14%. Tuy vậy, sự phát triển đó vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Lâm Đồng.

Trên tinh thần đổi mới về cách nghĩ, cách làm; tập trung mọi nguồn lực để phát triển nền kinh tế địa phương; xóa bỏ các rào cản làm chậm quá trình phát triển, tạo ra động lực mạnh cho nền kinh tế ngay trong những năm đầu của thế kỷ XXI; chúng ta có thể đánh giá, nhìn nhận một cách khoa học về những tiềm năng, lợi thế của tỉnh Lâm Đồng và đề ra những chủ trương, quan điểm cơ bản cho quá trình phát triển như sau:

VỀ TIỀM NĂNG CỦA LÂM ĐỒNG

Lâm Đồng có diện tích tự nhiên 976.479 ha. Trong đó có khoảng 200.000 ha đất bazan, thích hợp với việc trồng cây công nghiệp dài ngày nhất là cây chè, cà phê, dâu tằm, điều. Nhóm đất phù sa có diện tích khoảng 55.000 ha phân bố dọc theo sông, suối, thích hợp với việc canh tác cây công nghiệp ngắn ngày, các loại rau hoa và dược liệu đặc sản. Đây là nguồn tiềm năng lớn cho việc phát triển nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản tại Lâm Đồng.

Diện tích rừng tự nhiên có 617.000 ha với trữ lượng đạt xấp xỉ 50 triệu m³ gỗ và khoảng 544 triệu cây tre nứa. Tập đoàn cây rừng phong phú, nhiều loại cây có giá trị kinh tế cao. Sự phân bố cho phép khai thác một cách hợp lý để phát triển công nghiệp chế biến lâm sản phục vụ nhiều mục tiêu kinh tế xã hội, phục vụ tham quan du lịch, nghiên cứu khoa học và bảo tồn nhiều loại động thực vật quý hiếm.

Là vùng kiến tạo núi lửa cổ trải

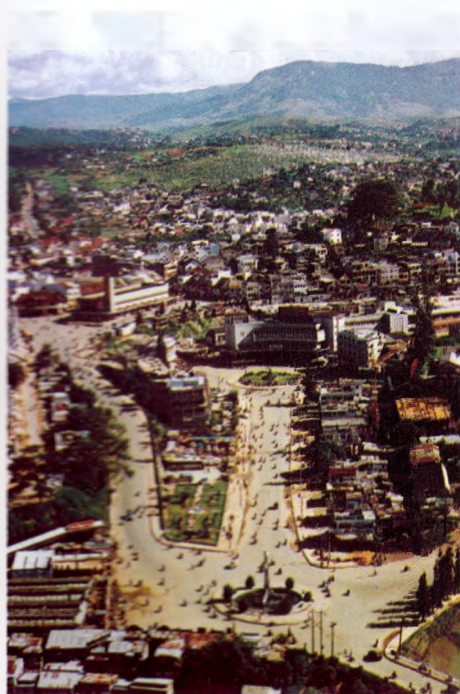
qua quá trình bình sơn nguyên lâu dài, nên Lâm Đồng có nguồn tài nguyên khoáng sản dồi dào, phong phú với trữ lượng lớn: bauxite trữ lượng hơn 1,2 tỷ tấn có hàm lượng Al_2O_3 trung bình đạt 56%; quặng thiếc có trữ lượng khoảng 100.000 tấn; kaolin có trữ lượng khoảng 520 triệu tấn; các loại đá quý gồm Opal, Canxedoal, Tectic... và vàng phân bố ở một số nơi trong tỉnh. Than nâu, than bùn, đá khối Granit, đá vật liệu xây dựng, với trữ lượng lớn, tập trung, rất thuận lợi cho việc khai thác và chế biến.

Về khí hậu, Lâm Đồng có khí hậu quanh năm mát mẻ với nhiệt độ trung bình khoảng từ 17 đến 25 độ C, có nhiều danh lam thắng cảnh tự nhiên với bạt ngàn rừng thông, hoa trái quanh năm, nơi sinh sống của nhiều sắc tộc có nền văn hóa lâu đời. Vì vậy có thể phát triển du lịch: nghỉ dưỡng, văn hóa - lịch sử, hội thảo, thể thao và du lịch sinh thái.

Về thủy điện, có thể xây dựng được nhiều nhà máy với tổng công suất khoảng 900.000KW. Nguồn nước ngầm phong phú với trữ lượng lớn là một tiềm năng để phát triển cả nông, công nghiệp và du lịch, dịch vụ trên địa bàn Lâm Đồng.

NHỮNG LỢI THẾ CỦA LÂM ĐỒNG

Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ, là khu vực phát triển kinh tế năng động nhất của cả nước với thị trường nội địa rộng lớn, thuận lợi cho việc trao đổi các dòng sản phẩm giữa Lâm Đồng với thành phố Hồ Chí Minh,



Thành phố Đà Lạt hôm nay. Ảnh: Bá Trung.
Dalat City today. Photo: Ba Trung

Biên Hòa, Vũng Tàu và các thành phố khác. Hệ thống 3 quốc lộ chạy qua địa bàn tỉnh với tổng chiều dài 412km (quốc lộ 20, 27, 28) nối liền Lâm Đồng với 3 trung tâm kinh tế lớn là thành phố Hồ Chí Minh và miền Đông Nam Bộ - thành phố Nha Trang và miền Trung Nam Bộ - thành phố Buôn Ma Thuột và vùng Tây Nguyên. Sân bay Liên Khương đã được Chính phủ cho phép khai thác nối tuyến quốc tế, chính là những điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư và phát triển kinh tế trên địa bàn Lâm Đồng.

Về thông tin liên lạc, Lâm Đồng có mạng lưới thông tin liên lạc khá phát triển. Đến nay bình quân có 5 máy điện thoại trên 100 dân (thuộc loại cao của cả nước). Ở hầu hết trung tâm các xã trong tỉnh đều đã có điện thoại. Hệ thống viễn thông quốc tế cũng được nối kết với nhiều nước trên thế giới.

Về môi trường đầu tư, cho đến nay Lâm Đồng có rất ít các nhà máy lớn, việc đầu tư thuận lợi và ít có các đối thủ

Đồng có một hệ thống các ngân hàng thương mại hoạt động tích cực, tiện lợi cho các nhà đầu tư. Đó chính là những lợi thế so sánh cho các nhà đầu tư tại Lâm Đồng.

Địa bàn Lâm Đồng cũng là nơi có nhiều viện nghiên cứu của Trung ương, có trường đại học đào tạo đa ngành mở ra một lợi thế về hợp tác nghiên cứu và cung cấp nguồn chất xám đáng kể cho việc đầu tư phát triển.

Ngoài những lợi thế trên, Lâm Đồng đang cùng với cả nước tích cực cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường mối quan hệ kinh tế với các tỉnh và các nước. Hệ thống hành chính đang được cải tiến để giảm tối đa các thủ tục phiền hà và đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

QUAN ĐIỂM CHỦ TRƯỞNG CỦA LÂM ĐỒNG TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG



Chào thế kỷ XXI.

Ảnh: TĐT.

*Celebrating the
new millenium.*

Photo: TDT

cạnh tranh như các trung tâm công nghiệp lớn. Nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp phong phú với giá cả thấp; nguồn lao động dồi dào, tiền lương bình quân thấp. Tình hình kinh tế xã hội ổn định, an ninh có thể xếp vào hàng các địa phương tốt nhất trong cả nước. Lâm

Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư tại Lâm Đồng được coi là một nhiệm vụ và là một yêu cầu trong việc thực hiện Luật Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian tới, cùng với việc thực hiện các quy định của Chính phủ trong việc bãi bỏ các giấy phép

làm cản trở quá trình đầu tư phát triển kinh tế, Lâm Đồng còn chú trọng thực hiện tốt các chính sách khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, giúp đỡ các thành phần kinh tế trong việc định hướng đầu tư. Rà soát lại tất cả các thủ tục cấp đất, cấp phép đầu tư cả đối tượng trong và ngoài nước; cải cách và giảm nhẹ các thủ tục hành chính, thực hiện phương án “một cửa”. Tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp vào đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn Lâm Đồng.

Chính quyền Nhà nước sẽ tham gia cùng các doanh nghiệp tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp; trực tiếp tổ chức các hội nghị gặp gỡ để nghe ý kiến của các doanh nghiệp, nhằm giúp các doanh nghiệp tháo gỡ những khó khăn vướng mắc có liên quan đến các chế độ, chính sách ở địa phương.

Danh mục các dự án khuyến khích đầu tư sẽ được tỉnh Lâm Đồng công bố là cơ sở cho các nhà đầu tư chọn lựa phù hợp với khả năng của mình. Các cơ quan thanh kiểm tra không được tự tiện kiểm tra các doanh nghiệp nhiều lần trong năm. Việc kiểm tra thường xuyên theo quy định của pháp luật phải được thông báo trước cả về thời gian và nội dung cho các doanh nghiệp.

Trên tinh thần mọi người đều có thể đầu tư làm ăn trên đất Lâm Đồng đối với những ngành nghề mà luật pháp không cấm, Lâm Đồng sẽ không đưa thêm ra bất cứ một thủ tục hành chính nào ngoài quy định của Trung ương, với mong muốn động viên mọi thành phần kinh tế, mọi doanh nghiệp cùng tập trung nguồn lực để đầu tư tại Lâm Đồng. Từ đó, giải quyết vấn đề căn bản nhất là sự hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, của người lao động và của xã hội.

Với những nội dung trên, UBND tỉnh Lâm Đồng tin tưởng rằng: cùng với các nhà doanh nghiệp, nhân dân Lâm Đồng sẽ phát huy được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh nhà, tạo đà phát triển kinh tế xã hội nhanh hơn, mạnh hơn trong những năm đầu của thế kỷ thứ XXI. ■



PROMOTING POTENTIALS, CREATING IMPETUS TO DEVELOP ECONOMY AND SOCIETY MORE QUICKLY AND STRONGLY IN THE EARLY YEARS OF THE 21ST CENTURY

■ PHAN THIEN

*Chairman of the People's Committee
of Lam Dong Province*



uring the last years of the 20th century, each region, local area and individual prepare necessary 'luggage' to enter the 21st century. Depending on each subject's conditions, that 'luggage' will be different. However, all have the same point in their purpose, that is to promote their own potentials and strong points, to create impetus to develop more quickly and strongly in the early years of the 21st century.

Lam Dong is a province belonging to the Mountain and plateau area to the South of Vietnam's West Highland. In the ten years of the reform, the social-economic situation has undergone considerable development. On average, the annual GDP growth is 13-14%. However, that development is not yet proportioned to the potentials and strong points of Lam Dong province.

With the spirit to reform the way of thinking and acting; concentrating all power sources to develop the local economy; eradicating all obstacles that slow down the development process; creating strong impetus for the economy right in the early years of the 21st century, we

Đưa điện về vùng sâu. Ảnh: Lê Thái Sơn
Electricity reaches the faraway communes.
Photo: Le Thai Son



can estimate and acknowledge scientifically the potentials and strong points of Lam Dong Province and work out basic policies and stand-points for the development process as following:

THE POTENTIALS OF LAM DONG PROVINCE:

Lam Dong has a natural area of 976,479 hectares, of which about 200,000 hectares are basalt soil suitable for the growth of long-term industrial plants particularly tea, coffee, mulberry and cashew plants. Alluvial soil groups occupy about 55,000 hectares distributing along rivers, springs, suitable for the growth of short-term industrial plants, different kinds of flowers, vegetables, and special medical plants. This is a big source of potentials to develop agriculture and agricultural product processing industry in Lam Dong.

Natural forest area composes of 617,000 hectares with the timber reserve of approximately 50 million square meters and about 544 million of bamboo of different kinds. There are abundant groups of forest trees, of which many have high economic value. The distribution allows proper exploitation to develop forest product processing industry, serving many economic and social purposes including tourism, science research and preservation of rare and

precious plants and wild life.

Being a tectonic area formed from former volcanoes, enduring the long leveling process, Lam Dong has rich natural and mineral resources with large reserve: bauxite of more than 1.2 million tons with the average Al₂O₃ content of 56%; tin ore of about 100,000 tons; kaolin of about 520 million tons; precious stones including Opal, Canxedoal, Tectic, etc. and gold distributed in some areas in the province. Brown coal, peat, granite, stones for construction have large reserve and concentration, which is very favorable for exploitation and processing.

Regarding climate, Lam Dong has the year-round cool climate with the average temperature from 17° to 25°C, many places of interest with endless pine forests, year-round fruits and flowers, and is the living place of many ethnic groups with age-old culture. Therefore, it is possible to develop many kinds of tourism, for example: holiday, culture-history seminar, sports, ecology tourism.

About hydroelectricity, it is possible to build many plants with the total capacity of about 900,000 kW. The abundant underground water source with large reserve is a potential to develop agriculture, industry and tourism service in Lam Dong area.

THE STRONG POINTS OF LAM DONG PROVINCE:

Lam Dong Province, situated in the major economic zone of the East of South Vietnam, is the most active economic developing area of the whole nation – with large inland market, suitable for the exchange of product streams between Lam Dong and Hochiminh City, Bien Hoa, Vung Tau and other cities. The system of three National Routes running through the province's area with a total length of 412 km (National Routes No. 20, 27, 28) connects Lam Dong with the three big economic centers: Hochiminh City and the East of South Vietnam – Nha Trang City and the Center of South Vietnam – Buon Me Thuot City and the West Highland Area. Lien Khuong Airport has been permitted by the Government to exploit international lines. These are the fa-

vorable conditions for investment and economic development in Lam Dong area.

With regards to communication, Lam Dong has a rather developed communication network. Up till now, there are on average 5 telephones over 100 inhabitants – a high rate in comparison with other parts of the country. There are telephones in most of the commune centers of the province. International telecommunication has been connected with many countries in the world.

About investment, Lam Dong so far has few big factories; investment is favorable with fewer competitors than in large industrial centers. Materials for industrial manufacture is abundant with low prices, labor resources are rich, the average salary is low. The social-economic situation is stable, security can be compared with that of the best areas in the country. Lam Dong has an active commercial bank system which is very convenient for investors. These are the favorable indicators for investors in Lam Dong.

Lam Dong area is where situated many central research institutes, a multi-discipline university offering advantages in cooperating research and providing



Ngày hội. Ảnh: Bá Trung
Festival. Photo: Ba Trung

considerable intelligence source for investment and development.

Besides the above-mentioned strong points, Lam Dong, together with the whole country, is actively improving investment, fostering economic relationship with other provinces and foreign countries. The administrative system is being improved to decrease to the minimum bothersome procedures and to simplify administrative procedures.

STAND-POINT AND POLICIES OF LAM DONG PROVINCE IN DEVELOPING THE LOCAL ECONOMY AND SOCIETY

Creating all favorable conditions for businesses investing in Lam Dong is considered a task and a demand in implementing Business law in the province area. In the time to come, together with the implementation of the Government's regulations in canceling licenses obstructing the investment and economic development process, Lam Dong focuses on well carrying out investment-encouraging policy in the province area: guiding, aiding all economic sectors in orientating investment; checking all granting procedures of land and investment licenses for domestic and foreign objects; reforming and reducing administrative procedures, implementing the 'one-door' policy; creating maximum conditions for businesses to invest, manufacture and do business in Lam Dong area.

The Government will join businesses to look for consuming markets for those businesses, holding meetings to listen to businesses' ideas in order to help them solve difficulties relating to local regulations and policies.

The list of investment-encouraging projects made by Lam Dong province will be the basis for investors to choose according to their potentialities. The inspection organs are not allowed to inspect businesses many times a year without official permission. Frequent inspection according to the regulations of the law must be informed of time and content in advance for businesses.

With the spirit that everybody can invest in Lam Dong in trades not prohibited by law, Lam Dong will issue no more administrative procedures besides the regulations of the Government, with the purpose to encourage all economic sectors and businesses to focus on investment in Lam Dong, and accordingly, solving the most basic problem of harmonizing the benefits of businesses, labor force and society.

With the above content, Lam Dong believes that, together with businesses, Lam Dong people will be able to develop the province's potentials and strong points, create impetus to develop society and economy more steadily in the early years of the 21st century. ■



TIỀM NĂNG và CƠ HỘI ĐẦU TƯ

■ NGUYỄN XUÂN KIẾN

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng

Lâm Đồng nằm trong vùng kinh tế Đông Nam Bộ, gần với địa bàn kinh tế trọng điểm Nam Bộ là khu vực năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và là thị trường tiềm năng to lớn. Từ lâu, Lâm Đồng đã có mối quan hệ bền chặt về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái với các tỉnh trong vùng.

Lâm Đồng có 11 đơn vị hành chính: 1 thành phố, 1 thị xã và 9 huyện, 138 xã, phường, thị trấn. Thành phố Đà Lạt trung tâm hành chính, kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh, cách thành phố Hồ Chí Minh 300 km, Biên hòa 270 km, Vũng Tàu 340 km, Nha Trang 210 km. Hệ thống Quốc lộ 20, 27, 28 nối liền Lâm Đồng với các tỉnh Đắk Lắk, Bình Thuận, Ninh Thuận, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh và các cảng biển ở miền Trung, miền Nam tạo nhiều thuận lợi trong giao lưu giữa Lâm Đồng với các tỉnh trong nước và quốc tế. Lâm Đồng có sân bay Liên Khương thuộc cụm cảng hàng không sân bay miền Nam, đảm bảo máy bay loại trung lên xuống an toàn. Hiện nay, phi trường thường xuyên có các chuyến bay trong nước. Trong tương lai phi trường Liên Khương được nâng cấp thành phi trường quốc tế và hệ thống đường sắt Đà Lạt - Tháp Chàm được khôi phục và mở rộng, quan hệ giao lưu giữa Lâm Đồng và bên ngoài sẽ có cơ hội phát triển hơn.

Đất đai và khí hậu Lâm Đồng thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, phát triển các cây con có nguồn gốc ôn đới và á nhiệt đới, thực hiện mùa vụ đa dạng, cho năng suất

cao, chất lượng sản phẩm tốt. Sản phẩm nông nghiệp là cơ sở để phát triển công nghiệp chế biến và các hoạt động dịch vụ. Lâm Đồng có 8 nhóm đất khác nhau. Đất có độ dốc dưới 25 độ trên 50%. Chất lượng đất Lâm Đồng khá màu mỡ, trong đó có 200.000 ha đất Bazan phân bố tập trung trên địa hình tương đối bằng phẳng tại cao nguyên Bảo Lộc - Di Linh rất thích hợp để trồng các loại cây công nghiệp dài ngày. Cây cà phê có tốc độ phát triển nhanh, đến nay có hơn 140.000 ha, sản lượng nhân trên 140.000 tấn, triển vọng sẽ lên đến 250.000 tấn nhân; Lâm Đồng đang thu hút vốn và đổi mới công nghệ sơ chế - bảo quản sau thu hoạch để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Lâm Đồng là vùng duy nhất ở các tỉnh miền Nam thích hợp cho cây chè. Đến nay, có 21.800 ha, sản lượng chè búp tươi đạt 89.000 tấn, triển vọng phát triển đạt 25.000 ha, sản lượng 200.000 tấn búp tươi, Lâm Đồng đang có nhu cầu vốn lớn đầu tư chuyển đổi cơ cấu giống chè sang các loại có năng suất và chất lượng cao, đổi mới công nghệ và xây dựng các nhà máy chế biến phục vụ xuất khẩu.

Khí hậu Lâm Đồng, đặc biệt là vùng Bảo Lộc thích hợp cho việc nuôi tầm lương hệ quanh năm, diện tích dâu hiện nay có 4.250 ha, sản lượng kén 2.200 tấn; triển vọng phát triển đạt 6.000 ha,

sản lượng 4.500-4.800 tấn kén.

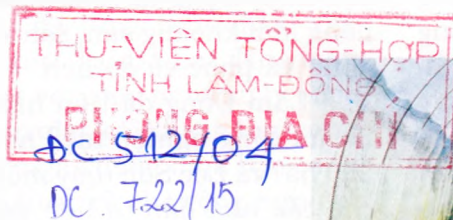
Cây điều có diện tích trên 9.000 ha, phân bố tại các huyện phía Nam, sản lượng 872 tấn nhân. Hiện nay, Lâm Đồng đang đầu tư thay thế, cải tạo giống và thâm canh để nâng năng suất điều lên 8-10 tạ nhân/ha; triển vọng đạt 10.000 ha, sản lượng 9.000 tấn.

Diện tích rau, hoa có 13.000 ha, chủ yếu tập trung tại Đà Lạt, Đơn Dương và Đức Trọng. Rau, hoa Lâm Đồng đa dạng về chủng loại, trong đó có những loại có giá trị cao. Hiện nay Lâm Đồng đang từng bước chuyển đổi sang sản xuất các loại rau an toàn và chất lượng cao. Lâm Đồng cũng có một số loại trái cây, diện tích 5.500 ha, sản lượng ước đạt 17.000-20.000 tấn, trong đó có một số trái cây đặc sản có giá trị cao như bơ, hồng, dâu tây...

Diện tích bắp có 13.400 ha, sản lượng 60.000 tấn, đặc biệt Lâm Đồng có vùng bắp lai tập trung tại Đức Trọng, thuận lợi để xây dựng nhà máy chế biến thức ăn gia súc.

Với lợi thế về khí hậu, Lâm Đồng có tiềm năng về chăn nuôi bò sữa, khả năng có thể phát triển đàn bò sữa lên 10.000 con, sản lượng sữa đạt 15.000 tấn, nhưng hiện nay chưa phát huy được.

Lâm Đồng có 676.236 ha đất lâm nghiệp, trong đó 617.000 ha có rừng, trữ lượng khoảng 50 triệu m³. Rừng Lâm



Sản xuất rau hoa cao cấp
tại Đà Lạt. Ảnh: Hà Hữu Nết
*Producing high-grade flowers and
vegetables in Dalat.*
Photo: Ha Huu Net



Sản xuất vật liệu xây dựng
tại Di Linh.
*Manufacturing building
materials in Di Linh.*

Đồng thuộc loại đa dạng sinh học, có trên 400 loài cây gỗ, trong đó có nhiều loại lâm sản quý hiếm.

Với sản lượng gỗ tròn khai thác hàng năm 20.000-30.000 m³, Lâm Đồng có nhiều tiềm năng trong công nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu. Nguồn tre nứa, lô ô của Lâm Đồng khá dồi dào, diện tích đất trồng có khả năng trồng rừng nguyên liệu khoảng 50.000-70.000 ha, thuận lợi cho phát triển công nghiệp chế biến giấy và bột giấy.

Tài nguyên nước Lâm Đồng phong phú, hệ thống sông suối khá dày, tiềm năng thủy điện rất lớn. Hiện nay, ngoài thủy điện Đa Nhim, Suối Vàng, Hàm Thuận - Đa Mi, Lâm Đồng đang xây dựng thủy điện Đại Ninh. Ngoài ra, sông Đồng Nai với tiềm năng thủy điện to lớn cần được khảo sát để xây dựng các nhà máy thủy điện quy mô lớn.

Lâm Đồng có nhiều loại khoáng sản như: bauxit, bentônit, đá quý, caolin - sét chịu lửa, than nâu, diatômit, sét gạch ngói, thiếc, đá ốp lát... Trong các loại khoáng sản trên, bauxit, caolin, bentônit có khả năng khai thác ở quy mô công nghiệp.

+ Bauxit: Trữ lượng 1.234 triệu tấn, phân bố tại Bảo Lộc, Bảo Lâm và Di Linh, trong đó mỏ Bảo Lộc trữ lượng

378 triệu tấn và mỏ Tân Rai trữ lượng 736 triệu tấn có chất lượng quặng khá tốt.

+ Caolin: Trữ lượng khoảng 520 triệu tấn, chất lượng tốt thích hợp để sản xuất các vật liệu chịu lửa.

+ Bentônit: Mỏ Tam Bó - Di Linh có nhiều triển vọng với trữ lượng 4 triệu tấn, chất lượng rất tốt.

+ Sét gạch ngói: Nguồn sét tại Lâm Đồng phong phú và phân bố rộng rãi, có nhiều thuận lợi để xây dựng các nhà máy gạch Tuynen.

Lâm Đồng có nhiều tiềm năng về nguyên liệu để phát triển công nghiệp chế biến, hướng phát triển công nghiệp của Lâm Đồng là công nghiệp chế biến nông lâm khoáng sản, sản xuất hàng tiêu dùng và phục vụ du lịch.

Lâm Đồng đã tiến hành quy hoạch 2 cụm công nghiệp tại Phú Hội (quy mô 200 ha) và Lộc Sơn (quy mô 400 ha) dành cho các nhà đầu tư liên doanh liên kết xây dựng nhà máy với các điều kiện ưu đãi.

Với ưu thế về khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và tài nguyên văn hóa nên từ lâu du lịch, nghỉ dưỡng là một thế mạnh của Lâm Đồng trong phát triển kinh tế. Lâm Đồng có 2 trung tâm du lịch lớn: đó là trung tâm du lịch phía

Các công trình thủy lợi được tập trung xây dựng phục vụ tưới cho lúa, rau hoa và cây công nghiệp dài ngày. Đến nay, toàn tỉnh có trên 180 công trình thủy lợi lớn nhỏ, công suất tưới

Để khai thác tiềm năng, xây dựng tỉnh Lâm Đồng ngày càng giàu đẹp, Lâm Đồng trân trọng và sẵn sàng đón tiếp các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến với Lâm Đồng cùng hợp tác liên doanh vì sự phát triển. ■





he province of Lamdong is located in the economic zone of South East Vietnam which is firmly related to South Vietnam, a vitally important economic zone with high-speed economic growth and a great market of high potential. The province of Lamdong has lasting relations in economy, society as well as ecological environment

POTENTIALITIES AND CHANCES OF INVESTMENT

■ NGUYEN XUAN KIEN

Head of the Planning and Investment Service of Lamdong

with neighboring provinces. The provincial city of Dalat is 300 km from HCM City, 270 km from Bien hoa, 340 km from Vung tau, 210 km from Nha trang. National highways 20, 27,28 connect the province to its neighboring provinces Daklak, Binh thuan, Ninh thuan, Dong nai, HCM City; and to the seaports of Central Vietnam, South Vietnam. This results in significant communications and exchanges between the province and domestic provinces as well as foreign countries. Lien khuong airport, part of the airport system of the South, is available for medium-size airplanes. By now there are frequent domestic flights. Soon it will be planned to be restructured to become an international airport. Also, the railway track from Dalat to Thap Cham will be renovated and expanded. So the outbound communication system of the province will be expanded.

The land and climate of Lamdong province is suitable for farm production, especially for developing breeder plants coming from the temperate and subtropical zones, for diversifying crops with high productivity

and high quality. Farm products is the basis to develop processing industry and service activities. The land of Lamdong is divided into eight various soil-categories. The less than 25 degree slope fertile soil covers over 50 % of the total area, the basaltic land covering an area of 200.000 ha mainly distributed on a rather flat terrain on the Bao loc – Di linh plateau is favorable for growing perennial industrial plants. Coffee gardens with their fast growth have now covered over 140.000 ha with the output of coffee beans reaching 140.000 tons per year. It is expected to reach 200.000 tons in the future. Lamdong province is striving to attract capital to diversify the techniques of raw process and preservation to increase the output and the quality of products. By now tea-plantation has covered an area of 21.8000 ha with an output of tea buds of 89.000 tons per year. The output is expected to reach 200.000 tons per year in an area of 25.000 ha. The province is now in need of capital to invest in replacing the present tea-breeds with the breeds of high output and quality, in applying advanced technology, in building processing plants for exportation.

The climate of Lamdong, especially of Bao loc, is suitable for raising the two-generation silkworm all the year round. The mulberry plantation now covers an area of 4.250 ha with an output of 2.200 tons of cocoons. The output is expected to reach 4.5000-4.8000 tons of cocoons in an area of 6.000 ha.

The cashew plantations in the southern suburban districts cover an area of 9.000 ha with an output of 8723 tons of cashew beans per year. Lamdong is now investing in replacing, improving the cashew breeds, in

applying intensive cultivation techniques to obtain an output of 8-10 tons of beans in an area of 10.000 ha (the total output is expected to reach 9.000 tons).

The vegetable, flower plantation covers an area of 13.000 ha, mainly distributed in Dalat, Don duong, Duc trong. Vegetables and flowers in Lamdong are of various species, some of which are high valued. Nowadays, Lamdong is step by step producing "healthy" vegetable of high quality. In addition, the land of Lamdong is suitable for fruit trees, especially for some specialties of high quality (avocado, strawberry, persimmon) with an estimated output of 17.000-20.000 tons in an area of 5.500 ha.

Corn planting covers an area of 13.000 ha with an output of 60.000 tons per year. Lamdong also has an area of cross-bred corns in Duc trong, favorable for constructing an animal food processing plant.

Lamdong, with its temperate and subtropical climate, has potentiality in raising milk-cows. The milk cows can reach the number of 10.000 with an output of 15.000 tons of milk. This, however, hasn't been carried out.

The forest land of Lamdong covers an area of 67602336 ha; forests cover an area of 612.0000 ha of which with reserves are 50.million ha. The forests of Lamdong are biologically diversified with more than 4000 species of standing timers and rare forest produce.

Lamdong, with its output of 20.000 – 30.000 has proved to possess a potentiality in timber processing for exportation.

The abundant natural source of bamboo trees in an area of 50.000-70.000 ha of land available for material forests is favorable for developing

Chuẩn bị
công trình
mới.

Ảnh:
Văn Thương
*Ready for the
new
construction.*

Photo:
Van Thuong



the paper industry.

The abundant water resource and high density natural nets of currents bring in great hydro-electric potential. In addition to Da Nhim, Suoi Vang, Ham Thuan –Dami irrigation works, Lam Dong is now constructing Dai Ninh hydro electric plant. The Dai Ninh river, with its great hydro-electric potential, is available for major power plants.

Lamdong possesses many kinds of minerals such as bauxite, kaolin, fire-clay, lignite, tin, etc. The reserves of kaolin, bauxite and betonies can satisfy industrial scale exploration.

+ Bauxite: 1.234 million tons distributed in Bao Loc, Bao Lam and Di Linh; the mines in Bao Loc supply 378 million tons and the mines in Tan rai supply an amount of 736 million tons of high -quality ores.

+Kaolin: 520 million tons. The quality of the ores satisfies the production of fire-proof products.

+ Betonies: Tam bo mines in Di

Linh has 4 million tons of extra high quality mineral.

+ Clay: The abundant resource of clay is widely distributed within the province. This is favourable for constructing "tunnel" brick kilns.

The great resources in materials are available for processing industries in Lamdong, especially processing agricultural and, forestry produces, minerals as well as consumer goods, and tourist services.

Lamdong has planned to construct two industrial areas in Phu hoi and Loc son with conditions favourable for investors to construct joint venture plants.

Given a convenient climate, together with splendid landscapes and cultural resources, Lam Dong has potentials in developing its tourist industry. The two centers of tourism of the province, the Northern center and the Southern center, offer various services: excursions, pleasure trips, conferences, cultural observations and sports, climb-

ing tours. The number of visitors is estimated to reach 700.000-800.000 per year; 10 % of the visitors are foreigners. The greater investment in new spots for excursion and new services of high quality is to increase significantly the number of visitors in the coming year. Hotels, guest houses will attain a capacity of 20.000 visitors per day.

Despite difficulties, Lamdong has succeeded in developing the infrastructure for social-economic development. The transportation network connecting cities and towns to remote residential areas has been completed, satisfying the need of the people. Lam Dong's hydro electric plants, Da Nhim (160 kW), Suoi Vang (3.500 kW), Bao Loc, Di Linh, Can rang (the estimated total capacity is 4.165 kW) has satisfied people's electricity need.. Nowadays, 80 % of the communes in the province have been supplied with electricity.

The modern network of postal service and tele-communications has met the local requirements of social-economic development.

The network of domestic water supply in the urban areas has been improved. With its modern water treatment technology, Suoi Vang Water works of Di Linh is now able to provide 30.000 m³ per day satisfying the requirements for domestic and industrial uses in the province.

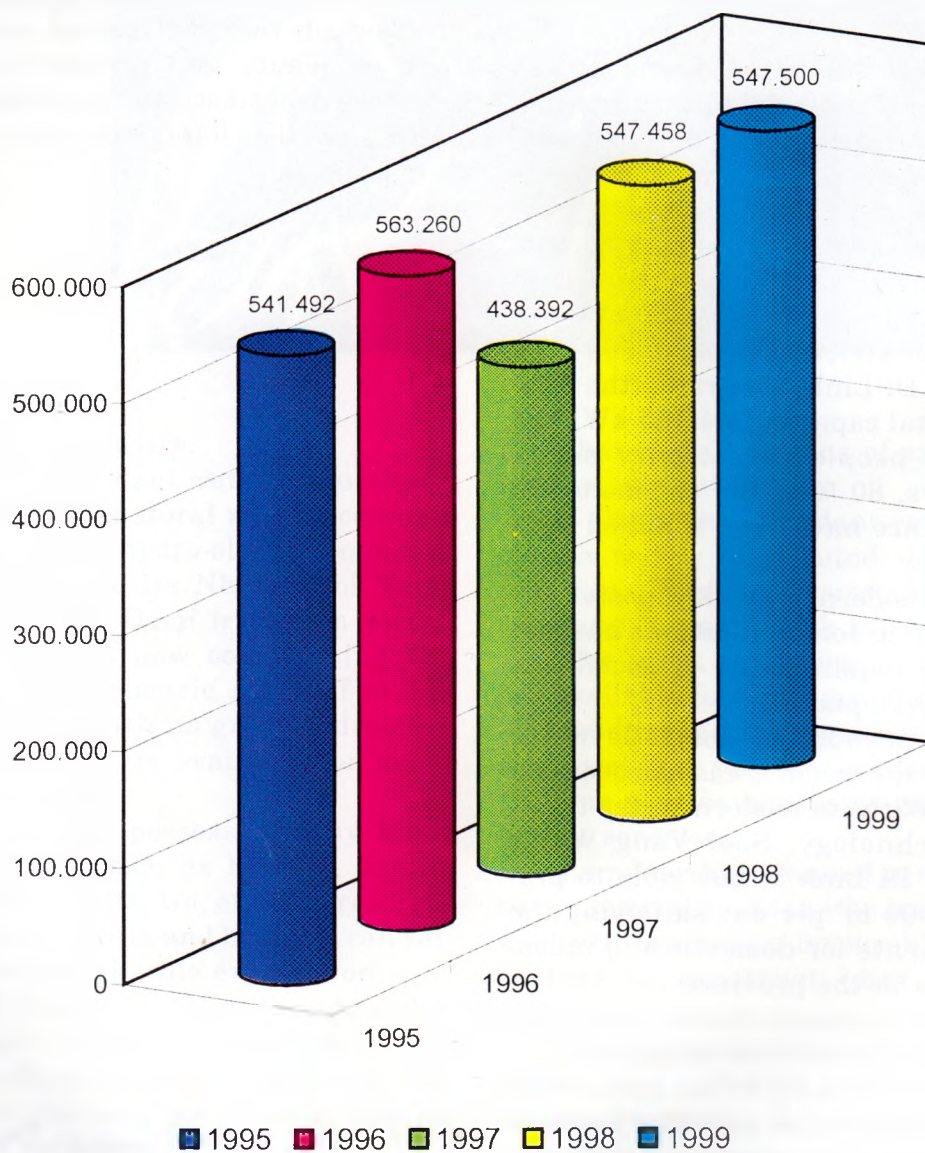
New irrigation works are being constructed to serve watering rice, vegetables and long term industrial plants. By now, the province has constructed 180 irrigation works of various sizes, some of which are large such as Da Teh, Da Don, Quang hiep, etc.; the total capacity has satisfied the watering of 12.000 hectares of farm land.

The present population of Lam Dong is 1.060.000 including immigrants coming from various parts of the country, carrying with them the characteristics of their parts. Despite their different origins, the people of Lam Dong are diligent, dynamic, experienced in trading and manufacturing; especially they are always in unity.

Towards the achievement of a Lam Dong of beauty and prosperity, the province enthusiastically welcomes domestic as well as foreign investors with their projects.■



VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
INVESTMENT OUTPAY IN AREA



PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2010

■ NGUYỄN VĂN MINH

*Giám đốc Sở Nông nghiệp -
Phát triển nông thôn Lâm Đồng*



Lâm Đồng có tổng diện tích đất tự nhiên 976.479 ha, gồm 617.800 ha đất lâm nghiệp có rừng, 255.407 ha đất nông nghiệp và khả năng nông nghiệp, (trong đó 176.000 ha cây lâu năm và 63.400 ha cây hàng năm). Đến năm 2010 có thể khai thác thêm từ 30-35 ngàn ha đất để đưa vào sản xuất nông nghiệp hoặc nông lâm kết hợp nhằm thực hiện các chương trình, mục tiêu và các dự án KT-XH của tỉnh. Đất đai Lâm Đồng có 8 nhóm khác nhau, quan trọng nhất là nhóm Feralit nâu vàng chiếm diện tích chủ yếu, thích hợp đầu tư phát triển cây công nghiệp dài ngày. Điều kiện tự nhiên về đất đai, thời tiết, khí hậu mang những đặc tính riêng biệt và lao động dồi dào có điều kiện phát triển một nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, đa dạng, phong phú và mang tính bền vững cao trong thế kỷ XXI.

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, ĐẾN NĂM 2010 ĐẠT MỘT SỐ MỤC TIÊU CHỦ YẾU

1. Bảo đảm an ninh lương thực là cơ sở phát triển nông nghiệp toàn diện và ổn định đời sống nhân dân trong tỉnh. Phấn đấu đạt 250 ngàn tấn lương thực quy thóc bằng cách tăng năng suất, sản lượng cây lương thực chủ yếu là lúa và ngô. Tập trung đầu tư thâm canh, sử dụng giống mới và đẩy mạnh công tác thủy lợi, chuyển

dẫn diện tích cây màu lương thực kém hiệu quả sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn.

2. Phát triển bền vững vùng nguyên liệu, trọng tâm là cà phê, chè, điều, dâu tằm và rau hoa, theo hướng đầu tư thâm canh, cải tạo giống để tăng sản lượng và chất lượng hàng hóa có sức cạnh tranh cao gắn với phát triển công nghiệp chế biến, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và trên thế giới. Phấn đấu đưa diện tích chè đạt 25.000 ha, sản lượng chè búp tươi 200.000 tấn, trong đó diện tích chè giống mới có năng suất, chất lượng cao 12.250 ha, sản lượng 120.000 tấn; ổn định cà phê với diện tích 140.000 ha, sản lượng cà phê nhân 250.000 tấn. Chú trọng làm tăng giá trị cà phê nhân thông qua các khâu công nghệ sau thu hoạch như bảo quản, đánh bóng, phân loại, chế biến và mở rộng thị trường tiêu thụ. Phát triển cây điều trên đất dốc, những vùng đất xấu, cần cỗi, coi đây là cây lâm nghiệp góp phần xóa đói giảm nghèo. Tập trung đưa giống điều ghép có chất lượng cao vào sản xuất để đạt sản lượng 9.000 tấn/năm. Khôi phục và phát triển ngành dâu tằm tơ; tiến hành điều chỉnh, quy hoạch cây dâu

tằm, ổn định diện tích khoảng 6.000 ha, chỉ phát triển ở những vùng đất trũng, nơi có điều kiện sinh thái thích hợp.

3. Nâng hiệu quả kinh tế nghề rừng, tiếp tục xã hội hóa nghề rừng, tăng cường công tác quản lý bảo vệ, làm giàu, xúc tiến tái sinh và trồng rừng tập trung nhằm giữ vững và phát triển tài nguyên vốn rừng, thực hiện giao đất giao rừng đến từng hộ dân; chỉ giao cho các lâm trường, Ban quản lý bảo vệ rừng đặc dụng, có tính chất lưu giữ nguồn gen động thực vật quý hiếm, rừng phòng hộ xung yếu và rất xung yếu; khuyến khích các thành phần kinh tế tự bỏ vốn trồng rừng để kinh doanh, phát triển rừng nguyên liệu giấy, lồ ô, tre nứa gắn với quy hoạch mạng lưới chế biến lâm sản, nâng cao hiệu quả vốn rừng, tạo việc làm cho người lao động, phấn đấu trồng rừng tập trung và trồng cây phân tán đạt từ 25-30 ngàn ha. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống để nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng và cải tạo rừng nghèo, lấy vốn rừng để thực hiện phương án điều chế rừng tự nhiên và rừng trồng, tái tạo và phát triển rừng và đất rừng một cách bền vững. Tiếp tục sắp xếp dân di cư tự do theo quy hoạch để hạn chế nạn phá rừng và xâm lấn đất

Trên vườn rau
Đức Trọng.
Ảnh:
Văn Thương
Duc Trong
vegetable field.
Photo:
Van Thuong



rừng làm nương rẫy.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ mới để nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Phát triển thủy lợi, thực hiện kiên cố hóa kênh mương và các công trình đã có; ưu tiên đầu tư mới các công trình thủy lợi cho vùng nguyên liệu cây công nghiệp dài ngày, khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình xây dựng công trình thủy lợi kết hợp kinh doanh tổng hợp.

2. Phát triển công nghệ chế biến sau thu hoạch, ngành nghề nông thôn và làng nghề truyền thống, định hướng

sản xuất và thông tin dự báo thị trường, giá cả tiêu thụ từng loại nông sản cho nông dân.

3. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, cải tạo giống cây trồng, vật nuôi và đưa công nghệ sinh học vào nông nghiệp và nông thôn một cách tích cực nhất.

4. Quy hoạch phát triển hệ thống dịch vụ nông nghiệp trên từng địa bàn.

5. Thực hiện các chính sách lớn, nhất là chính sách thu hút vốn đầu tư nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp nông thôn Lâm Đồng; có chính sách ưu tiên phát triển kinh tế hộ, định hướng đúng đắn về phát triển kinh tế trang trại và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp - nông thôn. ■



AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT IN LAM DONG TOWARDS INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION TO 2010

■ NGUYEN VAN MINH

Director of Department of Agriculture and Rural Development

Lam Dong has a gross area of 976,274 hectares of natural land, consisting of 676,236 hectares of forest land, 255,407 hectares of agricultural and arable land, 44,631 hectares of land for special use and some other kinds. In 1999, 225,000 hectares were brought to agriculture, 118,000 hectares of which is for perennial plants and another 72,000 hectares for annual plants. By 2010, another 30 to 35 thousand hectares will have been exploited for agriculture or for agro-forestry in order to realize all the economic and social targets and projects of the province. In Lam Dong, there are 7 different groups of land, the most important group is the brown-yellow *feralit**, which makes up most of the land, and is suitable for long-term industrial plants. Due to the special natural conditions of land, climate, weather and the abundant source of labour, it is able to develop

Photo:
Nguyen Dinh Hien



a firm, large- scale agricultural production for the 21st century.

I- MAJOR TARGETS FOR THE YEAR 2010 IN AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT TOWARDS INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION:

1/ - Seeing to cereals security, which is the foundation to develop the agriculture all-sidely and stabilize the people's life;

- Striving for 250,000 tons of cereals (converted into paddy) by expanding productivity and cereal yield, especially rice and corn;

- Paying attention to intensive farming, using new breeds and stepping up irrigating work, gradually replacing ineffective cereal crops by other economically effective plants;

2/ - Firmly developing material areas, particularly coffee, tea, cashew, mulberry and vegetables by intensive

way; improving breeds so as to increase the yield and quality of competitive goods, together with developing processing industry and enlarging consuming markets in and out of the country;

- Mobilizing funds from different sources, especially raising capital in order to realize plans for developing concentrated material areas;

- Striving for 24,500 hectares of tea, 199,000 tons of bud tea (12,250 hectares of which is of new breed with high quality, corresponding to 120,000 tons). Keeping the coffee area stable at 100,000 hectares, 180,000 tons of coffee beans. Paying much attention to enhancing the quality of coffee beans through post-harvesting processes, such as conservation, polishing, classification, manufacturing and expanding consuming markets;

- Developing cashew trees on slopes or poor land, considering them as forestry plants which contribute to poverty alleviation. Putting high- quality grafted cashew into production for a productivity of 9,000 tons. Recovering and developing mulberry, keeping the mulberry area stable at approximately 6,000 hect-

ares on low-lying land and on areas with suitable ecological conditions;

3/ - Enhancing economic effectiveness in forestry, going on with socializing forestry, reinforcing management in conserving, and reaching regeneration and afforestation in order to sustain and develop forest resources;

- Handing over forest land to each household, (the afforestation yard and forester staff are to be in charge of forests for peculiar uses, where genes of rare animals and plants are kept, and of critical protective forests only);

- Encouraging economical classes to invest capital in afforestation for business; developing forests for paper materials, forests of bamboo trees together with manufacturing forest products in order to enhance forestry effectiveness and create employment;

Seeing to 25,000 to 30,000 hectares of concentrated forests and scattered plants; applying scientific and technological advancements of breeds to heighten economic effectiveness of planted and poor forests; using forest resources to carry out good distribution of natural forests and planted forests; resetting migrants as planned so as to

restrict and then stop forests destruction for farming.

II- MAJOR SOLUTIONS TO REALIZE AGRICULTURAL TARGETS IN LAM DONG TO 2010:

1/ Applying new scientific and technological achievements to raise productivity and quality of competitive plants and cattle.

Developing irrigating works: strengthening the available canals; investing for new

projects for long-term industrial plants, encouraging organizations and households to construct water systems together with general business.

2/ Developing post-harvesting manufacturing process, rural employment and traditional

art-villages; giving manufacturing orientation and price information for each kind of agricultural products for peasants.

3/ Raising agriculture encouragement, reforming plant and cattle breeds; putting biological industry into agriculture in the most effective way.

4/ Planning for agricultural services in each area.

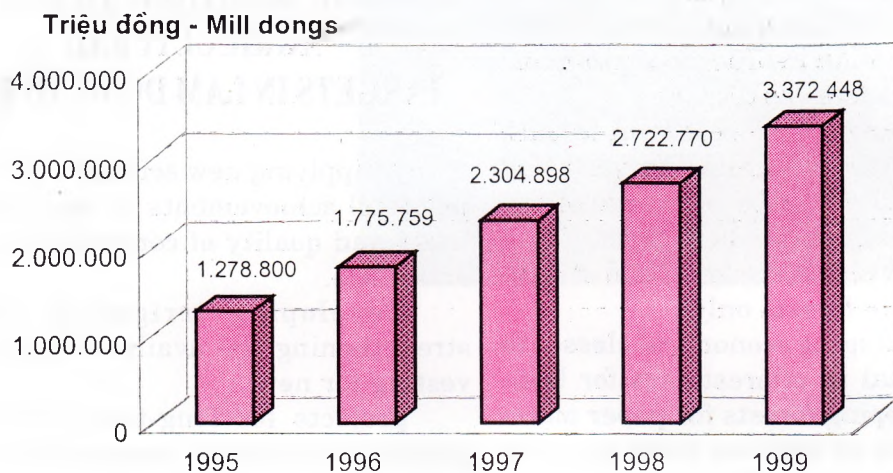
5/ Carrying out important policies, especially to attract investment for development of the countryside and agriculture in Lam Dong; giving priority policy for development of family economy and suitable orientation for development of farming economy and co-operating economy in agriculture and the countryside. ■

* *feralit* : a kind of soil

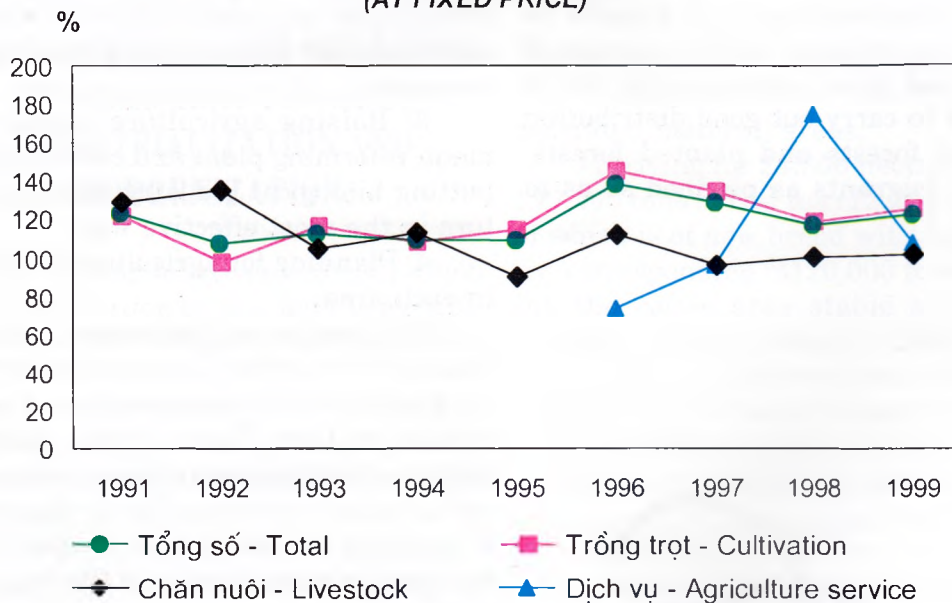


GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH NÔNG NGHIỆP 1995 - 1999
(THEO GIÁ CỐ ĐỊNH 1994)

GROSS OUTPUT OF AGRICULTURE 1995 - 1999
(AT FIXED 1994 PRICE)



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CỦA GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH
NÔNG NGHIỆP 1991 - 1999 (THEO GIÁ CỐ ĐỊNH)
INDEX OF GROSS OUTPUT OF AGRICULTURE 1991 - 1999
(AT FIXED PRICE)





TRANG TRẠI Ở LÂM ĐỒNG: THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG

■ NGUYỄN VĂN MÃO

T

ừ lâu, Lâm Đồng đã trở thành vùng đất nhiều tiềm năng và hứa hẹn cho việc phát triển loại hình kinh tế trang trại. Mấy năm gần đây, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, kinh tế trang trại ở Lâm Đồng đã phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Năm 1997, toàn Lâm Đồng chỉ có 1.062 trang trại thì năm 1998 đã lên đến 3.556 trang trại và hiện nay đã có 4.805 trang trại gia đình. Ngoài ra còn có 19 dự án đầu tư nước ngoài, 23 doanh nghiệp tư nhân và Công ty trách nhiệm hữu hạn tổ chức sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp theo mô hình kinh tế trang trại. Các địa bàn có nhiều trang trại là huyện Lâm Hà (2.698 trang trại), huyện Di Linh (810 trang trại) và huyện Bảo Lâm (321 trang trại...). Phần lớn các trang trại hoạt động có hiệu quả là các trang trại chuyên canh cây công nghiệp dài ngày (cà phê, trà...), cây rau - hoa và cây ăn quả có quy mô đất đai bình quân từ 2 đến 5 ha.

Trong điều kiện hiện nay còn nhiều khó khăn, nhất là cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa ổn định do biến động của thị trường và công tác quy hoạch chưa làm tốt, chính sách và biện pháp phát triển kinh tế, nhất là phát triển nông nghiệp, chưa thông thoáng, chưa đồng bộ... song ở Lâm Đồng đã có tới 74,3% trang trại có quy mô thu nhập 1 năm từ 30 đến 50 triệu đồng, 22,4% trang trại có quy mô thu nhập từ trên 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng và khoảng 3% trang trại có thu nhập trên 100 triệu đến trên

200 triệu đồng với tỷ suất hàng hóa bình quân của các trang trại đạt 97% cao hơn mức bình quân chung toàn quốc (86,74%).

Có thể nói, ở Lâm Đồng, tất cả các huyện, thị, thành đều có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế trang trại, dù là nơi có nhiều đất canh tác như Di Linh, Bảo Lâm, Lâm Hà hoặc là nơi ít đất canh tác như ở Đức Trọng, Đơn Dương, thậm chí rất ít đất canh tác như ở Đà Lạt. Vấn đề cơ bản để đảm bảo trang trại phát triển bền vững và có hiệu quả là phải chọn được cơ cấu cây - con phù hợp với từng vùng sinh thái và đáp ứng đúng yêu cầu của thị trường; được đầu tư đồng bộ và đúng mức; đặc biệt chủ trang trại vừa phải có quyết tâm, lòng say mê, vừa phải có hiểu biết về kỹ thuật và quản lý.

Sự phát triển nhanh và có hiệu quả của kinh tế trang trại đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển tương đối nhanh và bền vững của nền kinh tế Lâm Đồng, đặc biệt là trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp, thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Lâm Đồng. Tuy chỉ chiếm 3,06% số hộ làm nông nghiệp với diện tích chỉ bằng 7,84% diện tích nông nghiệp toàn tỉnh nhưng giá trị thu nhập của các trang trại ở Lâm Đồng đã chiếm tới 13,8% giá trị GDP của toàn ngành nông nghiệp với 99% sản phẩm dành cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Nói chung, hiệu quả sản xuất kinh doanh trên 1 ha đất canh tác của các trang trại cao gấp 1,76 lần so với kinh tế hộ và các hình thức tổ chức sản xuất khác trong nông nghiệp, góp phần khai thác có hiệu quả nhiều vùng đất trống, đồi núi trọc, vùng sâu, vùng xa, góp phần hình thành nhanh và vững chắc các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây đặc sản tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho công nghiệp chế biến phát triển.

Kinh tế trang trại phát triển cũng tạo điều kiện huy động nguồn lực sẵn có trong dân, trước hết là vốn đầu tư cho

phát triển sản xuất. Ước tính đã có gần 700 tỷ đồng đầu tư cho trang trại, trong đó gần 93% là nguồn vốn trong dân, chỉ có 7,4% là nguồn vốn tín dụng của ngân hàng. Trang trại phát triển cũng đã tạo thêm nhiều việc làm, góp phần giải quyết lao động thiếu việc làm ở cả thành thị và nông thôn từng bước nâng cao dân trí và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhiều cộng đồng dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng kinh tế mới. Hàng năm, các trang trại ở Lâm Đồng đã giải quyết được trên 10.200 lao động thường xuyên, gồm 8.640 lao động trong gia đình và 1.584 lao động kỹ thuật bên ngoài với mức lương bình quân 500 - 700 ngàn đồng/tháng; ngoài ra còn thuê thêm 1,2 - 1,5 triệu ngày công thời vụ với giá trị ngày công từ 20- 30 ngàn đồng. Có thể nói, trang trại phát triển đã góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ văn hóa và tay nghề cho bà con nông dân, từng bước rút ngắn khoảng cách về thu nhập và trình độ nhận thức giữa nông thôn và thành phố. Hơn thế, mô hình trang trại đã tự khẳng định là hình thức tổ chức sản xuất và quản lý rất quan trọng, có thể coi là bước đột phá để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Lâm Đồng.

Lâm Đồng đang tập trung củng cố và phát triển trang trại mạnh hơn nữa theo hướng :

Tăng cường đầu tư vốn, tiến bộ kỹ thuật, trình độ quản lý để hơn 5.000 hộ gia đình đã có đủ quy mô về mặt diện tích canh tác nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về thu nhập của trang trại thực sự trở thành trang trại có giá trị và tỷ suất hàng hóa cao, quy mô phù hợp, cơ cấu cây con hợp lý.

Khuyến khích các tổ chức và cá nhân nhận giao hoặc thuê các diện tích đất trống, đồi núi trọc để lập các trang trại, ưu tiên cho các trang trại trồng và kinh doanh rừng nguyên liệu, kết hợp kinh doanh rừng với kinh doanh du lịch.

Tổ chức sắp xếp lại vùng nguyên liệu cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả và rau hoa theo hướng lấy trang trại gia đình làm đơn vị sản xuất kinh doanh tự chủ, đồng thời phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác làm dịch vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến và hoạt động thương mại để hỗ trợ trang trại gia đình, trang trại của hộ nông trường viên, hộ xã viên hợp tác xã phát triển hiệu quả và bền vững.

Bên cạnh chính sách mà Trung

ương đã ban hành, Lâm Đồng cần tiếp tục nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách cụ thể, hỗ trợ tích cực để trang trại phát triển như quy hoạch quỹ đất sẽ dành cho trang trại, hỗ trợ vốn cho các dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng nhất là đường, điện, thủy lợi, quy hoạch ổn định các cụm dân cư, hạn chế tối đa các tranh chấp đất đai đối với các trang trại... ■

PROSPECTS OF FARMING IN LAM DONG

■ NGUYEN VAN MAO



For years, Lam Dong has been a land of potential and promise of farming economy. Following the Party's renovations, farming in Lam Dong has recently been growing rapidly, both in quantity and in quality. Lam Dong had 1,062 farms in 1997, 3,556 farms in 1998, and now the number of household farms is 4,805. In addition, 19 foreign projects, 23 private businesses and limited companies are operating by the model of farming economy in agriculture and forestry. The rural districts with a great number of farms are Lam Ha (2,698), Di Linh (810), and Bao Lam (321). Most of the effective farms are the ones that specialize in long-term industrial crops (coffee and tea

plants), vegetables, flowers, and fruit trees. Their average areas are between two and five hectares.

Despite an unstable crop and livestock structure determined by a changeable market, unsatisfactory planning, and inconsistent policies on agricultural development, Lam Dong has 74.3 % of farms with an annual income between 30 and 50 million VND, 22.4% between 50 and 100 million VND, and about 3% more than 100 million VND. These farms' average rate of marketable produce is 97%, higher than the national 86.74% .

It is possible that farming can develop everywhere in Lam Dong, either in Di Linh, Bao Lam, and Lam Ha where farm land is abundant, or in Duc Trong and Don Duong where this kind

of land is not, and even in Dalat. What ensures a lasting and effective development of farms is to determine a crop and livestock structure, appropriate for every ecological area and meeting the market need, and to invest properly; particularly, farmers should have not only zeal and determination but also knowledge of techniques and management.

The rapid and effective growth of farming has remarkably contributed to Lam Dong's stable economic development, especially in agriculture and forestry, which helps speed up the process of industrialization and rural modernization in the province. Only accounting for 3.06% of agricultural households cultivating 7.84% of the provincial agricultural area, farms in Lam Dong make up 13.8% of GDP in the agricultural sector with 99% of produce for processing and export. Generally, the farming effectiveness per one hectare is 1.76 times as much as that of household economy and other cultivating forms; thus, farming helps exploit waste land and bare hills, and establish zones of industrial and special crops which facilitate the processing industry.

Also, farming facilitates the mobilization of people's available resources, chiefly of capital for production. An estimated amount of 700 billion VND, of which nearly 93% comes from people and 7.4% is bank loan, has been invested in farms. On the other hand, farming creates jobs, employing both urban and rural labour, raising popular intellect and improving the community's material and spiritual life, especially in ethnic communities and new-economy zones. Every year, farms in Lam Dong employ 10,200 regular farmhands, including 8,640 home helpers and 1,584 techni-

cal workers on an average salary of 500,00 - 700,000 VND; besides, they hire 1.2 - 1.5 million days of seasonal work on a day's pay of 20,000 -30,000 VND. Presumably, the growth of farms helps eradicate hunger and eliminate poverty, enhance peasants' education and agricultural techniques, and shorten the gap of urban and rural incomes and knowledge. Furthermore, the farming model has affirmed itself as an important form of production and management which can be regarded as a breakthrough in the process of industrialization and rural modernization in Lam Dong.

Lam Dong is now consolidating and developing farms in three ways:

- To intensify capital investment, technical progress and management in order that over 5,000 households which meet the size of cultivated area but not the standard of income can become farms with high values and rates of produce, sufficient sizes, and rational structures.

- To encourage individuals and organizations to undertake or hire waste lands and bare hills for farming, giving priority to farms which plant woods and combine forest exploitation and tourism.

- To re-arrange zones of long - term industrial crops, fruit trees, flowers and vegetables in the direction of seeing a farm as a self- governing production unit; at the same time, to develop state-operated economy and cooperative economy to support household farms.

Apart from the government's policies, Lam Dong will issue its own policies to stimulate farming, such as land planning for farms, capital provision for good projects, enhancement of infrastructure constructions, stabilization of residential planning, and restriction of land disputes. ■

Sản xuất tại Công ty May thêu Đà Lạt.

Ảnh: LV.

Workers of Dalat Garment Company.

Photo: LV



QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP LÂM ĐỒNG ĐẾN 2010

■ **NGUYỄN VĂN KHIÊM**

Giám đốc Sở Công nghiệp Lâm Đồng



âm Đồng có nhiều tiềm năng khoáng sản, nguồn nước, rừng và các sản phẩm nông nghiệp phong phú. Đó là những nguồn tài nguyên quý giá cho phát triển công nghiệp. Tuy nhiên, các tiềm năng trên chưa được khai thác tốt theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Toàn ngành công nghiệp Lâm Đồng hiện có 20 doanh nghiệp quốc doanh, 49 doanh nghiệp tư nhân, trách nhiệm hữu hạn, và hơn 6.000 cơ sở sản xuất theo Nghị định 66/HĐBT, hàng năm tạo ra giá trị sản lượng hơn 900 tỉ đồng (GCD 1994). Có nhiều nguyên nhân làm cho ngành công nghiệp Lâm Đồng các năm qua chưa phát triển đúng mức, như:

Vùng nguyên liệu đang phát triển chưa đảm bảo yêu cầu tập trung, có năng suất, chất lượng cao và ổn định; thiếu mối quan hệ gắn bó giữa nông nghiệp và công nghiệp; thiết bị, công nghệ chậm đổi mới.

Công tác điều tra cơ bản thiếu vững chắc, chưa tập trung đầu tư xây dựng các dự án khai thác, chế biến khả thi.

Sức mua tại chỗ thấp, xa trung tâm tiêu thụ, xa cảng biển, phát triển thị trường khó khăn, hạ tầng cơ sở chậm phát triển, nhất là giao thông.

Cơ chế chính sách về đầu tư, về vốn và lãi suất chưa thật hấp dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

Thiếu nguồn nhân lực có chất lượng, nhất là chuyên gia quản lý, chuyên gia kỹ thuật, nghệ nhân, công nhân bậc cao.

Chưa quy hoạch được mạng lưới công nghiệp chi tiết trên địa bàn.

Để phát huy những thành tựu, công trình đã được đầu tư trong thời gian qua, tranh thủ những thời cơ vận hội mới, từ nay đến 2010, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Lâm Đồng cần tập trung khai thác tối đa lợi thế so sánh để sản xuất các sản phẩm, hàng hóa có tính cạnh tranh cao, phát triển các ngành sản xuất phù hợp với điều kiện đặc thù, hướng đến thị trường trong nước và xuất khẩu. Cần nghiên cứu để liên kết với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ để phân công sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào một số công trình có quy mô khá như khai thác, chế biến bauxít, kaolin, bột giấy và giấy; chú trọng đầu tư chế biến nông, lâm sản quy mô vừa và nhỏ ở các ngành hàng cà phê, chè, dâu tằm tơ, điều, rau, quả, thực phẩm. Phát triển thủy điện nhỏ và vừa từ 200 KW đến 40 MW ở những vùng xa, có nguồn nước; mở rộng hơn nữa mạng lưới cơ khí phục vụ nông nghiệp và nông thôn. Tạo điều kiện mở mang các làng nghề thủ công, kinh tế hợp tác trong ngành, đồng thời

coi trọng phát triển kinh tế hộ gia đình trong bảo quản, sơ chế nông sản, làm hàng gia công. Phấn đấu nâng tỉ trọng ngành công nghiệp chiếm khoảng 25% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Sau đây là một số hướng và lĩnh vực đầu tư công nghiệp có triển vọng thực hiện từ nay đến 2010:

1. Đầu tư sản xuất bột giấy và giấy in các loại - chủ yếu in báo, qui mô 50-100 ngàn tấn/năm.

2. Đầu tư chế biến cà phê rang, xay hoặc cà phê hòa tan tại các huyện Bảo Lộc, Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh; công suất mỗi nhà máy 10.000 tấn/năm.

3. Đầu tư chế biến chè tại Bảo Lâm, Bảo Lộc, Di Linh, Lâm Hà; nâng tổng công suất chế biến từ 16.000 tấn hiện nay lên 30.000 tấn/năm, kết hợp đầu tư cải tạo giống.

4. Đầu tư chế biến rau tại Đà Lạt, Đơn Dương, Đức Trọng; tổng công suất chế biến 50.000 tấn/năm, kết hợp chuyển giao kỹ thuật trồng trọt, giống mới.

5. Đầu tư chế biến kaolin nguyên liệu công suất 50-100 ngàn tấn/năm.

6. Đầu tư sản xuất oxít nhôm từ bauxít tại Di Linh quy mô 10.000 tấn/năm.

7. Đầu tư nhà máy thủy điện vừa, nhỏ tại Đa Dâng - Lâm Hà (16 MW), Lộc Thành - Bảo Lâm (20 MW), Quảng Hiệp - Đức Trọng (500 KW)...

8. Đầu tư các xí nghiệp sản xuất gạch, ngói qui mô 10-20 triệu viên/năm

Chế biến hạt điều.
Processing cashew-nuts.



tại Đa Tễ, Đơn Dương, Đức Trọng, Bảo Lộc...

9. Đầu tư nhà máy may - thêu xuất khẩu 500.000 sản phẩm/năm tại Bảo Lộc.

10. Đầu tư nhà máy gia công giày da xuất khẩu 1 triệu đôi/năm tại Bảo Lộc.

11. Đầu tư nhà máy chuỗi vải lụa 2 triệu mét/năm, nhuộm 1,5 triệu mét/năm, in hoa 1,5 triệu mét/năm tại Bảo Lộc.

12. Đầu tư thiết bị dệt kim 1,5 triệu mét vải tơ tằm/năm tại Bảo Lộc.

13. Đầu tư nhà máy kéo sợi Spulsilk

150 tấn sợi/năm tại Bảo Lộc.

14. Đầu tư nhà máy sản xuất sứ cách điện trung, cao thế 3000 tấn/năm tại Đức Trọng.

Những hướng đầu tư trên có cơ sở từ nhu cầu phát triển thị trường các năm tới, dựa trên lợi thế chủ yếu về nguồn nguyên liệu sẵn có, lực lượng lao động, các nguồn đất đai đã được quy hoạch trong các cụm công nghiệp tại địa phương.

Trân trọng giới thiệu để các nhà đầu tư quan tâm trao đổi, xúc tiến dự án.■

DEVELOPMENT PLAN UNTIL 2010 FOR INDUSTRY AND CRAFT IN LAM DONG

■ NGUYEN VAN KHIEM

Director of Lam Dong Industry Department



Lam Dong is rich in mineral resources, water power, forest and farm produce, which are precious resources for industry development. These resources, however, are not well exploited on an industrialization-modernization orientation yet.

In the industrial sector, there are 20 state businesses, 49 private businesses and Ltd companies, and more than 6000 production stations formed according to Degree 66/HĐBT, all of which produce a gross value worth over 900 billions VND. Lam Dong industry has not grown properly in the last few years because of many reasons:

- Developing zones of crops are not centralized or productive, of low quality and unstable; equipment and technology are renewed at a slow pace.

- Fundamental surveys are unsatisfactory; feasible exploiting-processing projects are not outlined.

- Local purchasing power is low; Lam Dong is far

from consumer centers and ports; markets can hardly be boosted; infrastructure, especially transportation, is not fast improved.

- Policies on investment, capital, interest rates are not really appealing and do not facilitate investment.

- Lam Dong is lacking in qualified manpower resources, especially management experts, technical experts, artisan-artists and well-trained workers.

- Detailed plans for provincial industry have not been outlined.

To bring into full play the recent achievements and turn new opportunities to its own advantage, from now to 2010, Lam Dong industry and craft industry should aim at exploiting its strengths to produce highly competitive goods, to expand suitable production branches oriented towards home and foreign markets. It's necessary to link up with other provinces in the South-Eastern chief economic zone to achieve division in producing and consuming. Also, Lam Dong should mobilize the capacity of different economic sectors, home and foreign, to invest in some large-scale branches : exploiting and processing bauxite, kaolin, paper pulp and paper focusing on processing, with medium and small size, farm-forest pro-

duce such as coffee, tea, mulberry, silk, cashew, fruit and foodstuff; building up medium and small hydroelectric plants, 200Kw to 40 Mw, in remote areas with good water power, and extending mechanical engineering for agriculture and rural areas. It's essential to expand handicraft villages, cooperation in the same sector and, at the same time, household economy in the field of conserving and now processing farm produce, and homemade products. Lam Dong industry must occupy about 25% of the provincial economic structure. The following is some orientations and investment fields to be fulfilled from now to 2010 :

1. To invest in producing paper powder and printing paper of all kinds, especially newspapers, with a capacity of 50.000 - 100.000 tonnes per year.

2. To invest in processing roasted, ground or instant coffee at Bao Loc, Duc Trong, Lam ha, Di Linh with a capacity of 10.000 tonnes per year each factory.

3. To invest in processing tea at Bao Loc, Bao Lam, Di Linh, Lam Ha and at the same time to increase the present total capacity of 16.000 tonnes/year to 30.000 tonnes/year in combination with improving breeds.

4. To invest in processing vegetables in Da Lat, at Duc Trong, Don Duong with



Dệt thổ cẩm.
Ethnic embroidery.

a total capacity of 50.000 tonnes/year in combination with the transference of cultivating techniques as well as new breeds.

5. To invest in processing material kaolin, 50.000 - 100.000 tonnes/year.

6. To invest in processing aluminum oxide from bauxite at Di Linh with the size of 50.000 tonnes/year.

7. To build medium and small hydro- electric plants at Da Dang - Lam Ha (16 Mw), Loc Thanh - Bao Lam (20 Mw), Quang Hiep - Duc Trong (500 kW).

8. To build brick-tile enterprises 10-20 millions pieces/year, at Da Teh, Don Duong, Duc Trong, Bao Loc...

9. To build factories producing garments and embroidery products for export, 500.000 products/year, at Bao Loc.

10. To build factories producing leather shoes for export, 1 million pairs/year, at Bao Loc.

11. To build factories bleaching silk (2 million meters/year), dyeing (1,5 million meters/year), and printing decorative patterns (1,5 million meters/year), at Bao Loc.

12. To invest in knitted-goods equipment, 1,5 million meters of silkworm fibre cloth per year, at Bao Loc.

13. To build factories spinning spulsilk, 150 tonnes of fibre/year, at Bao Loc.

14. To build factories producing medium and high voltage porcelain insulators, 3.000 tonnes/year, at Don Duong.

These above orientations are based on the needs of the market in the years to come, on the advantage of available material resources, labour force, land in industrial sectors in Lam Dong.

Highly recommended for investors to consider.■



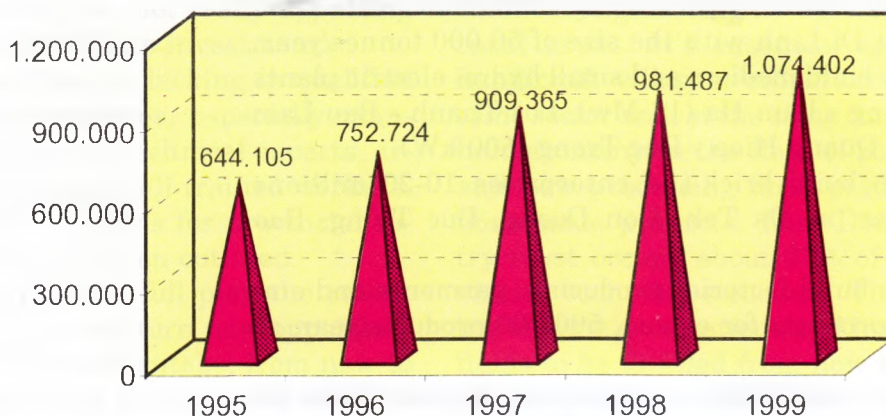
GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 1995 - 1999

(GIÁ HIỆN HÀNH)

GROSS OUTPUT OF INDUSTRY 1995 - 1999

(AT CURRENT PRICE)

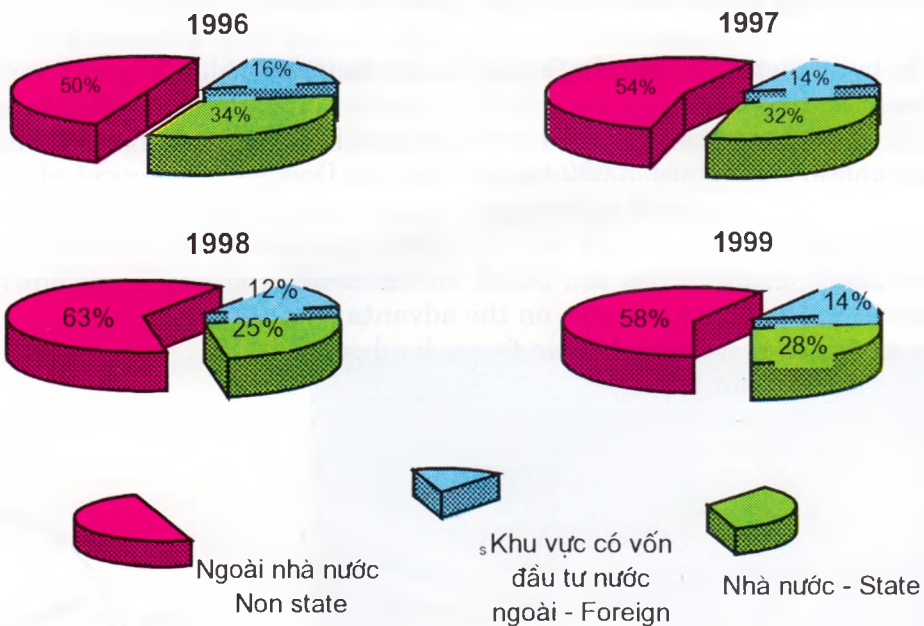
Triệu đồng - Mill dong



CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ

STRUCTURE OF GROSS OUTPUT OF INDUSTRY BY OWNERSHIP



GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

■ HỨA VĂN TUẤN

Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Lâm Đồng



Lâm Đồng là một tỉnh miền núi nên mạng lưới giao thông đóng vai trò hết sức quan trọng. Tuy có đủ 4 phương thức vận tải: đường bộ, đường hàng không, đường sắt, đường thủy nội địa, nhưng trong đó đường bộ đóng vai trò quan trọng nhất; đường sắt, đường không và đường thủy chưa khai thác được bao nhiêu.

1. Đường bộ: Tổng chiều dài đường bộ toàn tỉnh là 1.744km, trong đó khoảng 459 km là đường nhựa, còn lại là đường đá dăm, cấp phối và đường đất. Được phân loại như sau :

- Hệ thống Quốc lộ dài 412km có 264 km đường nhựa.
- Hệ thống đường tỉnh dài 346 km, mới chỉ có 23 km đường nhựa.
- Hệ thống đường huyện có chiều dài 986 km, trong đó có 171 km nhựa.

Mạng lưới đường bộ hiện có phân bố tương đối hợp lý, nối liền giữa trung tâm tỉnh đến trung tâm huyện, xã và các điểm tập trung dân cư. Tuy nhiên, còn một số tuyến chưa được khép kín, khả năng phục vụ rất thấp, do mặt đường chủ yếu bằng đất, nên lấy lợi vào mùa mưa. Toàn tỉnh có 179 cầu với tổng chiều dài 3690,9 m, trong đó cầu vĩnh cửu và bán vĩnh cửu tập trung chủ yếu trên các quốc lộ; còn các tuyến đường tỉnh, đường huyện đa số là cầu yếu và cầu tạm.



Trên đường phố Bảo Lộc.

Ảnh: Phạm Bình

In the streets of Bao Loc.

Photo: Pham Binh

2. Đường hàng không: Lâm Đồng có 4 sân bay là Liên Khương, Cam Ly, Bảo Lộc và Lộc Phát. Sân bay Liên Khương đang hoạt động thuộc huyện Đức Trọng, tọa lạc ở vị trí sát ngay các Quốc lộ 20, Quốc lộ 27, cách Đà Lạt khoảng 30km, có diện tích khoảng 160ha với đường băng dài 2400m. Ngoài ra, sân bay Cam Ly (Đà Lạt) đã được sửa chữa và đưa vào khai thác cho máy bay loại nhỏ nhưng hoạt động không được thường xuyên.

3. Đường sắt: Tuyến đường sắt Phan Rang - Đà Lạt dài 84 km qua địa bàn tỉnh được xây dựng từ thời thuộc Pháp, nay chỉ mới khôi phục được 7 km từ Đà Lạt đến Trại Mát để phục vụ khách du lịch.

4. Đường thủy: Lâm Đồng có nhiều sông suối, nhưng lại nhiều thác ghềnh nên giao thông đường thủy còn nhiều hạn chế. Hiện tại chỉ có giao thông trên sông Đồng Nai khoảng 60km từ Đà Tẻ đến Cát Tiên.

5. Toàn tỉnh hiện có 15 bến xe, trong đó có 2 bến xe tại thành phố Đà Lạt, còn lại tại các huyện.

THÔNG VẬN TẢI Ở LÂM ĐỒNG

Vừa qua, UBND Tỉnh đã thông qua qui hoạch phát triển Giao thông Vận tải tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Theo đó, việc đầu tư xây dựng phát triển ngành Giao Thông Vận Tải là vô cùng cần thiết vì cơ sở hạ tầng giao thông vừa là tiền đề vừa là động lực để phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng, giúp Lâm Đồng cùng cả nước bước vào thế kỷ XXI theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

1. Đường bộ: Nâng cấp các Quốc lộ 20, 27, 28. Riêng Quốc lộ 20 sẽ được mở rộng các đoạn qua các thị trấn Di Linh, Liên Nghĩa và đoạn từ sân bay Liên Khương đến chân đèo Prenn. Đoạn 20B từ chân đèo Prenn đi Đà Lạt sẽ được khôi phục, nâng cấp để đảm bảo giao thông 2 chiều. Mở rộng đoạn đường Trần Hưng Đạo từ bùng binh cây xăng Kim Cúc cũ về hướng Trại Mát. Xây dựng, nâng cấp 2 đường vòng bao quanh thành phố Đà Lạt để giảm bớt lượng xe vào thành phố. Một số đoạn đường trong nội ô thành phố sẽ được dành riêng cho người đi bộ.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAO

Nâng cấp các tuyến Tỉnh lộ 721 , 722, 723, 725. Tỉnh lộ 721 sau khi nhựạ

hoá xong và hoàn thành việc xây dựng 2 cầu Phước Cát và Đa Quay (qua sông Đồng Nai) sẽ giữ vai trò rất quan trọng trong giao thương giữa các tỉnh trong khu vực đảm trách bởi các Quốc lộ 20 và 14. Do đó, đoạn Tỉnh lộ này sẽ được chính thức đề nghị Bộ Giao thông vận tải cho nâng lên thành Quốc lộ.

Tuyến Đa Ploa - Đoàn Kết qua thị trấn Đạm Ri và thôn Đoàn Kết giáp với Bình Thuận đã nhựa hoá; các cầu đã xây dựng kiên cố, chỉ trừ cầu treo qua thôn Đoàn Kết là cầu tạm. Tuyến đường này trong tương lai sẽ được nâng lên thành Quốc lộ, kết hợp với Tỉnh lộ 721 đã được nâng lên thành Quốc lộ, để nối Quốc lộ 1A, Quốc lộ 20 và Quốc lộ 14.

Tỉnh lộ 723 sẽ được xây dựng để nối với thành phố Nha Trang và sẽ được đề nghị là Quốc lộ 20 nối dài.

Ngoài ra, Tỉnh lộ 725 cũng sẽ được khẩn trương xây dựng, hình thành một tuyến mới song song với Quốc lộ 20, qua các vùng trọng điểm của tỉnh và giảm bớt áp lực giao thông trên Quốc lộ 20.

2. Đường hàng không: Nhằm thu hút khách du lịch đến Lâm Đồng, cũng như tạo điều kiện để Lâm Đồng hội nhập với khu vực, cần nâng cấp các sân bay ở Lâm Đồng, riêng phi trường Liên Khương sẽ nâng lên thành phi trường quốc tế.

3. Đường sắt: Kiến nghị với Chính phủ phục hồi tuyến đường sắt Đà Lạt - Phan Rang để phát triển du lịch và xuất khẩu hàng hoá, nông sản, rau, hoa được thuận lợi khi tuyến đường sắt xuyên Á được xây dựng.

4. Về vận tải: Để phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển hành khách, hàng hoá, các bến xe ở Đà Lạt, Bảo Lộc và các huyện sẽ được nâng cấp hoặc xây dựng mới phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội hiện nay và định hướng phát triển trong những năm tới. Các loại hình vận tải buýt, xe lửa một đường ray (monorail) sẽ được nghiên cứu, phát triển ở các đô thị Đà Lạt, Bảo Lộc và dọc các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ quan trọng. ■

Nâng cấp đường phố Đà Lạt.
Ảnh: HHN.
Upgrading the streets of Dalat.
Photo: HHN



Ga xe lửa Đà Lạt.
Dalat Railway station.



TRANSPORTATION IN LAM DONG PROVINCE: PRESENT CONDITIONS AND ORIENTATION FOR DEVELOPMENT

■ HUA VAN TUAN

Director of Lam Dong Transportation Service.



Lam Dong is a mountainous province; therefore the transportation network plays a very important role. Although there are all means of transportation -by land, by air, by railway, by inland waterway, the road system plays the most important part, whereas railway, airway and waterway have not been much exploited.

1. Road system: The total road length of the whole province is 1,744 km, of which about 459 km are asphalted roads, the rest are macadam roads and pathways. They are categorized as following:

-The National Route System is 412 km long with 264 km of asphalted roads.

-The Provincial Route System is 346 km long with only 23 km of asphalted roads.

-The District Route System is 986 km long with 171 km of asphalted roads.

The road system is distributed rather properly, connecting the provincial center with the district and commune centers and other population areas. However, some lines are not adequate with low service, because the road surface of mainly dirt becomes muddy in rainy seasons. The whole province has 179 bridges with the total length of 3690.9m of which permanent and semi-permanent bridges concentrate mostly on National routes, while the provincial and district lines have mainly weak or temporary bridges.

2. Airway: Lam Dong province has four airports: Lien Khuong, Cam Ly, Bao Loc and Loc Phat. The active airport of Lien Khuong belonging to Duc Trong District, is adjacent to the National Routes No 20, 27, and about 27 km from Dalat with the area of 160 hectares and the runway of 2400m. Besides, Cam Ly airport (Dalat) has been repaired and put into operation for small planes, yet this airport does not work regularly.

3. Railway: The railway of 84 km long running through the provincial area built since the French colonization has been reconstructed only 7 km from Dalat to Trai Mat to serve tourists.

4. Waterway: Lam Dong has not only many rivers and streams but also many waterfalls and whirlpools, therefore waterway transportation is limited. Presently, communication is possible on Dong Nai River of about 60 km from Da Teh to Cat Tien.

5. The whole province now has 15 coach stations, of which two stations are in Dalat and the rest at other districts.

ORIENTATION FOR DEVELOPING LAM DONG TRANSPORTATION

Recently, the People's Committee of Lam Dong Province has just passed the province's transportation development project until 2010 and orientation to 2020. Accordingly, investment for constructing and developing transportation is very necessary because communication infrastructure is both the prerequisite and impulse to develop economy, society and to guarantee security and national defense, helping Lam Dong province and the whole nation enter the 21st century in the direction of industrialization and modernization.

1. Road system: Upgrading National Routes No 20, 27, 28. Particularly, National Route No 20 will be enlarged in some parts through the townlets of Di Linh, Lien Nghia, and from Lien Khuong Airport to the foot of Prenn Pass. Part 20 B from the foot of Prenn Pass to Dalat will be reconstructed and upgraded to guarantee two-way communication. The part of Tran Hung Dao street from the former Kim Cuc Gas Station roundabout to Trai Mat will be enlarged. Two roundabout ways surrounding Dalat will be rebuilt and upgraded to decrease the number of vehicles entering the city. Some parts of the streets inside Dalat city will be restricted to pedestrians only.

Provincial Routes No 721, 722, 723, 725 will be upgraded. Provincial Route No 721 after being asphalted and two bridges of Phuoc cat and Da Quay across Dong Nai River after being built will play an important part in the communication among the provinces in the area undertaken by National Routes No 20 and 14. Thus, this part of Provincial Route will be officially proposed to the Transportation Ministry to be upgraded to Na-

tional Route.

The Da Ploa-Doan Ket line through Dam Ri townlet and Doan Ket hamlet close to Binh Thuan has been asphalted, strong bridges have been built except the suspension bridge through Doan Ket hamlet is still a temporary one. This line in the future will be upgraded to National Route, connected with Provincial Route No 720 which has been upgraded to National Route to join National Routes No 1A, 20 and 14.

Provincial Route No 723 will be built to connect Nha Trang and will be proposed to be National Route No 20 annex.

Besides, Provincial Route No 725 will be quickly built, forming a new line parallel with National Route No 20, passing the important areas of the province, and lessening traffic pressure on National Route No 20.

2. Airway: to attract tourists to Lam Dong as well as to create conditions for Lam Dong to integrate with the area, it is necessary to upgrade all airports in Lam Dong; particularly, Lien Khuong Airport will be upgraded to international standard.

3. Railway: Proposal to the Government is made to restore the Dalat -Phan Rang line to develop tourism and to export goods, agricultural products, vegetables and flowers conveniently when the cross-Asia railway is built.

4. Transportation: To serve well the need of transporting passengers and goods, the coach stations in Dalat, Bao Loc and other districts will be upgraded or built new suitable to the present social-economic development and orientation for development in the coming years. Buses, monorail trains will be used and developed in Dalat, Bao Loc and along important national and provincial routes. ■



ĐÔ THỊ HÓA TẠI LÂM ĐỒNG VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

■ LÊ TỨ

Phó Giám đốc Sở Xây dựng Lâm Đồng



ô thị hóa là quá trình mở rộng các điểm dân cư đô thị và phổ cập lối sống thành thị trên lãnh thổ. Quá trình đô thị hóa tiến triển phức tạp, lâu dài và chịu tác động bởi nhiều nhân tố, theo các quy luật khách quan riêng. Những quy luật cơ bản của đô thị hóa gồm: quy luật có tính giai đoạn; quy luật các thành phố lớn tăng trưởng trước và quy luật đô thị hóa và phát triển kinh tế thúc đẩy lẫn nhau. Đô thị hóa

còn là quá trình chuyển hóa văn minh đô thị và hoạt động công nghiệp từ đô thị ra nông thôn, tạo điều kiện để tạo việc làm và thu nhập cho các khu vực dân cư nông thôn, cải thiện điều kiện hạ tầng, thúc đẩy quá trình đô thị hóa nông thôn. Đô thị hóa tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế và tạo ra các cơ hội đầu tư.

Từ năm 1986, sau Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI và Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ IV, công cuộc



đổi mới đã tạo ra những tiền đề quan trọng cho việc phát triển các đô thị tại Lâm Đồng. Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 01-4-1999 của Lâm Đồng, dân số tại các đô thị (khu vực thành thị) đã có 385.199 người chiếm 38,7% trên tổng dân số toàn tỉnh (996.219 người). Cơ cấu dân số giữa thành thị và nông thôn đã thay đổi theo hướng mở rộng khu vực thành thị, và thu hẹp khu vực nông thôn. Mạng lưới đô thị của tỉnh đã phát triển mở rộng với 13 đô thị, trong đó có 1 thành phố loại 2 (Đà Lạt), 1 thị xã (Bảo Lộc - đô thị loại 4) và 8 đô thị là thị trấn huyện lỵ và 3 thị trấn có ý nghĩa như là các “trung tâm dân cư”. Dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, phải khẳng định kinh tế khu vực các đô thị đã có mức tăng trưởng đáng kể, thu ngân sách từ đô thị chiếm tỉ trọng khá lớn. Mức thu nhập tính theo đầu người tại các đô thị lớn trong tỉnh trên 400USD/năm. Trong các đô thị, kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội bước đầu đã được cải thiện, bộ mặt kiến trúc, đường phố đã có những thay đổi rõ nét, nhiều công trình, đường phố mới đã được xây dựng theo quy hoạch, nhất là tại thành phố Đà Lạt và thị xã Bảo Lộc, đưa khối lượng đầu tư xây dựng mỗi năm tăng gấp nhiều lần so với các năm trước.

Công tác quản lý đô thị trong những năm gần đây đã có những chuyển biến tích cực, nhận thức về đô thị và quản lý đô thị trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã từng bước nâng cao. Pháp luật và quy hoạch đô thị đã trở thành công cụ quan trọng để phục vụ công tác quản lý và phát triển đô thị. Việc phát triển các đô thị từ hình thức riêng lẻ, manh mún, tự phát đang được chuyển dần sang hình thức xây dựng tập trung và theo dự án bước đầu đã thu được một số kết quả khả quan, đặc biệt là các chương trình phát triển nhà ở tại thành phố Đà Lạt và thị xã Bảo Lộc. Nhiều biện pháp cải cách thủ tục hành chính và nâng cao năng lực của bộ máy quản lý đô thị đã góp phần lập lại trật tự kỷ cương trong quản lý Nhà nước. Những tồn tại lịch sử về nhà, đất trong đô thị đã và đang được giải quyết. Giá trị đất

của các đô thị đã bước đầu được khai thác và sử dụng, tạo nguồn lực để phát triển đô thị.

Sau gần 15 năm đổi mới, các đô thị ở Lâm Đồng đã có những bước phát triển khá quan trọng và đây là tiền đề để thúc đẩy quá trình đô thị hóa. Tuy nhiên, để đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa thì phải xây dựng hoàn chỉnh; ổn định hệ thống các đô thị trong tỉnh (các đô thị và các khu dân cư nông thôn) có cơ sở kinh tế - xã hội vững chắc, kết cấu hạ tầng hiện đại, môi trường đô thị trong sạch, được phân bố và phát triển hợp lý trên toàn địa bàn tỉnh, bảo đảm cho mỗi đô thị theo vị trí, chức năng của mình phát triển ổn định, cân bằng, bền vững và lâu dài. Phát triển và phân bố hợp lý các đô thị trên toàn địa bàn, kết hợp chặt chẽ quá trình đô thị hóa nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Trên địa bàn tỉnh, cần dành nguồn lực thích đáng cho việc đầu tư nâng cấp phát triển các đô thị nhỏ (thị trấn, thị tứ) để giữ được vai trò đầu tàu hoặc làm nhiệm vụ trung tâm tăng trưởng cấp huyện, của một xã, hay của một cụm xã làm điểm tựa thúc đẩy quá trình đô thị hóa. Và từ nay đến năm 2020, việc xây dựng - cải tạo cũng như việc hình thành mới các đô thị của tỉnh phải theo sát được các định hướng, các chỉ tiêu phát triển về qui hoạch tổng thể các đô thị Việt Nam, định hướng về cấp thoát nước các đô thị mà Chính Phủ đã ban hành.

Tóm lại, các đô thị là trung tâm văn hóa, đời sống tinh thần của cộng đồng dân cư và là biểu tượng của truyền thống dân tộc. Nhu cầu đầu tư xây dựng là rất lớn, việc xây dựng mới, cải tạo phải phù hợp với quy hoạch, quy chế quản lý đô thị, giữ gìn được vẻ đẹp hài hòa của các đô thị cao nguyên và bảo vệ được môi trường cảnh quan. Đồng thời, luôn coi trọng phát triển kinh tế hiện đại, xây dựng nền kiến trúc đô thị mới với mục tiêu là phục vụ cho con người và toàn xã hội, tạo nên bộ mặt và hình ảnh đô thị đặc sắc văn minh. Tiếp tục đánh giá, phân loại, xếp hạng và công nhận các công trình di tích lịch sử, các

di sản văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị và tiếp tục có các chính sách để bảo vệ, tôn tạo, nâng cấp và khai thác sử dụng có hiệu quả. Trong xây dựng mới, phải gắn bó hữu cơ với thiên nhiên và khung cảnh kiến trúc văn hóa truyền thống tạo nên vẻ đẹp hài hòa của tổng thể và cảnh quan đô thị. Từng bước cần có biện pháp khuyến khích sự đóng góp trí tuệ của các kiến trúc sư tài năng, nâng cao dân trí và sự tham gia tích cực của toàn dân vì

nền văn hóa kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc.

Đô thị hóa nhằm phát triển mạng lưới đô thị hoàn chỉnh phục vụ mục tiêu công nghiệp hóa - hiện đại hóa của tỉnh, đồng thời mở ra những cơ hội đầu tư lớn mạnh về mọi phương diện cho các thành phần kinh tế và các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh. Sự tham gia vào các cơ hội đầu tư này chính là động lực thúc đẩy tiến trình đô thị hóa của tỉnh nhằm hình thành phát triển và ổn định các đô thị. ■

URBANISATION IN LAM DONG: OPPORTUNITIES OF INVESTMENT

■ LE TU

Vice-director of Lam Dong Department of Civil Engineering

Urbanisation is a process of increasing cities and popularising city lifestyle all over the territory. It is a rather complicated and long-termed process affected by various factors and controlled by different laws. The fundamental laws of urbanisation include the periodical law, the law of early development of large cities and the law of interaction between urbanisation and economic development. Urbanisation is also a process of transferring urban civilisation and industrial activities from urban areas to the country in order to offer more jobs, increase the income of people living in the country, improve the infrastructure and accelerate the process of urbanisation in the country. Urbanisation plays an important part in developing economy and creating investment opportunities.

Since 1986, after the 6th National

General Assembly and the 4th Congress of Lam Dong Party Committee, the wind of change has put forward important premises for the development of urban area in Lam Dong. According to the general population and dwelling census on April 1, 1999, the population in urban area (city) was 385,199 that took up 38.7% the provincial population (996,219). The population structure between city and the country has changed in accordance with the enlargement of urban area and restriction of the country. The provincial urban network has expanded with 13 urban centres among which there is one second class city (Dalat), one town (Bao Loc-fourth class urban centre), 8 others as district's capitals and 3 as "centres of inhabitants". To approach the matter in many of its aspects, it can be affirmed that the economy of urban centres has developed considerably. The budget collected from urban centres occupies a great proportion. The income per head in large ur-

ban centres in the province is 400 USD/year. In urban area, the technology-society structure has been improved and architectural outlook and transport system have also noticeably changed. Many new buildings and roads have been built according to certain projects, especially in Dalat and Bao Loc, which helps increase the volume of constructing investment by many times in comparison to the past years.

Urban administration in recent years has evolved positively. The perception of urban centres and urban administration in the market economy under control of the State has gradually been improved. Legislation and urban scheming have become necessary means in administration and development of urban area. From the first individual, spontaneous urban development, today urbanisation has turned into a process of central construction. According to the project, there have been some positive results, especially in the housing development program in Dalat and Bao Loc. Varied measures of reforming formalities of administration and improving the capacity of the urban management apparatus have contributed to the reestablishment of rules and order in state administration. Remaining historic problems of land and household have been and are being settled. The value of land in urban centres have been exploited and utilised in order to create material resources for the purpose of urban development.

After nearly 15 years of innovation, urban centres in Lam Dong have had important changes and this is a premise that helps accelerate the process of urbanisation. However, in order to speed up urbanisation in this industrialisation-modernisation time, the provincial systems of urban centres and communes in the country have to be fully-worked out and settled. With a stable economical, social basis, modern infrastructure, clean urban environment, the urban centres have been disposed and developed in a rational way in the whole provincial area. This guarantees a stable, balanced, unshakable and long-lasting development of urban centres along with their particular positions and functions. This must also be closely connected to urbanisation in the country and the process of building the new countryside. In the

whole provincial area, appropriate material resources are very necessary for upgrading small urban centres in order to keep their leading role as headquarters of a district, a village or a cluster of villages which is the fulcrum of urbanisation. Until 2020, building, renovation as well as establishment of new urban centres need to keep close to the Government's lines of directions, targets of overall scheming of cities in Vietnam and directions of water supply and discharge in cities.

In summary, urban areas are cultural centres, spiritual life of the community and a symbol of people's traditions. Constructing demands are very great. However, building and renovation must be in accordance with projects as well as regulations of urban administration in order to preserve the harmonious beauty of the highlands including the landscape and environment. Besides, developing a modern economy and new urban architecture to meet the demands of people and society is not less important. This gives urban areas a new, special and civilised outlook. The act of estimation, categorisation, classification and admission of historic vestiges, cultural legacies and architectural monuments of values needs to be continued along with the effective policies of preservation, restoration, upgrade and exploitation of these constructions. New constructions being built must also have an organic connection to natural beauty and traditional and architectural appearance, which creates a harmonious beauty of the ensemble and urban landscape. There also need to be measures of encouraging intellectual contribution of talented architects, improving people's cultural standard and enthusiasm for a new, full of national character architectural culture.

Urbanisation is to develop a complete urban network for the purpose of industrialisation and modernisation in the province as well as to open the door of opportunities of overall investment for different economic classes and investors from inside and outside the province. The participation into these opportunities if investment is a motive of accelerating the process of urbanisation in order to form, develop and settle down urban centres in the province.■

DALAT.

MỘT TỔNG THỂ KIẾN TRÚC ĐỘC ĐÁO

■ KTS TRẦN ĐỨC LỘC



à một thành phố trẻ trên cao nguyên mát lạnh của vùng đất Nam Tây Nguyên, một chốn đi về làm ấm lòng lũ khách phương xa mỗi lúc dừng chân và một “tiểu Paris” của người Việt Nam..., Đà Lạt đã trở thành điểm hẹn của biết bao du khách trong niềm suy nghĩ mến thương! Nhưng để in đậm dáng dấp của thành phố Đà Lạt trong tâm cảm mỗi người, thường chỉ làm ai đó chợt nhớ đến những ngôi nhà kiểu phố lô nhô, cao thấp, bên cạnh những con đường dốc sương giăng mỗi sớm mai; hoặc thậm chí khen kiến trúc những ngôi biệt thự, dinh thự kiểu Pháp xưa, in bóng hình trên nền dáng núi Langbian xa xa, hay thấp thoáng trong những tán rừng thông xanh giữa lòng thành phố...

Từ sau bước chân đầu tiên của bác sĩ Yersin đến vùng đất hoang sơ của người Lạt - vào ngày 21/6/1893, lần lượt những đồ án quy hoạch Đà Lạt được ra đời, phê duyệt và thực thi, góp phần làm nên bộ mặt cảnh quan đô thị của thành phố này theo dòng thời gian và lịch sử. Khái niệm “thành phố trong rừng” hay “rừng trong thành phố” - là một thực thể sáng tạo độc đáo về quy hoạch kiến trúc đô thị gắn với cảnh quan thiên nhiên rất hiện đại và mang bản sắc riêng của Đà Lạt.

Cần nhắc lại ý tưởng “chuỗi hồ sinh học” của KTS. Hébrard trong đồ án quy hoạch đầu tiên được duyệt (năm 1923), cho phép ta liên tưởng đến hình ảnh một dòng sông giữa lòng thành phố, với những chiếc thuyền con xinh xắn đưa khách du lịch tham quan cảnh phố. Rồi đây, Đà Lạt sẽ có thêm quảng trường, hoa viên rộng lớn, với tầm nhìn thoáng rộng, như KTS. Lagisquet đã phác họa trong đồ án quy hoạch (năm 1943) khi bố trí công trình sân Golf - hay còn gọi “Đồi Cù” - bên cạnh hồ Xuân Hương thơ mộng, tạo nên một tầm nhìn hướng về đỉnh núi Langbian... Đây là

những khái niệm rất mới về giải pháp tổ chức không gian và tạo cảnh quan kiến trúc đô thị theo phong cách châu Âu, đối với các đồ án quy hoạch ở Việt Nam thời bấy giờ, mà ngày nay cần được các nhà chuyên môn chất chiu và kế thừa.

Điểm tuyệt bộ mặt tổng thể kiến trúc Đà Lạt của thời kỳ 1943-1954, càng nhận rõ diện mạo đặc trưng của kiến trúc kiểu “Pháp - Đông Dương” qua những ngôi nhà ở biệt thự của người Pháp, các Dinh thự (I, II, III), Khách sạn Palace, Nhà ga xe lửa, Trường Cao đẳng Sư phạm, Cục Bản đồ, Viện Pasteur và một vài công trình tôn giáo khác... Nhưng cũng rất hài hòa và duyên dáng với sự chuyển tiếp của phong cách kiến trúc “hậu hiện đại” trong những năm 1954-1975, qua những nhà ở biệt thự kiểu mới của công chức người Việt, những công trình công cộng (như: Chợ mới, Lò nguyên tử, Trường Đại học, Ngân hàng...).

Đà Lạt bước vào giai đoạn hòa bình sau đại thắng kỳ tích của dân tộc (tháng 4/1975). Cả nước tuy còn bao nỗi khó khăn, đói nghèo, trong thời kỳ nền kinh tế kế hoạch tập trung 1975-1986, nhưng Đà Lạt vẫn có những kiến trúc tiêu biểu như: Nghĩa trang liệt sĩ; Nhà máy nước Suối Vàng; Nhà Thiếu nhi; Khách sạn

Công Đoàn; Hội trường Tỉnh ủy (cũ)... trong số hàng ngàn mét vuông xây dựng phục vụ nhiệm vụ chính trị và dân sinh. Sang thời kỳ đổi mới và kinh tế thị trường 1986-2000, đã có những cuộc bút phá đầy khích lệ về giải pháp kiến trúc đối với nhiều nhà ở của tư nhân; qua một số Khách sạn Golf, Khách sạn Empress; Thiền viện Trúc Lâm; các Ngân hàng, công sở, Khu Tỉnh ủy (mới)... Càng không thể quên những khu vực công trình đã tạo nên bộ mặt cảnh quan mới phục vụ du lịch như: Thung lũng Tình yêu; hồ Tuyền Lâm; sân Golf; Công viên hoa; hồ Xuân Hương và thác Prenn (ngày nay)...

Vào thời khắc chuyển giao giữa 2 thiên niên kỷ, sự ôn lại và tổng kết thành tựu nào cũng cần thiết. Khi Đà Lạt đã là đô thị loại 2, càng cần có những ý tưởng mới, lãng mạn hơn về quy hoạch và kiến trúc, khẳng định được tính chất tiên tiến, hiện đại của thời kỳ hội nhập và phát triển, trong giải pháp điều chỉnh lại đồ án quy hoạch tổng thể thành phố và vùng phụ cận (của KTS. Vũ Kim Long và các cộng sự) đã được Chính phủ phê duyệt năm 1994. Đó là việc làm thiết thực, cấp bách, và có trách nhiệm của những ai yêu mến Đà Lạt - trước thềm thế kỷ XXI.■



Thiền viện Trúc Lâm.
Truc Lam Zen Temple.



Một góc thành phố Đà Lạt.
A view of Dalat City.

DALAT, AN ORIGINAL ARCHITECTURAL ENSEMBLE

■ **Architect** TRAN DUC LOC



Dalat, a young city located on the cool South West Highlands, a destination for travellers from distant places and a “little Paris” of the Vietnamese people, has become a beloved stop of many tourists. In people’s mind, the most thing to remember about Dalat is the craggy houses by the hill roads hidden in the morning fog. People will also have a discreet admiration towards the architecture of the old French-styled villas and mansions with Langbiang mountain as background or nestling in the green pine forests inside the city.

Since Dr. Yersin set foot on this desolate land of the Lach’s people on June 21, 1893, there have been many planning schemes formed, approved and executed. This has contributed to the new appearance of the

city in the flow of time and history. The concept of “the in-wood city” or “wood in the city” was an original creation of urban architectural scheming closely connected to the natural landscape which is not only modern but also specific for Dalat.

It is necessary to recall the idea of “biological series of lakes” by Architect Hebrad in his earliest planning scheme approved in 1923. This can be associated with the image of a river inside the city with beautiful small boats carrying tourists for a sightseeing tour around the city. In the near future, Dalat will also have several large squares, flower gardens with spacious view, just like Architect Lagisquet’s sketch in his planning scheme (1943) of Dalat Golf Course, which is also called “Cu Hill”, next to the beautiful Xuan Huong Lake. This construction has a broad view towards Langbiang mountain. These were very unusual concepts of solutions of space planning and creation of European-styled urban architecture in comparison to other plans in Vietnam by then, which needs to be respected and inherited.

Skimming over the appearance of

Dalat architectural ensemble from 1945 to 1954, we can easily notice the specific characteristics of the Indochina-French architecture through the villas once occupied by the French such as the Palaces (I, II, III), Palace Hotel, Railway Station, Teachers’ Training College, Cartographic House, Pasteur Institute and some other religious monuments. Other constructions which were known as “post-modern” architecture in 1954-1945 have inherited the harmonious and charming style of the former ones such as New Market, Nuclear Plant, Dalat University, banks...

Dalat turned to its new page of peace after the marvellous victory of the people in April, 1975. Although the country was still burdened by poverty and hunger and controlled by a central economy in the period of 1975-1986, Dalat still had various typical architectural constructions such as War Dead Memorial, Suoi Vang Hydroelectric Station, Children’s Centre, Trade Union Hotel, Provincial Committee Hall (old) among thousands of metres square of land for administrative purposes and people’s material and welfare. In the period of innovation and market economy in 1986-



Dinh Bảo Đại ở Đà Lạt.

Ảnh: HHN

Bao Dai's Palace in Dalat.

Photo: HHN

2000, there have been many encouraging breakthroughs in architectural solutions for private constructions such as Golf Hotel, Empress Hotel, Truc Lam Monastery, other banks, offices, Provincial Committee Zone (new). It will be a

Insufficient shortcoming if we do not mention other landscapes which help contribute to the new image of Dalat tourism such as Love Valley, Tuyen Lam Lake, the Golf Course, Dalat Flower Garden, Xuan Huong Lake and Prenn Waterfall.

At the moment of transferring between two milleniums, it is necessary to review and sum up the achievements of Dalat. Once it is a second class city, there need to be more modern and interesting ideas in scheming and architecture in order to affirm the progressive and modern character of the period of integration and development as it was mentioned in "Solutions of adjusting the planning scheme for the whole city and its neighbourhood" (by Architect Vu Kim Long and his aids) which was approved by the Government in 1994. This is a practical, urgent and responsible deed of those who love Dalat - on the threshold of the 21st century. ■



Khách sạn Palace - Dalat.
Dalat Palace Hotel.

NHỮNG THÀNH QUẢ TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ÁP DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT PHỤC VỤ SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG

■ PGS . TS PHẠM BÁ PHONG

Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Lâm Đồng



ghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và Nghị quyết 02/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về khoa học và công nghệ đã tạo ra sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức và hành động của các ngành, các cấp về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.



Từ năm 1985 trở lại đây, lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đã có trên dưới 50 đề tài, dự án về nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính tín dụng, ngân hàng, môi trường, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, điều tra cơ bản tài nguyên đất, nước, đa dạng sinh học... Các đề tài dự án đã được ứng dụng vào thực tiễn đưa lại những kết quả cụ thể:

Trong lĩnh vực nông nghiệp, đã xây dựng được tập đoàn giống lúa nước, lúa cạn, lúa chịu

Sản xuất vắc xin ho gà bằng hệ thống lên men 300 lít tại Viện Vắc xin Cơ sở 2 Đà Lạt. Ảnh: Lê Văn Hiệp
Producing pertussis vaccine by the 300-liter fermentation system at Dalat Vaccin Institute - Branch 2.

Photo: Le Van Hiep

hạn năng suất cao, thích hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của các vùng trồng lúa trong tỉnh. Diện tích gieo trồng các giống mới chiếm tỷ lệ ngày càng cao, lúa khoảng 70%; ngô lai 80%; rau và hoa hơn 95%; cà phê, chè, cây ăn quả khoảng 15-30%.

Đà Lạt, một trong ba trung tâm của cả nước, ứng dụng có hiệu quả kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật như là công cụ hữu hiệu sản xuất, cung cấp giống ở quy mô hàng hóa.

Sản xuất rau an toàn - một nội dung hấp dẫn của nền nông nghiệp sinh thái - bao gồm hàng loạt các biện pháp tổng hợp như sử dụng giống mới ngăn ngừa kháng sâu bệnh, sử dụng hợp lý thuốc bảo vệ thực vật, ưu tiên sử dụng các chế phẩm có nguồn gốc sinh học, từ đó hạn chế được sự tích lũy dư lượng độc chất trong sản phẩm rau, làm sạch nguồn nước tưới và đất trồng, hạn chế ô nhiễm môi trường.

Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thích hợp cho vùng đồng bào có trình độ dân trí thấp, đời sống khó khăn: kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, chăm sóc sức khỏe ban đầu, kế hoạch hóa gia đình, thủy điện nhỏ, nước sạch và vệ sinh môi trường... là một trong những nhiệm vụ hàng đầu được người làm công tác khoa học đặc biệt quan tâm.

Về lĩnh vực công nghiệp, các nhà khoa học, các nhà quản lý, đã xây dựng và triển khai thực hiện 8 đề tài thuộc chương trình phát triển công nghiệp địa phương giai đoạn 1991-1995 và đến năm 2000 như: công nghiệp năng lượng, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, công nghiệp chế biến nông lâm sản, chế biến khoáng sản, công nghiệp vật liệu xây dựng... Đồng thời, tiến hành điều tra đánh giá trình độ công nghệ các ngành sản xuất công nghiệp, làm căn cứ cho việc xây dựng lộ trình công nghệ của địa phương những năm đầu của thế kỷ XXI.

Công tác điều tra cơ bản đã được

thực hiện có hệ thống, làm căn cứ khoa học cho các quyết định về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ứng dụng công nghệ GIS để xây dựng hệ thống địa lý về tài nguyên, môi trường địa phương nhằm lưu trữ quản lý có hệ thống các số liệu điều tra cơ bản hiện có.

Trên 30 công trình nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn của tỉnh trong những năm qua vừa có ý nghĩa thực sự phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, vừa nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học và quản lý xã hội.

Các đề tài nghiên cứu phục vụ công tác chăm lo thể hệ trẻ như: Điều tra khảo sát đánh giá tình trạng về dinh dưỡng, đời sống, vui chơi giải trí, trẻ mồ côi lang thang, trẻ phạm pháp, trẻ bị xâm hại trước các tệ nạn xã hội. Từ đó, tìm ra các giải pháp hữu hiệu để khắc phục những tình trạng trên.

Các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tập trung xây dựng chiến lược phát triển sự nghiệp giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, xã hội hóa giáo dục... là những vấn đề xã hội đặc biệt quan tâm.

Những vấn đề đội ngũ công nhân, nông dân, tay nghề lao động, đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị cấp cơ sở và trên cơ sở, tiêu chuẩn hóa cán bộ... là những vấn đề có tính chiến lược phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa phương.

Nhóm đề tài nghiên cứu về dân tộc và di sản văn hóa dân tộc, về định canh định cư, nâng cao đời sống vật chất của đồng bào dân tộc, xây dựng đời sống văn hóa... là căn cứ đề xuất các chủ trương, giải pháp nhằm từng bước rút ngắn khoảng cách giữa người Kinh và dân tộc thiểu số, giữa nông thôn và thành thị

Kết quả nghiên cứu về sự hình thành và phát triển các tôn giáo ở Lâm Đồng, đánh giá thực trạng các cơ sở thờ tự, đội ngũ chức sắc và tín đồ có ý nghĩa quan trọng góp phần thực hiện đường lối, chính

sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Nhóm đề tài nghiên cứu về lịch sử truyền thống của địa phương trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược đã đi đến xuất bản các ấn phẩm: “Lịch sử Đảng bộ Lâm Đồng”, “Cách mạng Tháng Tám ở Lâm Đồng”, “Lịch sử phong trào phụ nữ Lâm Đồng” và lịch sử các Đảng bộ Di Linh, Đức Trọng, Lâm Hà, Đơn Dương, Lạc Dương, Bảo Lộc, Đà Lạt...

Tóm lại, trong những năm qua công tác nghiên cứu khoa học và áp dụng tiến bộ kỹ thuật đã có những bước tiến bộ đáng khích lệ. Các đề tài nghiên cứu, các dự án phát triển đã gắn bó hơn, phục vụ thiết thực hơn cho các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Phát huy những thành quả đã đạt được, những năm đầu thế kỷ XXI khoa học và công nghệ sẽ đóng góp xứng đáng hơn nữa cho sự phồn vinh của địa phương và đất nước.■

ACHIEVEMENTS IN SCIENCE RESEARCH AND IN APPLICATION OF TECHNICAL PROGRESS TO SERVE PRODUCTION AND LIFE

■ **Prof. Dr. PHAM BA PHONG**

*Director of Lam Dong Service of
Science, Technology and Environment.*

The resolution of the Party's Eighth National General Assembly and the resolution No. 02/TW of the Party's Central Executive Committee (the eighth session) of science and technology have created a basic change in the perception and action of all branches and levels about the role of science and technology in social-economic development.

Lai tạo giống khoai tây tại Trung tâm
nghiên cứu cây thực phẩm Đà Lạt.
*Creating new seeds of potatoe at Dalat
Center of Food Plants*

Since 1985, in the field of science research and technology development, there have been some 50 or more subjects and projects of agriculture, forestry, industry, minor handicraft, construction, transportation, post and telecommunication, finance and credit, banking, environment, computer sciences, biological technology, basic survey of the earth, water resource and biological varieties, etc. Those put into practice have brought about actual results:

In the field of agriculture, a group of water rice seeds, dry rice seeds, drought-bearing rice seeds with high productivity, suitable to the climate and soil conditions of the province's rice-planting areas has been developed. The areas under cultivation of the new kinds of seeds have higher and higher ratio: rice about 70%, cross-bred corn 80%, vegetables and flowers more than 95%, coffee, tea fruit trees about 15 to 30 %.

Dalat, one of the three centers of the nation, has efficiently applied the technology of growing and implanting plant cell tissue as a helpful tool to produce and supply seeds on merchandise scale.

The production of safe vegetables - a fascinating content of the ecological industry - includes a series of synthetic methods such as using new short-term anti-pest seeds, properly utilizing pesticides, particularly those with biological sources in order to restrict the toxic accumulation in vegetables, to purify the irrigating water and soil, and to limit environmental pollution.

Transferring technological improvement suitable to the population areas with low educational level and hard life such as the techniques of planting and raising animals, basic health care, family planning, minor

hydroelectricity, clean water and environmental hygiene, etc. is one of the first and foremost concerns of the science researchers.

Regarding industry, science researchers and managers have constructed and developed eight subjects dealing with the local development programs in the period of 1991-1995 till the year 2000 for example: energy industry, transportation, post and telecommunications, agricultural and forest produce industry, mineral processing industry, construction materials industry, etc. Simultaneously, investigation and estimation of the technology level of those industrial branches are carried out as a basis to build the local industrial route in the early years of the 21st century.

The basic investigation has been done systematically and serves as the scientific foundation for the resolutions of the province's social-economic development strategies. GIS technology is applied to construct a geological system of the local natural resources and environment in order to systematically restore and manage the basic survey data available.

More than 30 research works dealing with the province's humanity and science fields in the past years are very meaningful in actually serving management and leadership, as well as in enhancing the ability of the science research and social management staffs.

The research subjects in the field of youth care are: survey of the nutritious conditions, life, entertainment, homeless orphans, young criminals, young victims of social evils. As a result, an efficient measure should be found to overcome these situations.

The subjects in the education-training field focus on constructing strategies to develop the education career,

enhance teaching and learning quality, socialize education, etc., which are the problems concerned much by the public.

The problems of work force (workers, farmers), working skills, the line-up of the most important cadres in the political system of basic level and upper-basic level, cadre standardization, etc. are the strategic problems serving local industrialization and modernization.

The subjects researching the nation and national heritage, agriculture and life settlement, enhancing the ethnic groups' material life, constructing cultural life, etc. are the base to propose for policies and solutions to gradually shorten the distance between Kinh people and the minority ethnic groups, between rural and urban areas.

The research result about the foundation and development of the religions in Lam Dong, the estimation of the real conditions of religious centers, dignitaries and followers are important to contribute to the realization of the Party and Government's religious policies, constructing the people's united bloc.

The research team of the local traditional history during the two resistance against the invaders have resulted in the publication of "The History of Lam Dong Party Committee", "The August Revolution in Lam Dong", "The History of Lam Dong Women's Movement", "The History of Di Linh, Duc Trong, Lam Ha, Don Duong, Lac Duong, Bao Loc, Dalat Party Committee", etc.

In short, during the past years, science research and the application of technological improvement have had encouraging progress. Research subjects and development projects are more practical and closer to the target and the task of developing the local economy and society. To promote the past achievements, during the early years of the 21st century, science and technology will contribute more to the prosperity of Lam Dong province and the whole country. ■



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI ĐÀ LẠT - LÂM ĐỒNG

■ **TRƯƠNG TRỐ**

*Phó Giám đốc Sở Khoa học – công nghệ
và môi trường Lâm Đồng,*

Thực hiện Nghị định 49/CP ngày 4.8.1993 của Chính phủ về Phát triển công nghệ thông tin, cùng với nhiều tỉnh trong cả nước, Lâm Đồng đã có những thành tích đáng kể trong việc ứng dụng máy tính vào lĩnh vực quản lý Nhà nước và các hoạt động kinh tế xã hội. Chẳng hạn, việc đăng ký sử dụng kết nối INTERNET tới nay đã có trên 500 máy, một tỷ lệ khá cao so với các tỉnh trong khu vực và cả nước. Nhiều mạng cục bộ tại các cơ quan đơn vị đã hoạt động có hiệu quả, mạng hành chính diện rộng đã được tổ chức liên thông từ cấp tỉnh đến cấp sở ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố. Các mạng tin học của các ngành Thuế, Ngân hàng, Điện lực, Bưu điện, Thống kê, Khoa học - công nghệ, Báo, Tài chính, Địa chính... đã liên thông với Trung ương và xuống tới huyện, cơ sở trực thuộc. Mạng Intranet Lâm Đồng xây dựng trong năm 2000 và bắt đầu hoạt động với tên gọi "Lâm Đồng net". Nhiều tổ chức hoạt động về tin học đã lần lượt ra đời trong những năm qua, trong đó có Công ty Dalat technique là công ty đầu tiên đi thẳng vào lĩnh vực sản

xuất phần mềm và có hiệu quả. Hội tin học Lâm Đồng ra đời vào năm 1998 đã đánh dấu sự lớn mạnh của một ngành nghề mới, giữ một vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà.

Đó là những gì còn hết sức khiêm tốn nhưng là cái gốc, là điều kiện ban đầu rất quý để có thể hoạch định một chiến lược phát triển công nghệ thông tin - công nghệ phần mềm ở Lâm Đồng trong thập niên đầu của thế kỷ XXI.

Mới đây, Chính phủ đã ra nghị quyết về xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000-2005,

Lamdong Net
Kính chào quý khách

WWW.LAMDONG.NET Cập nhật: Thứ tư ngày 10 tháng 1 năm 2001 08:05:50 am

E-mail: lamdongnet@lamdong.net Chat Room: [Click here](#) Tìm kiếm: [Click here](#)

Trong này được xây dựng theo chuẩn UNICODE. Để có thể làm thu được ban phải có ở nhất 2 fonts Unicode là Arial và Times New Roman đồng thời sử dụng Internet Explorer 4.01, đó phần giá màn hình 200x300 256 màu trở lên.

Mạng thông tin điện tử Lâm Đồng gọi tắt là "Lamdong Net" được xây dựng theo chương trình phát triển CNTT tỉnh Lâm Đồng năm 2000 nhằm mục đích tập hợp, trao đổi, phổ biến thông tin kinh tế - khoa học - công nghệ - môi trường qua mạng máy tính trong thành phố Đà Lạt - trung tâm tỉnh và ngoại tỉnh, phục vụ tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa tỉnh nhà.

Mạng Lamdong Net cũng là một bước thử nghiệm chuyển mô hình Tập chí H-CN Lâm Đồng (theo Giấy phép xuất bản số 2293/GPXB ngày 20/6/1995 và Thông báo 4272/TB-BVHTT ngày 05/10/2000 của Bộ Văn hóa - Thông tin) được đăng thông tin điện tử.

Trên tinh thần phát huy nỗ lực, Lamdong Net xin chân thành cảm ơn và mong được tiếp tục đón nhận sự phối hợp góp sức về kỹ thuật, nội dung, hình thức của các cơ quan lãnh đạo, quản lý, các cơ quan khoa học, cơ quan thông tin, văn kiện, trường, các doanh nghiệp và các tổ chức cá nhân hoạt động thông tin, tin học tại tỉnh nhà.

Sở KH-CN & MT Lâm Đồng
Lamdong Net

Chỉ thị 55-CT/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ CNH-HXH

MẠNG INTRANET LÂM ĐỒNG
Số 67 Hoàng Văn Thụ - Thành phố Đà Lạt

Điện thoại liên hệ: (063) 820352, Fax: (063) 824827, Internet Email: skcnld@hem.vnn.vn

xác định rằng:

- Công nghiệp phần mềm là ngành công nghiệp quan trọng của công nghệ thông tin; công nghiệp phần mềm bao gồm các hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm và cung ứng các dịch vụ phần mềm. Phát triển công nghệ thông tin và đặc biệt công nghệ phần mềm là chủ trương được Đảng và Nhà nước ưu tiên quan tâm, là một trong những cách đi tắt đón đầu để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần quan trọng trong việc bảo đảm an ninh quốc gia.

Trong những hội thảo khoa học về phát triển công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm, một số nhà khoa học ở Trung ương và giới tin học ở Lâm Đồng cũng có nhiều điểm gặp nhau trong việc nhận định, đánh giá tiềm năng, khả năng dồi dào của Đà Lạt - Lâm Đồng trong chiến lược phát triển công nghệ thông tin và công nghiệp phần mềm. Có nhà khoa học đã mạnh dạn đưa ra một ý tưởng khá táo bạo: có thể phát triển ngành công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm ở Đà Lạt - Lâm Đồng theo kiểu: Thung lũng Silicon ở Mỹ, Thung lũng Silicon ở Bangalore (Ấn Độ), Thảo nguyên Silicon ở Texas, Công viên khoa học A Sin Chu ở Đài Loan, Hành lang siêu Multimedia ở Malaysia...

Theo cách tư duy trên, cho phép ta có thể nghĩ đến **Thung lũng Silicon Đà Lạt** hoặc **Cao nguyên Silicon Lâm Đồng** trong vài thập niên tới, bởi lẽ:

- Lâm Đồng không xa đối với khu công nghiệp trọng điểm thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai. Khoảng cách 300 km không đáng là bao đối với hoạt động công nghệ thông tin và công nghiệp phần mềm.

- Phát triển công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm hoàn toàn phù hợp với quy hoạch đô thị Đà Lạt: trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, trung tâm nghiên cứu khoa học, trung tâm văn hóa, giáo dục - đào tạo.

- Lâm Đồng - Đà Lạt có sức hút nguồn nhân lực rất lớn, kể cả lao động có kỹ thuật cao chưa có việc làm ở khu vực miền Trung và những lao động đã có việc làm ở hai khu công nghiệp lớn là Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh, do khí hậu tốt, cảnh quan đẹp, điều kiện sống và làm việc lý tưởng đối với lao động trí óc. Việc tổ chức sản xuất phần mềm tại Đà Lạt - Lâm

Đồng bằng phân nửa hay một phần tư thời gian thay vì cả năm ở các đô thị chật chội, kết hợp vừa lao động vừa nghỉ ngơi, sẽ là niềm mơ ước của rất nhiều người lao động kỹ thuật và các nhà đầu tư phát triển công nghệ cao.

- Hệ thống giáo dục - đào tạo phổ thông, cao đẳng, đại học, dạy nghề, cơ sở nghiên cứu khoa học đã và đang phát triển mạnh, đủ sức cung ứng vài nghìn lao động, kỹ thuật viên, lập trình viên hàng năm cho mục tiêu trên.

- Cơ sở hạ tầng ở Đà Lạt - Lâm Đồng từng bước phát triển đảm bảo cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đặc biệt hai ngành Điện và Bưu điện rất quan trọng đối với công nghiệp công nghệ thông tin thì tại Lâm Đồng đã có những bước đầu tư và phát triển khá, không nằm ngoài *TOPTEN* của cả nước, thậm chí có nhiều ưu thế hơn so với nhiều địa phương trong nhóm. Trong năm 2000, Bưu điện Lâm Đồng sẽ có một cổng kết nối trực tiếp với quốc tế sau các cổng Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

Bên cạnh đó cũng còn không ít khó khăn. Các khó khăn lớn nhất là làm thế nào để thu hút được đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài cho mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin tại Đà Lạt - Lâm Đồng, làm thế nào để nhà đầu tư nhìn thấy được khả năng thành công trước khi quyết định đầu tư? Như vậy, Nhà nước và địa phương cần phải khẳng định chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ thông tin với các mục tiêu cụ thể, đồng thời phải có hệ thống chính sách, giải pháp đồng bộ, phục vụ cho mục tiêu đó. Đây chính là nội lực của Lâm Đồng. Nội lực phải đạt ở một mức độ nhất định thì mới thu hút được ngoại lực, để rồi cộng hợp thành tổng lực.

Mục tiêu chung phát triển công nghệ phần mềm Việt Nam đến 2005 đạt sản lượng từ 500-800 triệu USD/năm, trong đó 2/3 nội địa, 1/3 xuất khẩu với mức tăng trưởng cao, ổn định. Có từ 30.000-40.000 người (kể cả quản lý, tiếp thị, bán hàng lẫn chuyên gia phần mềm) với sản lượng làm ra tính theo đầu người 5.000-20.000 USD.

Nếu chỉ lấy 2% sản lượng trên phân bổ cho Lâm Đồng thì con số 10 triệu đôla vào năm 2005 cho tổng sản lượng công



Trung tâm
Tin học Đại
học Đà Lạt.
*Computer
Center of Dalat
University.*

nghe phần mềm ở Lâm Đồng là quá lý tưởng. Cũng theo cách tính giả định như trên, Lâm Đồng phải có 600 người hoạt động trong lĩnh vực này, trong đó 150 người chuyên tham gia sản xuất và phát triển phần mềm.

Bên cạnh việc phát triển phần mềm, chúng ta cần nhìn thấy một khả năng phát triển sản xuất phần cứng các linh kiện điện tử. Yếu tố môi trường Đà Lạt với không khí trong lành không bị ô nhiễm khói bụi kim loại (khói công nghiệp, khói xăng dầu) trở thành yếu tố kỹ thuật bắt buộc của công nghệ sản xuất CHIP. Chắc chắn các nhà đầu tư sản xuất CHIP sẽ thích chọn Đà Lạt - Lâm Đồng hơn vì yếu tố quan trọng nói trên.

Một số vấn đề lớn cần quan tâm là:

- Lập chiến lược chung phát triển công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm tỉnh Lâm Đồng đến năm 2005, 2010, có sự tham khảo, phối hợp với chiến lược phát triển phần mềm ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lập dự án phát triển của từng ngành có liên quan như Khoa học công nghệ, Điện lực, Bưu điện, Đào tạo dạy nghề của Trung ương và địa phương, Ngân hàng.

- Thống nhất chiến lược địa phương với chiến lược mỗi ngành về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin để tạo sự đồng bộ về đầu tư phát triển theo lãnh thổ.

- Đầu tư nâng cấp mạng viễn thông, xây dựng cổng kết nối quốc tế trực tiếp tại Đà Lạt.

- Xây dựng các chính sách ưu tiên thu hút đầu tư phát triển công nghệ phần mềm, công nghiệp công nghệ thông tin (thuế, tiền thuê đất, nhà, cơ sở hạ tầng...).

Giải pháp cụ thể:

- Đầu tư phát triển một vài đơn vị kinh doanh công nghệ thông tin trong tỉnh làm nòng cốt trong việc nghiên cứu các giải pháp xúc tiến đầu tư (ví dụ như Dalat Technique).

- Quyết định chọn một khu nhà để làm cơ sở ban đầu cho khu công nghiệp phần mềm.

"Trong thời đại ngày nay, công nghệ thông tin là thước đo sự phát triển của một quốc gia" - Craig Barrett, Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc hãng Intel đã nhận xét: *"Đường như trong học hỏi, người Việt Nam không muốn nhường bước cho bất cứ một ai"*.

Thực tế trong nhiều năm qua, Lâm Đồng - Đà Lạt cũng được thừa hưởng các phẩm chất cao quý đó. Cho nên, sự lựa chọn đúng đắn, kịp thời công nghệ mũi nhọn, công nghệ chủ yếu của xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức sẽ có ý nghĩa đột phá, đưa Lâm Đồng - Đà Lạt lên vị thế mới trong sự phát triển chung của đất nước. ■

AN ORIENTATION OF INFORMATION TECHNOLOGY IN DALAT-LAM DONG

■ TRUONG TRO

*Vice Director of Lam Dong 's Department
of Science, Technology and Environment
Deputy Head of Lam Dong 's Board
of Information Technology*

 In the implementation of Decision 49/ CP dated August 4, 1993 by the Government on the development of information technology, Lam Dong has gained remarkable achievements in the application of computers into state management and socio-economic activities. For instance, there are now over 500 computers linked with Internet. Local area networks in offices are working effectively; administrative networks have been interconnected from the province to all the departments and localities. The networks of the important services such as Tax, Bank, Post, Electricity, Statistics, Science and Technology, Finance, Newspaper, also have the interconnection with their central and local offices. Lam Dong Intranet was set up in 2000 under the name "Lam Dong Net". Several computing organizations have been formed in the recent years of which Dalat Technique Company is the first to produce software. In 1998 the Lam Dong Informatics Association was founded, marking the appearance of a new profession in the province 's industrialization and modernization.

These are modest but fundamental for the planning of an information technology strategy in Lam Dong in the first decade of the 21st century.

The Government has lately issued a resolution on the development of the software technology in the period 2000-2005, affirming:

- Software technology is an important industry of the information technology, including software production and provision of software service. The government pays special attention to this field to take a short cut in the nation 's industrialization and modernization.

In workshops on information technology, central scientists and local information circles had a common view on Lam Dong 's potentials in the development of information technology. A scientist put forward an audacious idea: Dalat-Lam Dong can follow the way of The Silicon Valley in California,

the Silicon Valley in Bangalore (India), The Silicon Grasslands in Texas, the Scientific Park Asinchu in

Taiwan, or the Super Multimedia Corridor in Malaysia.

That idea allows us to think of The Dalat Silicon Valley or the Lam Dong Silicon Highlands in the coming decades because:

- Lam Dong is not far from the pivotal industrial zone of HCM City-Dong Nai. The distance of 300 km is not out of the reach of information technology.

- Developing information and software technology is suited to the urban planning of Dalat as a centre of resort, scientific research, culture and education.

- Dalat-Lam Dong attracts a big workforce from Central Vietnam and even from the industrial zones of Dong Nai and HCM City thanks to good weather, spectacular scenery, and ideal conditions of work for intellectual labour.

Instead of all-year-round production in crowded cities, software production in Dalat can be arranged in half or a quarter of the time so that technicians and investors can have much time for relaxation.

- The systems of high schools, colleges, university, vocational schools, and scientific research institutes can provide thousands of technicians and programmers

- Dalat-Lam Dong's infrastructure is being developed for industrialization and modernization. The Power Service and the Post Office essential to information technology rank in the top ten of the country, even higher than some other provinces. In 2000 Lam Dong Post Office had an international gate after those of Hanoi, HCM City and Da Nang.

There are, nevertheless, a lot of difficulties. The biggest one is how to attract domestic and foreign investment in the field of information technology in Dalat-Lam Dong, and how to convince investors of the success. Then the government and local authorities have to affirm the strategy for information technology with precise goals, and at the same time, to devise a system of integrated policies serving those goals.. These are Lam Dong's internal force; it must be strong enough to at-

tract external force to create total force.

The aim of Vietnam's software technology in 2005 is to make a value of product 500-800 million dollars per year (2/3 is domestic consumption, and 1/3 for export with a high rate of growth). The number of people working in this field (software experts, managers, marketing workers, and salespeople) will be 30,000-40,000, each making a value of 5,000- 20,000 dollars.

If 2% of that value of product is for Lam Dong, 10 million dollars of software products in Lam Dong in 2005 will be an ideal figure. Then Lam Dong will have about 600 people working in this field, of which 150 are software makers.

Besides, we can see the possibility of electronic component production. The condition of Dalat's environment is excellent for chip production. Investors will certainly be interested in that factor.

The following are some matters of concern:

- Drawing out a strategy for Lam Dong's information and software technology until 2003 and 2010 with reference to HCM City's software development.

- Planning a project to develop the related services such as Science and Technology, Electricity, Post, Bank, central and local vocational training.

- Combining the local strategy with each service's strategy for information technology to create a consistency in territorial development.

- Investing in the upgrade of telecommunication networks and building a gate directly linked with the world in Dalat.

- Issuing open policies to attract investment in software technology (concerning tax, land rent, facilities, etc.).

Below are some solutions:

- Choosing a few information technology companies as the core in investment (for example, Dalat Technique Company).

- Choosing the premises for software industry.

"Nowadays information technology is the measure of a nation's development," said Craig Barrett, Intel's President cum General Director, "In study, the Vietnamese seem to give way to nobody."

Dalat-Lam Dong has had that precious virtue. Therefore, the right selection of a spearhead technology will be a breakthrough, bringing Lam Dong up to a new position in the nation's development. ■

ĐỂ DU LỊCH LÂM ĐỒNG TRỞ THÀNH NGÀNH KINH TẾ ĐỘNG LỰC

■ ĐẶNG NGỌC LƯU

Giám đốc Sở Du lịch Lâm Đồng

25

năm qua, ngành du lịch Lâm Đồng đã đạt được những thành tích đáng phấn khởi. Số lượng khách du lịch trong nước và quốc tế đến Lâm Đồng ngày một tăng. Nếu năm 1976 chỉ đón gần 8.000 khách thì đến năm 2000 đã đón 700.000 khách; doanh thu về du lịch, thu nhập xã hội từ du lịch và nộp ngân sách nhà nước năm sau cao hơn năm trước.

Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành phát triển nhanh. Nếu năm 1976 mới có 02 doanh nghiệp với 16 khách sạn, thì đến năm 2000 đã có 17 doanh nghiệp kinh doanh danh lam thắng cảnh, có 296 khách sạn với 4.295 phòng (trong đó có 20 khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế từ 1 đến 5 sao), có 11 đơn vị kinh doanh lữ hành (có 1 đơn vị lữ hành quốc tế) của tất cả các thành phần kinh tế: doanh nghiệp nhà nước, tư nhân, công ty cổ phần, công ty TNHH, đầu tư nước ngoài...

Công tác quản lý nhà nước về du lịch đi dần vào nề nếp. Đội ngũ cán bộ nhân viên đông đảo với 2.665 người, trong đó có 70% được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ. Ngành du lịch trong những năm qua đã góp phần tạo thêm việc làm cho xã hội và thúc đẩy các ngành kinh tế xã hội phát triển. Năm 2000, thực hiện chương trình hành động quốc gia về du lịch, du lịch Lâm Đồng cũng đạt được những kết quả đáng khích lệ, tạo đà cho sự phát triển du lịch trong tương lai.

Để du lịch Lâm Đồng trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh trong thế kỷ XXI, cần tập trung làm tốt những nhiệm vụ sau đây:

Thứ nhất, cần nâng cao nhận thức về vị trí và vai



Photo:
HHN

trò của du lịch trong nền kinh tế địa phương, xác định nhiệm vụ xây dựng ngành du lịch là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành, các đoàn thể tổ chức chính trị xã hội và của toàn xã hội, có như vậy mới huy động trí tuệ và mọi nguồn lực tạo nên sức mạnh tổng hợp, đồng bộ cho du lịch phát triển.

Thứ hai, khẩn trương thực hiện từng bước quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của tỉnh đến năm 2010, coi trọng bảo vệ và phát triển rừng, giữ gìn môi trường cảnh quan thiên nhiên và các di sản văn hóa, lịch sử để tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và các loại hình du lịch đặc thù của miền núi cao nguyên.

Thứ ba, tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật của tỉnh phục vụ phát triển kinh tế xã hội nói chung, trong đó có du lịch. Vì cơ sở hạ tầng là yếu tố quan trọng nhằm khai thác tiềm năng du lịch và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, mà đối với Lâm Đồng trước hết là giao thông vận tải. Đồng thời có chính

sách ưu đãi thu hút các nguồn vốn cho xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch trên các lĩnh vực chủ yếu:

Xây dựng các khu danh lam thắng cảnh, các khu vui chơi giải trí tạo thêm sản phẩm đa dạng, phong phú phù hợp với hình thái du lịch miền núi, chú trọng xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng có nơi điều trị bệnh, nghỉ ngơi.

Cải tạo và xây dựng các khách sạn đạt trình độ quốc tế, với trang bị hiện đại, dịch vụ hoàn chỉnh, công nghệ thông tin tiên tiến để có khả năng tổ chức các hội nghị hội thảo quốc tế và trong nước.

Từng bước hiện đại hóa trang thiết bị của các đơn vị lữ hành, nhằm thực hiện kết hợp nối tour các miền, vùng trong nước và vươn ra nước ngoài.

Đổi mới các phương tiện vận chuyển khách du lịch, cải tiến quản lý để trong cùng một thời gian khách có thể đi được nhiều tuyến điểm du lịch khác nhau, thu hút đông đảo cán bộ, công nhân, nông dân, học sinh trong nước và khách nước ngoài có những chuyến đi du lịch nhanh chóng, thuận lợi và thoải mái.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, tuyên truyền quảng bá về du lịch. Công tác tuyên truyền quảng bá đóng vai trò quan trọng và là công cụ để khai thác thị trường trong kinh doanh. Đà Lạt - Lâm Đồng tuy là điểm du lịch lý tưởng, nhưng nhiều người nước ngoài và trong nước cũng chưa biết đến. Vì vậy, phải nghiên cứu, điều tra các loại nhu cầu của khách để có chiến lược tuyên truyền, quảng bá thích hợp như sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, phát thanh, truyền hình, mạng Internet...), các ấn phẩm, đặt văn phòng đại diện ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các trung tâm du lịch...

Thứ tư, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực trong hoạt động du lịch có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn; đào tạo lại đội ngũ cán bộ nhân viên ngành du lịch hiện có; xây dựng phương

hướng chiến lược đào tạo nhân lực lâu dài cho ngành du lịch. Nghiên cứu hình thành trường hoặc các khoa dạy nghề, lớp du lịch.

Thứ năm, sắp xếp kiện toàn và củng cố hệ thống các doanh nghiệp du lịch Nhà nước, khuyến khích phát triển các công ty cổ phần. Coi trọng cả kinh doanh du lịch nội địa và du lịch quốc tế. Phát huy vai trò của Hiệp hội nghề nghiệp du lịch.

Thứ sáu, tăng cường quản lý nhà nước về du lịch đối với mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động du lịch trên

địa bàn nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm du lịch và đưa hoạt động du lịch vào trật tự kỷ cương. Sớm tháo gỡ một số vướng mắc về thủ tục, cơ chế liên quan đến đầu tư du lịch tạo thuận lợi, hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự nỗ lực của toàn ngành và sự phối hợp hỗ trợ của các cấp, các ngành, của nhân dân, nhất định trong tương lai không xa, du lịch Lâm Đồng sẽ sớm trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh, xứng đáng là một trong những trung tâm du lịch của cả nước. ■

HOW TO MAKE LAM DONG'S TOURISM BECOME A MAJOR ECONOMIC SECTOR

■ DANG NGOC LUU

Director of Lam Dong's Tourist Department



During the past twenty-five years, Lam Dong tourism has gained some inspiring achievements. The number of domestic as well as foreign tourists to come to Lam Dong is increasing day by day. In 1976, there were only 8,000 tourists but in the year 2000 the number is 700,000. The trade revenues, social income from tourism and the money to contribute to National budget have been rising steadily.

There is a quick development of the material and technological facilities. In 1976 there were 2 enterprises and 16 hotels, but in 2000 there are 17 enterprises trading in beauty sites, 296 hotels with 4,295 rooms (20 hotels have met international standards with one up to five stars), 11 travel agencies (one is an international travel agency) be-



Du khách tham quan
Hồ Than Thở.
Ảnh: Trần Việt Hồng
*Tourists visit the
Lake of Sighs.
Photo: Tran Viet Hong*

longing to various enterprises classes: state- run or private enterprises, joint stock companies, limited liability companies, foreign- invested enterprises, etc.

The national management in tourism has been being put in order. There includes 2,665 workers, 70% of whom have been trained with specialistic knowledge. In recent years, the tourism has helped providing employment and developing economic and social sectors. In the year 2000, together with the national programme in tourism, Lam Dong tourism has gained substantial results, taking them as a springboard for future development.

The following tasks are to be attended to in order that Lam Dong tourism may become a major economic incentive:

Firstly, recognizing the role of tourism in the local economy; identifying developing tourism as the task of the Party Committee, authorities, branches, social organizations and communities; calling up intellectuals and other sources to create an integrated strength for tourist development.

Secondly, carrying out step by step the overall planning for the province

tourism to 2010; paying much attention to forest protection and development, conservation of the landscape, environment, and historical and cultural heritages in order to organize eco- tourism and other typical tourist activities of the Highlands.

Thirdly, continuing to improve the policy to step up investment for material facilities so as to develop the province's economy in general, and tourism because infrastructure plays an important role in exploiting tourist potentiality and enhance the quality of tourist products; as for Lam Dong, the first thing to think of is transportation. On the other hand, we need to offer favoured policies to attract capital for material and technological facilities of tourism, chiefly on these fields:

- Putting up tourist areas with beauty spots and centres for entertaining activities so as to create diverse and abundant products suitable with mountain tourism; paying good attention to building tourist attractions with medical resort centres.

- Renovating and constructing hotels of international standards with modern equipment, complete services and advanced communication technology pos-

sible to hold national or international workshops or conferences.

- Step by step modernizing equipment of the travel agencies in order to make combined tours with other regions in and out of the country.

- Renewing transportation means for tourists; improving management so that tourists can participate in different tours at the same time; attracting many officers, workers, peasants, students and foreign tourists in quick, convenient and comfortable tours.

- Enhancing market study, propagandising and publicizing about tourism. This takes an important role as an implement to exploit trading market. Dalat- Lam Dong is an ideal tourist destination but unknown to many people. Therefore, we have to study and investigate tourists' demands so as to find suitable propaganda strategy such as using public media (journals, broadcasting, TV, Internet, etc.), prints, representative offices in Hanoi, Ho Chi Minh City and other tourist centres.

Fourthly, training and fostering people working in tourism with proper character and specialist skills; re-training the cadres available; long-term training for people working in tourism; setting up schools or departments to teach tourism.

Fifthly, arranging and consolidating the system of state-run tourist enterprises; encouraging joint stock companies to develop; paying as much attention to domestic tourism as to international tourism; bringing into full play the role of the Association of Tourist Careers.

Sixthly, strengthening national management of every enterprise which participates in tourism in the province in order to raise the quality of tourist products and put tourism into good order; solving some impediments in paperwork and mechanism relating to tourist investment so as to attract investors.

With the leadership of the Party, the effort of the whole sector and the cooperative assistances of all authorities, branches and the people, in the near future, Lam Dong tourism will become a major economic sector of the province and deserve to be one of the tourist centres of the country. ■



GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG TIẾP TỤC ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN

■ LÝ QUANG NHẪN

Giám đốc Sở Giáo dục - đào tạo Lâm Đồng

Năm qua, mặc dù trong điều kiện của một tỉnh miền núi, kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự chăm lo của các ban ngành đoàn thể, các bậc cha mẹ học sinh cùng với sự nỗ lực quyết tâm của toàn ngành; Sự nghiệp giáo dục - đào tạo tỉnh nhà được củng cố - ổn định, phát triển vững chắc, giải quyết được những vấn đề bức xúc và thực hiện được phần lớn các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết của Tỉnh Đảng bộ đề ra, góp

phần đưa NQTW2 về giáo dục - đào tạo đi vào cuộc sống.

Trước hết, đó là quy mô giáo dục - đào tạo phát triển đúng hướng và khá vững chắc. Hệ thống trường lớp từ mầm non đến chuyên nghiệp dạy nghề ổn định, phát triển hợp lý; hệ thống trường lớp ngoài quốc lập cũng tiếp tục phát triển.

Chất lượng - hiệu quả giáo dục có chuyển biến rõ nét ở các ngành học, bậc học. Chất lượng giáo dục toàn diện có nhiều khởi sắc đáng ghi nhận.

Chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ bậc học Mầm non được đầu tư chăm lo,



Photo: Hieu Cau



Giờ học ngoại khoá ở Trường Trung học Dân tộc Nội trú Lâm Đồng.

Ảnh: HHN

An extra curriculum class at Lam Dong Ethnic Boarding School.

Photo: HHN

tiến bộ rõ nét. Chất lượng giáo dục các bậc học phổ thông có nhiều tiến bộ theo yêu cầu giáo dục toàn diện, hiệu quả đào tạo tương đối khá so với mặt bằng chung toàn quốc và có sự vượt trội so với các tỉnh trong khu vực; bậc tiểu học đạt 72,5%, Trung học cơ sở 64,5%, Trung học phổ thông 70,7%.

Đặc biệt, công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp tiếp tục được chăm lo và đạt kết quả khả quan, gần 1000 học sinh giỏi cấp tỉnh, 351 học sinh giỏi quốc gia.

Việc phát triển tin học - ngoại ngữ, dạy nghề cho học sinh trung học được mở rộng. Tính đến nay, Lâm Đồng đã cơ bản phủ kín ngoại ngữ ở bậc trung học (Trung học cơ sở : 94,6%, Trung học phổ thông: 100%), gần 49% học sinh trung học được học tin học. Chất lượng Bổ túc văn hóa, dạy nghề, đào tạo sư phạm tiến bộ trong vài năm gần đây.

Mặt bằng dân trí của tỉnh được xác lập ở trình độ phổ cập giáo dục tiểu học. Công tác phổ cập Trung học cơ sở tuy còn không ít khó khăn nhưng cũng đã có bước khởi đầu khá tốt.

Năm năm qua, giáo dục vùng dân tộc và các địa bàn khó khăn tiếp tục phát triển nhanh, cơ bản duy trì được sự ổn định. Quy mô không ngừng phát triển, đội ngũ thầy cô giáo và cơ sở vật chất được ưu tiên đầu tư; chất lượng từng

bước được nâng lên; các trường, lớp dân tộc nội trú được chăm lo đầu tư, củng cố và mở rộng. Chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ, kịp thời; điều kiện sinh hoạt của giáo viên ở một số địa bàn vùng sâu đang từng bước được cải thiện.

Công tác xây dựng đội ngũ được tập trung chỉ đạo, thực hiện đồng bộ và đạt kết quả tốt, đảm bảo nhu cầu giáo viên cho phát triển giáo dục, chăm lo đào tạo - bồi dưỡng để nâng dần cả về tư tưởng cũng như chuyên môn nghiệp vụ, theo hướng chuẩn hóa đội ngũ công chức và trên chuẩn; chăm lo giải quyết khá tốt chế độ chính sách, thu hút ưu đãi giáo viên vùng sâu, vùng khó khăn. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ - giáo viên và công tác phát triển Đảng trong ngành ngày càng tiến bộ. Nhiều cán bộ - giáo viên được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng, nhiều chi bộ trường học đạt trong sạch vững mạnh. Việc nâng cao chất lượng để có đội ngũ **Hồng thắm - chuyên sâu** là nét khởi sắc của ngành; nhiều anh chị em làm việc tận tụy, thầm lặng, trong đó có nhiều người ở vùng sâu, vùng xa, nỗ lực khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm năm qua, công tác xã hội hóa giáo dục phát triển mạnh và có hiệu quả, huy động ngày càng nhiều nguồn lực đóng góp cho giáo dục-đào tạo, thể hiện sự tiến

bộ rõ nét trong công tác xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trường học. Toàn tỉnh đã huy động hơn 70 tỉ đồng xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất trường học (nhân dân đóng góp hơn 50%); góp phần làm cho cơ sở trường lớp được nâng lên, xóa phòng học tạm thời; các loại hình trường lớp cũng đa dạng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

Công tác quản lý - chỉ đạo đã từng bước tiếp cận yêu cầu đổi mới, năng động và đạt hiệu quả hơn. Nền nếp - kỷ cương trong ngành được giữ vững và có chuyển biến tích cực.

Phong trào thi đua **Hai tốt** ngày càng đi vào nền nếp và tiếp tục phát huy tác dụng tốt, góp phần tích cực trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ các năm học. Năm năm liên tục từ 1996 đến nay ngành Giáo dục - đào tạo Lâm Đồng được khen thưởng hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu. Đặc biệt, năm học 1999-2000, Lâm Đồng là một trong 5 tỉnh được Bộ tặng cờ thi đua xuất sắc **Đơn vị dẫn đầu**, trong đó tiêu chí phát triển giáo dục Dân tộc và các địa bàn khó khăn dẫn đầu toàn quốc.

Nhìn lại bức tranh toàn cảnh giáo dục - đào tạo tỉnh nhà hôm nay, có thể nói rằng: Trong sự chăm lo, quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, Bộ Giáo dục - đào tạo, các cấp ủy, chính quyền, ban ngành và nhân dân trong tỉnh, với sự nỗ lực cố gắng của các cấp quản lý giáo dục và cán bộ - giáo viên - công nhân viên, năm năm qua, các Nghị quyết của Đảng về giáo dục - đào tạo đã đi vào cuộc sống và thu được kết quả đáng khích lệ. Đó là sự chuyển biến mạnh mẽ và khá rõ nét trong nhận thức, trong hành động thực tiễn của cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, của mỗi người đã và đang **Vì giáo dục - cùng với giáo dục** để tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp Giáo dục - đào tạo tỉnh nhà tiếp tục ổn định và phát triển tốt.

Kết quả đạt được là rất đáng trân trọng. Tuy nhiên không phải không còn

những hạn chế cần tiếp tục tập trung giải quyết. Đó là sự bất cập giữa quy mô phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục; đó là việc nâng cao chất lượng - hiệu quả giáo dục vùng dân tộc, vùng sâu, vùng khó khăn; khả năng và điều kiện phát triển công tác đào tạo nghề, giáo dục hướng nghiệp, chuẩn bị nguồn nhân lực; cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy; chấn chỉnh nền nếp - kỷ cương trong quản lý hành chính, chuyên môn; khắc phục hạn chế lệch lạc, tiêu cực trong dạy thêm - học thêm.

Nhận thức và đánh giá đúng thực trạng của ngành hôm nay, thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, quán triệt tinh thần Nghị quyết Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 2 (khóa VIII) về chấn hưng giáo dục nước nhà theo hướng: giáo dục - đào tạo phải phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; cùng với giáo dục cả nước, giáo dục Lâm Đồng phải tiếp tục điều chỉnh, đổi mới phương pháp giáo dục - đào tạo, cơ cấu hệ thống trường lớp, cơ cấu ngành nghề đào tạo, cơ cấu đội ngũ và học sinh... nhằm mục đích đào tạo nguồn nhân lực, con người mới từ nhà trường để phục vụ có hiệu quả sự nghiệp phát triển của đất nước và địa phương, sẽ được Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Lâm Đồng lần thứ VII đề ra. Đó chính là phương hướng giáo dục những năm đầu thế kỷ XXI, chuẩn bị cho Việt Nam tiếp cận và chuyển mạnh sang nền kinh tế tri thức. ■



LAM DONG EDUCATION AND TRAINING STEADILY DEVELOPS

■ LY QUANG NHAN

*Director of the Education and
Training Department of Lam Dong*



In the last five years, in the conditions of the mountainous province with a weak economy, under the direction of our Party and government, the concern of all organizations and our students' parents as well as the utmost determination of our service, the education and training service of our province has been consolidated, settled and steadily improved in order to solve urgent problems, and carry out most of the functions that the Resolution of the Provincial Party has set and take part in the implementation of the Resolution of the Party Central Committee

Firstly, the scale of education and training going in the right direction is quite stable. The school system from kindergarten to vocational schools is settled and improved; the system of non-state schools is expanding.

The quality of education has clearly changed in every field and at all levels. The full educational quality wins



Giờ học thực hành. Ảnh: TM
Practice in classroom. Photo: TM

remarkable success.

The quality of care for nursery children has been enhanced. The grade school has improved according to the all-round educational demand, educational effects are substantial compared with the nation-wide result overtaking other provinces in the area. The average primary school academic grades account for 72.5 %, the middle school 64.5 %, and the high school 70.7 %.

of the school population

Especially, the tutoring of highly-able students, a major task, has gained good results. Nearly 1000 good students win the academic provincial contests and 301 students pass national contests.

Informatics and languages training for high school students is expanded. So far Lam Dong has essentially covered foreign language teaching in high school (middle school: 94,6 %, high school : 100%); some 49% of the high school students are learning informatics. The quality of continuation and vocational courses, as well as teachers' training, has improved during the last few years.

All inhabitants of the province have been confirmed to have primary education. The task to provide inhabitants with secondary education has got a good start in spite of difficulties.

In the last five years, education in minority ethnic areas and "difficult zones" has moved rapidly, and basically maintained its stability. The process has been refined, the teaching staff and materials are always given priority. Teachers' material life has been secured, teacher's living standard in some remote areas raised.

The building of the teaching staff is being focussed on and gained good results. The formation of well-trained teachers is carried out. We always take care of meeting teachers' rights, pro-

viding privileged treatments to teachers in remote areas. The education of political concepts to the teaching staff and the improvement of its. Party members are one of our major concerns. Many of the teachers have the honor to join the Party. Some school party cells have been qualified as stable and exemplary. The raise of the educating quality in order to have a "red and specialized" staff is one of our main activities. Teachers work hard, quietly; among them, those in remote areas, always overcome great difficulties to fulfill their duties.

In the last five years, socializing education has been developed effectively. We channel different resources to education, namely in school building. The whole province has raised over 70 billion đồng to build and repair schools (50% from public funds), to increase the number of schools, to abolish temporary classrooms. Various types of schools have appeared to satisfy the needs of the people.

Administration work has gradually been renovated, active and efficient. Orders and regulations are always holding fast and bring about positive changes.

The stimulative movement, "Two goods," has better effects. It plays a positive part in the success of the schools. For five years in a row, since 1996, the Lâm Đồng Education and Training Department has been credited for its excellent accomplishment. Especially, in the school year of 1999-2000, Lâm Đồng is one of the five provinces to be awarded "the Excellent Flag" in the Competition of The Leading Unit; its education for ethnic minorities and in remote areas is leading the nation.

Through education and training, we can state that within the concern and care of the Provincial Party, the Public Council, the People's Committee of Lam Dong, the Ministry of Education and

Photo: Hieu Cau



Training, the government and the people of the province as well as the constant effort of our educational administration and the teaching staff in the last five years, the Party's resolution in education and training has entered people's life and has gained encouraging results : a strong and clear change in educational concepts, in practical actions of everyone concerned, who has been going along with the movement "For Education and With Education", to create favourable conditions for the education and training of our province, to make it progress steadily and well.

We appreciate our accomplishment, but still some deficiencies we must constrain, namely the discrepancy between the scale of expansion and the raise of educational quality, the betterment of educational quality and the effect of education in ethnic areas, remote and difficult areas, better facilities to improve vocational education for the educational service personnel, new methods of teaching, revision of orders and regulations in school administration, and restraint of the negative effect of "home tutoring."

Recognizing the true strength of our department, abiding by Uncle Hồ's thoughts on education, understanding the

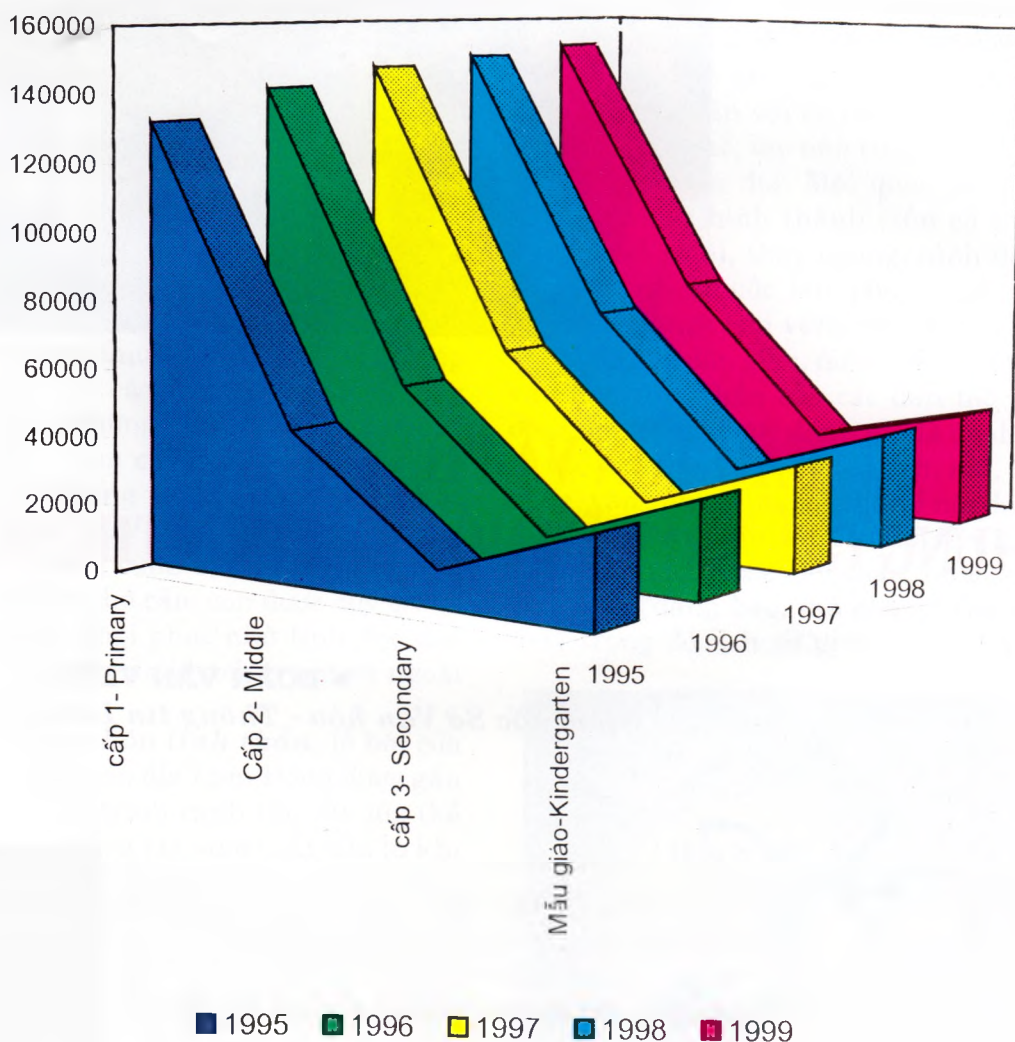
Second Resolution of the Party (the Eight Congress) about the role of education to serve the construction and protection of our country, a Socialist Vietnam, Lam Dong education along with other provinces must continue adjusting and renewing approaches to education and training to provide well-trained people to effectively serve the construction of the nation and the city. This will be shown in the Ninth National Congress of the Party and in the Seventh Party Meeting of Lam Dong.

This will be the real direction of education for the first years of the twenty first century, to prepare Vietnam to transfer into the era of economy of knowledge.■



HỌC SINH CÁC CẤP PHỔ THÔNG VÀ MẪU GIÁO

GRADE PUPILS - KINDERGARTEN



Khôi phục và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Trong Ảnh: Lễ hội thác Pongour.
Recovering and developing traditional culture. In photo: A festival at Pongour Fall.



BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

■ ĐOÀN VĂN VIỆT

Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin Lâm Đồng



ói đến giá trị (di sản) văn hóa truyền thống các dân tộc bản địa Lâm Đồng là nói đến những cái bất biến được duy trì trong suốt quá trình lịch sử làm thành cái quý báu của nền văn hóa này. Những giá trị ấy sẽ tiếp tục tồn tại trong thời đại văn minh và góp phần làm giàu cho bản thân dân tộc đó và cho đất nước. Bài viết này xin giới thiệu một số yếu tố về giá trị văn hóa vật chất (vật thể) và văn hóa tinh thần (phi vật thể) của các dân tộc gốc Tây Nguyên ở Lâm Đồng.

Về **văn hóa vật chất** của các dân tộc Tây Nguyên ở Lâm Đồng, có 3 yếu tố nổi bật:

- **Thứ nhất**, “Những ngôi nhà dài”. Những ngôi nhà dài không chỉ là nơi sinh sống của các thành viên trong một gia đình, mà còn là nơi lưu giữ, trưng bày những bộ chiêng - ché cổ quý giá, được đồng bào trân trọng, giữ gìn như “vật thiêng”, “tài sản có giá trị”.

- **Thứ hai**, các nghề thủ công như: đan lát, kim hoàn, rèn sắt..., đặc biệt nghề dệt thổ cẩm rất đa dạng, độc đáo,

gây ấn tượng bởi cách phối màu và đường nét hoa văn.

- **Thứ ba**, rượu cần, một thức uống gắn bó từ lâu đời với người dân bản địa. Rượu cần không chỉ là thức uống bình thường, mà là phương thức ứng xử văn hóa độc đáo (nhất là trong dịp lễ hội). Vì vậy, rượu cần - một nghệ thuật ẩm thực đã trở thành yếu tố văn hóa đặc sắc trong truyền thống văn hóa của các cư dân bản địa.

Trong quá trình giao lưu và hòa nhập, nhìn chung văn hóa vật chất các dân tộc gốc Tây Nguyên ở Lâm Đồng đã và đang chịu sự tác động và sức ép mạnh mẽ của các phương tiện và lối sống hiện đại. Những ngôi nhà dài đang bị mất dần, hiện chỉ còn lại ở một số nơi vùng sâu, vùng xa của người Mạ ở Lộc Bắc, Lộc Nam (Bảo Lâm). Các nghề truyền thống cũng bị mai một, duy chỉ có nghề dệt thổ cẩm còn được duy trì và đang được khôi phục nhờ tính độc đáo và sự hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

Về **văn hóa tinh thần**, lễ hội của các dân tộc bản địa Lâm Đồng được gắn liền với chu trình canh tác cây lúa (kể cả lúa nương và lúa nước) bắt đầu từ khi gieo hạt đến lúc thu hoạch. Mùa lễ hội có nhiều tiểu lễ nhưng quan trọng và quy mô hơn cả là lễ mừng lúa mới (người Mạ và người Kơ Ho có lễ Nhô R'He, người Chu Ru có lễ Nhum Hơma). Không chỉ thế, đồng bào còn có những lễ hội mang màu sắc tín ngưỡng (lễ cúng thần rừng, thần nước...), hay là những phong tục, tập quán của cộng đồng và cá nhân (lễ ăn trâu kết nghĩa, ăn trâu mừng thọ cha mẹ...). Lễ hội chính là dịp để cư

dân bản địa thực hành tín ngưỡng truyền thống, - tín ngưỡng đa thần. Đây thực sự là hoạt động văn hóa, một nhu cầu sinh hoạt và giao lưu văn hóa của đồng bào bản địa cho dù theo nhiều tôn giáo khác nhau. Trong những lễ hội truyền thống, biểu trưng đậm nét nhất là sự cộng cảm giữa các cá nhân với cá nhân và giữa cá nhân với tập thể, tạo nên tính cộng đồng của cư dân bản địa. Mỗi quan hệ cộng đồng ấy được hình thành trên cơ sở tự nguyện, thân ái, thủy chung, bình đẳng và được ràng buộc bởi phong tục, tập quán, nên tính bền vững rất cao.

Văn học dân gian, điểm nổi bật trong văn hóa tinh thần của các dân tộc bản địa Lâm Đồng, được đánh giá là đa dạng về thể loại (huyền thoại, cổ tích, hài, ngụ ngôn, văn vần...), phong phú về nội dung. Đây không chỉ là những câu chuyện, khúc ngâm phản ánh "thế giới quan, nhân sinh quan" của đồng bào, mà còn có thể tìm thấy trong đó lịch sử phát triển của xã



Một tiết mục tham dự Liên hoan hát ru & dân ca toàn tỉnh 2000.

A performer at The provincial festival of lullabies & folk songs 2000.

hội tộc người. Bên cạnh văn học dân gian, phải kể đến âm nhạc dân gian. Các dân tộc bản địa dùng nhiều loại nhạc cụ có chất liệu khác nhau với những phương thức chế tác độc đáo. Đặc tính âm nhạc của các loại nhạc cụ phụ thuộc rất lớn vào khả năng sử dụng của từng nghệ nhân. Sự đơn điệu trong làn điệu (hát kể, hát đối đáp, tự sự, giao duyên) được bù đắp bằng sự duyên dáng, biểu cảm, gần gũi trong ca từ, trong hơi thở của tiếng chiêng, tiếng kèn bầu... cùng nét uyên chuyên của từng điệu múa. Chính âm nhạc dân gian đã góp phần làm phong phú văn hóa tinh thần của người dân tộc bản địa.

Thực hiện Nghị quyết TW5 (khóa VIII) về “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, sự nghiệp phát triển văn hóa - thông tin ở Lâm Đồng xác định nhiệm vụ trọng tâm là: Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa, khôi phục và phát triển những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc; đồng thời chú trọng hình thành những giá trị mới phù hợp với cuộc sống hiện tại của đồng bào, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa địa phương.. Xuất phát từ mục tiêu đó, ngành Văn hóa Thông tin đặc biệt quan tâm xây dựng một số mô hình hoạt động tiêu biểu sau:

Chọn điểm đầu tư xây dựng mô hình **Làng văn hóa dân tộc cổ truyền** ở các vùng đồng bào Kơ Ho, Mạ, Chu Ru. Qua đó, bảo lưu giữ nguyên gốc kiến trúc **nhà dài**, bảo quản các hiện vật **chiêng, ché** cô; khôi phục cách thức sản xuất các dụng cụ sản xuất; khôi phục và phổ biến những giá trị đặc sắc nghệ thuật dân gian.

Tiếp tục nhân rộng mô hình **Làng dệt thổ cẩm mạ Bungo** (Cát Tiên); khôi phục và phát triển các nghề đang có nguy cơ mai một như: **Làng nghề đan lát của người Kơ ho, làng nghề rèn sắt, gốm...**



Đêm công chiêng. Ảnh: Lý Hoàng Long
Night of gongs Photo: Ly Hoang Long

Khuyến khích và tạo điều kiện để các dân tộc bản địa tổ chức những **Lễ hội văn hóa** tiêu biểu của tộc mình như: Mơnhum, Hơma của người Chu Ru. Chính trong môi trường lễ hội nghệ thuật dân gian mới có điều kiện tồn tại và phát triển.

Hình thành và phát triển mô hình **Du lịch văn hóa** nhằm tận dụng, khai thác tiềm năng di sản văn hóa các dân tộc bản địa vào việc phát triển du lịch. Xem đó là một thế mạnh, là một “nét riêng đặc sắc” để thu hút du khách trong và ngoài nước đến Lâm Đồng. ■

PRESERVING AND BRINGING TRADITIONAL CULTURAL VALUES INTO FULL PLAY

■ DOAN VAN VIET

Director of Lam Dong Department of Culture and Information



alking about traditional cultural values (or heritages) of the ethnic aborigines in Lam Dong is the same as talking about the immutabilities that have been preserved during history, forming the value of this culture. Those values will exist in civilized age and give a hand to enrich the ethnic community itself as well as the country. This writing is to introduce some characteristics of material cultural values and some of intellectual cultural values of the Central Highlands ethnic communities in Lam Dong.

There are three main characteristics of the material culture:

- First, it is the "long houses". These "long houses" are not only places for members of families to live in, but also places to keep and show sets of antique and precious gongs and big-belly jars, which have been carefully stored as sacred or valuable things by the ethnic people.

- Second, it is handicraft: knitting, jewellery, forging...and especially the original and diversified brocade weaving which is very inspiring because of its colours and designs.

- Third, it is *can* wine, a kind of drink which has been attached with the ethnic aborigines for a long time. *Can* wine is not only a normal kind of drink, but also a striking cultural symbol, especially in festivals. Therefore, *can* wine, a part of gastronomy, has become a peculiar cultural characteristic of the ethnic aborigines.

In the process of integration, in general, the Central Highlands material cultural values in Lam Dong have suffered from influences and pressures of modern facilities and lifestyle: the “long houses” have gradually disappeared, only a few remain in the outlying areas of the Ma people in Loc Bac, Loc Nam (Bao Lam district); the traditional crafts are dying out, except for brocade weaving, which is still preserved and being restored thanks to its originality and attraction towards tourists.

As for the intellectual culture, festivals of the ethnic aborigines in Lam Dong go together with rice cultivation (including rice grown in the field as well as in the water), from the sowing time to harvesting. There are many small festivals in a festival season, but the most important and largest of all is one to welcome new harvests (it's called *Nho R'He* festival of the Ma or K'Ho People, *Nhum Homa* of the Chu Ru people). Besides, the people also have religious festivals such as ones in which they worship the God of the forest or God of the water, or ones representing tradition or customs of the community or individual, for example, buffalo-eating festival to twins

or buffalo-eating festival to wish longevity for parents ... A festival is an opportunity for the people to practise their traditional religions, polytheistic religions. This is really a cultural activity and exchange and the aborigines' demand despite their different religions. In traditional festivals, the most striking thing is the empathy between individual and individual, between individual and collective, creating a relationship in the community. That relationship is formed on the basis of voluntariness, cordiality, faith, equality and is tied down by the traditions and customs, so it will last for long.

One distinguished feature in intellectual culture of the ethnic aborigines in Lam Dong, folklore, is estimated to be abundant in contents as well as forms: legends, fairy tales, humorous stories, fables, rhythmic prose.... They are not only stories or elegies to show the people's world outlook or outlook on life, but also we can discover in them the developmental history of human beings' society. Apart from folklore, we should mention folk music. The ethnic aborigines can play many musical instruments made of different materials and with original modes. The musical

Lễ hội dưới chân núi
Langbian.
*Festival at the foot of
Langbian mountain.*



character depends greatly on the talent of each musician. The monotonous air in recitatives, antiphonies and some other forms is offset by the grace, expressiveness and closeness in verses, in the sound of gongs, *ken bau* (a gourd- shaped flute) ... together with lissom dances. It is folk music that contributes to the rich intellectual culture of the ethnic aborigines.

To realize Central resolution No.5 (session VIII) on " Building a Vietnamese advanced culture with national character", the cultural and information development in Lam Dong identifies the major task as preserving and promoting aboriginal cultural values, restoring and developing the distinguished traditional cultural values, and paying much attention to forming new values which fit the people's present life and the process of industrialisation and modernisation in the area. Prompted by that aim, the culture and information sector is especially interested in building some targets as follow:

- Choosing a place to construct a pattern of *Traditional cultural ethnic villages* in the areas of the K'Ho, Ma, Chu Ru people, where the architecture of "long houses" remains the same, the antique gongs and big-belly jars are preserved, methods of making production tools restored, the original values of folk arts restored and popularised.

- Continuing to multiply the pattern of *The Ma's Bungo brocade- weaving village* (in Cat Tien district), restoring and developing craft villages which are in danger of dying out, such as: the *K'Ho's knitting village; iron- forging villages; pottery- making villages...*

- Encouraging and offering good conditions for the ethnic communities to hold *Cultural festivals* of their own such as: Monhum, Homa of the Chu Ru people. It is in these festival environments that folk arts can exist and develop.

- Forming and developing the pattern of *Cultural tourism* in order to effectively use and exploit the potential cultural heritages of the aboriginal ethnic communities in tourist development; taking this as a strong posture, a special feature to attract national and international tourists.■



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA

■ NGUYỄN TRỌNG HOÀNG

*Giám đốc Sở Lao động -
Thương binh & Xã hội Lâm Đồng*



ất cứ một chương trình phát triển kinh tế xã hội nào của một đất nước cũng như của một địa phương, thành hay bại thường xuất phát từ một số yếu tố cơ bản như: tài nguyên thiên nhiên, vốn, công nghệ và lao động.

Tỉnh Lâm Đồng, với điều kiện thuận lợi về đất đai, rừng núi, khoáng sản và khí hậu là những nguồn tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên khá dồi dào, nếu có chính sách thông thoáng có thể thu hút được vốn và công nghệ không những của các địa phương khác trong nước mà cả của nước ngoài vào khai thác tiềm năng để phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của nhân dân trong tỉnh. Các yếu tố trên mới chỉ giữ được vai trò cần thiết quan trọng, chứ chưa thể quyết định sự phát triển kinh tế xã hội của một địa phương nếu như chất lượng lao động còn thấp. Có thể nói, trình độ lao động hay chất lượng của nguồn nhân lực là yếu tố quyết định nhất cho sự phát triển kinh tế xã hội. Trình độ nghề nghiệp của người lao động thấp thì tài nguyên, vốn và công nghệ cũng sẽ trở thành lãng phí, và tất yếu dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp. Do đó, yêu cầu tập trung đào tạo nghề nghiệp cho người lao động chính là đầu tư cho phát triển, một việc làm hết sức cần thiết trong lúc này và cho lâu dài về sau.

Vào năm cuối thế kỷ XX này, ở Lâm Đồng có 577.000 người trong độ tuổi lao động, chiếm 56% dân số, trong đó có 481.000 người đang tham gia hoạt động kinh tế thường xuyên, 58% lao động của tỉnh ở độ tuổi khá trẻ (dưới 35 tuổi). Người lao

động ở Lâm Đồng có một cái nền về văn hóa tương đối cao và hàng năm còn bổ sung thêm từ 1.000 đến 1.200 sinh viên tốt nghiệp từ các trường trung cấp, cao đẳng, đại học trong và ngoài tỉnh về địa phương cộng với gần 5.000 học sinh học xong phổ thông trung học nhưng chưa tốt nghiệp phổ thông hoặc tốt nghiệp phổ thông nhưng không vào các trường đại học...

Những con số trên nói lên rằng lực lượng lao động ở tỉnh ta khá dồi dào, có trình độ học vấn căn bản làm cơ sở cho việc đào tạo nghề nghiệp và nhanh chóng tiếp thu khoa học kỹ thuật mới, sẵn sàng để được tham gia vào các chương trình kinh tế xã hội của địa phương, kể cả tham gia xuất khẩu lao động. Người lao động ở Lâm Đồng có mức thu nhập còn thấp, bình quân năm 1999 mới đạt 258.000 đồng/người/tháng và hầu hết họ đều cần cù, chịu khó làm việc, có ý thức học hỏi và chấp hành nội quy, chấp hành luật pháp khá nghiêm túc. Đó chính là nguồn lực ban đầu cần thiết cho những quyết định đầu tư trong nước cũng như kêu gọi hợp tác đầu tư của nước ngoài vào các dự án phát triển kinh tế của tỉnh nhà. Nhưng để nguồn nhân lực đó trở thành nội lực thực sự mạnh cho việc gọi vốn, thu hút công nghệ, khai thác tiềm năng thiên nhiên thì phải đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp đào tạo nghề nghiệp cho người lao động. Bởi thực chất hiện nay toàn tỉnh chỉ đạt 12% người lao động qua trường lớp đào tạo, trong đó chỉ có 4,2% là công nhân kỹ thuật các loại, và trình độ bậc thợ bình quân trong các xí nghiệp nhà nước chỉ mới đạt 2,65/7 trong lúc đó tỉnh ta hiện có 18 cơ sở dạy nghề, phần lớn là cơ sở nhỏ đào tạo không quá 20 nghề, thu hút

khoảng 1.800 người học nghề hằng năm, 90% số này học nghề ngắn hạn từ 3 - 6 tháng. Với trình độ như vậy thì khó có thể tạo ra hiệu quả trong việc sử dụng vốn, công nghệ và khai thác tiềm năng, càng khó khăn để cạnh tranh về chất lượng hàng hóa, khó tham gia vào thị trường xuất khẩu lao động và càng khó cho việc giải quyết việc làm.

Vấn đề đào tạo nghề và nâng cao trình độ nghề nghiệp cho người lao động là trách nhiệm không chỉ của Nhà nước, của xã hội mà còn là của chính bản thân người lao động. Trước hết, mỗi thanh niên lớn lên phải tự thấy rằng ra sức học tập trang bị cho mình có một nghề nghiệp hẳn hoi thì sẽ tìm được việc làm tốt, việc làm sẽ ổn định và tay nghề càng cao thì thu nhập sẽ tăng theo. Trong thời đại ngày nay, bên cạnh trang bị nghề nghiệp, người lao động cũng cần phải học thêm ngoại ngữ ở trình độ nhất định để đọc tài liệu, để giao tiếp trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhất là khi thị trường của các nước ASEAN hòa nhập vào nhau và khi cần có thể tham gia lao động xuất khẩu.

Về phía Nhà nước, nên ưu tiên dành một nguồn kinh phí tương xứng cho công tác đào tạo nghề, đầu tư cả cơ sở vật chất trang thiết bị máy móc dạy nghề, cơ sở thực tập; đào tạo giáo viên dạy nghề... Cũng cần có những chính sách khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế đi vào đầu tư cho lĩnh vực dạy nghề như chính sách cho vay vốn, chính sách miễn giảm thuế và các loại

Lớp trẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số Lâm Đồng.

Ảnh: HHN

The young generation in the ethnic region of Lam Dong.

Photo: HHN





Photo: PV

DEVELOPING HUMAN FORCE TO SERVE INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION

■ NGUYEN TRONG HOANG

*Director of Lam Dong Service of Labor,
War Invalids and Social Welfare*

khuyến khích ưu tiên khác, kể cả cho phép nước ngoài liên kết với các thành phần kinh tế trong tỉnh để mở các trường dạy nghề. Mặt khác, ngành chức năng sẽ phải làm tốt hơn nữa công tác quản lý Nhà nước, kiểm tra, giám sát, thống nhất giáo trình dạy nghề cho từng loại ngành nghề, đảm bảo độ đồng đều về chất lượng đào tạo, thi cử, đảm bảo học viên tốt nghiệp ở tất cả các cơ sở dạy nghề trong tỉnh đều có chất lượng ngang nhau trên từng loại ngành nghề và có thể đi làm việc bất cứ nơi nào trong tỉnh, ngoài tỉnh cũng như đạt chất lượng để tham gia xuất khẩu lao động.

Chúng ta đang bước vào thế kỷ XXI, với dự báo là trình độ khoa học kỹ thuật thế giới sẽ phát triển như vũ bão và đất nước ta cũng trên đường tiến mạnh lên công nghiệp hóa hiện đại hóa. Để giành được mục tiêu đó, có lẽ một trong những việc phải được ưu tiên đầu tư đó là xây dựng nguồn nhân lực trong đó cần thiết phải trang bị và không ngừng nâng cao trình độ nghề nghiệp cho người lao động, xem đó là điểm tựa của hệ thống đòn bẩy để thực hiện các chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. ■

The success of any social economic development programs of any country or local area depends on basic factors including : natural resources, capital, technology and labor.

Lam Dong province, with favorable conditions of land, forests, mineral resources and climate as potentials of abundant natural resources, open policies, can attract capital and technology not only from other areas in the country but also from foreign companies coming to exploit the potentials to develop the economy and improve the living standard of people in the province. The above factors, though playing an important role, can't determine the social-economic development of the province if labor quality is low. It is possible to say that labor skill or quality of the work force is the decisive factor for social-economic development. If the work-

ers' qualification is low, natural resources, capital and technology will be wasted, and consequently the economic effect will be low. Therefore, focussing on vocational training for the labor force is investment for development, a very necessary action at present and in the long run.

In the last years of the 20th century, Lam Dong has 577,000 people at working age, accounting for 56% of the population, of which 481,000 people engage in regular economic activities, 58% of the province's labor force are at rather young age (below 35). Lam Dong work force has a pretty high educational level and is annually added from 1000 to 1200 graduates from middle schools, colleges, universities in and outside the province together with nearly 5000 pupils finishing high school education who have not yet graduated or have graduated but failed the university entrance examination.

The above figure shows that Lam Dong work force is rather rich with the basic educational level as the foundation for career training and quick acquisition of new scientific and technological knowledge, ready to join the local social-economic programs including labor-export programs. Lam Dong workers still have low income - in 1999, on average of 258,000dong/person/month - but most of them work hard, yearn for knowledge and abide by the law. They are the necessary basic force to make domestic investment decisions as well as to appeal to foreign investment cooperation in Lam Dong economic development projects. But in order for the work force to become the really strong internal force to call for capital, attract technology, exploit natural resources, it is necessary to push up vocational train-

ing for workers. Actually, the whole province now has 12% of trained workers, of whom only 4.2% are technical workers; the average worker standard in state enterprises reaches only 2.65/7 while our province now has 18 training centers, most of them are small ones training not more than 20 trades, attracting about 1800 apprentices annually, 90% of whom have short-term apprenticeship of 3-6 months. With such standard, it is difficult to create efficiency in using capital, technology and potential exploitation, and is even more difficult to compete in goods quality, to join labor-export market and to solve unemployment.

The problem of vocational training and increase of trade efficiency for the work force are the responsibilities not only of the State and society but of the workers as well. First of all, each youth must realize that studying hard to provide himself with good vocational skills will enable him to have a good and stable job, and the better his skills, the higher income he will have. Nowadays, besides professional knowledge, people need to know foreign languages at a certain level to read materials and to communicate in joint-ventured businesses, especially when the markets of ASEAN countries integrate, and to join the labor-export programs when necessary.

For the Government's part, it is advisable to reserve a proper expenditure for vocational training, training equipment, workshop, training teachers, etc. It is necessary to have policies to encourage all economic sectors to invest in the training field such as capital-lending policy, tax-exempting policy and other priority encouragement, and even allow foreign companies to join the economic sectors in the province to open vocational schools. On the other hand, responsible branches have

to perform better state management, inspect, supervise and standardize vocational text-books for each kind of trade, ensure the unity of training quality, examination process for graduates of all vocational centers in the province to have equal quality in each trade, to be able to work anywhere in or outside the province and to be well-qualified for labor export.

with the prediction that the international scientific-technological standard will develop enormously and our country is strongly approaching industrialization and modernization. To achieve that target, perhaps one of the activities for priority investment is constructing the work force: incessantly equipping and increasing vocational knowledge for the work force, considering it the fulcrum of the level system to perform social-economic programs of the province. ■

We are entering the 21st century,

6. DÂN SỐ PHÂN THEO HUYỆN CỎ ĐẾN 31-12 POPULATION BY DISTRICTS AS OF 31-12

Người - Persons

	1995	1996	1997	1998	Số bộ <i>prel.</i> 1999
Tổng số - Total	854.710	891.077	932.473	976.946	1.020.602
1. Đà Lạt	129.061	142.582	153.980	159.120	166.230
2. Bảo Lộc	132.969	136.115	131.462	134.058	140.049
3. Lạc Dương	21.624	22.000	22.728	24.175	25.255
4. Đơn Dương	69.360	67.642	76.358	79.970	83.544
5. Đức Trọng	125.454	122.749	133.854	135.665	141.727
6. Lâm Hà	95.955	104.359	109.848	121.818	127.262
7. Bảo Lâm	76.960	79.841	79.995	85.974	89.816
8. Di Linh	103.429	112.653	117.360	126.748	132.412
9. Đa Huoai	25.399	27.041	28.762	29.602	30.925
10. Đa Tịch	40.023	40.849	42.497	42.898	44.815
11. Cát Tiên	34.476	35.246	35.629	36.918	38.567

Ghi chú: Dân số thị xã Bảo Lộc năm 1997 có sự điều chỉnh.

Note : The population in Bao Loc townlet is readjusted in 1997



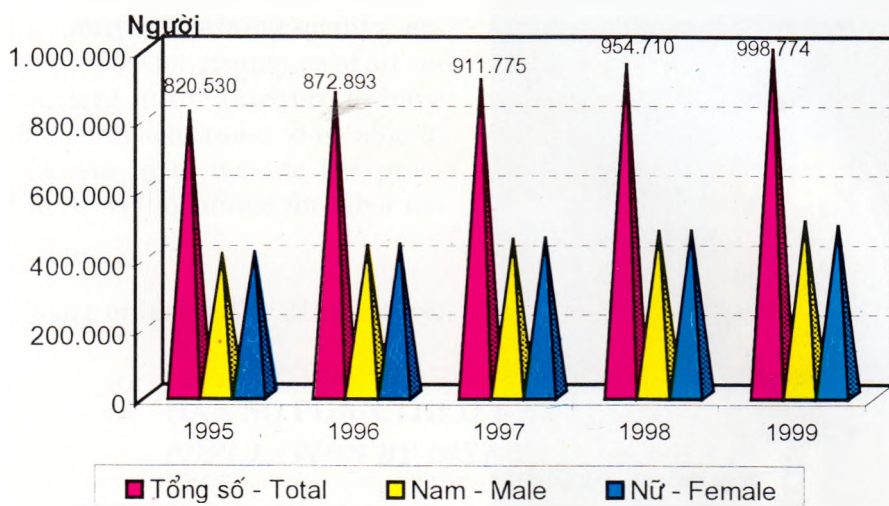
Photo: LHL

**9A. DÂN SỐ TRUNG BÌNH NĂM 1998 PHÂN THEO GIỚI TÍNH,
THÀNH THỊ - NÔNG THÔN VÀ PHÂN THEO HUYỆN**
**AVERAGE POPULATION IN 1998 BY SEX, BY URBAN - RURAL
AND BY DISTRICTS**

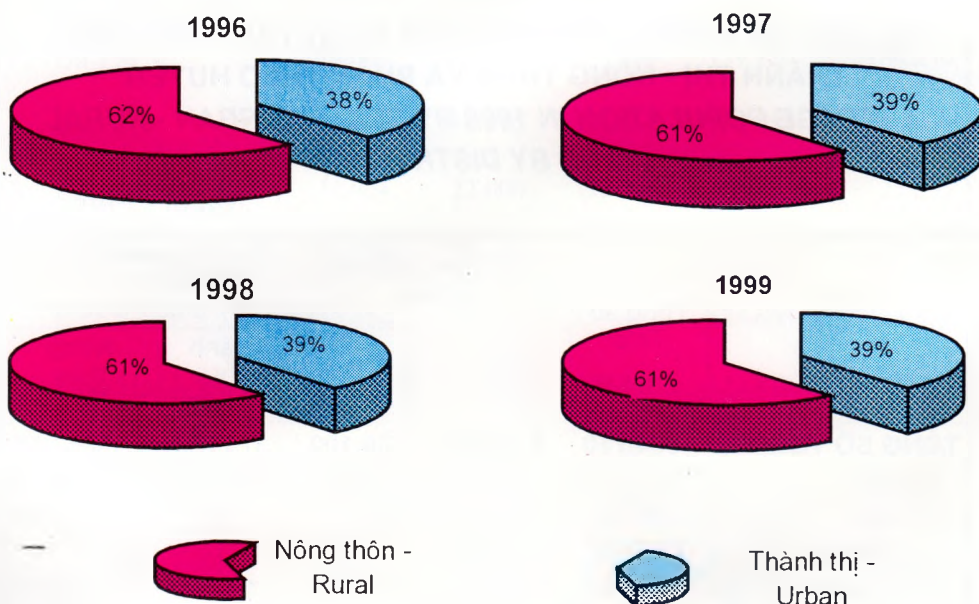
Người - Pers

	Tổng số <i>Total</i>	Phân theo giới tính <i>By sex</i>		Phân theo thành thị, nông thôn <i>By urban & rural</i>	
		Nam <i>Male</i>	Nữ <i>Female</i>	Thành thị <i>Urban</i>	Nông thôn <i>Rural</i>
TỔNG SỐ TOTAL	954.710	478.608	476.102	370.354	584.356
1. Đà Lạt	156.550	76.849	79.701	138.306	18.244
2. Bảo Lộc	132.760	66.113	66.647	80.329	52.431
3. Lạc Dương	23.451	11.631	11.820	-	23.451
4. Đơn Dương	78.164	39.212	38.952	27.780	50.384
5. Đức Trọng	134.760	67.442	67.318	35.426	99.334
6. Lâm Hà	115.833	59.003	56.830	27.097	88.736
7. Bảo Lâm	82.984	41.368	41.616	11.814	71.170
8. Di Linh	122.054	61.507	60.547	15.320	106.734
9. Đà Huoai	29.182	14.846	14.336	12.430	16.752
10. Đà Tẻh	42.698	22.221	20.477	14.933	27.765
11. Cát Tiên	36.274	18.416	17.858	6.919	29.355

DÂN SỐ TRUNG BÌNH 1995 - 1999
AVERAGE POPULATION 1995 - 1999



CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO THÀNH THỊ - NÔNG THÔN
POPULATION STRUCTURE BY URBAN - RURAL





NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

CHI NHÁNH TỈNH LÂM ĐỒNG

BANK FOR INVESTMENT & DEVELOPMENT OF VIETNAM - LAM DONG BRANCH

Hân hạnh được phục vụ Quý khách hàng với các dịch vụ sau:

- 1- Huy động tiền gửi bằng đồng Việt Nam và Ngoại tệ của các Tổ chức Kinh tế và dân cư dưới các hình thức không kỳ hạn và có kỳ hạn với lãi suất hấp dẫn.
- 2- Thực hiện nghiệp vụ Tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với mọi thành phần kinh tế bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.
- 3- Cho vay các dự án tài chính nông thôn thuộc nguồn vốn quỹ phát triển nông thôn (RDF) với lãi suất ưu đãi.
- 4- Cho vay tài trợ Xuất nhập khẩu trong các lĩnh vực thu mua, chế biến cà phê, chè, điều và rau quả xuất khẩu...
- 5- Thực hiện các loại nghiệp vụ bảo lãnh dự thầu, thực hiện hợp đồng thi công xây lắp, cho vay đồng tài trợ các dự án có quy mô lớn.
- 6- Thực hiện dịch vụ mua bán, thu đổi ngoại tệ và thanh toán nhanh qua mạng vi tính trên toàn quốc.
- 7- Kinh doanh khách sạn với hệ thống phòng ngủ trang bị hiện đại, đầy đủ tiện nghi và đội ngũ tiếp viên ân cần, lịch sự.

Mọi chi tiết xin liên hệ tại:

*** HỘI SỞ CHÍNH:**

- **Địa chỉ:** Số 30 Trần Phú - Tp Đà Lạt - Lâm Đồng

Điện thoại: 063.821608 - 823992

Fax: 063.821152

*** CHI NHÁNH TRỰC THUỘC:**

1- Chi nhánh Bảo Lộc: Địa chỉ: Số 52 Lê Thị Pha - Bảo Lộc - Lâm Đồng.

Điện thoại: 063.864830

2- Phòng giao dịch số 1: Địa chỉ: Số 42 Khu Hòa Bình - Tp Đà Lạt - Lâm Đồng

Điện thoại: 063.822490

Hiệu quả kinh doanh của khách hàng là mục tiêu hoạt động của BIDV Lâm Đồng!

It's our honor to serve you with the following services:

- 1- Bank deposits with or without term in Vietnamese and foreign currencies for all economic organizations and individuals home and abroad with attractive interest rates.
- 2- Short-, mid- & long-term loans in Vietnamese and foreign currencies to clients of all economic segments.
- 3- Loans for rural credit projects belonged to the Rural Development Fund (RDF) with favorable interest rates.
- 4- Funding capital services for import & export targeting the agricultural products such as coffee, tea, cashew nuts and frozen vegetable.
- 5- Guarantee services for bidding contractions, executing construction projects, and co-funding for large-scale projects.
- 6- Services of foreign exchange and quick payment via national computer network.
- 7- Trading in hotel business with well-equipped, modern rooms and dedicated personnel.

Contact address:

Head Office:

30 Tran Phu St. - Da Lat - Lam Dong

Tel: 063.821608 - 823992 - Fax: 063.821152

Branch Offices:

1. Bao Loc Branch:

52 Le Thi Pha St. - Bao Loc - Lam Dong

Tel: 063.864830

2. Exchange Office No. 1:

42 Hoa Binh Block - Da Lat - Lam Dong

Tel: 063.822490

The efficiency of our clients' business is the main concern of BIDV Lam Dong.



Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn TỈNH LÂM ĐỒNG



Trụ sở: 21B đường Trần Phú - TP Đà Lạt & các Chi nhánh trực thuộc trên khắp địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 063.822613 - 822689 - 828364 - 828365. Fax: 063.821059.

Chi nhánh chúng tôi hiện đang thực hiện các nghiệp vụ:

- Nhận tiền gửi nội tệ, ngoại

tệ không kỳ hạn, có kỳ hạn của các tổ chức kinh tế và cá nhân trong và ngoài nước, hình thức gửi tiền phong phú và đa dạng, lãi suất hợp lý.

- Cung ứng vốn nhanh, đáp ứng kịp thời cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, kinh doanh tổng hợp, phát triển kỹ thuật với hình thức tín dụng ngắn hạn, trung hạn cho mọi thành phần kinh tế.

- Thực hiện tín dụng tài trợ xuất nhập khẩu, cho vay tiêu dùng, trả góp.

- Thực hiện thanh toán nội địa - đặc biệt chuyển tiền nhanh qua mạng vi tính, chuyển tiền đi nước ngoài qua mạng Swift.

- Tiếp nhận vốn tài trợ, ủy thác của các tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước.

- Kinh doanh ngoại tệ - mua bán, trao đổi - chi trả kiều hối cho các cá nhân có thân nhân ở nước ngoài gửi tiền về, cất trữ giấy tờ có giá.

Chúng tôi có mạng lưới các chi nhánh trực thuộc trong tỉnh được tiếp nối hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn toàn quốc. Chúng tôi có hệ thống phương tiện kỹ thuật tiên tiến với đội ngũ cán bộ, viên chức đủ năng lực, trình độ, với tinh thần phục vụ nhiệt tình, chu đáo đáp ứng được yêu cầu trên lĩnh vực ngân hàng cho Quý khách.



LAMDONG BANK OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT

**Office: 21B Tran Phu St. - Da Lat & Direct Branches all over Lam Dong Province
Tel: 063.822613 - 822689 - 828364 - 828365. Fax: 063.821059**

We offer the following services:

- Bank deposits with or without term in Vietnamese and foreign currencies for all economic units, organizations and individuals home and abroad, with varieties of services and reasonable interest rates.

- Short- & mid-term credit services for quick loan capital to facilitate all demands of production, general trade and technological development for all economic segments.

- Funding credit services for import & export, common uses, and installment payment.

- Quick domestic payment services via computer network and foreign transfer services via Swift network.

- Receiving funding and entrusting capital for all economic units, organizations and individuals home and abroad.

- Services of foreign exchange, payment of overseas Vietnamese deposits, and safe-keeping valuable documents.

Our provincial network of direct branches have connections with the national system of the Bank of Agriculture & Rural Development. Our advanced technology and skilled, dedicated personnel will satisfy all your needs in banking services.



Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt

Hiệu trưởng: Thạc sĩ Nguyễn Công Danh

Điện thoại: NR: 822485 - DD: 091934407

- Thành lập: 06.10.1976

- Địa chỉ: 29 Yersin - Phường X Đà Lạt

- Điện thoại: 822489

- Fax: (063) 83472

* 3 phòng chức năng:

- Phòng Tổ chức - Chính trị HSSV
- Phòng Đào tạo - Bồi dưỡng - NCKH
- Phòng HCTH

* 5 khoa chuyên môn:

- Khoa Khoa học - Xã hội
- Khoa Khoa học - Tự nhiên
- Khoa TD - Nhạc - Họa
- Khoa Tiểu học
- Khoa Mầm non.
- 178 CB, GV, CNV (50 Thạc sĩ, 5 NCS Tiến sĩ)
- Đào tạo 14.000 giáo viên, bồi dưỡng 5.000 giáo viên
- Đang đào tạo 2.100 HSSV, bồi dưỡng 800 HSSV, HV

* Chức năng, nhiệm vụ:

- Đào tạo tập trung chính quy các loại hình

Giáo viên: THCS, Tiểu học, Mầm non trình độ CDSP

và Giáo viên MN trình độ THSP.

- Bồi dưỡng tại chức đạt chuẩn và trên chuẩn cho giáo viên THCS, TH, MN, bồi dưỡng CBQL trường THCS, TH, MN.
- NCKH: Các đề tài khoa học giáo dục, các đề tài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Hợp tác đào tạo giáo viên chuyên ngành với:

- Tổ chức tình nguyện Hải ngoại (VSO) của vương quốc Anh.
- Đại học Sư phạm Dunedin (New Zealand)
- Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh
- Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh
- Học viện Lục quân Đà Lạt.

125 CB, GV, CNV được tặng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục.

Trường và CB, GV, CNV được tặng nhiều Bằng khen của Bộ GD-ĐT, Bộ Công an, TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Thanh niên Việt Nam và của UBND tỉnh Lâm Đồng.

**Quang cảnh sân trường
trong ngày khai giảng
Schoolyard overview on the
opening day of a school term.**



Đ/c Nguyễn Tấn Phát, Ủy viên TW Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ GD-ĐT đến thăm trường
Mr. Nguyen Tan Phat, Central Party Commissioner, Standing Vice-Minister of Education & Training, visiting the College.

DALAT COLLEGE OF PEDAGOGY

Established: 06 Oct. 1976

Address: 29 Yersin – 10th Precinct

– Da Lat – Tel: 82489 – Fax: 834732

Headmaster: Nguyen Cong Danh, MA

– Tel: 822485 (home)

– Mobile: 091934407

3 management departments:

- Department of Organization & Politics for Students
- Department of Training, Education & Research
- Department of General Administration

5 major departments:

- Department of Social Science
- Department of Natural Science
- Department of Athletics, Fine Arts & Music
- Department of Elementary Education
- Department of Pre-Elementary Education

The total personnel are 178 with 50 MAs and 5 MA post-graduates. Has trained 14,000 teachers, educated 5,000 teachers.

The college is training 2,100 students and educated 800 students.

Functions:

- Official training of teachers of high schools, elementary schools and pre-elementary schools.
- In-service training and refresher courses for teachers and administrators of high schools, elementary schools and pre-elementary schools.
- Researches in educational science and other subjects to serve local socio-economic development.
- Co-operating to train specialized teachers with:
 - + Voluntary Student Organization (VSO) of UK.
 - + Dunedin University of Pedagogy of New Zealand.
 - + Conservatory of HCM City.
 - + Fine Arts University of HCM City
 - + Da Lat Military Academy

125 officers, teachers and workers of the College have been awarded medals "For the Cause of Education". The College and its staff have been awarded many diplomas of merit from the Ministry of Training & Education, the Ministry of Police, the Central Committee of Ho Chi Minh Communist Youth Union, Vietnam Youth Association and Lam Dong People's Committee.



Giờ học họa trên sân trường
Art-training in the schoolyard





CÔNG TY DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT DALATTOSERCO

- Văn phòng: 04. Trần Quốc Toản - TP Đà Lạt, ĐT: 84.63.826027, Fax: 84.63.833956.
- Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh: 21. Nguyễn An Ninh, quận 1, ĐT: 84.8.8230227,
Fax: 84.8.8232258, Email: dalattoserco@hcm.vnn.vn
- Chi nhánh tại Hà Nội: 40. Châu Long, phường Trúc Bạch - quận Ba Đình
ĐT: 84.4.7160627 - Fax: 84.4.7160628.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

KS. Anh Đào **

50-52. Khu Hòa Bình, ĐT: 63.822384,
Fax: 63.823570.

KS. Mimosa - Thanh Thế & Cao Nguyên

170-118-90. Phan Đình Phùng,
ĐT: 63.822180, Fax: 63.832275.

KS. Cẩm Đô

81. Phan Đình Phùng,
ĐT: 63.822732, Fax: 63.830273

KS. Lâm Sơn

05. Hải Thượng, ĐT: 63.822362.

KS. Phú Hòa

16 Tầng Bạt Hổ, ĐT: 63.822194.

KS. Thanh Bình

40. Nguyễn Thị Minh Khai,
ĐT: 63.822909.

KS. Hòa Bình I, II

64 - 67. Trương Công Định,
ĐT: 63.822787.
Email: peace12@hcm.vnn.vn.

CTCP Du lịch Ngọc Lan **

42. Nguyễn Chí Thanh,
ĐT: 63.822136, Fax: 63.824032.

CTCP Du lịch Bảo Lộc

795 - Trần Phú - TX Bảo Lộc,
ĐT: 63.864107 - 862610.

Xí nghiệp Vận chuyển và Hướng dẫn

09. Lê Đại Hành, ĐT: 63.822479,
Fax: 63.822479,
Email: dltoseco@hcm.vnn.vn.

Trung tâm Điều hành Hướng dẫn

07 - 3/2, ĐT: 63.822125,
Fax: 63.828330,
Email: ttdhhd@bdvn.vnd.net.

Khu du lịch thác Prenn

Đèo Prenn, ĐT: 63.827785 - 822278.

Khu du lịch thác Cam Ly

90. Hoàng Văn Thụ, ĐT: 63.824145.

Khu du lịch thác Bobla

Liên Đầm - Di Linh - Lâm Đồng,
ĐT: 63. 871901 - 871902.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Xây dựng, khai thác kinh doanh các thác Prenn, Cam Ly, Bobla, Liliang: 30 tỉ đồng. Xây dựng mới khách sạn Cẩm Đô ** (trên 60 phòng): 5 tỉ đồng.

Hiện hành được hợp tác với các đơn vị, cá nhân trong nước và quốc tế thực hiện dự án đầu tư.

Quý Khách cần taxi
xin vui lòng gọi

830830

DALATTAXI
phục vụ 24/24



DALAT TOURIST SERVICE COMPANY DALATTOSERCO

Office: 4 Tran Quoc Toan St. - Da Lat - Tel: 84.63.826027 - Fax: 84.63.833956
Branch in HCM City: 21 Nguyen An Ninh St., District 1 - Tel: 84.8.8230227 - Fax: 84.8.8232258
Email: dalattoserco@hcm.vnn.vn
Branch in Hanoi: 40 Chau Long St., Truc Bach Precinct, Ba Dinh District - Tel: 84.4.7160627
- Fax: 84.4.7160628

AFFILIATE UNITS

Hotel ANH DAO **

50-52 Hoa Binh Block - Tel:
63.822384 - Fax: 63.823570

Hotel MIMOSA, THANH THE & CAO NGUYEN

170 - 118 - 190 Phan Dinh Phung
St. - Tel: 63.822180 - Fax: 63.832275

Hotel CAM DO

81 Phan Dinh Phung St.
- Tel: 63.822732 - Fax: 63.830273

Hotel LAM SON

05 Hai Thuong St. - Tel: 63.822362

Hotel PHU HOA

16 Tang Bat Ho St. - Tel: 63. 822 194

Hotel THANH BINH

40 Nguyen Thi Minh Khai St.
- Tel: 63.822909

Hotel HOA BINH I, II

64-67 Truong Cong Dinh St.
- Tel: 63.822787
- Email: peace12@hcm.vnn.vn

INVESTMENT PROJECTS

Building and launching into business the waterfalls of Prenn, Cam Ly, Bobla, Liliang: VND. 30 b. Renovating Hotel Cam Do to ** class (over 60 rooms): VND 5 b. WELCOME ALL CO-OPERATION FROM ORGANIZATIONS AND INDIVIDUALS HOME AND ABROAD FOR THE INVESTMENT PROJECTS.

Taxi for you?
Please call

830830

DALATTAXI
Round-the-clock services

NGOC LAN Tourist Joint-stock Company **

42 Nguyen Chi Thanh St.
- Tel: 63.822136 - Fax: 63.824032

BAO LOC Tourist Joint-stock Company

795 Tran Phu St. - Bao Loc Town
- Tel: 63.864107-862610

TRANSPORTATION & TOUR GUIDE ENTERPRISE

09 Le Dai Hanh St.
- Tel: 63.822479 - Fax: 63.822479
- Email: dltoseco@bdvn.vnd.net

OPERATION CENTER

07 3/2 St.
- Tel: 63.822125 - Fax: 63.828330
- Email: ttdhhd@bdvn.vnd.net

PRENN Tourist Attraction

Prenn Pass - Tel: 63.827785-822278

CAM LY Tourist Attraction

90 Hoang Van Thu - Tel: 63.824145

BOBLA Tourist Attraction

Lien Dam - Di Linh, Lam Dong
- Tel: 63.871901-871902

CHIẾN LƯỢC CHĂM SÓC BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN

■ **BS LÊ THÁI**

Giám đốc Sở Y Tế Lâm Đồng

HỰC TRẠNG NGÀNH Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG

Về tổ chức bộ máy, ngành Y tế Lâm Đồng có mạng lưới được hình thành rộng khắp các địa bàn trong tỉnh. Tổng số cán bộ viên chức của ngành tính đến thời điểm 30/6/2000 có khoảng 2.600 người và gần 1.000 nhân viên y tế cộng đồng ngày đêm tận tụy phục vụ sức khỏe nhân dân tỉnh nhà. Trong đó, cán bộ đại học và trên đại học có hơn 400 người. Bình quân có 26,6 CBYT/10.000 dân; 4,8 BS/10.000 dân; 20,9 GB/10.000 dân.

Về cơ sở vật chất, phần lớn các cơ sở điều trị đều tiếp thu từ chế độ cũ nên đến nay đã hư hỏng, xuống cấp. Nhiều năm qua ngành đã và đang tập trung đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây mới để phù hợp với yêu cầu hoạt động trong hiện tại và tương lai. Hiện chỉ còn 10 trạm y tế xã phải hoạt động lồng ghép với ủy ban xã hoặc phòng khám đa khoa khu vực, hoặc mượn nhà dân để làm việc.

Về trang thiết bị, các cơ sở điều trị tuyến tỉnh được trang bị máy móc tương đối đầy đủ đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh; trong khi các cơ sở điều trị tuyến huyện và tuyến xã còn thiếu thốn, đặc biệt là thiếu các thiết bị phục vụ công tác hồi sức cấp cứu và các chuyên khoa...

Về mô hình bệnh tật, những đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh Lâm Đồng làm phát sinh những vấn đề về môi sinh, vệ sinh môi trường



Đưa thiết bị hiện đại vào công tác khám chữa bệnh.
Modern equipment used for diagnosis and treatment.

có ảnh hưởng đến sinh thái, sức khỏe và bệnh tật của con người. Lâm Đồng nằm trong vùng sốt rét lưu hành nặng, luôn có nguy cơ xảy ra dịch bệnh nhiễm trùng, sốt rét, sốt xuất huyết... Tình trạng ô nhiễm môi trường, việc di dân tự do không kiểm soát được cùng với diễn biến phức tạp của thời tiết, khí hậu đã ảnh hưởng đến tình hình bệnh tật của nhân dân. Ngoài ra, thành phố Đà Lạt là điểm du lịch đã và đang phát triển mạnh, hàng năm thu hút nhiều khách du lịch từ trong và ngoài nước đến tham quan nghỉ dưỡng đem lại thu nhập nhưng cũng là thách thức cho ngành Y tế trong việc phòng chống bệnh tật, chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho mọi người dân. Điều này đặt ngành Y tế trước những vấn đề phải quan tâm giải quyết: Vệ sinh thực phẩm, ngộ độc thực phẩm, các bệnh xã hội, bệnh nghề nghiệp...

Trong khi đó, nguồn kinh phí còn khó khăn cho nên chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế của ngành Y tế. Hàng năm, ngân sách chi cho hoạt động thường xuyên và phát triển sự nghiệp y tế chỉ đảm bảo được 50-60%.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN

1. Mục tiêu tổng quát: Giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ

và làm cho giống nòi ngày càng phát triển.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Giảm tỷ lệ mắc bệnh, chết do sốt rét hàng năm; loại bỏ nguy cơ xảy ra dịch bệnh; cung cấp đủ muối iốt cho người dân, giảm tỷ lệ bướu cổ.

- Hạn chế tối đa bệnh giun sán, giảm số bệnh nhân mắc bệnh đường ruột nói chung và các bệnh tiêu chảy nói riêng, hạn chế tối đa các trường hợp tử vong do tiêu chảy. Đảm bảo trên 80% số dân có nguồn nước sạch, xây dựng 90% số hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh.

- Đảm bảo 100% số cụm xã miền núi có phòng khám đa khoa khu vực; 100% số trạm y tế có đủ thuốc thiết yếu cung cấp đến tận thôn buôn; 100% số thôn, buôn có nhân viên y tế hoạt động.

- Đến 2005, 100% trạm y tế có điện thoại liên lạc với bệnh viện huyện; 100% các bệnh viện tuyến huyện, thành phố, thị xã có khoa y học cổ truyền - phục hồi chức năng, triển khai chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng. Đến năm 2010, tất cả các xã đều có trạm y tế xây dựng theo mẫu thiết kế mới; các bệnh viện huyện và tỉnh đều được nâng cấp sửa chữa, bổ sung đủ trang thiết bị; 100% số xã có bác sỹ làm việc.

3. Định hướng:

Một số định hướng lớn phát triển chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân tỉnh nhà. Cụ thể là:

- Tiếp tục thực hiện tốt các quan điểm của Đảng về công tác y tế theo hướng chủ

động, tích cực chăm lo bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày một tốt hơn, toàn diện hơn, công bằng hơn, đưa sự nghiệp bảo vệ sức khỏe nhân dân lên tầm cao mới.

- Tăng cường xã hội hóa công tác y tế nhằm huy động mọi nguồn lực để đầu tư cho sự nghiệp chăm lo bảo vệ sức khỏe nhân dân và xây dựng phát triển ngành theo hướng: Khoa học, dân tộc, đại chúng.

- Phát huy thế mạnh của địa phương về dược liệu như Artichaut, Canh kina để đưa ngành dược của tỉnh ngày càng phát triển, đáp ứng nhu cầu thuốc trong tỉnh, từng bước vươn ra chiếm lĩnh thị trường ngoài tỉnh và khu vực.

- Tăng cường hợp tác quốc tế để đầu tư vào công tác dự phòng; bảo vệ môi trường sinh thái; chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em; xây dựng các bệnh viện tỉnh, huyện và các nhà nghỉ - điều dưỡng; đầu tư trang thiết bị hiện đại cho các cơ sở y tế; đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi, trồng các cây, nuôi các con làm thuốc.

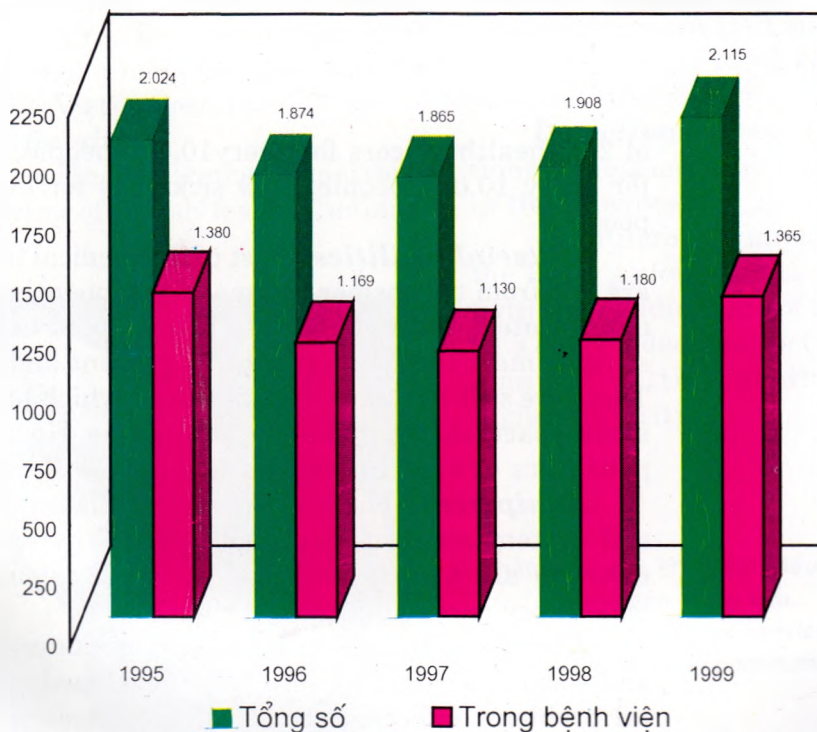
Tuyến xã có từ 4-6 CBVC, trong đó

phải có từ 1-2 bác sĩ, có cơ sở từ 3-5 giường bệnh đủ trang bị y khoa, đủ 3 công trình vệ sinh, có điện, có nước sạch, có tủ lạnh, xe máy, ampli, tivi, loa tay để hoạt động tốt, đưa chính sách của Đảng tới người dân, góp phần ổn định chính trị - xã hội cơ sở.

Tuyến huyện có hệ thống y tế hoàn chỉnh, và có đủ 3 hệ công tác: Dự phòng, điều trị, dược; 3 tuyến cấp cứu khám chữa bệnh ở từng huyện, trung tâm huyện, phòng khám khu vực, y tế xã, phường, thị trấn, có từ 50-100 giường bệnh; 4 khoa chính: Nội - Ngoại - Sản - Nhi là những BS chuyên khoa I, II, các khoa lẻ Mắt - Tai mũi họng - Răng hàm mặt đều có BS chuyên khoa về kỹ thuật, từng bước giải quyết hết trung phẫu.

Tuyến tỉnh: Tập trung xây dựng 3 trung tâm khám chữa bệnh chất lượng cao, nâng cấp trường Trung cấp Y tế thành trường Cao đẳng hoặc khoa Y của trường Đại học Y khoa thành phố Hồ Chí Minh hoặc trường Đại học Đà Lạt. ■

GIƯỜNG BỆNH - HOSPITAL BEDS





REAL SITUATION OF LAM DONG'S PUBLIC HEALTH:

Constitution: A health service network has broadly settled in Lam Dong. The number of medical cadres recorded up to 30th June 2000 is approximately 2,600; together with them are nearly 1,000 health officers working dedicatedly day and night to serve people in the province. More than 400 of them have finished university or post-graduation. The province has approximately a personnel

THE STRATEGY OF PROMOTING PEOPLE'S HEALTH CARE

■ Dr. LE THAI

Director of Lam Dong Health Department

of 26.6 health officers for every 10,000 people, 4.8 doctors for every 10,000 people, 20.9 sick-beds for every 10,000 people.

Material facilities: Most of the medical installations are left from the former regime. Consequently, they have deteriorated, and now need to be upgraded and enlarged so as to meet the requirements of present and future use. There are still 10 commune infirmaries which have to share some space in the People's Committee House, in local polyclinics or even in people's houses.

Equipment: The treatment installations of provincial system are quite well equipped. Whereas, those of districts are still inadequate, especially equipment for emergency cases and in specialties.

Diseases: On account of Lam Dong's natural, economic and social characters, there have developed environmental problems affecting ecological conditions and people's

health. Lam Dong is located in a region where malaria circulates and it is usually in danger of infectious diseases, marsh fever, haemorrhage, etc. On the other hand, pollution, uncontrollable migration, climatic changes as well as the many kinds of tourists visiting Dalat every year, all of these bring out a challenge to the Public Health in bringing health care to the masses, upholding the fairness in health care. This raises many problems for the Public Health to solve: food hygiene, food poisoning, social and professional diseases, etc.

Unfortunately, medical expenditure has never met the requirements. The annual budget for regular and developmental medical service only covers 50-60% of the operational costs.

ORIENTING IN CONSERVING AND TAKING CARE OF PEOPLE'S HEALTH IN LAM DONG:

General aims: Decreasing the rate of disease contraction; raising physical strength; raising longevity and helping improve the Vietnamese race.

Specific aims:

- Decreasing the rates of contracting and dying of marsh fever; eliminat-

ing the danger of epidemics; supplying enough salt with iodine for people so as to decrease the rate of goitre.

- Restraining as much as possible diseases from parasitical worms; decreasing the number of patients getting intestinal diseases in general and namely diarrhoea, restraining as much as possible deaths of diarrhoea; ensuring sources of safe water for 80% of the inhabitants, and helping 90% of the families to build hygienic latrines.

- Ensuring 100% of the mountain villages local polyclinics, 100% of the medical stations essential medicines, and 100% of the communes health officers.

- By 2005: 100% medical stations will have telephones connecting to district hospitals; 100% hospitals of districts, towns and cities will have departments of traditional medicine and rehabilitation; developing programmes of rehabilitation with the community's assistance. By 2010, all the communes will have newly- designed stations; hospitals in districts and in province system will be renovated and replenished with equipment; 100% communes will have doctors.

Directions: These are some directions to develop health care for people in the province:

- Continuing to implement actively the Party's view- points in medical activities; providing care of people's health in a more adequate, better and fairer manner; putting medical care at a higher- priority.



Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho
người dân vùng sâu.

*Preliminary health care services for
people in faraway communes.*

- Intensifying medical socialization in order to mobilize every resource for people's health care and developing Public Health based on science nationality and socialization.

- Promoting local strong points, especially in herbal medicine such as Artichoke, Cinchona etc. so as to make the Province Pharmaceutical products known in the area and countrywide.

- Intensifying international collaboration to invest in preventive medicine, to conserve the ecological environment, to take care of mothers' and children's health, to build hospitals and sanatoriums, to equip medical installations, and to invest in producing medicines.

In communes: There must be from 4 to 6 health officers and 1 or 2 doctors, a well- equipped medical station with 3 to 5 sick- beds, 3 toilets, electricity, safe water, a refrigerator, a motorcycle, an amplifier, a TV set, and a hand loud-speaker in order to operate efficiently

and to bring the Party's policies to the people, helping stabilize the political and social situation in the commune.

In districts: There must be a complete medical service with 3 medical branches: Prevention, Treatment, and Pharmacy; 3 lines for emergency and treatment in each of the districts; local infirmaries; health care stations in towns, villages, communes; 50 – 100 sick- beds; 4 main departments: Internal medicine, Surgery, Obstetrics, Paediatrics, with specialised doctors; other departments (Ophthalmology, Otorhinolaryngology, Odontostomatology) with specialists to perform medium surgical operations.

In the province: Concentrating on constructing high- quality health centres; developing the Medical Middle-School into a Medical College or into the Medical Department of the Medical School in Ho Chi Minh City or at the University of Dalat. ■





Vườn dược liệu. Ảnh: Diệu Hiền.
Medicinal herbs garden. Photo: Dieu Hien

NGUỒN DƯỢC LIỆU PHONG PHÚ

■ Ds. NGUYỄN THỌ BIÊN

Phó Giám đốc Sở Y tế Lâm Đồng



Lâm Đồng có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, trong đó có nhiều cây con dùng làm thuốc để chữa bệnh. Toàn tỉnh hiện có 881 loài cây thuốc thuộc 176 họ thực vật và 43 động vật làm thuốc. Những họ thực vật có nhiều cây làm thuốc là họ cúc (Asteraceae) 62 loài, họ đậu (Fabaceae) 40 loài, họ thầu dầu (Euphorbiaceae) 39 loài, họ cà phê (Rubiaceae) 29 loài, họ hoa môi (Lamiaceae) 23 loài, họ cà (Solanaceae) 22 loài...

Một số cây thuốc quan trọng là đẳng sâm (*Codonopsis javanica*), lưỡi ươi (*Scaphium lynchro phorum*), thiên niên kiện (*Homalomena occulla*), vàng đắng (*Coscinium fenestratum*), cầu tích (*Cibotium barometz*), hoàng liên ô rô (*Mahonia nepalensis*), thổ phục linh (*Smilax glabra*), bồ cốt toái (*Drynaria fortunei*). Các loại cây có tinh dầu như bạc hà (*Mentha Arvensis*), màng tang (*Litsea cubera*), sả (*Symbopogon nardur*)...

Một số dược liệu rất phù hợp với đất đai khí hậu của Lâm Đồng như Actiso (*Cynara Scolymus L*), Canh ki na (*Cinchona Sp*), thông đỏ (*Taxus chinensis (Pilg) rehd*), nấm linh chi (*Ganoderma lucidum*), lan gấm (*Anoecilus Roxburglihayata*).

Các cây thuốc nước ngoài được di thực nghiên cứu trồng tại Lâm Đồng như: bạch chỉ (*Angelica dahurica*), bạch trạch (*Atractylodes macrocephala Koiz.*), ba gạc hoa đỏ (*Rauwolfia serpentina (h)*), dương địa hoàng (*Digitalis purpurea L.*) dương cam cúc (*Matricaria chamomill L.*), cà Úc (*Solanum laciniatum Ait.*), địa hoàng (*Rehmania glutinosa Gaertn.*), hà thủ ô đỏ (*Polygonum multiflorum Thumb.*), huyền sâm (*Scrophularia ningpoensis*), hoàng bá (*Phellodendron*

amurense Rupr.), tục đoạn (*Dipsacus aspes* Wall), vân mộc hương (*Sausurea Lappa* Clarke), xuyên khung (*Ligusticum Wallichii* Frnch.), tam thất (*Panaxpseudo ginseng* Wall.)...

Một số cây thuốc ở các tỉnh khác được đưa về trồng tại Lâm Đồng như hồi (*Illicum verum* Hook), quế (*Cinna-momum* Sp), sâm ngọc linh (*Panax Vietnamensis* Ha et Grushv.)...

Các cây thuốc được phân bố tại các địa phương trong tỉnh như: Đà Lạt, Lạc Dương: 471 loài; Bảo Lộc, Bảo Lâm: 455 loài; Đức Trọng, Lâm Hà: 439 loài; Di Linh: 372 loài; Đơn Dương: 366 loài; Đa Huoai, Đà Tèh, Cát Tiên: 315 loài.

Cây thuốc mọc tự nhiên chiếm 75%, cây trồng 25%; trong đó, cây thuốc làm cảnh 63 loài, cây thuốc thuộc cây ăn quả 4 loài, cây thuốc làm rau ăn 61 loài...

Các cây thuốc có công dụng chính theo nhóm chữa bệnh bao gồm: chữa cảm sốt, chữa lỵ, chữa giun sán, chữa ho hen, chữa đau dạ dày, chữa cao huyết áp, chữa bệnh tim, chữa bệnh tai mũi họng, chữa về bộ máy tiêu hóa, chữa phong thấp, chữa bệnh ngoài da, chữa bệnh gan mật, chữa mất ngủ, thuốc bồi dưỡng cơ thể...

Tại tỉnh Lâm Đồng, các động vật dùng làm thuốc có 43 loài. Trong đó, động vật sống trên cạn 37 loài, động vật sống dưới nước 6 loài, động vật hoang dã 38 loài,

động vật nuôi 5 loài. Xếp theo nhóm chữa bệnh: các loại động vật dùng để chữa bệnh đau nhức 7 loài, chữa ho sốt 5 loài, chống tụ máu 2 loài, chữa hen suyễn 3 loài, bồi dưỡng cơ thể 12 loài, dùng ngoài 6 loài...

Các loại dược liệu có tại Lâm Đồng đã được nghiên cứu ứng dụng chữa bệnh tại các phòng chẩn trị y học cổ truyền, các bệnh viện và được các xí nghiệp dược phẩm sản xuất để lưu hành trên thị trường trong nước và ngoài nước.

Từ cây atisô dùng lá tươi nấu cao trong điều kiện áp suất giảm, nhiệt độ thấp để sản xuất ra cao mềm chế thành viên chophitol, cynaphitol, hoàn atisô, ống uống chữa các bệnh về gan mật, hạ cholesterol trong máu... Từ bông, thân, rễ atisô khô, sản xuất ra các loại trà uống thanh nhiệt, mát gan, an thần... Từ vỏ cây canhkina, dùng làm thuốc bổ đắng... Từ củ vân mộc hương, vỏ vàng đắng, sản xuất thành viên chữa bệnh đường ruột. Từ các loại tinh dầu, sản xuất ra các loại dầu xoa dùng ngoài chữa cảm sốt, xoa bóp trị các loại sâu bọ cắn... Các loại cây thuốc được di thực từ Trung Quốc đem trồng tại Đà Lạt đa số là thuốc đầu vị dùng trong các bài thuốc cổ truyền y học dân tộc...

So sánh với cả nước, Lâm Đồng là một tỉnh có nguồn dược liệu phong phú đa dạng, không những có các cây thuốc ở vùng nhiệt đới mà còn có cây thuốc ở vùng ôn đới. Đất đai Lâm Đồng rộng, thích hợp với nhiều loại cây thuốc do đó có thể tổ chức trồng trọt, chế biến tại chỗ. Tuy nhiên cần có kế hoạch khoanh vùng bảo vệ, tổ chức khai thác, thu mua hợp lý để cây thuốc tự nhiên được phát triển.

Bước sang thế kỷ XXI, hy vọng được nhiều nhà khoa học, nhà kinh tế trong nước và ngoài nước đầu tư hợp tác nghiên cứu, khai thác, trồng trọt, chế biến, tiêu thụ những cây thuốc có tại Lâm Đồng, nhằm biến vùng dược liệu phong phú này thành tiềm năng, hiện thực sản xuất được nhiều mặt hàng thuốc phòng và chữa bệnh để phục vụ cho nhân dân và xuất khẩu. ■



A DIVERSE RESOURCE OF PHARMACEUTICAL MATERIALS

■ NGUYEN THO BIEN, Pharmacist
Vice Director of Lam Dong Health Department

 Lam dong possesses rich natural resources, some of which are medicinal saplings. There are 881 medicinal plants species of 176 plant families and 43 species of medicinal animals all over Lam dong nowadays. Plant families containing many medicinal plants are: Chrysanthemum Family (Asteraceae) 62 species, Bean Family (Fabaceae) 40 species, Castor oil Family

(Euphorbiaceae) 39 species, Coffee Family (Rubiaceae) 29 species, Labiate Family (Lamiaceae) 23 species, Aubergine Family (Solanaceae) 22 species.

Some important medicinal plants: *Codonopsis Javanica*, *Scaphium lychro phonum*, *Homalomeae occula*, *Coscinium fenestratum*, *Cibotium barometz*, *Mahonia nepalensis*, *Smilax glabra*, *Drynaria fortunei*, ethereal oil plants such as *Mentha Arvensis*. Some medicinal plants are considered to be very much adapted to the climate and the soil of Lam dong:

Cynara Scolymas L, *Cinchona* Sp, *Taxus chinensis* (Pilg) rehd, *Gano-derma*

lucidum, *Anoechilus Rox burgli-hayata*.

Some overseas plants have been introduced: *Angelia dahurica*, *Atractylode macrocephala koidz*, *Rauvolfia serpentina* (h), *Digitalis purpurea* L. *Matricaria chamomill* L. *Solanum laciniatum* Ait, *Rhemanina glutinosa* Gaerth, *Polygonum multiflorum* Thumb, *Scrophularia ningpoensis* *Phellodendrom amurense* Rupr, *Dipsacus aspeswall*, *Sausureae lappa* Clarke, *Lingusticum wallichii* Franch, *Panax pseudo-ginseng wall*. Some from other provinces are also planted in Lam Dong: *Illicum verum* Hook, *Cinnamomum* sp, *Panax Vietnamensis* Ha et Grushv,

In Lam dong, medicinal plants are distributed in different parts of the province: Dalat, Lac duong 475 species, Bao loc, Bao lam 455 species, Duc trong Lam ha 439 species, Dilinh 372 species, Don duong, Da hoai, Da teh, Cat tien 315 species.

Wild medicinal plants come to 75 %, and home-grown ones 25 %. Ornamental medicinal plants consist of 63 species, medicinal pants belonging to fruit trees

46 species, and medicinal plants as vegetables 61 species. They are also classified according to their healing properties:

Colds and fevers, Dysentery, Helminthiasis, Cough and asthma. Stomach-ache, Hypertension, Heart disease, Ear-Nose and Throat disease, Digestive disease, Rheumatism, Skin lesion, Disorders of the liver, Insomnia, and Tonic.

In Lam Dong, medicinal animals are composed of 43 species, 37 of which are land animals, 6 water animals, 38 wild animals and 5 tamed animals. According to their healing properties, medicinal animals for gnawing pain come to 7 species, 5 for cough and fevers, 2 for anti-thrombosis, 3 for asthma, 12 as tonics, 6 for external uses.

Pharmaceutical materials of many kinds in Lam Dong have been used based on folk experience. Many of them have had varied healing applications in traditional medicine consulting rooms and in hospitals and have been produced as goods for home as well as foreign markets.

People simmer fresh artichoke leaves under low pressure and low temperature in order to produce extract to concoct Chopitol, Cynaphitol, Artichoke pills, and solutions for healing disorders of the liver, and for decreasing cholesterol in blood. Dried flowers, stems and roots of Artichoke are used to produce anti-febrile tea of many kinds, Hepatic, Sedative. Cinchona bark is to produce malaria medicines, heart disease medicines. Cinchona powder is also used as tonics. Medicines for disorders of the bowel can be produced from bulbs and bitter yellow bark of Saussurea, Lappa Clarke, and Liniment for colds and fevers, insect-bites

from Thereal oil. Most of the medicinal plants transferred from China to Dalat are galenic medicaments used for traditional prescriptions.

Compared with other provinces, Lam Dong is rich in a diverse resource of pharmaceutical materials which comprises not only tropical but also temperate -zone medicinal plants. The land of Lam Dong is large, suitable for many types of medicinal plants. Therefore the cultivation and processing can be put in the same place. However, protection zones should be formed and rational exploitation must be paid attention to in order for the medicines plants in natural to grow lushly.

It is expected that in the 21st century, more local and foreign scientists, businessmen will cooperate and invest in cultivating, processing and consuming the medicinal plants of Lam Dong in order to change this diverse land of pharmaceutical materials into an area with the ability of producing preventives and cures to serve the people and to export. ■

Canhkina đã chế biến.
Processed cinchona.



THỂ THAO LÂM ĐỒNG - NHỮNG THỂ MẠNH CHƯA ĐƯỢC KHAI THÁC HẾT

■ TRẦN KỲ BA

Q. Giám đốc Sở Thể dục - Thể thao Lâm Đồng



ằm trên độ cao từ 700m - 1.500m so với mặt biển, Lâm Đồng có ưu thế để phát triển các bộ môn TDTT đặc thù của vùng núi.

Ngay từ khi mới thành lập, Đà Lạt với ưu thế khí hậu của mình và là một khu du lịch nghỉ dưỡng lý tưởng nên người Pháp đã đưa lên đây một số môn đua ngựa, săn bắn, đua thuyền trên hồ Xuân Hương (CLB đua thuyền này dành cho người Pháp là các tầng lớp giàu có, quan lại triều đình nhà Nguyễn... tồn tại cho đến năm 1954 và sau đó ít lâu). Khoảng năm 1930, khi vua Bảo Đại từ Pháp về nước, đã cho làm tại Đà Lạt một sân Golf (gọi là sân Cù), 18 lỗ đầu tiên ở Việt Nam và của Đông Nam Á... Năm 1992 Công ty DRI (gồm tập đoàn DA NAO-HONG KONG và Công ty Du lịch Lâm Đồng đã cải tạo lại thành sân Golf 18 lỗ khá hiện đại.

Những năm 1960 ở Đà Lạt đã bắt đầu phát triển các môn võ thuật, những năm qua Đà Lạt - Lâm Đồng tiếp tục mở rộng hơn, có mặt đầy đủ các môn như: Võ cổ truyền, Aikido, Judo, Karaté, Teakwondo, Vovinam (Việt võ đạo), và gần đây còn có thêm môn Pencaksilat. Võ thuật là bộ môn được giới trẻ rất ưa chuộng đặc biệt là trong giới sinh viên, học sinh vì nhằm để tự vệ, nâng cao sức khỏe... Những năm gần đây, võ thuật Lâm Đồng thường chiếm vị trí khá cao trong các kỳ thi đấu quốc gia.

Bảo Lộc là một thị xã phát triển nhanh phong trào TDTT. Thị xã được coi là mô hình điểm khá tốt về việc xã hội hóa TDTT, với gần 10 hội thể thao quần chúng: Hội



Thi đấu cờ tướng. Ảnh: Văn Thương
A Chinese chess match. Photo: Van Thuong

Võ thuật, Hội Cầu lông, Hội Quần vợt, Hội Bóng bàn, Hội Bóng rổ... quy tụ khoảng 1.500 hội viên tập luyện thể thao thường xuyên. Các hội thể thao quần chúng đã góp phần phát triển thể thao trên địa bàn, và so với trong tỉnh ngay cả Đà Lạt, Bảo Lộc chiếm ưu thế hơn về Quần vợt, Cầu lông, Điền kinh. Đặc biệt ở môn Bóng rổ, từ phong trào, Hội Bóng rổ thị xã đã hình thành một đội bóng thi đấu ở giải hạng nhì trong nhiều năm. Mùa giải hạng nhì năm 2000 đội Bóng rổ Bảo Lộc xếp hạng 3, được Ủy ban TDTT đặc cách lên thi đấu ở giải hạng nhất quốc gia.

Một bộ môn thể thao khá phổ biến và phong trào phát triển khá mạnh trong tỉnh là môn Bóng đá. Nhiều huyện như: Di Linh, Đức Trọng... có 50 đội bóng tranh giải cấp huyện hàng năm. Đội Bóng đá nông dân N'Thol Hạ - Đức Trọng đã vào vòng chung kết giải nông dân toàn quốc tại Nghệ An năm 1998 và đoạt được Huy chương đồng (sau khi

vượt qua vòng loại khu vực 12 đội bóng của 12 tỉnh, thành). Đội tuyển Bóng đá Lâm Đồng được thành lập năm 1979, lúc đầu thi đấu ở hạng A2, năm 1983 lên hạng A1 và trong suốt 14 năm liền là đội bóng duy nhất của khu vực miền núi, Tây Nguyên trụ vững ở hạng đội mạnh. Thành tích cao nhất của bóng đá Lâm Đồng là xếp hạng 3 mùa giải vô địch quốc gia năm 1997.

Theo thống kê năm 1999, toàn tỉnh hiện nay có khoảng 123.500 người tập luyện thể thao thường xuyên, chiếm tỷ lệ 12% trên tổng số dân của tỉnh, toàn tỉnh hiện có 2.100 hộ gia đình thể thao. Phong trào TDTT phát triển khá mạnh trong khối CNVC, sinh viên, học sinh, nông dân, lực lượng vũ trang.

Điều bất cập hiện nay là cơ sở vật chất cho TDTT trong tỉnh còn quá thiếu thốn. Trong 11 huyện, thị, thành của tỉnh, rất ít huyện có một hệ thống cơ sở vật chất sân bãi được hoàn chỉnh (Sân vận động, nhà thi đấu...). Ngay tại Bảo Lộc, sân vận động chính hiện nay chỉ là một bãi đất, chưa có chỗ ngồi cho khán giả. Thị xã chưa có một nhà thi đấu có mái che hoàn chỉnh cho nên nhiều giải thể thao quốc gia tổ chức tại đây phải thi đấu ngoài trời và phụ thuộc rất lớn vào yếu tố thời tiết. Tại Đà Lạt, với ưu thế khí hậu của mình, mát mẻ quanh năm, nhiệt độ ban ngày ít khi nào lên quá 25°C nên khá lý tưởng cho tập luyện, thi đấu, nhất là mùa hè, thế nhưng các giải quốc gia không thể thi đấu tại đây

vì chưa có nhà thi đấu. Nhà thi đấu hiện nay của Đà Lạt được xây dựng vào những năm 1962-1963 nay đã lạc hậu vì không có chỗ ngồi cho khán giả, trần thấp, không có giàn đèn. Nhà thi đấu này lâu nay chỉ dùng để thi đấu một vài giải cấp tỉnh và làm nhà tập cho đội bóng đá Lâm Đồng. Cơ sở thể thao lớn nhất Đà Lạt hiện nay là sân vận động với sức chứa từ 10.000-12.000 người.

Trong những năm sắp đến, bên cạnh việc quy hoạch sắp xếp lại các Trung tâm Thể thao cấp huyện và cơ sở, ngành TDTT Lâm Đồng sẽ ưu tiên phát triển các môn thể thao là thể mạnh và các môn thể thao đặc thù miền núi, củng cố lại Đội tuyển Bóng đá Lâm Đồng để phấn đấu lên hạng chuyên nghiệp, duy trì Đội bóng Rổ Bảo Lộc ở hạng nhất, có kế hoạch bồi dưỡng, tuyển chọn các lớp năng khiếu ở các bộ môn như: Bóng đá, Bóng rổ, Cờ vua, Võ thuật, Điền kinh...; đồng thời, chú ý phát triển các bộ môn khác nhằm tạo nền tảng cho lâu dài.

Một hướng khác là thể thao Lâm Đồng sẽ kết hợp với du lịch để khai thác các thể mạnh khí hậu, cảnh quan,

môi trường như các bộ môn: Leo núi, Dù lượn, Đi xuống, Vượt thác, Đua ngựa trên sườn núi... Về cơ sở vật chất, tại Bảo Lộc, tỉnh đang chủ trương cải tạo xây dựng lại sân vận động thị xã, làm một nhà thi đấu có mái che với trang thiết bị bên trong đầy đủ như: Thảm thi đấu, giàn đèn... để có thể tổ chức thi đấu các giải quốc gia. Tại Đà Lạt, một nhà thi đấu hiện đại đang được thiết kế. Sân vận động Đà Lạt sẽ được xây dựng mới phù hợp với quy hoạch cùng với việc hình thành một khu liên hợp thể thao gồm: Nhà nghỉ cho VĐV, bể bơi nước nóng, khu thi đấu đa môn... Cái khó chính hiện nay là vốn, do đó phải đầu tư từng bước theo thứ tự ưu tiên. Ngoài ra, thực hiện chủ trương xã hội hóa, kêu gọi mọi người dân, mọi nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư vào lĩnh vực TDTT.

Trong tương lai Lâm Đồng nói chung, Đà Lạt, Bảo Lộc nói riêng sẽ còn phát triển mạnh mẽ về TDTT. Riêng Đà Lạt, một khi xã hội phát triển, nhu cầu nghỉ dưỡng, giải trí ngày càng tăng cao, du khách trên mọi miền đất nước đổ về đây thì đầu tư vào TDTT là một lĩnh vực hấp dẫn, hứa hẹn nhiều triển vọng. ■

**Giải bóng rổ vô địch
toàn quốc tại Bảo Lộc 4/2000.**

Ảnh: VT

***Basketball National Cup
in Bao Loc (April 2000).***

Photo: VT



SPORTS IN LAM DONG - THE ADVANTAGES NOT HAVING BROUGHT INTO FULL PLAY

■ TRAN KY BA

*Acting Director of the Lam Dong
Department of Sports and Gymnastics*

 Ituated on a height of 700-1,500 metres above the sea level, Lam Dong has the prerequisites to develop special mountain sports and games.

Da Lat is privileged with its climate and is an ideal resort. As soon as it was founded, the French brought here some sports and games: horse racing, boat racing on Xuan Huong lake (this boat-racing club was of the French, high-class people, the Nguyen court mandarin, etc. and existed until 1954 and a little later). In 1930 or so, when King Bao Dai returned home from France, he had a golf-course made in Da Lat (called Cu Hill) with 18 holes, which is the first in Vietnam and in SE Asia. In 1992, the DRI Company (including DANA-O-HONGKONG consortium and Lam Dong Tourist Company) renovated it to be a modern 18-hole golf course.

In the 1960s, there began to develop in Da Lat some martial arts schools, which have become more diversified in recent years with traditional martial art, Aikido, Judo, Karate, Taekwondo, Vovinam (Vietnamese martial art), and most recently Pencak silat. Martial arts are a favourite kind of sport among the youth, especially students and pupils because they help them to defend themselves, to improve their health. Recently, the martial arts of Lam

Dong have won some relatively high positions in national competitions.

Bao Loc is a town with quick development in physical culture and sports. It is considered a good experimental area in socializing physical culture and sports with about 10 sports clubs: Martial Art Club, Badminton Club, Tennis Club, Table-Tennis Club, Basketball Club... attracting about 1,500 members to practise regularly. These sports clubs have given good contribution in sports development in the area. Compared in the province, even with Da Lat, Bao Loc is better at tennis, badminton, athletics. Especially, in basketball, first it was practised as a movement, then it came into being a basketball team that has participated in the second-grade competitions for many years. In the 2000 second-grade season, the basketball team of Bao Loc ranked number three, and was exceptionally accepted by the Committee of Physical Culture and Sports to participate in the National first-grade competitions.

Another widely-practised sports game that has been developed in the province is football. Many districts such as Di Linh, Duc Trong... have 50 football teams to compete in the districts' annual football season. In 1998, the N'Thol Ha peasants' football team (Duc Trong district) finalized in the National Football Cup for Peasants held in Nghe An province and won the bronze

medal after defeating the other 12 teams of other cities and provinces during the local eliminating matches. Formed in 1979, initially, the Lam Dong select football team competed in the A2 cups; in 1983, in the A1 cup and for the next 14 years, it was the only football team of the Central Highlands (Tay Nguyen) to stay in the group of national highest category teams. The best achievement of the Lam Dong select football team up to now is the third grade in the 1997 National Championship.

According to the statistics collected in 1999, in the whole province now there are about 123,500 people practising sports regularly, occupying 12% of the total population; 2,100 households practising sports. The physical culture and sports movement has developed strongly with students, pupils, peasants, military personnel and State officials.

Still, there remains one disadvantage: the poor sports facilities. Among the 11 districts, towns and city of the province, a few have relatively adequate facility (stadium, sports house...) Even in Bao Loc, the main stadium available now is just a piece of bare land with no seats for spectators. The town doesn't have a roofed sports house; therefore, many national competitions held here have had to take place outdoors and depended a lot on the weather. As for Da Lat, with its climatic strong posture, which is mild all the year round and daytime temperature rarely over 25°C, it is a nice place for practice and competitions, especially in the summer. However, because of the lack of a sports house, it is impossible to hold national competitions here. Built in the years of 1962- 1963, the Da Lat sports house is getting out-of-date now since it doesn't have seats for spectators, the roof is low, and there are no light systems. This sports house has only been used for some provincial competitions and for the Lam Dong football team to practice. The biggest sports facility in Da Lat is the stadium with a capacity of 10,000-12,000 people.

In the coming years, apart from planning and rearranging sports centers in the district and the grassroots levels, the Lam Dong sports sector will prioritise developing the dominant and mountainous sports

and games, strengthening the Lam Dong select football team to strive for the professional rank, upholding the Bao Loc basketball team at the first rank, selecting and fostering gifted classes for football, basketball, international chess, martial arts, athletics, etc., and developing other sports and games as a foundation for the future.

Another trend for Lam Dong sport is to cooperate with the tourist sector to exploit the favourable climate, landscape, environment to develop special sports such as: mountain climbing, parasailing, canoeing, waterfall crossing, mountain horse racing, etc. As for the facilities, in Bao Loc, the provincial government is planning to restore and rebuild a stadium and a well-equipped gymnasium house with carpets used in competitions, light systems..for the town to hold national competitions. In Da Lat, a modern gymnasium is being designed. The Da Lat stadium will be built new to fit the plan together with a sports complex includes: a lodge for athletes, a hot-water swimming pool, a multi-purpose sports area..The biggest difficulty is capital, so they will be carried out in an order of priority. Furthermore, we need to socialise sports and call for everybody to invest in sports.

In the future, in Lam Dong, or specifically in Da Lat and Bao Loc, physical culture and sports will be strongly developed. As for Da Lat, social development together with the increase of demands in relaxation and entertainment will attract tourists from other parts of the country, and sports will become a promising land for investment. ■



Lớp võ cổ truyền. Ảnh: Văn Thương
Training traditional martial arts.
Photo: Van Thuong

ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT- VẬN HỘI VÀ THÁCH THỨC Ở NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

■ PGS.TS Khoa học
NGUYỄN HỮU ĐỨC

Hiệu trưởng trường Đại học Đà Lạt



ăm 2000 - năm khép lại thế kỷ XX đầy sôi động của nhân loại, cũng là năm mà Đại học Đà Lạt hoàn thành chặng đường một phần tư thế kỷ xây dựng và phát triển trong bối cảnh đất nước Việt Nam thống nhất bước vào công cuộc kiến thiết đầy khó khăn, thử thách sau chiến tranh. Chặng đường 25 năm ấy, đối với nhiều cán bộ của trường và đối với những ai đã từng quan tâm đến sự tồn tại và phát triển của Đại học Đà Lạt non trẻ trên vùng đất Nam Tây nguyên, có thể được nhìn nhận như là một chặng đường lịch sử đáng ghi nhớ. Những nỗ lực, những tình cảm buồn vui, những khó khăn, những vận hội và thách thức... của chặng đường hai mươi lăm năm cuối thế kỷ XX có thể đã và đang dần dần trở thành kỷ niệm, nhưng những thành quả của chặng đường vừa qua và những tiền đề được tạo ra từ những thành quả ấy đang là những điểm tựa đích thực và vững chãi cho tương lai của một Đại học Đà Lạt mong muốn trưởng thành và hưng thịnh cùng với sự tiến bộ vượt bậc của đất nước

và nhân dân Việt Nam trong thế kỷ tới.

Điểm lại hành trang để chuẩn bị bước vào thế kỷ mới, Đại học Đà Lạt đang có một cơ ngơi khang trang với nhiều hạng mục cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ đào tạo được đầu tư mạnh trong những năm gần đây. Trường cũng có một đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu đã đến độ chín về tri thức và tuổi tác, có một quy mô đào tạo lớn với đội ngũ người học trên 13.000 người và những mối quan hệ quốc tế với nhiều trường đại học lớn trên thế giới. Đại học Đà Lạt cũng đang có cơ hội để tham gia vào nhiều chương trình đầu tư phát triển của quốc gia cho ngành giáo dục đào tạo nước nhà, mà những cơ hội này chắc chắn sẽ tạo ra những bước đột phá trong sự phát triển của trường.

Trong hoạch định chiến lược để phát triển, Đại học Đà Lạt đã nhận diện rõ mục tiêu là sẽ phát triển thành một đại học đa ngành, đa lĩnh vực, làm động lực để chuyển giao khoa học, công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương thuộc địa bàn duyên hải Nam trung bộ, Tây Nguyên và phía Bắc của vùng Đông



Một giảng đường mới xây dựng
của Đại học Đà Lạt.
A newly-built auditorium of Dalat University

Nam bộ.

Trước những đòi hỏi rất nghiêm khắc của nhu cầu hội nhập, trước những tác động của xu thế tin học hóa, toàn cầu hóa, Đại học Đà Lạt đang tập trung nguồn lực để đầu tư vào những chương trình nâng cao chất lượng. Các mục tiêu cụ thể để phấn đấu là: tăng cường tính gắn kết với môi trường phát triển kinh tế-xã hội, hướng đến đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, hướng đến các tiêu chuẩn tri thức về đào tạo đại học của khu vực và của thế giới. Với những mục tiêu đó, các giải pháp đặt ra phải táo bạo, phải đủ mạnh; và trong bối cảnh hiện nay, các giải pháp ấy thoát nhìn có mang một chút màu sắc lãng mạn, nhưng là chất lãng mạn cần phải có khi chúng ta đang hướng đến một tương lai, một thế kỷ mới mà những dự báo về nó hết sức tươi sáng và mạnh mẽ nhờ niềm tin vào những thành tựu vượt bậc của khoa học và công nghệ.

Về cơ bản, trong định hướng phát triển của kế hoạch chiến lược trung hạn những năm đầu thế kỷ XXI, Đại học Đà Lạt mạnh dạn thực hiện đồng bộ những giải pháp sau đây:

1. Giải pháp công nghệ đối với sự phát triển của trường: Đại học Đà Lạt sẽ mạnh dạn tiếp cận để áp dụng và triển khai các công nghệ mới phục vụ cho sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường. Đó là những công nghệ

như: công nghệ thông tin, công nghệ dạy và học hiện đại, công nghệ về chất lượng. Những công nghệ nói trên phải trở thành một nhân tố cơ bản trong nguồn lực của trường, và điều này cũng có nghĩa là, các chính sách đầu tư của trường trong những năm đầu thế kỷ sẽ tập trung mạnh cho việc hình thành, áp dụng và triển khai các công nghệ này. Hiện nay, Đại học Đà Lạt tuy đã có những đầu tư ban đầu cho công nghệ, nhưng nói chung chưa hình thành những giải pháp công nghệ hoàn chỉnh và trọn vẹn. Nhiều máy tính lắp ghép lại chưa thể gọi là công nghệ, cái cần phải phấn đấu là những giải pháp tổng thể cho công tác quản lý, dạy và học trên nền tảng của hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật đã có.

2. Giải pháp văn hóa: Công nghệ chỉ là đòn bẩy cho sự phát triển. Điểm tựa của sự phát triển phải là văn hóa. Và chính giải pháp văn hóa sẽ tạo ra sự phát triển bền vững. Điều này càng chính xác đối với sự phát triển của một trường đại học. Đối với Đại học Đà Lạt, các giải pháp văn hóa mà nhà trường sẽ theo đuổi là: bảo tồn và phát huy những nền văn hóa cổ truyền của các địa phương thuộc Nam Tây Nguyên và Đông nam bộ, chú trọng đến việc đào tạo ra một thế hệ trí thức mới năng động, có sự am hiểu văn hóa bên cạnh sự thuần thục về kỹ thuật. Chỉ có như thế thì sản phẩm đào tạo của Đại học Đà Lạt mới đạt được chỉ số cạnh tranh cao so với sản phẩm đào tạo của các trường đại học nổi tiếng khác trong nước.

3. Giải pháp con người: Con người là hạt nhân của sự phát triển. Để có thể

đạt được những mục tiêu đặt ra, Đại học Đà Lạt phải tiến hành: chuyển đổi thang đánh giá lao động để khuyến khích và huy động tối đa nguồn nhân lực hiện có, thu hút nhân tài và mở rộng đội ngũ. Đến 2005, đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường phải được bổ sung thêm ít nhất 30% so với hiện nay, đặc biệt là phải chú trọng bổ sung cán bộ ở lứa tuổi dưới 35. Đây là một chỉ số thực hiện mà Đảng ủy, Ban giám hiệu và tập thể nhà trường phải thực sự quyết tâm mới có thể đạt được.

4. Giải pháp đầu tư: Việc phân bổ lại các nguồn lực hiện có để tập trung đầu tư cho những mục tiêu chiến lược là một giải pháp phải kiên quyết thực hiện. Về cơ bản, từ nay đến năm 2005, Đại học Đà Lạt phải chuyển đổi cán cân đầu tư về phía các chương trình đảm bảo chất lượng. Đầu tư cho xây dựng cơ bản phải được điều chỉnh lại, các hạng mục chi tiêu phải được quản lý tốt hơn để tránh lãng phí và phân tán nguồn lực. Các hạng mục đầu tư của Trường cũng sẽ được triển khai theo nguyên tắc “chương trình mục tiêu”, tránh dàn trải và chia đều.

Nhân loại đã đặt một chân vào vạch xuất phát của thế kỷ XXI. Cùng với dân tộc, Đại học Đà Lạt cũng đã có mặt ở tuyến xuất phát và đang tích cực chuẩn bị để tìm được tốc độ bứt phá trong chặng đường mới. Bài học của thế kỷ XX vẫn còn nguyên vẹn đó - rằng trong thời đại năng động hiện nay, sự chần chừ và chậm chạp có thể khiến chúng ta bị lãng quên dưới bánh xe của sự phát triển. Chặng đường phát triển trong một phần tư thế kỷ đầy khó khăn vừa qua đã đem lại cho Đại học Đà Lạt những tiền đề cơ bản để có thể đối diện với những vận hội, thách thức của giai đoạn mới. Xuất phát và sánh vai cùng bạn bè - đó là niềm đam mê thật sự lãng mạn của một Đại học Đà Lạt trên cao nguyên - một đại học còn non trẻ nhưng đầy quyết tâm, năng động và sáng tạo. ■

THE UNIVERSITY OF DALAT - OPPORTUNITIES AND CHALLENGES IN THE FIRST YEARS OF THE 21ST CENTURY

■ DR. NGUYEN HUU DUC

Rector of the University of Dalat

The year 2000 - the exciting final year of the 20th century has reached its close when the University of Dalat (UDL) has accomplished a quarter of a century's construction and development, when Independent Vietnam stepped into a difficult post-war construction period. For members of the University and those who are always concerned for the existence and the development of UDL- a young university in the South Highlands- the past 25 years has been considered a remarkable period. The hard work, the feelings, the difficulties, the opportunities and challenges probably become our heritage, but all of the achievements and the foundations laid, resulting from this success, will be a real and suitable main-stay for the future of UDL, which always hopes to grow up and to progress along with

the swift development of the nation in the coming century.

Looking through our work to be ready for the new century, UDL, well – located in the Highland, has recently set up new facilities equipped with new techniques to serve multiple educational purposes. The university possesses a qualified teaching staff rich in knowledge and experience, with a population of over 13,000 students and an international connection with large universities in the world. UDL has taken part in a number of national programs of investment and development for education and training, which will create positive changes in higher education.

In the development planning, UDL has defined its aim, which is to develop into a multi-discipline university where specialists in science, technology, economics and sociology related to local regions from the South Highlands, the Highlands to the South East, may worthily contribute to the development of the region..

Facing the severe demands of the integration needs, under the pressure of info-technology and globalization, UDL is concentrating their resources to raising training quality. Its aims include reinforcing its relations with social and economic development of the country, forming a high-quality work force and attaining the high academic standard of universities of the region and of the world. To attain these aims, the approach must be revolutionary and intensive. And in present conditions, it seems rather “utopic,” but we have to have this “romantic” sense because we are looking forward to the future, the new century with high hopes and strong beliefs in the success of science and technology.

Basically, for the first years of the 21st century, UDL will carry out the following objectives:

1- Technical development of the university: UDL will apply modern techniques in training and scientific research, namely informatics, modern teaching and learning techniques and quality techniques. They must become basic factors in the potential of the university, and this also means that the investment policies of the university in the first years of the century will focus in personnel training and the application of these techniques. Now, UDL has some initial investment in hardware but generally speaking, it has not accomplished adequate technical solutions. An assemblage of computer sets can't be called technology until we go forward to better management, better methods of teaching and learning based on available technical equipment.

2- Cultural research: Technology is only a lever for development. The fulcrum of development is culture. And the cultural solution itself will create solid development. This is truer for the development of a university. UDL will take these steps: conserving and promoting the traditional culture of local South Highlands and South East regions, who understand culture as well as technical work. Only with these solutions can UDL produce graduates who have a higher competitive standard than other famous universities in Vietnam.

3- Personnel: Man is a crucial factor of development. To achieve all the mentioned purposes, UDL must change the assessment scale of labour to encourage and mobilize the present human resources, to attract talented people and to build up the staff. Till 2005, our teaching staff must be added about 30%, especially teachers under 35. This can be done only with the determination of the administration and the Party.

4-Financial investment: Financial resources should be re- distributed con-



Sinh viên Đại học Đà Lạt.
 Ảnh: HHN
Students of Dalat University.
 Photo: HHN

centrating on strict goals of the university. Between now and 2005, UDL has to transfer its investment towards projects to assure the quality of teaching. Investment in construction work must be adjusted, the expenditure has to be better administrated to avoid wasting. Investment projects of the university will be carrying out with the principle of “aimed programmes” instead of indiscriminate financing.

The world has stepped to the starting line of the 21st century. Along with our nation, UDL is at the starting zone ready to break a record in the race. We always have the lessons of the 20th century in mind- in this dynamic age, hesitation and delay will push us into oblivion. The development in the difficult quarter of the previous century has brought a foundation for UDL to meet

the opportunities and challenges in the new era. Join our friends and keep up with them – it’s the real position of our university on the highlands, a young university full of determination, creativeness and dynamism. ■



CÔNG TY CÀ PHÊ II LÂM ĐỒNG



Văn phòng Công ty Cà phê II Lâm Đồng
Head Office of Lamdong Coffee Company II.

HEAD OFFICE:

DI LINH TOWN, LAM DONG PROVINCE

Tel: 84.63.870345 - 870157

Fax: 84.63 870686

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC.

CHỨC NĂNG:

- Sản xuất - thu mua - chế biến - xuất khẩu cà phê, các mặt hàng nông sản và hàng thủ công mỹ nghệ.
- Nhập khẩu và cung ứng dịch vụ các máy móc thiết bị, vật tư, phân bón phục vụ sản xuất nông - công nghiệp - thương mại.

KHÁCH HÀNG VÀ THỊ TRƯỜNG:

- Khách hàng trong nước - nước ngoài trong đó các thị trường quan trọng: TP.HCM, Mỹ, Pháp, Anh, Đức, Thụy Sĩ, Singapore, Trung Quốc.

CÔNG TY CÀ PHÊ II LÂM ĐỒNG SẴN SÀNG HỢP TÁC SẢN XUẤT - KINH DOANH VỚI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC CHỨC NĂNG CỦA CÔNG TY.

Hân hạnh đón tiếp!

LAMDONG COFFEE COMPANY II

HEAD OFFICE: DI LINH TOWN – LAM DONG PROVINCE

TEL: 84.63.870345 – 870157 – FAX: 84.63.870686

STATE-OWNED ENTERPRISE

FUNCTIONS:

- Producing, buying, processing and exporting coffee, agricultural products and handicrafts
- Importing and selling machines, tools, materials and fertilizers for agricultural, industrial and trading uses.

CUSTOMERS AND MARKETS:

- Customers home and abroad, including the major markets such as: HCMC, USA, France, England, Germany, Switzerland, Singapore and China.

LAMDONG COFFEE COMPANY II WELCOME CO-OPERATION FROM ALL ECONOMIC ORGANIZATIONS HOME AND ABROAD IN THE FIELDS THE COMPANY CAN DO BEST.

DOANH NGHIỆP CÔNG ÍCH
QUYỀN GIÁM ĐỐC- KỸ SƯ HUỖNH VIỆT ANH
CHỨC NĂNG:

- Kiểm định an toàn kỹ thuật phương tiện cơ giới đường bộ
- Kiểm định an toàn kỹ thuật phương tiện cơ giới đường thủy.
- Kiểm tra, đánh giá chất lượng, xác định đời xe mô tô, ô tô các loại.
- Kiểm tra, đánh giá chất lượng hàng hóa, vật tư ngành Giao thông vận tải.
- Tổ chức dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ các loại phương tiện vận tải.
- Giám định kỹ thuật các sự cố, tai nạn do phương tiện vận tải gây ra.

Hiện nay Công ty Đăng kiểm Lâm Đồng được trang bị hệ thống thiết bị kiểm định cơ giới hóa đồng bộ 100% gồm:

- Máy đo khí thải cộng cơ Diesel D 0285 - HERMANN.
- Máy đo khí thải động cơ xăng MHC 222 - HERMAN.
- Máy kiểm tra độ trượt ngang MSS 8300
- Máy kiểm tra phanh trên băng thử MB 8000
- Máy kiểm tra đèn facốt HPA.4502B

Đến với Công ty Đăng kiểm Lâm Đồng, các chủ xe hoàn toàn yên tâm khi tham gia lưu thông trên mọi trục lộ giao thông.

Địa chỉ liên hệ:

CÔNG TY ĐĂNG KIỂM LÂM ĐỒNG:
ĐƯỜNG TÔ HIỂN THÀNH -PHƯỜNG 3 -
ĐÀ LẠT. ĐT: 832658.

LAMDONG VERIFICATION COMPANY

Public interest enterprise

Acting director: Huynh Viet Anh, Engineer

Functions:

- Safety verification of road vehicles.
- Safety verification of water vehicles.
- Quality examination & evaluation of motorcycles and motor vehicles.
- Quality examination & evaluation of transportation materials and commodities.
- Services of maintenance & minor repair for transportation vehicles.
- Technical assesment of damages caused by transportation vehicles.

Now the Lamdong Verification Company is equipped with a totally integrated system of verification devices, including:

Công ty Đăng kiểm Lâm Đồng



Trạm kiểm định PTCGDB của Công ty Đăng kiểm Lâm Đồng
Road vehicles verification station of Lamdong Verification Company.



Kiểm tra thắng xe ô tô bằng thiết bị tự động.
Automatic device checking brake safety for motor vehicles.

- Gauge for oil engine exhaustion: DO 285-HERMANN.
- Gauge for gasoline engine exhaustion: MHC 222 - HERMAN.
- Machine to examine skidding levels: MSS 8300.
- Machine to examine the brake power: MB 8000.
- Machine to examine the headlight power: HPA 4502B.

Served by the Lamdong Verification Company, all vehicle owners will feel assured when travelling.

Address: LAMDONG VERIFICATION COMPANY
To Hien Thanh St. - 3rd Precinct -
Da Lat - Tel: 832658

LAMDONG PRINTING ENTERPRISE

ADDRESS: 122 NGUYEN VAN TROI ST. – DA LAT

TEL: 063.822215 – FAX: 063.832430

SPECIALIZED IN PRINTING: CHUYÊN IN:

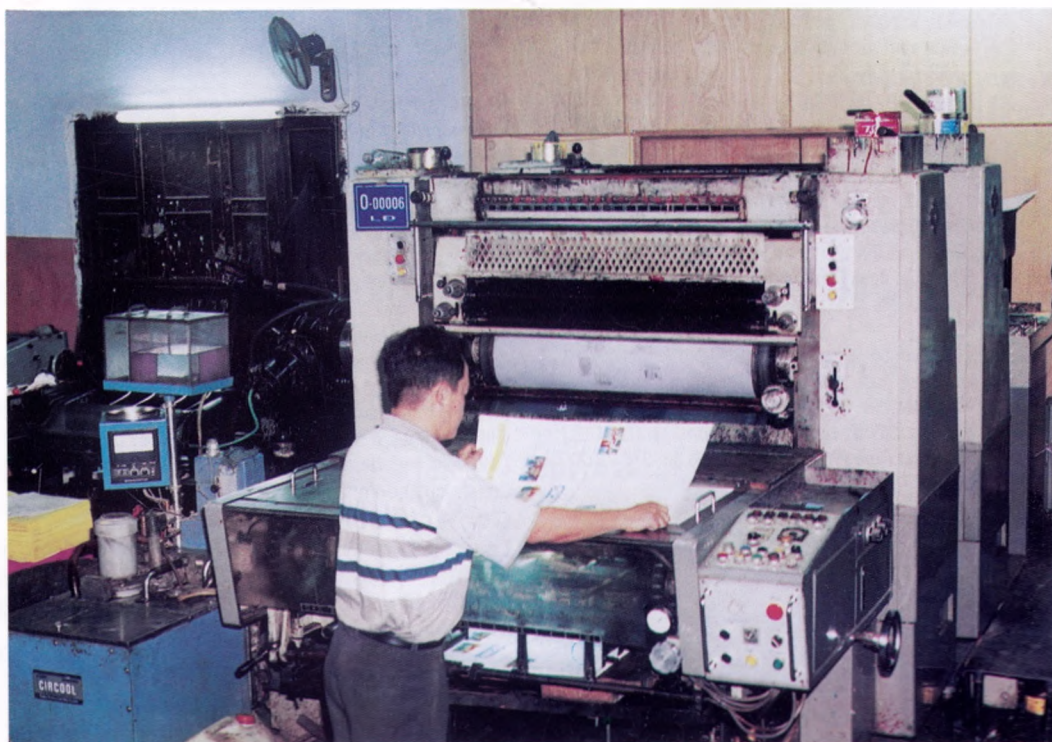
- Books with soft, hard or gilded covers.
 - Newspapers to order.
 - Magazines, journals, etc.
 - All kinds of forms and publications.
 - Commodity trademarks and labels.
- Reasonable prices, home delivery, dateline guarantee.
- Sách các loại: bìa dày, bìa thường, mạ vàng...
 - Báo các loại theo yêu cầu của khách hàng.
 - Tạp chí, đặc san...
 - Biểu mẫu các loại
 - Các loại văn hóa phẩm
 - Tem nhãn hàng hóa...
- Giá cả hợp lý, giao hàng tận nơi, đúng hẹn.

SERVING YOU IS OUR HONOR. HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH.

XI NGHIỆP IN

ĐỊA CHỈ: 122 NGUYỄN VĂN TRÔI - DÀ LẠT
ĐIỆN THOẠI: 063.822215 - FAX: 063.832430

Lâm Đồng



Công ty Kinh doanh và Phát triển nhà Lâm Đồng

- DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC
- GIÁM ĐỐC: KỸ SƯ: CHẾ ANH

- Chức năng:

+ Quản lý, cho thuê nhà ở, nhà làm việc.
- Liên kết với các tổ chức, cá nhân trong - ngoài nước để kinh doanh địa ốc.

- Tư vấn, thiết kế xây dựng. Nhận thầu thi công các công trình công nghiệp - dân dụng và trang trí nội thất.

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống.

- Các công trình do Công ty thi công được công nhận đạt chất lượng cao:

+ Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Lâm Đồng. Nhà máy chế biến rau quả cấp đông Lâm Đồng. Giảng đường A27 Trường Đại học Đà Lạt.

- Đến với Công ty KD-PT nhà Lâm Đồng quý khách sẽ được phục vụ tận tình, chu đáo.

Địa chỉ liên hệ:

Công ty KD-PT nhà Lâm Đồng

21 Trần Phú - Đà Lạt - ĐT: (063) 822243 Fax: (063) 821433.

HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH!

LAMDONG HOUSING TRADING & DEVELOPMENT COMPANY

STATE-OWNED ENTERPRISE

DIRECTOR: CHE ANH, Engineer

Functions:

- Management of rental offices and houses.

- Joint-venturing with other organizations and individuals home and abroad in real estate business.



Công trình đạt chất lượng cao - Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển do Công ty KD-PT nhà Lâm Đồng thi công.

A high quality project executed by Lamdong Construction Company II: Branch office of Lamdong Development Fund.

- Consulting & designing services for construction.

- Contracting projects of industrial & civil construction and interior decoration.

- Trading in hotel & restaurant business.

Some projects executed by the company have been highly commended, such as Provincial Party Committee office, Lamdong Frozen Fruit Factory, Da Lat University's Auditorium A27, etc.

You will be offered the best services at the Lamdong Housing Trading & Development Company.

Contact address:

Lamdong Housing Trading & Development Company.

21 Tran Phu St. - Da Lat - Tel: (063)822243 - Fax: (063)821433

SERVING YOU IS OUR HONOR!

CÔNG TY XÂY DỰNG II LÂM ĐỒNG

- Huân chương Lao động hạng III
- Giám đốc: Kỹ sư: Nguyễn Võ Khoa
- Chức năng:

+ Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.
+ Xây dựng và kinh doanh nhà ở.

+ Sản xuất và kinh doanh VLXD.

- Một số công trình do Công ty thi công được khách hàng đánh giá cao như: Nhà máy nước Suối Vàng - Đà Lạt, Cung văn hóa Thiếu nhi Đà Lạt, cổng hàng rào, bãi đỗ xe khách sạn Palace, Trụ sở UBND tỉnh, Hội trường Tỉnh ủy Lâm Đồng...

- Với đội ngũ cán bộ - công nhân có tay nghề cao, Công ty Xây dựng II có đủ năng lực thi công các công trình đòi hỏi tiến độ nhanh, chất lượng cao, hình thức đẹp. Cung ứng VLXD đến chân công trình với giá cả hợp lý, phương thức thanh toán nhanh - gọn.

- Đến với Công ty Xây dựng II Lâm Đồng quý khách sẽ được phục vụ tận tình, chu đáo.

- Địa chỉ liên hệ:

Công ty Xây dựng II Lâm Đồng:

270 Phan Đình Phùng - Đà Lạt. ĐT: 825078 - 822270.

LAMDONG CONSTRUCTION COMPANY II

3RD CLASS LABOR DECORATION

DIRECTOR: NGUYEN VO KHOA, Engineer

Functions:

+ Constructing industrial & civil projects.

+ Housing construction & trading.

+ Producing & trading building materials.

- Some projects executed by the company have been received high comments, such as Suoi Vang Water Plant - Da Lat, Da Lat Cultural House for Children, Palace Hotel's parking lot and fence, Provincial People Committee office, Provincial Party Committee meeting-hall, etc.

- With highly-skilled officers and workers, Lamdong Construction Company II is capable of executing any projects that demand fast progress, high quality and fine style. Building materials are supplied right at the construction site with reasonable prices and flexible term of payment.
- You will be offered the best services at the Lamdong Construction Company II.

Contact address:

Lamdong Construction Company II

270 Phan Dinh Phung St. - Da Lat

Tel: 825078 - 822270

Công trình đạt chất lượng cao - Nhà ăn tập thể Trường Chính trị do Công ty Xây dựng II thi công.

A high quality project executed by Lamdong Construction Company II: The mess hall of Lamdong School of Politics.



KỸ THUẬT HẠT NHÂN VÀ MỘT SỐ ỨNG DỤNG ĐIỂN HÌNH Ở NƯỚC TA

■ TS NGUYỄN NHỊ ĐIỀN

Viện trưởng Viện NCHN Đà Lạt



gành hạt nhân của nước ta ra đời từ năm 1976 và công trình khôi phục Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt hoàn thành vào cuối năm 1983 đã tạo ra bước phát triển vượt bậc trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng của lĩnh vực này. Ngày nay, kỹ thuật hạt nhân được ứng dụng có hiệu quả trong nhiều ngành khác nhau.

1. Ứng dụng trong y tế

Các nguồn bức xạ Co-60 hoạt độ cao dùng trong xạ trị được sử dụng tại một số bệnh viện trong nước từ những năm 1960. Năm 1971, Khoa Y học hạt nhân được hình thành với một số thiết bị đo và chuẩn đoán bệnh đơn giản. Từ tháng 3/1984, Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt được đưa vào hoạt động, cho phép sản xuất các chất đồng vị và dược chất phóng xạ thì số lượng các Khoa Y học hạt nhân tăng nhanh và đến nay, trong cả nước trên 30 khoa được hình thành, nhiều thiết bị hiện đại được trang bị như máy hiện hình Gamma Camera, máy chụp

cắt lát CT. Trung bình hàng tháng khoảng 100 bệnh nhân đối với các khoa có quy mô nhỏ và gần 1.000 bệnh nhân với các khoa có quy mô lớn được chẩn đoán và điều trị bệnh.

Các loại đồng vị chính được sản xuất tại Lò phản ứng hạt nhân là tẩm áp P-32 để điều trị các bệnh ngoài da; dung dịch I-131 dưới dạng tiêm hoặc uống để chẩn đoán và điều trị bệnh tuyến giáp; Tc-99m và các dược chất dưới dạng kit in-vivo đánh dấu với Tc-99m để hiện hình tìm các khối u bất thường trong não, chẩn đoán chức năng và bệnh lý các cơ quan nội tạng của cơ thể như thận, gan, phổi, hệ tiêu hóa. Các kit in-vitro miễn dịch học phóng xạ T3, T4 cũng được sản xuất và sử dụng tại một số bệnh viện. Hàng năm, khoảng 150Ci chất phóng xạ các loại được sản xuất tại Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt, cung cấp cho ngành Y tế.

2. Ứng dụng trong công nghiệp

Sử dụng các nguồn phóng xạ và các thiết bị hạt nhân để xây dựng các hệ đo và tự động hóa trong các dây chuyền sản



Viện nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt.
 Ảnh: HHN
Dalat Nuclear Research Institute.
Photo: HHN

xuất của các nhà máy như đo mức của các bể đựng phối liệu của các nhà máy xi măng và nhà máy giấy; xác định mức trong các hộp bia và nước giải khát; xác định độ ẩm và mật độ giấy trong các nhà máy giấy; các hệ đo phóng xạ trong các giếng khoan của công nghiệp dầu khí...

Ưu điểm của phương pháp hạt nhân là không làm ảnh hưởng đến quá trình làm việc của các hệ công nghệ, cho phép đo trong điều kiện nhiệt độ, áp suất cao và với các dung dịch hóa chất độc hại. Kỹ thuật đồng vị xạ đánh dấu cũng được sử dụng phổ biến, chẳng hạn, việc tối ưu hóa quy trình và thời gian pha trộn phế liệu trong các dây chuyền của các nhà máy. Trong lĩnh vực khai thác dầu khí, kỹ thuật đánh dấu phóng xạ được sử dụng để xác định mặt cắt nước bơm ép trong các giếng bơm ép, hiện tượng ngập lụt trong các giếng khai thác của mỏ dầu Bạch Hổ.

Kỹ thuật kiểm tra không phá hủy mẫu cũng là một trong các hướng đặc thù, chẳng hạn sử dụng phương pháp bức xạ truyền qua để chụp kiểm tra chất lượng mối hàn các đường ống kim loại, kiểm tra đánh giá tình trạng bên trong của các tháp công nghiệp với đường kính đến 4m và chiều cao đến 30m, kiểm tra chất lượng các cọc nhồi của các công trình xây dựng; sử dụng phương pháp

bức xạ tán xạ ngược để xác định chất lượng của các công trình đường giao thông...

3. Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong nông nghiệp

Nghiên cứu sử dụng bức xạ Gamma kết hợp với những tác nhân khác để cải tạo giống cây trồng, sử dụng đồng vị đánh dấu để nghiên cứu các quá trình sinh học như vấn đề dinh dưỡng cây, con được ngành Hạt nhân kết hợp với các ngành khác thực hiện từ nhiều năm qua. Các nghiên cứu chiếu xạ một số giống cây (ngô, khoai, lúa, một số loài hoa, dâu tằm,...) ở liều kích thích hoặc đột biến để tạo giống có năng suất cao hơn hoặc thích hợp hơn với điều kiện môi trường khắc nghiệt, nghiên cứu quy trình nhân giống vô tính in-vitro, nuôi cấy tế bào một số loài hoa, cây đặc sản và cây rừng quý hiếm cũng được tiến hành.

Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghệ nuôi trồng nấm là một thành quả có ý nghĩa thực tế. Từ các kết quả nghiên cứu, cho phép tuyển chọn, nuôi trồng và chuyển giao công nghệ trồng các loại nấm quý như linh chi, bào ngư,... cho nông dân nhằm tận thu nguồn phế liệu xơ - sợi nông nghiệp. Ngoài ra, sử dụng kỹ thuật hạt nhân để xử lý rác thải nông nghiệp như rơm rạ, bã mía để làm thức ăn cho động vật hoặc cơ chất cho phân bón vi sinh cũng được áp dụng

vào thực tế.

4. Sử dụng kỹ thuật hạt nhân để nghiên cứu các quá trình trong tự nhiên

Sử dụng phóng xạ môi trường kết hợp với kỹ thuật đánh dấu phóng xạ để nghiên cứu diễn biến các quá trình sa bồi, bồi lấp, xói mòn và rò rỉ, chẳng hạn như xác định quá trình di chuyển của sa bồi lớp đáy tại luồng tàu cảng Hải Phòng để xác định hướng, tốc độ và độ dày lớp sa bồi di chuyển nhằm giúp cho các nhà quản lý thực hiện việc duy tu, nạo vét hợp lý; đánh giá tốc độ và nguồn gốc bồi lấp của các lòng hồ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như Tuyên Lâm, Đa Hàm, Đa Têh, tây Di Linh, Chiến Thắng, Prô; xác định vị trí và tốc độ rò rỉ của các hồ chứa nước và các đập thủy điện Hòa Bình, Trị An, Đa Nhim; xác định các nguồn nước ngầm và nghiên cứu đánh giá khả năng nhiễm bẩn các nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn một số tỉnh phía Nam.

5. Kỹ thuật hạt nhân trong nghiên cứu và bảo vệ môi trường

Nghiên cứu ô nhiễm môi trường sử dụng các kỹ thuật phân tích hạt nhân và liên quan cho phép theo dõi biến động của phóng xạ và tình trạng ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước và biển trên một số địa bàn trong nước. Hiện nay cả nước ta đã có 3 trạm quan trắc môi trường phóng xạ thuộc mạng lưới của 18 trạm quan trắc môi trường quốc gia cho phép theo dõi thường xuyên tình trạng phóng xạ môi trường của một số địa dư điển hình trong nước. Bên cạnh đó, các nghiên cứu khảo sát nồng độ các nhân phóng xạ nhân tạo Cs-137 sinh ra do các vụ thử vũ khí và sự cố hạt nhân trên thế giới ảnh hưởng đến Việt Nam cũng được thực hiện trong thời gian qua.

6. Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân

trong khử trùng, bảo quản và biến tính vật liệu

Sử dụng bức xạ Gamma cường độ cao cho các mục đích khử trùng, biến tính vật liệu, bảo quản thực phẩm và nông sản, cải tạo sinh khối, chế tạo một số chế phẩm bằng bức xạ,... được nghiên cứu và triển khai thành công trong ngành Hạt nhân. Nước ta hiện có 3 nguồn Co-60 với hoạt độ khác nhau (16.5kCi tại Đà Lạt; 110kCi tại Hà Nội và 400kCi tại thành phố Hồ Chí Minh).

Kỹ thuật chiếu xạ liều cao để cắt mạch các polymer tự nhiên để tạo ra các chế phẩm mới là một hướng ứng dụng tiên tiến. Chế phẩm kích thích tăng trưởng thực vật T&D của Viện Nghiên cứu Hạt nhân đã được đăng ký vào danh mục thuốc bảo vệ thực vật của Việt Nam. Màng điều trị vết thương bỏng được chế tạo từ PVP và chitosan vỏ tôm cua cho kết quả thử nghiệm lâm sàng tốt.

7. Phát triển năng lượng hạt nhân phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Chính sách phát triển năng lượng bền vững mà nội dung cơ bản là đa dạng hóa các nguồn năng lượng được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Ngành Hạt nhân đã tham gia nghiên cứu xây dựng nhà máy điện nguyên tử trong quy hoạch dài hạn. Trên cơ sở phân tích một cách khoa học và đã khẳng định rằng Việt Nam hoàn toàn có đủ điều kiện để thực thi chương trình điện hạt nhân trong những năm đầu của thế kỷ 21...

Sau gần 25 năm hình thành và phát triển, ngành Hạt nhân nước ta đang phấn đấu để bước sang một giai đoạn mới. Với khả năng và tiềm lực hiện có, với nhu cầu của đất nước đối với khoa học kỹ thuật hạt nhân ngày càng cao; trong tương lai ngành Hạt nhân nước ta sẽ có đóng góp ngày càng hữu hiệu và thiết thực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ■

NUCLEAR TECHNOLOGY AND SOME REPRESENTATIVE APPLICATIONS IN OUR COUNTRY

■ Dr. NGUYEN NHI DIEN

Director of Dalat Nuclear Research Institute



The nuclear branch of our country came into being in 1976 and the restoration of Dalat Nuclear Reactor fulfilled at the end of 1983 has created the outstanding development in science research and application in this field. Nowadays, nuclear technology has been applied efficiently in a variety of branches.

1. Application in Medical Science:

Co-60 radiation source with high activity used in radio-active treatment have been applied in some domestic hospitals since 1960. In 1971, the Nuclear Medical Department was founded with some simple measurement and diagnosis equipment. Since March 1984, when Dalat Nuclear Reactor was put into operation and allowed to produce isotopes and radio-active medical substances, the number of Nuclear Medical Departments has increased rapidly and at present, throughout the country, more than 30 departments have been founded with modern equipment such as Gamma Camera Projector, CT scanner. On the average, each month, about 100 patients (in small-scaled departments) and 1000 patients (in large-scaled departments) are diagnosed and treated.

The major kinds of isotopes produced at the Nuclear Reactor are the P-32 affixing sheet to cure skin diseases, the I-131 in injection or oral form to diagnose and treat diseases of the thyroid gland, Tc-99m and other medical substances in the form of kit in-vitro marked with Tc-99m to detect abnormal tumors in the brain, diagnose the functions and

diseases of the body's organs such as kidney, liver, lung, digestion system. The immune kit in-vitro T3, T4 radiation is produced and used in some hospitals. Annually, about 150 Ci radio-active substances of all kinds are produced in Dalat Nuclear Reactor to provide for hospitals.

2. Application in Industry:

Radio-active sources and nuclear equipment are used to build measurement system and automation in assembly lines of factories such as measuring the level of material mixture tanks of cement and paper factories, estimating the level of beer and soft drink bottles, estimating the humidity and paper density in paper factories, building radio-active measurement systems in oil wells of the petroleum industry.

The advantages of the nuclear technology are that it does not influence the working process of technological system, allows measurement in high temperature and pressure conditions and with toxic medical solutions. The marking isotope radiation technique is used widely, for example, in optimizing the process and time of mixing waste materials in the lines of factories. In petroleum exploitation field, radiation-marked technique is used to determine pressure pumping water section in pressure pumping wells, flood phenomenon in Bach Ho oil wells.

The inspection technique without destroying samples is one of the specific directions, for example using the radiation-transmitting method to photograph and check the weld quality of metal tubes, to investigate the inside quality of industrial towers with the diameter of up to 4 m, and the height of up to 30 m, to check the stake quality of construction projects; using the opposite radiation method to determine the quality of road construction, etc.

3. Application of nuclear technology in agriculture:

Researching the use of Gamma ra-

diation connecting with other agents to improve plant seeds, using marked isotopes to do research on biological processes such as the nourishing problem of plants and animals have been performed by the Nuclear branch cooperating with other branches for years. Researches into projecting radiation on some plant seeds (corn, potatoes, rice, some kinds of flowers, mulberry, etc.) at stimulating or mutating doses to create seeds with higher productivity or more suitable to the harsh environmental conditions, researching the process of in-vitro asexual seed multiplication, growing in a culture medium the cells of some species of flowers, specialty plants and precious forest trees have been carried out.

Application of nuclear technology in growing mushrooms is a practical achievement. The research results allow selecting, growing and transferring technology of growing rare kinds of mushrooms to peasants in order to make use of agricultural waste. Besides, using nuclear technology to process agricultural waste such as straw, megass to make animal food or substances for microorganism fertilizer has also been applied.

4. Application of nuclear technology to do research on natural processes:

Environmental radiation together with radiation-marking technique are used to study the alluvial, filling, erosive, leaking processes, such as determining the moving process of the bottom alluvial layer of Hai Phong Harbor to study the direction, speed and depth of the moving alluvial layer for managers to preserve and dredge properly; estimating the speed and filling sources of the lake beds in Lam Dong area such as Tuyen Lam, Da Ham, Da Teh, West Di Ling, Chien Thang, Pro; determining the leaking position and speed of the water-containing lakes and hydroelectric dams of Hoa Binh, Tri An, Da Nhim; determining underground water sources and investigating pollution risks of some liv-



Các chuyên viên kiểm tra bức xạ tại phòng xử lý chất thải của Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt.
Ảnh: TĐT.

Technicians measure the radiation level in the waste processing room of Dalat Nuclear Reactor. Photo: TDT

ing water sources in some areas of the Southern provinces.

5. Nuclear technology in environmental research and protection:

Research into environmental pollution using nuclear analyzing techniques allows observation of radio-active change and air, soil, water and ocean pollution in some areas of the country. At present, the whole country has three radio-active environmental observatories belonging to the network of 18 national environmental observatories allowing frequent observation of environmental radiation state in some representative land areas in the country. In addition, researches into the density of Cs-137 artificial radiation nuclei produced from weapon tests and nuclear accidents in the world influencing Viet Nam have been done.

6. Application of Nuclear technology in sterilizing, preserving and changing the nature of materials:

Using Gamma radiation with high intensity to sterilize, change the nature of materials, preserve food and agricul-

tural products, improve living mass, manufacture some products by radiation, etc. Is researched and developed successfully in the Nuclear Branch. Our country presently has three Co-60 sources with different active levels (16.3 kCi in Dalat, 110 kCi in Hanoi and 400 kCi in Hochiminh City).

The radiation-projecting technique with high intensity to cut the veins of natural polymer to create new products is a progressive direction of application. T&D plant growth-stimulating product of the Nuclear Research Institution has been registered in the list of Vietnam's plant-protection substances. Films to cure burns produced from PVP and chitosan from shrimp and crab cover give good clinical testing results.

7. Nuclear energy development serving the nation's industrialization and modernization:

The stable energy development policy with the basic content of diversifying energy sources is our Party and Government's concern. The Nuclear Sector has studied the building of nuclear power plants in long-term projects. Basing on scientific analysis, it is asserted that Vietnam certainly has adequate conditions to realize the nuclear electric project in the early years of the 21st century.

After nearly 25 years of formation and development, our country's Nuclear Branch is making effort to enter the new era. With the present ability and potentials, with the country's higher and higher needs for nuclear technology, Vietnam's Nuclear Branch will contribute more and more efficiently and practically to the nation's industrialization and modernization. ■

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI VỐN ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2000-2010

Để khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, trong thời kỳ 2000-2010, tỉnh Lâm Đồng chủ trương kêu gọi mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vốn vào Lâm Đồng với phương châm: “Bình đẳng, cùng có lợi”, đặc biệt ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực như sau:

I. Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp:

Cây công nghiệp dài ngày: Ưu tiên đối với các dự án đầu tư thâm canh, chuyển đổi giống cây trồng có năng suất, giá trị hàng hóa cao (trà, cà phê, dâu tằm, điều...)

Các loại rau hoa: Ưu tiên các dự án sản xuất rau sạch, chuyển đổi cơ cấu giống rau hoa phù hợp với thị hiếu của thị trường thế giới nhằm tăng cường xuất khẩu sản phẩm hàng hóa có giá trị cao. Ưu tiên các dự án áp dụng phương pháp sinh học và công nghệ sản xuất hiện đại, tiên tiến.

2. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Ưu tiên đối với các dự án bảo quản sản phẩm sau thu hoạch bao gồm các dự án chế biến các sản phẩm nông sản của địa phương (rau, quả, trà, cà phê...) để xuất khẩu. Các dự án ngành nghề truyền thống của địa phương như thủ công mỹ nghệ, đan thêu...; các dự án có công nghệ hiện đại, lắp ráp máy móc điện tử chính xác, công nghệ phần mềm...

4. Lĩnh vực du lịch: Ưu tiên đối với các dự án đầu tư kinh doanh du lịch sinh thái, du lịch dưới tán rừng, du lịch

cảnh quan, lịch sử văn hóa dân tộc. Những dự án tạo ra sản phẩm du lịch mới.

5. Lĩnh vực xuất nhập khẩu: Ưu tiên các dự án sản xuất hàng hóa thay thế hàng nhập khẩu; ưu tiên các dự án xuất khẩu từ 80% sản phẩm trở lên.

6. Lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội: Ưu tiên đối với các dự án đầu tư giao thông, điện, hệ thống cấp nước sinh hoạt, nhất là đối với vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Các dự án đầu tư cho lĩnh vực y tế, giáo dục; các dự án xử lý chất thải, bảo vệ môi trường sinh thái.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI VỐN ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2000-2010

1. Dự án trồng và chế biến atisô:

- Địa điểm đầu tư: Thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng

- Mục tiêu dự án: Trồng cây atisô 120-150 ha và đầu tư nhà máy chế biến các sản phẩm từ cây atisô: cao, hoàn atisô, cynaphytol, trà atisô...

- Quy mô dự án: 1.500.000 USD.

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn viện trợ ODA, FDI.

Thuận lợi: Điều kiện đất đai, khí hậu thích hợp cho việc phát triển cây atisô, nhân dân Đà Lạt có tập quán và kỹ thuật trồng atisô.

2. Dự án trồng và sản xuất dược phẩm từ cây canhki-na:

- Địa điểm đầu tư: Thành phố Đà Lạt và các huyện: Lâm Hà, Đơn Dương, Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Mục tiêu đầu tư: Trồng cây canhki-na: 350 ha.

Xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm từ sản phẩm vỏ canhki-na: rượu bổ, thuốc giảm sốt, chiết suất sulfat quinin, quinin Di chlohydrat, quinin chlohydrat, quinin...

- Tổng vốn đầu tư: 3.100.000 USD.

- Nguồn vốn: Vốn viện trợ ODA, vốn FDI.

- Thuận lợi: Cây canhki-na thích nghi với điều kiện của Lâm Đồng, có đủ diện tích để trồng canhki-na.

3. Dự án đầu tư thâm canh và chuyển đổi giống chè:

- Địa điểm dự án: Tại các huyện Bảo Lâm, Di Linh và thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Hạng mục đầu tư: Khai hoang trồng mới 4.000 ha chè cành giống mới; Trồng thay thế 15.000 ha chè cành giống mới; hỗ trợ nông dân đầu tư thâm canh tăng năng suất cho 4.000 ha; kết hợp đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ

tưới cho cây chè và đầu tư giao thông đến vùng dự án và chế biến xuất khẩu.

- Quy mô đầu tư: 83.000.000 USD.

- Hình thức đầu tư: Liên doanh và đầu tư 100%.

- Đối tác Việt Nam: Công ty chè Lâm Đồng.

- Phương thức đầu tư: Có thể chia dự án thành các dự án nhỏ có diện tích và vốn đầu tư phù hợp với các nhà đầu tư.

4. Dự án phát triển ngô lai cho sản và chế biến thức ăn gia súc:

- Địa điểm: Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Hình thức đầu tư: Liên doanh 100% vốn.

- Đơn vị tham gia: Công ty Dịch vụ Vật tư - Kỹ thuật Lâm Đồng.

- Sản phẩm: Thức ăn chăn nuôi tổng hợp.

- Công suất nhà máy: 30.000 - 50.000 tấn/năm.

- Vốn đầu tư: 1 - 1,5 triệu USD.

5. Dự án chế biến rau quả cấp đông xuất khẩu:

- Địa điểm: Đà Lạt, Đức Trọng, Đơn Dương.

- Hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài, liên doanh.

- Đối tác Việt Nam: một doanh nghiệp của tỉnh Lâm Đồng.

- Mục tiêu đầu tư: đầu tư xây dựng từ 2 - 3 nhà máy với công suất 1 nhà máy 10.000 tấn/năm.

- Quy mô đầu tư: 2.000.000 USD/1 nhà máy.

- Thị trường tiêu thụ: chủ yếu xuất khẩu.

6. Dự án chế biến cà phê hòa tan:



Sản xuất rau sạch.

Producing clean vegetables.



Chăm sóc chè cảnh
tại Bảo Lộc.

Ảnh: Hiếu Cầu.

*Caring for the tea at
Bao Loc plantation.*

Photo: Hieu Cau

- Địa điểm: Huyện Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh, thị xã Bảo Lộc.

- Hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài hoặc liên doanh.

- Đối tác Việt Nam: một doanh nghiệp Nhà nước của tỉnh.

- Mục tiêu dự án: đầu tư 1 nhà máy chế biến có công suất 5.000 tấn/năm.

- Quy mô vốn đầu tư: 6.000.000 USD.

- Thị trường: Tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Lợi thế: sản lượng cà phê nhân hàng năm từ 80.000 - 90.000 tấn.

7. Dự án đầu tư nhà máy sản xuất bột giấy, giấy các loại:

- Địa điểm: huyện Bảo Lâm, Bảo Lộc, Đạ Huoai, Đạ Tẻh.

- Hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài, liên doanh.

- Công suất nhà máy: đầu tư nhà máy có công suất từ 50.000 - 100.000 tấn/năm.

- Lợi thế: Lâm Đồng là một trong những tỉnh có diện tích và trữ lượng lâm sản lớn, đa dạng về chủng loại, đặc biệt là tre nứa và rừng thông là những lâm sản để chế biến bột giấy. Phù hợp với quy hoạch phát triển ngành giấy đến 2010 đã được Chính phủ thông qua.

8. Dự án đầu tư nhà máy chuội, nhuộm, in hoa lụa tơ tằm:

- Địa điểm: Thị xã Bảo Lộc - tỉnh Lâm Đồng.

- Hình thức đầu tư: liên doanh 100% vốn.

- Đối tác Việt Nam: Tổng Công ty Dâu tằm tơ Việt Nam.

- Công suất sản phẩm:

Chuội: 2 triệu mét lụa/năm.

Nhuộm: 1,5 triệu mét lụa/năm.

In hoa: 1,5 triệu mét lụa/năm.

- Vốn đầu tư: 8.000.000 USD.

- Thuận lợi: có diện tích đất: 10.000 m², và mặt bằng nhà xưởng: 8.000m², cơ sở hạ tầng thuận lợi.

9. Dự án đầu tư nhà máy dệt kim vải tơ tằm:

- Địa điểm: thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc 100%.

- Đối tác Việt Nam: Tổng Công ty Dâu tằm tơ Việt Nam.

- Công suất nhà máy: vải dệt kim từ tơ tằm: 1,5 triệu mét/năm.

- Quy mô vốn đầu tư: 5.000.000 USD.

Ưu điểm: có nguồn nguyên liệu, có diện tích đất 3.000m² và mặt bằng 2.500m², hạ tầng cơ sở sẵn có.

10. Dự án đầu tư nhà máy kéo sợi Spulsilk:

- Địa điểm: thị xã Bảo Lộc - tỉnh Lâm Đồng.

- Hình thức đầu tư: liên doanh, hoặc 100% vốn.

- Đối tác Việt Nam: Tổng Công ty Dâu tằm tơ Việt Nam.

- Công suất: sợi Spulsilk: 150 tấn/năm.

- Quy mô vốn đầu tư: 8.000.000 USD.

- Ưu điểm: có diện tích đất 8.000m², mặt bằng nhà xưởng 4.500m², hạ tầng cơ sở sẵn có, có nguồn nguyên liệu ổn định.

11. Dự án sản xuất sử cách điện:

- Địa điểm: huyện Đức Trọng - tỉnh Lâm Đồng.

- Hình thức đầu tư: liên doanh hoặc 100% vốn.

- Đối tác Việt Nam: Doanh nghiệp Nhà nước.

- Công suất: 50.000 - 100.000 tấn ka-olin tinh/năm.

- Vốn đầu tư: 1,2 - 1,5 triệu USD.

- Ưu điểm: có nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương, dễ khai thác.

12. Dự án sản xuất giày da xuất khẩu:

- Địa điểm: thị xã Bảo Lộc hoặc thành phố Đà Lạt.

- Hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài, liên doanh.

- Đối tác Việt Nam: Doanh nghiệp Nhà nước.

- Công suất: 2 triệu đôi giày/năm.

- Quy mô vốn đầu tư: 2,5 triệu USD.

- Thị trường: xuất khẩu.

13. Dự án công nghệ thông tin - sản xuất phần mềm:

- Địa điểm: thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Lợi thế đầu tư:

+ Khí hậu mát mẻ.

+ Có lực lượng lao động có tay nghề: cử nhân tin học từ trường đại học Đà Lạt, công nhân kỹ thuật từ trường Kỹ thuật do Ngân hàng Châu Á (ADB) tài trợ.

+ Gần thành phố Hồ Chí Minh và các trung tâm công nghiệp lớn của vùng đồng Nam Bộ.

- Mục tiêu đầu tư: phát triển ngành công nghiệp sản xuất phần mềm.

14. Dự án khu du lịch hồ Đa Thiện: Hồ Đa Thiện nằm cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 6km về phía Bắc, hồ có diện tích tự nhiên khoảng 150 ha. Quanh hồ là những đồi cây với các loại thông đặc chủng, trong rừng còn có nhiều loại chim, thú quý hiếm. Ven hồ có nhiều điểm du lịch tạo thành khu du lịch hấp dẫn như: Rừng Ái ân, thung lũng Tình yêu... Theo quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thời kỳ 1995-2010, hồ Đa Thiện thuộc cụm du lịch trung tâm Đà Lạt và vùng phụ cận, là khu vực ưu tiên đầu tư khai thác.

Hồ Đa Thiện có rất nhiều tiềm năng và triển vọng phát triển. Do đó Viện Nghiên cứu phát triển du lịch Việt Nam đã xây dựng dự án quy hoạch khu du lịch Đa Thiện. Nơi đây có thể đầu tư xây dựng thành một khu du lịch tổng hợp với nhiều loại hình du lịch như: tham quan thắng cảnh, vui chơi giải trí, thể thao, sinh thái, nghỉ dưỡng...

- Địa điểm: khu vực hồ Đa Thiện.

- Đơn vị tham gia: Công ty TNHH du lịch thanh niên Đà Lạt.

- Hình thức dự án: liên doanh, liên kết,...

- Quy mô dự án: khoảng 150 ha.

15. Dự án khu du lịch Prenn: Thác Prenn nằm ở đèo Prenn, cạnh Quốc lộ 20, cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 10km. Quanh khu vực là những rừng cây với các loại thông đặc chủng, trong rừng còn có nhiều loại chim, thú quý hiếm. Khu du lịch Prenn là khu vực ưu tiên đầu tư khai thác.

- Địa điểm: khu vực thác Prenn.

- Chủ dự án: Công ty Dịch vụ Du lịch Đà Lạt.

- Hình thức dự án: liên doanh, liên kết...

- Quy mô dự án giai đoạn I: khoảng 160 ha.

- Tổng vốn đầu tư: khoảng 40 tỷ đồng.

Trong đó giai đoạn I có giá trị tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 6,9 tỷ đồng.

- Nội dung đầu tư:
- + Xây dựng cơ sở vật chất trên diện tích 20.000m².
- + Đào tạo các chuyên gia đầu đàn.
- Vốn đầu tư: 3.000.000 USD.
- Nguồn vốn: ODA hoặc FDI.
- Đối tác Việt Nam: Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng.

16. Dự án lắp ráp cơ khí - điện tử chính xác:

- Địa điểm: thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.
- Hình thức đầu tư: liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài.
- Quy mô dự án: 15.000 - 20.000 sản phẩm/năm.
- Vốn đầu tư: 1,5 - 2 triệu USD.
- Thị trường: tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

17. Dự án xây dựng nhà ở, văn phòng cho thuê, bán:

- Địa điểm: thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc - tỉnh Lâm Đồng.
- Quy mô: 40.000 - 100.000m².
- Vốn đầu tư: 6 - 8,5 triệu USD.
- Hình thức đầu tư: liên doanh hay 100% vốn.
- Đơn vị tham gia: Công ty Kinh doanh và Phát triển nhà Lâm Đồng.

18. Dự án cải tạo nâng cấp khu biệt thự Lê Lai:

- Địa điểm: thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
- Hình thức đầu tư: liên doanh hoặc 100% vốn.
- Đơn vị tham gia: Công ty Du lịch Lâm Đồng.
- Quy mô dự án: cải tạo, nâng cấp khu biệt thự Lê Lai gồm 16 biệt thự và tôn tạo cảnh quan khuôn viên.
- Vốn đầu tư: 3-4 triệu USD.
- Mục tiêu hoạt động: kinh doanh khách sạn và các dịch vụ liên quan đến du lịch nghỉ dưỡng.

19. Dự án đầu tư xây dựng khu



Chăm sóc rừng trồng mới.
Caring for newly-planted forest.

du lịch hồ Tuyền Lâm:

- Địa điểm: thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
 - Hình thức đầu tư: liên doanh hoặc 100% vốn.
 - Đơn vị tham gia: Công ty Du lịch Lâm Đồng.
 - Vốn đầu tư: 100 triệu USD.
 - Mục tiêu: kinh doanh khách sạn nhà hàng, tổ chức các dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch dưới nước và các dịch vụ có liên quan khác.
 - Thuận lợi: có diện tích rừng thông lớn, cảnh quan đẹp, diện tích mặt hồ khoảng 400 a, cách trung tâm Đà Lạt 5km, giao thông thuận lợi.
- #### **20. Dự án đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Bảo Lâm:**
- Địa điểm: thị trấn Lộc Thắng - huyện Bảo Lâm - tỉnh Lâm Đồng.

- Mục tiêu dự án: đầu tư xây dựng mới hệ thống cung cấp nước sạch cho dân cư khu vực thị trấn Lộc Thắng - huyện Bảo Lâm.

- Vốn đầu tư: 660.000 USD.

- Nguồn vốn: ODA.

21. Dự án đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt các huyện Đạ Huoai và Đạ Tẻh, Cát Tiên:

- Địa điểm: khu vực đô thị và vùng phụ cận của 3 huyện Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên.

- Công suất:

+ Đạ Huoai: 4.500m³/ngày đêm.

+ Đạ Tẻh: 5.000m³/ngày đêm.

+ Cát Tiên: 3.000m³/ngày đêm.

- Tổng vốn đầu tư: 2.2000.000 USD.

- Nguồn vốn: ODA.

22. Dự án xây dựng nhà máy xử lý rác thải tại thành phố Đà Lạt:

- Địa điểm: thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Mục tiêu: thu gom rác thải hàng ngày và chế biến phân bón nhằm chống ô nhiễm môi trường và phục vụ nông nghiệp.

- Công suất nhà máy: 150 - 200 tấn rác thải/ngày đêm.

- Vốn đầu tư: 820.0000 - 1.000.000 USD.

- Nguồn vốn: ODA hoặc FDI.

23. Dự án xây dựng và cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại thị xã Bảo Lộc:

- Địa điểm: thị xã Bảo Lộc - tỉnh Lâm Đồng.

- Mục tiêu: xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp thuộc khu vực nội thị thị xã Bảo Lộc.

- Công suất: 7.000 - 12.000m³/ngày.

- Hạng mục đầu tư: xây dựng 5 trạm xử lý có công suất 1.000 - 3.000 m³/ngày/trạm và 2km đường ống theo quy định Aquades (lắng, lọc và xử lý hóa chất). Đồng thời xây dựng các trạm xử lý nước thải hệ thống mương rãnh thoát nước mặt ở các đường khu trung tâm bằng mương xây và

ống cống với chiều dài 30km.

- Vốn đầu tư: 2 triệu USD.

- Nguồn vốn: vốn ODA.

24. Dự án xây dựng dài hỏa táng tại thành phố Đà Lạt:

- Địa điểm: thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1,8 ha thuộc khu vực đồi Tam Tạng - Nghĩa trang Du Sinh.

- Mục tiêu: tiết kiệm chi phí chôn cất, tiết kiệm đất, hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Vốn đầu tư: 800.000 USD.

- Nguồn vốn: vốn ODA.

*

Ngoài các dự án nêu trên, tỉnh Lâm Đồng còn kêu gọi vốn đầu tư trong và ngoài nước vào các dự án sau đây:

- Dự án đầu tư chuyển đổi giống rau, hoa, quả phù hợp với thị trường quốc tế để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

- Dự án chăn nuôi bò và chế biến thịt sữa.

- Dự án trồng rừng, khai thác và chế biến gỗ từ rừng trồng.

- Dự án khai thác và sản xuất đá ốp lát.

- Dự án khai thác và chế biến bột.

- Dự án xây dựng nhà máy may mặc, đan len, xuất khẩu.

- Dự án xây dựng làng văn hóa dân tộc.

- Dự án tôn tạo khu du lịch Đa Thiện.

- Dự án nâng cấp đường nội thị và xây dựng các đường giao thông tỉnh, huyện.

- Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 28.

- Dự án nâng cấp sân bay Liên Khương, Cam Ly.

- Dự án khôi phục tuyến đường đường sắt Đà Lạt - Tháp Chàm.

- Dự án phát triển giao thông nông thôn.

- Dự án xử lý chất thải các bệnh viện tỉnh Lâm Đồng.

- Dự án đầu tư nước sạch nông thôn các huyện.

- Dự án đầu tư 2 siêu thị Đà Lạt và Bảo Lộc. ■

LIST OF PROJECTS CALLING FOR INVESTMENT CAPITAL, PHASE 2000 - 2010

To fully use the potentialities and favorable conditions of the locality, the provincial authorities of Lam Dong are calling for investment capital for phase 2000- 2001 from domestic and foreign investors, either individuals or business enterprises, following the guideline "Equal profit sharing". The authorities will specially give priorities to projects invested in the following fields.

1- In agricultural production:

* Long- term industrial crops: prioritized projects on intensive farming, in diversifying high- grade and high- yield crop strains such as tea, coffee, cashew, mulberry trees, etc.

* Vegetables and flowers: prioritized projects on producing clean vegetables, on diversifying high- grade vegetable and flower strains that meet the global market's requirements. Specially prioritized projects applying biological technique and advanced production technology

2- In industrial production: prioritized projects on preserving associated with processing local agro- products for export such as vegetables, fruit, tea coffee, etc. Exploiting local traditional trades such as fine arts handcraft, knitting, projects in high-tech industries such as precision electronics- machinery engineering assembling and projects in the software industry

4- In tourism:

Projects in tourist services, ecological and cultural tours, convalescence tours,

excursions, sight- seeing, outing trips through thick forests. Projects to create new tourist products.

5- In promoting import- export:

* manufacturing inland products to replace imports

* projects of which 80% or more products is for export.

6- In building socio-economic infrastructures:

* building roads, electricity power, water supply, especially for remote regions and regions of ethnic minorities.

* health service, education; water waste treatment and ecological protection.

LIST OF PROJECTS CALLING FOR INVESTMENT CAPITAL, PHASE 2000- 2001

1- Artichoke planting and processing:

- Locality: Dalat city, Lam dong province

- Target: planting 120- 150 ha of artichoke; building artichoke processing fac-

tories (with such artichoke products as artichoke hard extract, pills, tea, etc)

- Scale: USD 1,500,000.

- Capital source: funded by ODA and FDI

- Advantages: the climate and soil condition are suitable for growing artichoke; Dalat's peasants have experience in cultivating artichoke and are used to artichoke growing techniques.

2- Planting and manufacturing cinchona pharmaceutical products:

- Locality: Dalat city, districts of Lam Ha, Don Duong, Di linh, Lam Dong province.

- Target: planting 350 ha of cinchona; building factories to manufacture pharmaceutical products from cinchona bark such as tonic medicine-wine, fever - relief pills, and cinchona extracts such as sulfate quinine, quinine Di chlohydrate, quinine chlohydrat quinine, etc.

- Total capital: USD 3,100,000

- Capital source: funded by ODA, FDI

- Advantages: cinchona is suitable to the natural conditions of Lam Dong, suitable areas for planting cinchona are available

3- Tea intensive farming and diversifying tea breed:

- Locality: Bao Lam Dilinh districts, Bao Loc town

- Articles: * clearing 4,000ha of virgin soil for new planting tea of new breeds

- * Replacing 15,00ha of existing tea plantations with tea of new breed.

- * Helping peasants to increase the yield of their existing 4,000 ha of tea through intensive farming techniques.

- * Building and expanding the irrigation system and roads servicing the plantations and processing export factories.

- Scale: US 83,000.000

- Form of investment: joint venture or 100% foreign owned

- Vietnamese partner: The tea com-

pany of Lam Dong.

- Mode of investment: the master projects can be divided into smaller projects with areas and capital suitable for the investors.

4- Developing high- yield cross-bred corn and building animal food processing factory:

- Locality: Duc Trong district, Lam Dong province

- Form of investment: joint venture or 100% foreign owned

- Partner: The Lam Dong material and technical service company

- Product: Synthetic food for domestic animals

- Capacity of the factory: 30,000- 50,000 tons/year

- Capital: USD 1 - 1,500,000

5- Processing vegetables and fruit for export

- Locality: Dalat, Duc Trong, Don Duong

- Form of investment: joint venture or 100% foreign owned

- Vietnamese partner: a enterprise of Lam Dong

- Target: a processing factory with a capacity of 10,000 tons/year

- Scale: USD2.000.000/ 1 factory

- Consumer Market: mainly for export

6- Building an instant coffee processing plant:

- Locality: Districts of Duc Trong, Lam Ha, Di Linh, and Bao Loc town

- Form of investment: joint venture or 100% foreign owned

- Vietnamese partner: a state enterprise of Lam Dong

- Target: building a processing factory with a capacity of 5,000tons/year

- Total capital: USD6,000,000

- Market: inland and for export.

- Advantage: a yield of 80,000- 90,000 tons of coffee beans annually.

7- A paper mill and paper pulp



Nâng cấp đường ống nước
sinh hoạt ở Đà Lạt.

Ảnh: HHN.

*Upgrading the water supply
system of Dalat. Photo: HHN*

manufacturing factory:

- Locality: Districts of Bao Lam, Bao Loc, Da Huoi, Da The
- Form of investment: joint venture or 100% foreign owned
- Target: building a factory with a capacity of 50,000- 100,000tons/year
- Advantage: Lam Dong is one of the provinces with great forestry product reserve. The forests cover a sizable area with various species, especially the family of bamboo and pines which are the very suitable materials for paper processing. In addition, this project is pursuant to the masterplan in developing paper industry approved by the government.

8- Building a silk bleaching, dyeing and printing factory

- Locality: Bao Loc town, Lam Dong province
- Form of investment: joint venture or 100% foreign owned
- Vietnamese partner: The Vietnam Mulberry and Silk Corporation.
- Capacity of the factory:
 - * Bleaching: 2,000,000 m of silk/year
 - * Dyeing: 1,500,000 m of silk/ year
 - * Printing: 1,500,000 m of silk/ year
- Capital: USD 8,000,000
- Advantage: a total 10,000 m site, a 8,000 m foundation and favorable infrastructure are available

9- Building a silk- knitting fac-

tory:

- Locality: Bao Loc town, Lam Dong province
- Factory capacity: 1,500,000 m/year
- Total capital: USD 5,000,000
- Advantage: material source, a 8,000m site, a 2,500 m foundation, infrastructure are available

10- Building a Spulsilk thread spinning factory:

- Form of investment: joint venture or 100% foreign owned
- Vietnamese partner: The Vietnam Mulberry and Silk Corporation.
- Capacity: 150 tons of Spulsilk thread/year
- Total capital: USD 8,00,000
- Advantage: stable material source; a 8,000 m2 site, 4,500,000 m2 foundation, infrastructure are available.

11- Building a porcelain insulator manufacturer.

- Locality: Duc Trong district, Lam Dong province
- Form of investment: joint venture or 100% foreign owned
- Vietnamese partner: State enterprises
- Capacity: 50,000- 100,000 tons of pure kaolin/year
- Capital: USD 1,200,000 – 1,500,000
- Advantage: available source of local easily- exploited material

12- Building an exported- shoes-leather factory

- Locality: Bao Loc town or Da Lat city
- Form of investment: joint venture or 100% foreign owned
- Vietnamese partner: State enterprises
- Capacity: 2.000,000 pairs of shoes/year
- Total capital: USD 2,500,000
- Market: for export.

13- Information industry and the soft ware production industry

- Locality: Dalat city, Lam Dong province
- Advantage:
 - * temperate climate
 - * qualified laborers: bachelors of information science from the university of Dalat, technical workers from the Lam Dong technical school sponsored by ADB
 - * near HCM City and other industrial centers of Southeast Vietnam.
- Target: developing the software production industry.

14- The Da Thien Lake tourist site

Da Thien Lake is 6km from downtown Dalat, covering a natural area of about 150ha, and surrounded with immense forests of pines of various species, which are the habitat of a great number of rare and precious birds and animals. A tourist attraction on its shore comprises several attractive tourist spots such as The Forest of Tender Love (Rung Ai An), The valley of Love (Thung lung Tinh Yeu), etc. According to the master plan in the development of the tourist industry, the Da Thien lake site belongs to the tourist zone of the center of Dalat and its adjacent areas. The site, therefore, is prioritized to be invested and exploited.

The Da Thien lake site has many potentialities and prospects of development. Because of this, the Viet Nam Research and Development of Tourism

Institute has made a master plan for the site. According to this plan, the site will be built as a tourist complex with various forms of tourism such as excursions, sight-seeing, entertainment, sports, ecological and convalescence tours resort, etc.

- Locality: The Da Thien Lake and its surrounding areas.

- Partner: The Youth Tourist Company of Da Lat (Cong ty TNNH du lich thanh nien Dalat)

- Form of investment: joint venture, co-operation

- Scale: roughly 150 ha

15- The Prenn tourist site:

- The Prenn Water Fall is located on the Prenn Pass, next to National Highway 20, about 10km from downtown Dalat. Surrounding the site are immense forests of pines of very special species. Such forests are the habitat of many rare and precious birds and animals. The Prenn tourist site is prioritized to be invested and exploited.

- Locality: the Prenn site

- Project's owner: The tourist service company of Lam Dong (Cong Ty dich vu du lich Lam Dong)

- Form of investment: joint venture, co-operation, etc.

- Scale for phase 1: roughly 160 ha, Total capital: VND 40 billion, of which VND 6.9 billion is approved for the first phase.

- Investment Article:

- * a 20,000 m² field for infrastructure works.

- * training of leading experts.

- Capital: USD 3,000,000

- capital source: ODA or FDI

- Vietnamese partner: The Science and Technique Association of Lam Dong.

16- Building Electronics-machinery engineering precision assembling factory:

- Locality: Dalat city, Lam Dong province.

- Form of investment: joint venture

or 100% foreign owned.

- Scale: 15,000- 20,000 products/year.
- Capital: USD 1.5- 2 million.
- Market: domestic and international.

17- Constructing buildings for rent and for sale:

- Locality: Dalat city, Bao Loc town, Lam Dong province.

- Total area: 40,000- 100,000 m².

- Investment capital: USD 6- 8.5 million

- Form of investment: joint venture or 100% foreign owned.

- Vietnamese partner: The Housing Business and Development of Lam Dong.

18- Restoring and upgrading the villa zone on Le Lai street:

- Locality: Dalat city, Lam Dong province.

- Form of investment: joint venture or 100% foreign owned.

- Vietnamese Partner: The Tourist Company of Lam Dong.

- Target: renovating and upgrading the Le Lai site comprising 16 villas and their surroundings

- Investment capital: USD 3- 4 million.

- Business field: Hotel trading business and other services related to resort tourism

19- The Tuyen Lam Lake tourist

site:

- Locality: Dalat city, Lam Dong province.

- Form of investment: joint venture or 100% foreign owned.

- Vietnamese partner: the Tourist Company of Lam Dong

- Investment capital: USD 100 million

- Target: hotel and restaurant trading businesses, ecological tourism, water tourism and other related services.

- Advantage: immense pine forests, picturesque scenery, 400 ha of water surface, only 5km from the center of Dalat, easy access.

20- Establishing a home-use water supply in BaoLam District:

- Locality: Loc Thang, Bao Lam district, Lam Dong province.

- Target: newly established clean water supply system for residential areas of Loc Thang, Bao Lam district.

- Investment capital: USD 660,000

- Capital source: ODA

21- Supplying home-use water for the districts of Da Huoi, Da Yeh, and Cat Tien:

- Locality: urban and suburban areas of the districts of Da Huoi, Da Yeh, and Cat Tien.

- Capacity:



Khai thác bentô nit tại Di Linh.

Exploiting bentonite in Di Linh.

- * Da Houoai: 4,500 m³/day and night
- * Da Teh: 5,000m³/day and night
- * Cat Tien: 3,000m³/ day and night.
- Total capital: USD 2,200,000
- Capital source: ODA

22- Building a waste treating factory in DaLat:

- Locality: Dalat city, Lam Dong province.
- Target: daily gathering waste and manufacturing fertilizer serving agriculture and protecting against environment pollution.
- Capacity: 150- 200 tons of waste / day and night.
- Investment capital: USD 820,000- 1,000,000.
- Capital source: ODA or FDI

23- Building and improving Bao Loc's waste water treating system:

- Locality: Bao Loc town, Lam Dong province.
- Target: treating home- use and industrial waste water in the urban areas of Bao Loc
- Capacity: 7,000- 12,000 m³/day
- Article: building 5 treating stations with a capacity of 1,000- 3,000 m³/day/station and a 2km water pipe in accordance with the standards of Aquades; building a drainage system along the roads in the center of the town.
- Investment capital: USD 2 million
- Capital source: ODA

24- Building a crematory in Dalat:

- Locality: Dalat, Lam Dong province; a 1.8 ha field on the Tam Tang Hill- Du Sinh cemetery
- Target: saving the burying expenses, saving land, and restricting environment pollution.
- Investment capital: USD 800,000.
- Capital source: ODA

In addition to the above projects, the provincial authorities of Lam Dong are calling for investment capital for other

following projects in:

- diversifying vegetable, fruit and flower breeds which meet the global market to supply processing plants with materials.
- rearing cows and processing cow milk and beef
- planting forests, exploiting and processing wood from planted forests
- exploiting and produce paving stones
- exploiting and processing bauxite.
- building exported garment, knitting ware factories
- building cultural villages of ethnic minorities
- building the Cat Tien tourist site.
- upgrading urban and suburban transport systems.
- improving and upgrading National Highway 28
- upgrading the Lien Khuong and Cam Ly airports.
- Restoring the railway track Dalat-Thap Cham
- developing rural transport system
- treating waste from the Lam Dong Hospital.
- supplying clear water for rural areas
- building 2 supermarkets in DaLat and Bao Loc. ■





Ngân hàng Công thương Việt Nam

CHI NHÁNH TỈNH LÂM ĐỒNG

INDUSTRIAL & COMMERCIAL BANK OF VIETNAM - LAM Dong BRANCH

Hân hạnh phục vụ quý khách với các dịch vụ sau:

- Nhận tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ của các đơn vị, tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước và ngoài nước.
- Tiếp nhận vốn vay, tài trợ của các tổ chức kinh tế, xã hội và các tổ chức tín dụng tiền tệ trong nước và quốc tế.
- Cho vay ngắn hạn trung và dài hạn bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ đối với khách hàng thuộc mọi thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư.
- Tiếp nhận vốn, tài trợ cho vay phát triển sản xuất kinh doanh, tạo lập doanh nghiệp và công ăn việc làm.
- Kinh doanh ngoại tệ, thực hiện các dịch vụ mua bán, chuyển đổi ngoại tệ.
- Dịch vụ chi trả kiều hối cho mọi đối tượng.
- Làm dịch vụ thanh toán chuyển tiền cho mọi khách hàng với tất cả các nước trên thế giới.
- Dịch vụ thanh toán tiền Việt Nam qua hệ thống máy vi tính viễn thông ngay trong ngày cho khách hàng trong toàn quốc.
- Thực hiện nghiệp vụ cầm cố động sản và bất động sản, cho vay tiêu dùng đến với tất cả mọi đối tượng dân cư trên địa bàn và khách vãng lai.
- Mở tài khoản tiền gửi tư nhân.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

- Hội sở chính

46-48 Khu Hòa Bình Đà Lạt.

Tel: 063 822496 - 063 822495

Fax: 063 822782

- Chi nhánh khu vực Bảo Lộc:

số 3 đường 28 -3, thị xã Bảo Lộc.

Tel: 063 864485 - 063 864469

Fax: 063 864909

- Chi nhánh NHCT Di Linh:

Thị trấn Di Linh - Tel: 063.87695 -

Fax: 063.870681

It's our honor to serve you with the following services:

- *Bank deposits with or without term in Vietnamese and foreign currencies for all economic units, organizations and individuals home and abroad.*
- *Receiving loan capital and investment from all economic, social and financial organizations home and abroad.*
- *Short-, mid- & long-term loans in Vietnamese and foreign currencies to clients of all economic segments and people of all classes.*
- *Receiving capital and funding loans for production development, business set-up, and job start.*
- *Foreign exchange services.*
- *Transfer services for overseas Vietnamese deposits.*
- *Payment services for foreign trade to all countries of the world.*
- *In-day payment services in Vietnamese currency via national computer network.*
- *Mortgage services for real estate and movable personal estate and small loan services for all local residents and non-residents*
- *Personal bank account services.*

CONTACT ADDRESS:

Head Office:

46-48 Hoa Bình Block – Da Lat

Tel: 063 822496 – 063 822495

Fax: 063 822782

Branch Office in Bao Loc Town:

3 March 28th St. – Bao Loc

Tel: 063 864485 – 063 864469. Fax: 063 864909

Branch Office in Di Linh

Address: Di Linh townlet

Tel: 063.87695 - Fax: 063.870681



Công ty Sách Thiết bị Trường học

9 NGUYỄN VĂN CỪ - ĐÀ LẠT
01 KHU HÒA BÌNH - ĐÀ LẠT
ĐT: 821761 - 829729

Quầy sách tự chọn của Công ty Sách Thiết bị Trường học Lâm Đồng.

CHUYÊN PHỤC VỤ:

- Sách giáo khoa, sách tham khảo, sách tra cứu phục vụ giáo dục.
- Thiết bị dạy phổ thông, cao đẳng, đại học.
- Thiết bị học ngành học mầm non.
- Thiết bị văn phòng.

- Dụng cụ học sinh và văn phòng phẩm.

Có hệ thống đại lý rộng khắp trong toàn tỉnh Lâm Đồng.

PHỤC VỤ NHANH, UY TÍN.

CỬA HÀNG THEO CHÍNH SÁCH MIỀN NÚI.

BOOKS & EDUCATIONAL EQUIPMENT COMPANY

9 NGUYEN VAN CU ST. - 01 HOA BINH BLOCK - DA LAT
TEL: 821761 - 829729



SELF-SERVICE BOOKSTORE OF BOOKS & EDUCATIONAL EQUIPMENT COMPANY

SPECIALIZED IN:

- Text books, reference books, educational publications.
 - Educational equipment for high schools, colleges and universities.
 - Office equipment.
 - Student's tools and stationary
- With distribution network all over the province.

BEST SERVICE, HIGH CREDIT.

SPECIAL FAVORS AFTER THE HIGHLAND-PRIORITY POLICIES.

Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Lâm Đồng

* Giám đốc:
Kỹ sư: LÊ ĐẮC LĂNG

* CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ:

- Huy động vốn trung - dài hạn. Tiếp nhận các nguồn vốn của Nhà nước (bao gồm vốn trong và ngoài nước) để thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước.

- Cho vay đầu tư và thu hồi nợ.

- Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

- Thực hiện việc bảo

lãnh cho các chủ đầu tư vay vốn.

Tái bảo lãnh và nhận tái bảo lãnh cho các quỹ đầu tư.

- Ủy thác - nhận ủy thác cho vay vốn đầu tư và một số nhiệm vụ khác được Chính phủ giao.

** Đến với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Lâm Đồng*

Quý Khách sẽ được phục vụ tận tình - chu đáo!

* Địa chỉ liên hệ:

CHI NHÁNH QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN LÂM ĐỒNG

SỐ 2A LÊ HỒNG PHONG - ĐÀ LẠT.

ĐT: (063) 825356. FAX: (063) 825983



Trụ sở chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Lâm Đồng.

The office of the Branch of Lamdong Development Fund.

Director: Le Dac Lang, Engineer
Functions & Abilities:

- Mobilization of mid- & long - term capital. Receiving all sources of State's capital home and abroad to realize the state-sponsored projects of investment & development.
- Offering loans for investment and collecting debts.
- Acting as a guarantee to facilitate loans for investors.
- Re-guarantee for other investment funds.
- Entrusting and accepting entrustment for investment loans and carrying out other functions assigned by the Government.

You will be offered the best services at the Branch of Lamdong Development Fund!

Contact address:

BRANCH OF LAMDONG DEVELOPMENT FUND

2A Le Hong Phong St. - Da Lat

Tel: (063) 825356 - Fax: (063) 825983

BRANCH OF LAMDONG DEVELOPMENT FUND



LAMDONG DRIVING SCHOOL

Address: 01 Nguyen Khuyen St. – 5th Precinct – Da Lat
Tel: (063) 825012 – 823436 – 829143

Specialized in training:

- Driving all kinds of motor vehicles.
- Organizing official courses for mid-range vehicles (under 3.5-ton load capacity):

- + Professional license B2 (5-month course)
- + Semi-professional license B1 (12-week course)
- + Official courses for heavy-duty vehicles (over 3.5-ton load capacity): License C.
- + Courses for license upgrade:
 - + License B1 to B2 (15-day course)
 - + License B2 to C (1-month course)
 - + License C to D (1-month course)
 - + License D to E (1-month course)
 - + License B2 to D (2-month course)
 - + License C to E (2-month course)
 - + Upgrade to license F for tractor-trailers (1-month course)

Besides, LAMDONG DRIVING SCHOOL also organizes monthly training courses on traffic law for government workers and people all over the province to grant motorcycle driving licenses.

Tập lái xe ô tô trên bãi lái.

Practicing truck driving on the training course.

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Khuyển - Phường 5 - Đà Lạt
ĐT: (063) 825012 - 823436 - 829143

* NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO:

- Đào tạo lái xe ô tô các loại.
- Mô các lớp chính khóa lái xe ô tô trung tải gồm 2 đối tượng:
 - + B2 chuyên nghiệp (thời gian học 5 tháng).
 - + B1 bán chuyên nghiệp (Thời gian học 12 tuần).
- Lái xe ô tô đại tải (vận tải trên 3.5 tấn) hạng C.
- Các lớp nâng cấp. Giấy phép lái xe:
 - + Nâng cấp B1 - B2 thời gian 15 ngày.
 - + Nâng cấp B2 - C thời gian 1 tháng.
 - + Nâng cấp C - D thời gian 1 tháng.
 - + Nâng cấp D - E thời gian 1 tháng.
 - + Nâng cấp B2 - D thời gian 2 tháng.
 - + Nâng cấp C - E thời gian 2 tháng.
 - + Nâng cấp các loại xe kéo móc (hạng F) thời gian 1 tháng

Ngoài ra Trường thường xuyên tổ chức học luật giao thông đường bộ cho CB-NĐ trong toàn tỉnh dự thi lấy giấy phép lái xe mô tô 2 bánh định kỳ hàng tháng.

Phấn đấu để cho nguồn nước sạch đến với mọi người

Công ty Cấp nước Lâm Đồng là một đơn vị doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích với nhiệm vụ chính là sản xuất cung cấp nước máy phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân trong tỉnh và tư vấn xây dựng, thi công xây lắp hệ thống cấp thoát nước trên cả nước.

Cơ cấu tổ chức Công ty gồm 5 đơn vị sản xuất nước với tổng công suất cấp nước 40.000m³/ngày đêm (Đà Lạt, Bảo Lộc, Di Linh, Đức Trọng, Lâm Hà). 01 đơn vị quản lý thủy lượng kế. 01 đội thi công và bộ máy quản lý Công ty. Tổng số CBCNV 280 người.

Được sự quan tâm của Nhà nước, những năm qua Công ty đã triển khai thực hiện dự án cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt từ nguồn vốn viện trợ của Đan Mạch nhằm nâng công suất cấp nước từ 25.000m³/ngày đêm lên 31.000m³/ngày đêm. Cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước với trên 80km đường ống chuyển tải, phân phối các loại, cấp nước cho 5.000 hộ dân nghèo và đổi mới hiện đại hóa công tác quản lý điều hành mạng lưới.

Từ nguồn vốn vay JBIC (trước là OECF) của Nhật đã đầu tư:

- Xây dựng mới hệ thống cấp nước thị trấn Đình Văn - Lâm Hà với công suất thiết kế 2.400m³/ngày đêm.
- Cải tạo mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Bảo Lộc từ 3.000m³/ngày đêm lên 6.000m³/ngày đêm, lắp đặt gần 23km đường ống chuyển tải phân phối các loại.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do thiếu vốn đầu tư nên cơ sở hạ tầng cấp nước ở một số nơi vẫn còn yếu kém, một số thị trấn huyện lỵ vẫn chưa được cung cấp nước sạch như thị trấn Thạnh Mỹ - Đơn Dương, Bảo Lâm, Đa Tề, Đa Huoai, Cát Tiên...

Thực hiện định hướng phát triển giai đoạn 2001-2005 để có thể đảm bảo cấp nước cho 80% dân cư ở các khu đô thị, huyện lỵ với tiêu chuẩn cấp nước 80 lít - 100 lít/người/ngày. Công ty mong muốn được sự hợp tác của các nhà đầu tư, các ngành, các cấp tạo điều kiện nâng cấp, mở rộng, hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu bức thiết, một mong ước bình thường của người dân chưa có được.

CÔNG TY CẤP NƯỚC LÂM ĐỒNG

3 - ĐÌNH TIỀN HOÀNG - ĐÀ LẠT

ĐT: 063.822457 -- Fax: 01.63.824050 -- E-mail: cndalat@hcm.vnn.vn

Striving for every people's clean water source

Lamdong Water Supply Company is a State-owned enterprise with public interest specialization. The company's main function is supplying water for consumption and production to all provincial people and carrying out services of consulting, building & installing water system all over the country.

The company is organized into 8 units: 5 water supply units based at Da Lat, Bao Loc, Di Linh, Duc Trong, and Lam Ha, with the total output of 40.000 cubic meter per day, 1 unit in charge of water meter system, 1 unit of project construction, and the body of company management. The total personnel of the company are 280.

Supported by the government and funded by the aid capital from Denmark the company for many years has carried out the project of renovating and enlarging the water supply system of Da Lat City from 25.000 to 31.000 cubic meter per day. The company has upgraded the water supply network with more than 80 kilometers of pipeline to convey and distribute water to 5.000 poor families and modernized the task of network management.

From the loan capital offered by Japan, the company has invested in:

- Building a new water supply system at Dinh Van town of Lam Ha with the designated output of 2.400 cubic meter per day.
- Renovating & enlarging the water supply system at Bao Loc town from 3,000 to 6,000 cubic meter per day, installing about 23 kilometers of water pipeline.

In spite of doing its best, the company still lacks the investment capital to renovating the water supply systems in some areas. Clean water is still unable to be supplied to some towns in far-away districts such as Thanh My of Don Duong, Bao lam, Da the, Da Hoai, Cat Tien...

The provincial development project for the period 2001-2005 demands to supply clean water to 80% of the local population within towns and districts with the ration from 80 to 100 liters of water per day for one person at least. The company welcome the co-operation from all investors and organizations at all levels to facilitate the renovating and upgrading of the provincial water supply system and to realize the dream so simple waited by so many for so long.

LAMDONG WATER SUPPLY COMPANY

3 DINH TIEN HOANG ST. - DA LAT

Tel: 063. 822457 -- Fax: 01.63. 824050 -- E-mail: cndalat@hcm.vnn.vn

Vang Đà Lạt

Dalat wine



PRODUCT OF VIET NAM

STATE-OWNED ENTERPRISE

Lamdong Food Company

Director: Nguyen Van Viet, Engineer

*** AFFILIATED UNITS:**

- Da Huoi Cashew-nut Processing Factory, output: 3000 tons/year.
- Da Lat Distillery, output: 300.000 liters/year

*** MAIN PRODUCTS:**

- Cashew nuts for export.
- LADOBEEER brewed beer and LANGBIAN bottled beer.
- Special products from local fruit such as Thanh Yen wine, Plum wine, etc. Especially, the product of Thanh Yen wine used to win Gold medal at International Trade Fair '94 in Can Tho. To celebrate the New Year, Lamdong Food Company is marketing a new product: the special wine brewed with Da Lat fruit juice, with wonderful aroma, highly nutritious value, suitable to all kinds of taste. It's the best companion to all special occasions or everyday meals home and abroad.

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Công ty thực phẩm Lâm Đồng

Giám đốc: Kỹ sư Nguyễn Văn Việt

*** CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN:**

- Nhà máy chế biến nhân hạt điều xuất khẩu Đa Huoi, công suất 3000 tấn/năm.
- Nhà máy rượu Đà Lạt, công suất 600.000 lít/năm.

*** CÁC SẢN PHẨM CHÍNH:**

- Nhân hạt điều xuất khẩu.
- Các sản phẩm rượu trái cây đặc sản Đà Lạt như: Thanh Yên, Chát, Mận... trong đó rượu chát và rượu Thanh Yên đạt Huy chương vàng tại Hội chợ quốc tế Cần Thơ năm 1994. Đặc biệt nhân dịp năm mới Công ty Thực phẩm Lâm Đồng cho ra thị trường hai loại rượu mới: Vang sản xuất bằng công nghệ lên men từ nước ép trái cây đặc sản Đà Lạt, có hương vị tuyệt vời, giá trị dinh dưỡng cao, hợp khẩu vị ẩm thực của các quý khách trong - ngoài nước trong các lễ tiệc, liên hoan, đình đám hoặc các bữa ăn trong gia đình.

Quý khách có nhu cầu xin liên hệ:

CÔNG TY THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

4B Bùi Thị Xuân – Đà Lạt.

ĐT: (063)822491 – 827003. Fax: (063) 825291

CHI NHÁNH:

384 Điện Biên Phủ – Đà Nẵng. ĐT: (051)825573

Văn phòng đại diện Tp. Hồ Chí Minh: Lô 12 Trung tâm Thương mại 90A Lý Thường Kiệt – Q.10 Tp.HCM.

ĐT: (08) 8645338.

*Hân hạnh được
phục vụ quý khách!*

CONTACT ADDRESS:

LAMDONG FOOD COMPANY

4B Bui Thi Xuan St. – Da Lat.

Tel: (063)822492 – 827003.

Fax: (063) 825291

BRANCH OFFICES:

384 Dien Bien Phu St. – Da Nang.

Tel: (051)825573

HCMC Representative Office:

Block 12 Trading Center

90A Ly Thuong Kiet St. – District 10, HCMC.

Tel: (08) 8645338.

It's our honor to serve you!

DỰ ÁN MỜI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU - PHÁT TRIỂN VÀ BẢO TỒN CÁC GIỐNG HOA, CÂY CẢNH TẠI ĐÀ LẠT

- * **Cơ quan chủ quản:** Ủy Ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- * **Cơ quan chủ trì :** Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Lâm Đồng
- * **Địa điểm thực hiện dự án :** Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

I. CƠ SỞ ĐỂ XÂY DỰNG DỰ ÁN

Lâm Đồng là tỉnh miền núi thuộc Nam Tây Nguyên Việt Nam, có diện tích tự nhiên là 977.395 ha, khí hậu ôn hòa quanh năm, nhiệt độ trung bình từ 17–20°C, lượng mưa trung bình năm là 2.000 mm, độ ẩm khoảng 80-85%. Tài nguyên thực vật rất phong phú, bên cạnh các cây công nghiệp chủ lực như cà phê, chè,

cao su, điều... thì hiện nay, việc phát triển cây hoa Lâm Đồng, đặc biệt tại Đà Lạt, đang được xem là có vai trò quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng.

Tuy nhiên, việc sưu tầm, bảo vệ, phục tráng và phát triển các giống hoa quý tại Đà Lạt (kể cả các giống hoa ngoại nhập) vẫn còn (đang) là vấn đề tự phát,

mang tính cá thể, thiếu sự đầu tư về mặt khoa học, do đó một số giống hoa quý tại Đà Lạt đã bị thoái hóa, chưa khôi phục lại được.



Hoa lan Cattleya -
một giống hoa quý.

Cattleya - a precious species of orchids.

Vì vậy, việc hình thành “Trung tâm nghiên cứu, phát triển và bảo tồn các giống hoa, cây cảnh tại Đà Lạt” là nhằm khắc phục những tồn tại như đã nêu trên, đồng thời phát huy các thế mạnh về điều kiện khí hậu tự nhiên cũng như các giống hoa đặc hữu có nguồn gốc ôn đới hay nhiệt đới núi cao.

2. TÍNH KHẢ THI CỦA DỰ ÁN

- Điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng rất phù hợp để phát triển ngành trồng hoa, cây cảnh theo hướng công nghiệp. Các số liệu điều tra cơ bản ban đầu về điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng ở Lâm Đồng đã được cập nhật.

- Có đủ diện tích đất để đáp ứng yêu cầu thực thi dự án tại Đà Lạt.

- Có đội ngũ cán bộ nghiên cứu và quản lý đáp ứng được yêu cầu của dự án về nguồn nhân lực.

- Có nguồn giống hoa rất phong phú, kể cả hoa địa phương và nhập nội.

3. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

- Sưu tập, phục tráng và đổi mới cơ cấu giống hoa của Đà Lạt, đồng thời khảo sát và phát triển các giống hoa nhập nội phục vụ người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong việc chọn lọc, lai tạo và nhân giống nhằm đa dạng hóa nguồn giống hoa tại Đà Lạt phục vụ chiến lược phát triển ngành hoa Đà Lạt trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển du lịch của tỉnh.

4. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Sưu tập lưu trữ và phát triển nguồn giống hoa hiện có của tỉnh (hoa cắt cành và hoa cây cảnh).

- Khảo sát và phát triển các giống hoa nhập nội trong điều kiện khí hậu tỉnh Lâm Đồng.

- Lai tạo và chọn lọc các giống hoa đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng.

- Ứng dụng kỹ thuật mới trong việc

chọn tạo giống hoa, màu hoa và tăng cường khả năng chống chịu sâu bệnh.

- Nhân giống hoa bằng hạt, bằng nuôi cấy mô tế bào đáp ứng nhu cầu sản xuất có tính công nghiệp.

- Khảo sát quy trình và xây dựng các mô hình trồng hoa công nghiệp trong nhà kính cũng như ngoài trời.

5. DỰ KIẾN KẾT QUẢ

a. Về kinh tế - xã hội

- Khôi phục, tạo mới và nhập nội một số giống hoa có giá trị kinh tế cao, đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài nước.

- Góp phần phát triển thế mạnh của ngành du lịch Đà Lạt cũng như của Việt Nam.

- Thay đổi tập quán canh tác cũ, tổ chức và hướng dẫn cho nông dân tiếp cận với kỹ thuật sản xuất hoa theo hướng công nghiệp và bảo vệ môi trường.

- Tạo thêm việc làm ổn định và nâng cao đời sống cho người nông dân

b. Về Khoa học, Công nghệ

- Nâng cao trình độ kỹ thuật thâm canh hoa cho người dân vùng hoa.

- Đào tạo được đội ngũ có trình độ cao trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển giống hoa.

- Là Trung tâm nghiên cứu khoa học về hoa, cây cảnh phục vụ cho các đối tượng nghiên cứu sinh Việt Nam và nước ngoài.

- Kết quả dự án là cơ sở khoa học cho việc chuyển giao công nghệ cao về sản xuất hoa cho các tỉnh trong cả nước và trong khu vực.

6. DỰ TOÁN KINH PHÍ (USD)

1. Thuê khoán chuyên môn: 500.000

2. Nguyên vật liệu năng lượng, vật tư: 300.000

3. Máy móc, thiết bị: 200.000

4. Xây dựng cơ bản: 880.000

5. Phương tiện: 70.000

6. Chi khác: 50.000

Tổng cộng: 2.000.000

(Hai triệu đô-la Mỹ) . ■

NEWLY-INVESTED PROJECT THE BUILDING OF A CENTER FOR RESEARCHING, DEVELOPING AND CONSERVING FLOWER BREEDS, ORNAMENTAL PLANTS IN DALAT

- *Organism in charge:* People's Committee of Lam Dong Province
- *Project Management:* Department of Science, Technology and Environment of Lam Dong.
- *Project Implementation area:* Dalat City - Lam Dong Province.

1. BASES OF THE PROJECT

Lam Dong is a province in the South of the highland of Viet Nam with 977.395 ha in area, temperate climate all year round, average temperature 17-20°C, average amount of rain per year 2.000 mm, and humidity 80-85%. The plant resource is very diverse. Besides main industrial crops such as coffee, tea, rubber, cashew..., flowers, especially in Da Lat, are now considered to play an important role in the plan for socio-economic development of Lam Dong.

However, the collection, protection, restoration and development of precious flower breeds (including imported ones) in Da Lat are still spontaneous, individualized and lacking in scientific investment. Some precious breeds, therefore, have been retrogressed and left unrestored.

The establishment of a "Center for Researching, Developing and Conserving

flower breeds, ornamental plants in Dalat" is intended to overcome the above weaknesses, and at the same time to bring into play the strengths of a good climate and of the flower breeds endemic in this temperate zone or the tropical highlands.

2. FEASIBILITY OF THE PROJECT

- The climate and soil conditions are suitable for industrial-oriented development of flowers and ornamental plants. Moreover basic statistics on climate and soil conditions have been updated.

- The area is large enough to implement the project in Dalat.

- Technical and administrative staff are well-trained for the project.

- Resources of flower breeds are diverse, including local and imported ones.

3. OBJECTIVES OF THE PROJECT

- To collect, restore and renew the flower breed pattern of Dalat; to test and



Hoa tại công ty Đà Lạt
Hasfarm.
*Flowers produced at
Dalat Hasfarm.*

develop imported breeds for home and foreign markets.

- Applying bio-technology in selecting, cross-breeding and breed-multiplying in order to diversify the flower breed resources for promoting the flower industry of Dalat so that it could become a leading economic sector and help develop provincial tourism.

4. CONTENTS AND RESEARCH METHODS

- Collecting, preserving and developing current breeds (for flowers and ornamental plants).

- Testing and developing imported breeds under the climate conditions of Lam Dong.

- Cross-breeding and selecting breeds to consumer's taste.

- Using new techniques to select and form new breeds and colors, and to enhance their disease resistance.

- Studying the processes and establishing the models of industrialized flower cultivation in green-houses and in the open.

5. ESTIMATED RESULTS:

The project will help

a) In Socio-Economic Aspect

- Restore, renew and import some economically valuable flower breeds for

home and foreign markets.

- Develop the strengths of tourism of Dalat as well as of Viet Nam.

- Change old cultivating habits; instruct farmers how to use industrial-oriented production techniques and to protect the environment while producing flowers.

- Give more stable jobs and raise the farmer's standard of living.

b) In Scientific And Technological Aspect

- Improve the flower cultivating techniques.

- Create a staff with high knowledge in researching and developing flower breeds.

- Create a research center for flowers and ornamental plants to serve Vietnamese and foreign post-graduate students.

- Form scientific bases to hand over high techniques of flower production to other parts of the country and in the region.

6. ESTIMATED EXPENDITURE (USD)

- Technical expenditure: US\$ 500.000

- Raw materials, energy, materials: US\$ 300.000

- Equipment: US\$ 200.000

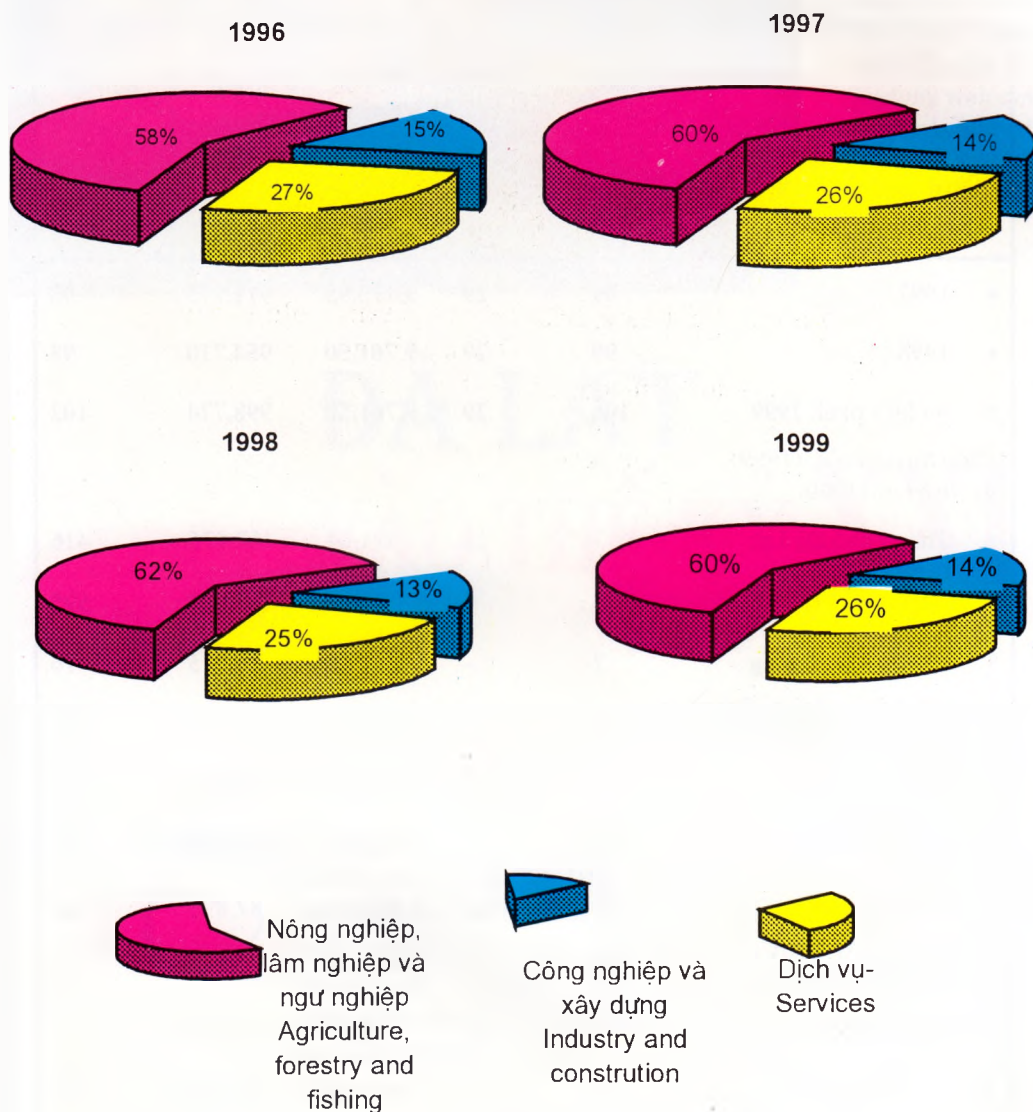
- Infrastructure works: US\$ 880.000

- Kinds of means: US\$ 70.000

- Other expenditure: US\$ 50.000

Total: US\$ 2.000.000 ■

**CƠ CẤU TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN PHÂN THEO
KHU VỰC KINH TẾ (GIÁ HIỆN HÀNH)
STRUCTURE OF GROSS DOMESTIC PRODUCT IN AREA
BY ECONOMIC SECTOR (CURRENT PRICE)**



5. SỞ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ

ADMINISTRATIVE UNIT, AREA AND POPULATION

	Số xã <i>Number of commu- nes</i>	Số phường, thị trấn <i>Number of precinets</i>	Diện tích (Km ²) <i>Area (Sq Km²)</i>	Dân số trung bình (người) <i>Population (Pers.)</i>	Mật độ dân số (người/ km ²) <i>Population density pers./sq km²</i>
• 1997	99	29	9.773,95	911.775	93
• 1998	99	29	9.761,50	954.710	98
• Sơ bộ - prel. 1999	106	29	9.761,50	998.774	102
<i>Phân theo huyện -(1999)</i> <i>By districts (1999)</i>					
1. Thành phố Đà Lạt	3	12	391,04	162.675	416
2. Thị xã Bảo Lộc	5	6	230,4	137.053	595
3. Huyện Lạc Dương	7	-	1.513,8	24.715	16
4. Huyện Đơn Dương	7	2	611,56	81.757	133
5. Huyện Đức Trọng	12	1	902,21	138.696	153
6. Huyện Lâm Hà	17	2	1.586,52	124.540	78
7. Huyện Bảo Lâm	12	1	1.457,14	87.895	60
8. Huyện Di Linh	17	1	1.627,55	129.580	79
9. Huyện Đa Huoai	7	2	489,6	30.264	62
10. Huyện Đa Tẻh	9	1	523,42	43.856	83
11. Huyện Cát Tiên	10	1	428,26	37.743	88

Ghi chú: Diện tích tự nhiên giảm là do năm 1998 đo đạc lại

Note: Natural area decreased because it was resurveyed in 1998.



Nhân dân Đà Lạt
hân hoan chào đón
năm 2001 - năm
đầu tiên của thế kỷ
XXI. Ảnh: HHN.

*Dalat people
joyfully welcome
the new year of
2001 - the first year
of the 21st century.
Photo: HHN*

ĐÀ LẠT VÀO THẾ KỶ XXI

■ NGUYỄN TRI DIỆN

Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt

Thành phố Đà Lạt - tỉnh lỵ của tỉnh Lâm Đồng, nằm trên cao nguyên Lang Bian nên Đà Lạt có độ cao 1.500m so với mặt nước biển. Đà Lạt có khí hậu mát mẻ quanh năm, là một đô thị có cảnh quan độc đáo, với sự kết hợp hài hòa giữa phong cảnh thiên nhiên với các công trình kiến trúc của con người.

TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

a/ Về du lịch

Trải qua hơn một thế kỷ xây dựng và phát triển, Đà Lạt mặc dù đã qua nhiều chế độ nhưng vẫn mang mục đích ban đầu là một thành phố du lịch nghỉ dưỡng. Ngay từ khi mới hình thành, với khí hậu đặc thù á nhiệt đới gió mùa, có nhiệt độ trung bình hàng năm 18.5°C, cùng với diện tích rừng thông ba lá đặc hữu lớn nhất nước (hàng chục ngàn hecta), Đà Lạt là thành phố du lịch khá nổi tiếng. Nhiều

danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa đã để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp cho du khách.

- Chính phủ đã xác định Đà Lạt là một trong 10 trung tâm du lịch dã ngoại của cả nước.

- Dự án VIE 89.003 của tổ chức Du lịch thế giới (OMT) và kế hoạch phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2005 của cơ quan phát triển Liên hiệp quốc đã xác định Đà Lạt là **hạt nhân** của vùng du lịch số 3 (một trong 4 vùng du lịch của Việt Nam);

Tính đến nay, trong số 26 thắng cảnh của Đà Lạt, Bộ Văn hóa đã quyết định công nhận 7 di tích văn hóa: thác Cam Ly, thác Đatanla, thác Prenn, hồ Xuân Hương, hồ Tuyền Lâm, hồ Than Thở và cụm Thung lũng Tình yêu, đập III Đa Thiện.

b/ Về kiến trúc cảnh quan

Đà Lạt là một trong số ít đô thị của Việt Nam được quy hoạch tổng thể về xây dựng rất sớm. Qua nhiều thời kỳ, các chương trình chỉnh trang đô thị được tiến hành; công tác xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan được chú trọng. Tổng thể kiến trúc cảnh quan đô thị Đà Lạt là sự phối hợp hài hòa giữa địa lý cảnh quan với nghệ thuật kiến trúc châu Âu hài hòa với kiến trúc Đông Á Châu, đã tạo cho các công trình kiến trúc của Đà Lạt có độ thẩm mỹ cao. Tính chất **Thành phố trong rừng - rừng trong thành phố** là một bức tranh có sự sắp xếp hài hòa theo một bố cục đặc thù độc đáo, đã góp phần làm tăng tính hấp dẫn đối với du khách đến Đà Lạt.

c/ Về Giáo dục - đào tạo

Trong quá trình hình thành và phát triển, Đà Lạt đã trở thành một trong những trung tâm giáo dục - khoa học lớn của khu vực phía Nam; tạo nên môi trường "trí thức" trong đời sống xã hội. Hiện nay, Đà Lạt có hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học và một hệ thống

mạng lưới trường lớp hoàn chỉnh từ cấp cơ sở đến bậc đại học.

CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐỐI TÁC

Để phát huy tiềm năng và thế mạnh, bước vào thế kỷ XXI Đà Lạt cần sự hợp tác phát triển các lĩnh vực sau:

- Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư du lịch, nhất là đối với các khu du lịch lớn có tầm quốc gia và quốc tế đã được phê duyệt qui hoạch tổng thể ngành du lịch Đà Lạt đến năm 2010 và qui hoạch chi tiết 10 khu du lịch (trong đó có 1 khu du lịch quốc tế Đà Lạt -Đankia và 1 khu du lịch quốc gia hồ Tuyền Lâm). Các dự án nhằm chú trọng đầu tư phát triển các dịch vụ du lịch: Nghỉ dưỡng, văn hoá, thể thao, du lịch dã ngoại và sinh thái.

- Đến nay, thành phố có 9.978 ha đất sản xuất nông nghiệp (trong đó gồm: 5.178 ha cây hàng năm và 4.830 ha cây lâu năm). Với ưu thế về khí hậu và thổ nhưỡng, Đà Lạt đang tiếp tục xây dựng các dự án đầu tư phát triển sản xuất rau an toàn, rau sạch và phát triển nghề trồng hoa chất lượng cao nhằm phục vụ nhu cầu của khách du lịch tại chỗ, trong nước và xuất khẩu.

- Để không phá vỡ mục tiêu du lịch - nghỉ dưỡng, trong thời gian tới Đà Lạt cần phát triển một số ngành công nghiệp sạch, không gây ô nhiễm môi trường như: lắp ráp điện tử, chế tác các sản phẩm lưu niệm (mang tính đặc sản)...; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất hàng hoá tiêu dùng phục vụ xuất khẩu và công nghiệp xử lý chế biến rác, nước thải phục vụ mục tiêu bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hoàn thiện hệ thống trường học theo qui định, phấn đấu đến năm 2005 đạt chuẩn quốc gia 50% tổng số trường trên địa bàn và hoàn thành phổ cập giáo dục trung học phổ thông từ 4-5 phường ở khu vực trung tâm. Tạo môi trường xã hội lành mạnh nhằm thu hút thêm từ 10-15% số lượng học sinh - sinh viên về đây theo học, đào tạo. ■

DALAT CITY IN THE 21ST CENTURY

■ NGUYEN TRI DIEN

Chairman of Dalat People's Committee



Dalat City - province capital of Lam Dong on LangBiang highland, 1.500m above sea level - is endowed with original scenery and a harmonious combination of natural landscapes and human architecture.

POTENTIAL AND PROSPECTS

a) Tourism

After over a century of building and development, and despite undergoing different political systems, Dalat now does retain its first objective as a city of tourism and resort. Right when founded, with its typical tropical monsoon climate, its average temperature 18,5°C, its largest



Photo: Phan Van Em

"3-leaf pine" woods in the whole country (thousands of hectares), Dalat was known as a famous tourist city. It really impressed visitors with many of its picturesque sights and cultural vestiges.

The government has affirmed that Dalat is one of ten open-air tourist sites of the country.

WTO VIE 89.003 project and the Vietnam tourism development plan until 2005 have defined Dalat as the nucleus of tourist region 3 (one of 4 tourist regions of Viet Nam).

So far, out of 26 famous sites of Dalat, 7 have been recognized as cultural vestiges by the Ministry of Culture : Camly waterfall, Prenn waterfall, Xuan Huong lake, Tuyen Lam lake, Than Tho lake, Valley of love and Dam 3 of Da Thien.

b) Architectural overview

Dalat is one of the very few cities in Viet Nam which gained a very early construction delineation.

Through different periods, many city improvement programs have gradually been carried out; city infrastructure, ecological environment and sight protection have been given greater attention. Architecturally, Dalat is of a harmonious combination of natural landscapes and European architecture finely mixed with Eastern Asian architecture, which makes Dalat's buildings much more attractive. "A city in woods, woods in a city" is a typical unique picture that can be an attraction for visitors to Dalat.

c) Education - Training

In its process of foundation and development, Dalat has become a great science-education center in the South, which created an intellectual environment for the community. Nowadays, Dalat possesses a system of science research institutes and a complete system of schools from elementary schools to universities.

COOPERATION PROJECT

To bring into play its own potential and strengths, at the beginning of the 21st century, Dalat would request cooperation in :

- Putting into realization its many tourism projects, especially for national and international tourist areas, which have been approved according to the overall delineation of Dalat's tourism until 2010 and the detailed delineation of 10 tourist areas (including an international tourist area of Dalat-DanKia and a national tourist area of Tuyen Lam lake). Also essential are the projects aiming at tourist service: resort, culture, sports, outings and ecological trips.

- Designing safe-clean vegetable production, promoting high-quality-flower cultivation for visitors' needs, for local market and export, now that the city has an agricultural area of 9.978 ha (including 5.178 ha of annual plants, 4.830 ha of perennial ones), as well as good conditions of climate and soil.

- Developing, in the time to come, some green industries that do not pollute the environment such as electronic assembly, souvenir production (as specialties) ...; with greater emphasis on farm-produce processing industry, consumers' goods-for-export production, and waste disposal industry (garbage, waste water) to push ahead with the city's tourism-resort development objectives and to protect the ecological environment.

- Investing in the improvement of the school system so that 50% of the schools will be up to national standard in 2005 and 'universal' high school education will be made widespread in 4 to 5 districts in the city center. This will make a healthy environment to attract an addition of 10-15% of pupils and students to pursue their education in Da Lat. ■

BẢO LỘC

PHẦN ĐẦU LÀ TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN VÙNG CÁC HUYỆN PHÍA NAM

■ **NGUYỄN ĐỨC THỊNH**
Chủ tịch UBND thị xã Bảo Lộc



Từ năm 1958, tỉnh Đồng Nai Thượng được sửa đổi lại ranh giới gồm hai quận: Bảo Lộc và Di Linh, tỉnh lỵ đặt tại Bảo Lộc. Sau khi thống nhất đất nước (1975), tỉnh Lâm Đồng (hiện nay) được thành lập. Bảo Lộc và Di Linh trở thành hai huyện phía Nam của tỉnh. Từ đó đến nay, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, phân bố lao động và dân cư, huyện Bảo Lộc chia tách thành 5 đơn vị hành chính mới. Đó là: thị xã Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm, huyện Đạ Huoai, huyện Đạ Tẻh và huyện Cát Tiên.

Thị xã Bảo Lộc thành lập từ năm 1994, có độ cao trung bình 800m - 1.000m, khí hậu ôn hòa, quanh năm mát mẻ, nhiệt độ trung bình 21-23°C, lượng mưa từ 2.400mm - 3.400mm được rải đều các tháng trong năm. Thị xã có diện tích tự nhiên 23.250 ha, dân số đến thời điểm 1/4/1999 là 135.700 người, chiếm 2,38% về diện tích và 13,2% về dân số so với toàn tỉnh Lâm Đồng. Bảo Lộc nằm trên trục quốc lộ 20, cách Đà Lạt 110km và cách thành phố Hồ Chí Minh 180km, đây là yếu tố thuận lợi cho phát triển kinh tế, giao lưu hàng hóa và phát triển du lịch, dịch vụ.

Do những đặc điểm về khí hậu, thổ nhưỡng và lịch sử hình thành, phát triển, Bảo Lộc sớm trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp và trung tâm công nghiệp lớn của Lâm Đồng. Hiện nay, trên địa bàn thị xã Bảo Lộc có: 8.743 ha chè, 6.144 ha cà phê và 523 ha dâu tằm (tổng diện tích 3 loại cây trồng chính trên chiếm trên 90% diện tích đất nông nghiệp của thị xã). Hệ thống các cơ sở công nghiệp chế biến hiện có của Bảo Lộc gồm:

+ Công nghiệp ương tơ - dệt lụa: Có 4 nhà máy ương tơ với công suất 920 tấn tơ/năm; 3 xí nghiệp dệt lụa với tổng công suất

3 triệu m/năm (trong đó có 2 xí nghiệp liên doanh với nước ngoài); 1 xí nghiệp may mặc từ sản phẩm lụa tơ tằm với công suất: 200.000 sản phẩm/năm; 2 cơ sở xe tơ với công suất bình quân 20 tấn tơ xe/1 nhà máy. Năng lực ương tơ, dệt lụa trên địa bàn Bảo Lộc chiếm 90% tổng năng lực chế biến chung của tỉnh Lâm Đồng.

+ Công nghiệp chế biến chè: Bao gồm 4 nhà máy chế biến chè quốc doanh; 4 nhà máy chế biến chè có vốn đầu tư nước ngoài và gần 100 cơ sở chế biến chè của các HTX, tư nhân với tổng công suất chế biến chè: 10.000 tấn sản phẩm/năm, trong đó chè xuất khẩu: 6.000 tấn/năm (chiếm 70% tổng công suất chế biến chè của cả tỉnh).

Ngoài ra, trên địa bàn thị xã còn có các cơ sở công nghiệp khai khoáng (bô xít, vật liệu xây dựng), chế biến lâm sản, nông sản khác. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp của Bảo Lộc chiếm gần 50% tổng giá trị sản lượng công nghiệp chung của tỉnh và chiếm gần 90% giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của vùng phía nam Lâm Đồng.

Cũng do điều kiện thời tiết, khí hậu mát mẻ, có những thắng cảnh, thác nước đẹp và nằm gần trung lộ giữa thành phố Hồ Chí Minh và Đà Lạt, nên Bảo Lộc còn là nơi có điều kiện phát triển du lịch - nhất là loại hình du lịch cuối tuần, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Lượng khách đến tham quan, du lịch hàng năm tăng 15%

(khoảng gần 300.000 lượt khách/năm).

Kinh tế của Bảo Lộc trong những năm qua liên tục phát triển với tốc độ cao, thời kỳ 1994-1999 tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 11,69%/năm. Đô thị Bảo Lộc đã được đầu tư các kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. 5 năm 1995-2000 tổng mức đầu tư trên địa bàn Bảo Lộc 211 tỷ đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, phục vụ đời sống của nhân dân.

Việc phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Bảo Lộc luôn luôn gắn liền với sự phát triển của các huyện trong vùng. Bảo Lộc là nơi thu hút các nguồn nguyên liệu chè, dâu tằm của các huyện về chế biến phục vụ xuất khẩu, nội tiêu; là trung tâm giao lưu, điều phối hàng hóa tiêu dùng đến các huyện lân cận và là trung tâm văn hóa - thể thao, du lịch của vùng.

Để tiếp tục xây dựng Bảo Lộc thành trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội của vùng, xây dựng thị xã thành đô thị loại 3, trong thời gian từ nay đến 2010 Bảo Lộc tập trung vào các trọng tâm sau đây:

+ Tiếp tục phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, đổi mới các công nghệ, thiết bị, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, tiêu dùng; trong đó chú trọng công nghiệp ương

Một góc
thị xã Bảo Lộc.

Ảnh:
Văn Thương.
*A view of
Bao Loc town.*

Photo:
Van Thuong





Không gian mới cho đô thị thị xã
Bao Lộc. Ảnh: Hồng Sơn.

*A new urban landscape for
Bao Loc town. Photo: Hong Son.*

tơ, dệt lụa, may mặc, công nghiệp chế biến chè, cà phê; đảm bảo chế biến được phần lớn nguyên liệu được sản xuất trong vùng.

+ Phát triển vững chắc vùng nguyên liệu cây công nghiệp hiện có, đổi mới giống cây trồng, áp dụng khoa học kỹ thuật mới, xây dựng Bao Lộc thành trung tâm khoa học - kỹ thuật của vùng, trước hết trong các ngành chè, dâu - tầm tơ.

+ Đầu tư các điểm tham quan du lịch, nghỉ dưỡng, các trung tâm hoạt động văn hóa - thể thao đủ điều kiện để thu hút khách, phục vụ các hoạt động văn hóa - thể thao trong và ngoài tỉnh.

+ Đầu tư các kết cấu hạ tầng thiết yếu, trước mắt là giao thông, cấp thoát nước, điện, để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thị xã, đồng thời tạo bàn đạp để thực hiện các dự án lớn của Chính phủ trong phạm vi vùng (nhất là dự án đầu tư khai thác bô xít và luyện nhôm).

Với phương hướng, mục tiêu trên, từ nay đến 2010 Bao Lộc sẽ có nhịp độ phát triển kinh tế tăng bình quân 10-12%/năm, thu nhập bình quân đầu người tăng gần 3 lần so với năm 1999; đô thị Bao Lộc đủ các tiêu chí của đô thị loại 3 và là trung tâm phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của toàn vùng phía nam của tỉnh Lâm Đồng. ■

CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BẢO LỘC

1- Dự án đầu tư khu công nghiệp tập trung Đại Bình trên diện tích quy hoạch 200 ha; tổng mức đầu tư dự kiến gần 300 tỷ đồng Việt Nam.

2- Dự án đầu tư khu du lịch - vui chơi tại hồ Nam Phương với diện tích mặt nước và khu vực: 40 ha.

3- Dự án đầu tư công nghiệp chế biến cà phê phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa, công suất 10.000 - 15.000T/năm.

4- Dự án đầu tư khu du lịch - nghỉ dưỡng phục vụ người già (cả trong và ngoài nước) tại khu đồi Hà Giang.

5- Dự án đầu tư khu liên hợp thể thao và thi đấu trên diện tích 10 ha (gồm cả sân vận động).

6- Dự án đầu tư khu thương mại (siêu thị).

7- Các dự án phát triển công nghiệp chế biến từ nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương và sử dụng nhiều lao động (như may mặc, đan dệt len...).

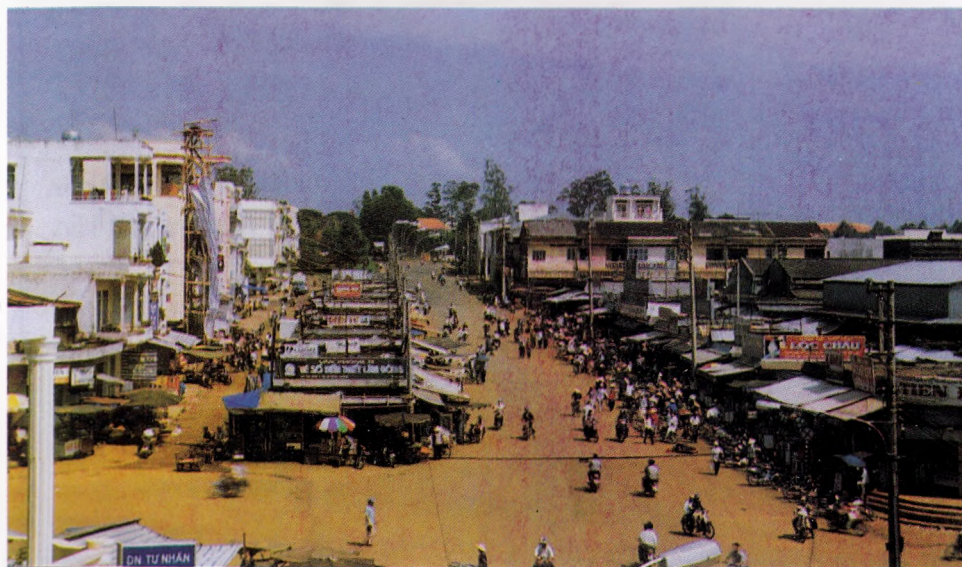
BAO LOC STRIVES TO BECOME A DEVELOPMENTAL CENTRE OF THE SOUTHERN DISTRICTS

■ NGUYEN DUC THINH

Chairman of The People's Committee of Bao Loc

 In 1958, the Upper- Dong Nai province was changed. It was divided into two districts: Bao Loc and Di Linh, the provincial capital is Bao Loc. After the unity of the whole country in 1975, Lam Dong province was founded,

and Bao Loc and Di Linh became two southern districts of the province. Since then, together with the social and economic development, inhabitant and labour disposal, Bao Loc has been divided into five new administrative units: Bao Loc town, Bao Lam district, Da Huoi district,



Chợ Bảo Lộc.

Ảnh:

V.Thương.

*Bao Loc
market.*

Photo:

V. Thuong



Đường tơ. Ảnh: Văn Thương
Lines of silk. Photo: Van Thuong

Da Teh district, and Cat Tien district.

Bao Loc town was founded in 1994, located on the average height of 800m-1,000m. The climate is temperate all the year round, the average temperature is 21°C- 23°C, rainfall is 2,400mm-3,400mm and evenly distributed throughout the year. The town has an area of 23,250 hectares, the population is 135,700 (April 1st 1999), accounting for 2.38% of the total area and 13.2% of the population of the province. Bao Loc is situated along National Highway No.20, 110 kilometres from Da Lat and 180 kilometres from HCM City. This is an advantage for economic development, goods exchange, and tourist and service development.

Due to its characteristics of climate, land, foundation and developmental history, Bao Loc has become an area specializing in industrial plants and a big industrial centre of Lam Dong. Bao Loc has now 8,743 hectares of tea, 6,144 hectares of coffee and 523 hectares of mulberry (the gross area of those three plants makes up over 90% of the town's agricultural land). The system of industrial processing plants available in Bao Loc includes:

+ Silk industry: there are 4 silk-producing factories with a capacity of 920

tons of silk per year; 3 weaving factories with 3 million metres per year (2 of which are JVs with foreign partners); 1 dressmaking factory (with silk products) with 200,000 pieces of products per year; 2 silk – spinning factories with an average capacity of 20 tons of spun silk each. The capacity of silk-producing in Bao Loc makes up 90% of the provincial gross capacity.

+ Tea processing industry: there are 4 state-run tea processing factories; 4 foreign-invested tea processing factories; nearly 100 tea processing works of cooperatives and private enterprises with a gross capacity of 10,000 tons per year, in which tea for export is 6,000 tons per year, accounting for 70% of the provincial gross capacity.

In addition, there are mining factories (bauxite, construction materials), forestry and agricultural product processing factories. The gross industrial product value of Bao Loc makes up nearly 50% that of the province and nearly 90% of the industrial and craft product values of the southern part of the province.

Due to the fact that Bao Loc has a temperate climate, beautiful scenery and water falls, and half-way between HCM City and Da Lat, it fits for tourist development, especially weekend tourism, eco tourism, relaxation tourism. The number of tourists increases 15% every year (about 300,000 tourists per year).

The economy in Bao Loc has developed quickly in recent years. Between 1994 and 1999, the average economic growth rate is 11.69% / year. The infrastructure has been invested to serve industries and

people's life. Between 1995 and 2000, gross investment for Bao Loc is 211 billion VN dong, giving it proper conditions for developing the economy and people's welfare.

Bao Loc's economic and social development has always been concomitant with the development of other districts in the area. Bao Loc collects tea and mulberry from other districts, and processes them for export and domestic consumption; a place for exchanging and distributing consumer goods to the vicinity; and a centre of culture, sports, tourism of the area.

In order to keep Bao Loc as the centre of culture, sports, tourism of the area, and to develop it to be a third-class city, from now to 2010 Bao Loc has to concentrate in these major objectives:

- + Sustaining the development of agricultural -product processing industry; improving technology and equipment so as to put out good products for export and consumption; paying good attention to silk production, dressmaking, processing tea and coffee; processing most of the local products.

- + Firmly developing the raw material areas of industrial plants, improving breeds, using new technology and science, building Bao Loc into a scientific and technological centre of the area, in tea, mulberry and silk processing.

- + Investing in sightseeing and tourist attractions, cultural and sports centres with proper conditions in order to attract visitors and serve cultural and sports activities in and out of the province.

- + Investing in the major infrastructure systems, firstly communication, water and power supply to serve the town's economic and social development, and to make it a springboard to carry out the government's bigger projects in the area (especially the investment project for exploiting bauxite and refining aluminium).■

THE PROJECTS CALLING FOR INVESTMENT IN BAO LOC:

1- The investment project for the Dai Binh industrial estate on the planned area of 200 hectares; gross investment expected to be nearly 300 billion VN dong.

2- The investment project for the tourist-entertainment attraction on Nam Phuong lake with water surface and land area of 40 hectares.

3- The investment project for coffee processing industry for export and domestic consumption, capacity 10,000-15,000 tons/ year.

4- The investment project for a tourist and relaxation resort station for (local and foreign) elderly people on Ha Giang hill.

5- The investment project for a sports-competition complex in an area of 10 hectares (including a stadium)

6- The investment project for a shopping mall (supermarket)

7- Projects for developing a processing industry from the materials available in the district and attracting labour (such as dressmaking, knitting, weaving...)



Cát Tiên - VÙNG ĐẤT ĐẶC BIỆT

■ **NGUYỄN XUÂN TÙNG**
Chủ tịch UBND huyện Cát Tiên



ược thành lập vào năm 1987, huyện Cát Tiên chỉ mới trải qua hơn 10 năm thành lập và phát triển nhưng đã được nhiều người biết đến như một vùng đất đặc biệt của Tổ quốc với một vùng rừng nguyên sinh, một vùng đất nơi hình thành nhà nước cổ đại phương Nam, quê hương xứ sở của người Mạ, người Xtiêng anh hùng.

MỘT VÙNG RỪNG NGUYÊN SINH

Nói đến rừng Cát Tiên, người ta nghĩ ngay đến tên gọi một sừng - loài động vật quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng và một khu hệ động thực vật với 533 loài thuộc 38 chi và 118 họ thực vật cao có mạch. Trong đó, có 114 loài cây lấy gỗ với các loài quý hiếm (cầm lai, trắc, chò, trầm đồ, gõ đồ...); 80 loài cây làm thuốc (cốt toái bồ, sa nhân, kim cang...); 53 loài cây làm cây cảnh (phong lan, quế lan hương, hương thảo đùi gà, tam bảo sắc...); 15 loại cây cho dầu nhựa (chò trai, dầu rái, dầu lá bóng...); 31 loài cây ăn quả (dâu da, xoan trà, trám...); 31 loài cây đặc sản (lô ô, nứa, song mây, song bột...).

Hệ động vật cũng rất phong phú thuộc khu hệ động vật Nam bộ, có 44 loài thú thuộc 8 bộ, lớn nhất thuộc bộ ăn thịt (hổ, báo, gấu, cây hương, cây ròn, rái cá, các loài khỉ, vượn, voọc); các loài gặm nhấm (nhím, sóc bay, sóc đen, sóc xám...); nhiều loài thú móng guốc lớn (bò rừng, nai, hoẵng, lợn rừng, sơn dương...).

Ở đây có tới 200 loài chim, trong đó có nhiều loài chim quý: công, gà lôi, gà tiền, gà so, yểng, vịt, diều hâu, dù di, các kè. Có nhiều loài bò sát: rắn, rắn, tắc kè, rắn độc, kỳ đà, ba ba, cá sấu nước ngọt. Cá sông rất phong phú.

Một trong những đặc trưng quan trọng nhất của hệ động vật Cát Tiên là sự có mặt của quần chủng tê giác Java, được gọi là quần chủng tê giác một sừng thứ 2 còn lại trên thế giới.

MỘT VÙNG ĐẤT CỔ

Cát Tiên - một vùng cội nguồn của tổ tiên xưa nơi các huyền thoại, sự tích, truyền thuyết của cư dân bản địa Mạ - Xtiêng - bao giờ cũng chứa đựng vẻ đẹp cổ sơ, hoang dã.

Cư trú ngàn đời dưới chân Trường Sơn nam, người Mạ, người Xtiêng đã hình thành một kho tàng đặc sắc, phong phú, đa dạng những nét văn hóa truyền thống trong dụng cụ sinh hoạt, kiến trúc dân gian, trang phục, ẩm thực; trong nghề rèn, nghề dệt; trong tín ngưỡng, phong tục, lễ hội văn hóa dân gian, âm nhạc dân gian... Gắn bó với vùng đất cổ, tình yêu quê hương xứ sở của người Mạ, người Xtiêng đã vượt qua thời gian, vượt qua cuộc chiến khốc liệt, tạc nét đẹp vào tầm vóc lịch sử hào hùng của đất nước.

Cát Tiên cổ kính và huyền bí, qua các truyền thuyết, huyền thoại, của người Mạ, người Xtiêng, càng trở nên cổ kính huyền bí khi phát hiện trong lòng đất khu đền tháp kéo dài suốt 20 km ở thượng lưu sông Đồng Nai. Di chỉ khảo

cổ học Cát Tiên đã được Nhà nước công nhận là di chỉ khảo cổ học quốc gia. Di tích Cát Tiên là bằng chứng có thể nhìn thấy bằng mắt về sự trường tồn của quá khứ trong lịch sử đất nước. Giá trị của công trình kiến trúc văn hóa nghệ thuật ở Cát Tiên không còn giới hạn trong lĩnh vực nghiên cứu khảo cổ học mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển ngày một mạnh của ngành công nghiệp không khói: Du lịch. Di tích còn là bản thông điệp về bản sắc của một dân tộc trong lịch sử được gửi tới từ quá khứ là điểm quan trọng để nghiên cứu sự hình thành quốc gia, nhà nước cổ đại phương Nam. Ngoài 265 mảnh vàng lá trên đó khắc chạm những hình tượng liên quan đến Bàlamôn giáo, có thể nói tại Cát Tiên đã tìm thấy pho sử viết trên vàng vô cùng thú vị và hấp dẫn. Các loại hình kiến trúc, các họa tiết hoa văn, các ngẫu tượng, tượng đá ở di tích Cát Tiên có ý nghĩa rất lớn trong nghiên cứu lịch sử Đông Nam Á.

VÙNG ĐẤT ANH HÙNG

Ngay từ trong kháng chiến chống Pháp, người Mạ, người Xtiêng đã được Đảng khơi dậy tinh thần dân tộc, đoàn kết Kinh - Thượng chống giặc, giữ nương, giữ rẫy, núi rừng. Nơi đây, Đảng đã kiên trì bám dân, dựa vào dân để tồn tại và tồn tại vì dân trong giai đoạn khó khăn nhất của cuộc kháng chiến. Đảng đã xây dựng căn cứ giữa lòng dân, đặt nền móng vững chắc cho việc xây dựng căn cứ cách mạng.

Với địa thế rừng núi hiểm trở lại nằm trong địa bàn chiến lược quan trọng, ngay bên cạnh đường mòn Hồ Chí Minh, chiến khu D đã trở thành nơi đón nhận cán bộ, bộ đội, vật lực từ hậu phương lớn miền Bắc cho chiến trường Nam bộ, Tây nguyên và cực nam Trung bộ. Cuộc chiến trở nên cực kỳ khốc liệt, khi bọn địch quyết tâm tìm diệt bằng được lực lượng vũ trang và quyết tâm bắt sống cán bộ đầu não của ta. Vì thế, xứ Đồng Nai

thượng chìm ngập trong làn mưa bom bão đạn và cũng dưới làn mưa bom bão đạn đó thổ dân Ma, Xtiêng đã sát cánh cùng lực lượng vũ trang chiến đấu bảo vệ sườn phía đông của chiến trường B2. Trong kháng chiến, Trung ương cục miền Nam đóng ở chiến khu D được người Ma, người Xtiêng bảo vệ đến cùng. Các em nhỏ đi liên lạc, người lớn vận tải lương thực, tham gia chiến đấu, người già giữ kho vũ khí, lương thực. Thực hiện chiến thuật quét và giữ, Mỹ - Ngụy tập trung

đánh phá vào Cát Tiên - vùng căn cứ dọc theo hai bên sông Đồng Nai, đánh phá các kho tàng, ngăn chặn hành lang chiến lược Bắc - Nam, cơ quan đầu não chiến khu D của ta; bao vây kinh tế, làm cho nhà cửa, nương rẫy điêu tàn. Nhưng qua suốt hai cuộc kháng chiến, chưa bao giờ Pháp - Mỹ - Ngụy tạm chiếm và kiểm soát được vùng đất này. Đó chính là lý do để Hội đồng Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng Vũ trang cho xã Đồng Nai, huyện Cát Tiên. ■

CAT TIEN - A SPECIAL LAND OF LAMDONG PROVINCE

■ NGUYEN XUAN TUNG

Chairman of the People's Committee of Cat Tien



Recently founded (since 1987), Cat Tien district of Lamdong is known as a special region characterized with its primitive forests. The district is also known as a special land where the ancient kingdom of the south was founded, and it is also the fatherland of the heroic minorities of Ma and Xtieng.

A SPECIAL LAND OF PRIMITIVE FORESTS

Cat Tien's forests are associated with the one-horned rhinoceros species – a rare and precious species which is in danger of extinction, and the rich fauna and flora with more than 533 species of 38 families and 118 species of veined timber trees, of which, 114 are species of the rare and precious trees such as barian kingwood trees, cho, cypress trees, aquilaria trees, etc.; 80 species of medicinal plants such as amomum, cot toai bo (drynaria bonn chirst, d. quercifolia); 53 species of ornamental plants (orchids, aroma orchids); 15 species of oil-bearing trees (parasorea trees, dipterocarpus

trees); 31 species of fruit trees (canarium, xoan, dau da ...) 31 species of specialties (families of bamboo)

The fauna of Cat Tien which belongs to the fauna zone of the South is of various species: 44 species of 8 groups; the carnivore (panthers, lions, tigers, monkeys, etc.); the rodentia (squirrels), the hoofed mammal (also called *Equus caballus*) (muntjals, deer, nermorrhides).

In Cat Tien there are more than 200 species of birds, many of which are of precious species: parrots, hawks, peacocks, pheasants, grackles ... There are various species of reptiles such as Indian pythons, fresh water tortoises, crocodiles and guanas. One of the most distinct characteristic of the fauna of Cat Tien is the presence of Javanese rhinoceros – known as the second species of one-horned rhinoceros remaining on the world.

AN ANCIENT LAND

Cat Tien- the fatherland of the ancestors and the land of legends and fairy tales of the Ma, Xtieng natives – has always been pregnant with a primitive and wild beauty.

Residing for ages under the foot

of the South Long Mountain (Truong Son Nam), the natives of Ma, Xtieng have established specific, rich treasures with traditional cultural distinguishing features: domestic tools, folk –architecture, clothing, folk-music, beliefs, customs, foods and drinks, weaving and iron-work. The Ma's and Xtieng's love of their fatherland imbued with their nostalgia for the ancient land has survived the time and devastating wars, forming a distinguishing feature in the heroic history of the nation.

Thanks to the discovery of the buried temple complexes 20 km along the upstream area of Dong nai river, Cat Tien proves all the more majestic and ancient. The temple complexes have been recognized as national archeological relics. Ancient Cat Tien is a visible evidence of the eternality of the past in the nation's history. Such discovery of the relics was not only significant in archeological studies but also in the development of tourist industry in Cat Tien. The relics, a message of the national characters sent from the ancient time, is the basis for researches on the foundation of the southern ancient kingdom.



Photo:
Nguyen Dinh Hien

The carvings related to Brahmin beliefs may be considered an interesting and majestic set of historical books written on pieces of gold. The ancient architectural types, designs and the idols of the relics play an important role in the study of history of South East Asia.

A HEROIC LAND

In the heart of the anti-French war period, the spirits of the unity between King-Thuong against the enemies to protect their terraced fields and houses was roused by the Party. During the trying period of the war, the Party always kept itself close to the people, relying on them for mutual existence, setting its revolutionary bases in the heart of the people.

The D war zone, located in a dangerous mountainous terrain in a strategic zone close by the Ho Chi Minh Trail, was assigned the place to receive officers, troops and supplies from the rear sent to the battle front of the South. The war soon became terribly devastating ; the enemy attempted to wipe out the revolutionary armed forces and to search and capture alive the revolutionary head officers. In such storms of bombs and bullets over the Upper Dong nai area, the Ma and the Xtieng, together with the armed force, fought bravely shoulder to shoulder to defend the eastern flank of the B2 battle zone. The natives of Ma and Xtieng successfully defended the base of the Southern Headquarters in D war zone. The children acted as messengers, the adults transported food supplies and engaged in battle, the old protected the stores of food and weapons. Carrying out their strategy of "wiping out and occupying", My-Nguy (the U.S and its hirelings) directed their brutal attacks against Cat Tien to destroy the catches,

fields and houses, to encircle and isolate the area and to kill our cadres. During the two brutal wars, the enemies have never succeeded in occupying and controlling the land. To cite such heroic contribution of the Cat Tien's people to the defence of the nation, the Council of Ministers granted Cat Tien the honorable title of Hero of the Armed Forces. ■



DI TÍCH CÁT TIÊN

■ ĐINH THỊ NGÀ

Trong việc tìm kiếm những dấu vết cổ xưa của lịch sử đất nước, các nhà khảo cổ đã phát hiện một khu đền đài chìm trong lòng đất vùng thượng nguồn sông Đồng Nai, dưới chân Trường Sơn Nam. Đây là thánh địa Balamôn giáo

được kiến tạo trong giai đoạn lịch sử không thành văn kéo dài từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ XI.

Di tích Cát Tiên ra đời trong thời kỳ nào? Thuộc phong cách nghệ thuật nào? Chủ nhân là ai? Đó là những câu hỏi mà suốt từ khi phát hiện (1985) qua bốn đợt khai quật (1994-2000) đã trở nên cuộc tranh luận sôi nổi trong giới khảo cổ học. Những thông tin mới từ Cát Tiên luôn làm sững sốt dư luận và giới nghiên cứu sử học trong và ngoài nước. Đây là lần đầu tiên ở Lâm Đồng cũng như ở Tây Nguyên phát hiện được một đô thị tôn giáo, một điểm quan trọng để nghiên cứu sự hình thành **quốc gia, nhà nước cổ đại phương nam**.

Trong lịch sử, Cát Tiên là đường biên giới của các nền văn hóa, một đường biên giới không biến động với những di tích cư trú của con người từ thời đại Đồng Thau cách đây gần 4000 năm, với những làng cổ rèn khuôn đúc đồng, dệt vải, với đền tháp và mộ tháp uy nghiêm của một nền văn hóa đặc thù nằm trong dòng chảy của văn hóa Đồng Nai, văn hóa Óc Eo, văn hóa Phù Nam.

Từ xa xưa, Cát Tiên đã có một cơ tầng văn hóa đủ sức hội nhập với nền văn hóa mới, tạo ra sự tiếp nối liên tục với sự ứng

Hiện trường khai quật di tích Cát Tiên.

Ảnh: Đinh Thị Nga.

Excavation site of Cat Tien relic. Photo:

Đinh Thị Nga

Một trong những lá vàng phát hiện được tại di tích Cát Tiên.

One of the gold foils discovered at Cat Tien relic.



xử đặc biệt khi văn hóa Ấn Độ hội nhập vào vùng biển Đông. Toàn bộ kiến trúc các ngôi đền ở Cát Tiên được xây dựng theo chuẩn tắc Bàlamôn giáo (Ấn Độ giáo kết hợp với Phật giáo): Bình đồ hình vuông, giạt cấp nhiều lần, những cửa tháp, thanh đá ốp cửa, trụ bệ, mi cửa với những ngẫu tượng Linga, Yony, tượng Ganêsa... Chuẩn tắc đó được thực hiện bởi những bàn tay và khối óc tài hoa của các nhà kiến trúc tôn giáo nhiều thế hệ. 20 ngôi đền tháp và đền mộ hoàn toàn khác nhau về chi tiết nhưng lại hòa quyện với nhau trong kiểu dáng, vươn trong không gian một thế giới tâm linh bí ẩn, kỳ vĩ.

Cát Tiên nằm trong bối cảnh nào trong tiến trình lịch sử phương Nam? Vào thế kỷ VII-VIII, các quốc gia trên biển gồm nhiều tiểu quốc đang trong thời kỳ phát triển hết sức hưng thịnh: Bàng Bàng, Tôn Tồn, Xích Thổ (tên gọi của Malayxia, Philippin, Indônêxia lúc bấy giờ) có quan hệ với Bắc Trung Quốc là những tiểu quốc riêng biệt, không thống nhất hay được ghép lại trong đế chế Phù Nam?

Trong sự gia tăng của Ấn Độ giáo ở vùng biển Viễn Đông, Cát Tiên nằm trong sự bật dậy của văn hóa Ấn, thời mà Lâm Ấp, Chăm Pa, Khơ Me cũng vươn lên trong hình thái vương quyền và thần quyền liên kết lại để trị quốc.

Sự tuyệt diệt của một quốc gia, không có nghĩa là sự tuyệt diệt của một dòng văn hóa. Phong cách nghệ thuật trong kiến tạo thánh địa Bàlamôn giáo ở Cát Tiên mãi mãi làm sống động giá trị vĩnh hằng của lịch sử, văn hóa, nghệ thuật.

265 bức phù điêu bằng vàng tìm thấy ở thánh địa Cát Tiên như mê cung của các thần linh. Tôn giáo thần bí với những nhân vật linh thiêng của xứ sở "thầy tu và vũ nữ" là tín ngưỡng gắn liền với huyền thoại "thần mẹ": coi âm lực và dương lực là nguồn gốc của mọi sự sáng tạo. Do đó, hình ảnh của thần

Siva luôn được tái hiện, sau đó là tín ngưỡng thần cây, thần súc vật, thần rắn, chim thần dưới hình thái vật tổ. Người xưa mô tả các thần linh với nghệ thuật tạo hình điêu luyện, đường nét sắc sảo, hình vẽ rõ ràng, dứt khoát, khỏe mạnh đầy sức sống lại hết sức cụ thể, sinh động.

Với phong cách nghệ thuật thanh tú, tao nhã trong đường nét, hài hòa trong tỷ lệ, đề tài chủ đạo vẽ trên vàng là hình ảnh các thần: Siva, Umapavati, Tu sĩ, Nam thần, Nữ thần, vũ nữ, người dâng lễ, cảnh chiến binh...; các chủ đề động vật dưới hình thái vật tổ luôn được tái hiện: sư tử, voi, lợn rừng, rắn, cá, bò, dê, chim...; các đề tài trang trí cung đình với sóng nước, hoa lá uốn lượn tự do, cánh sen kết dải, hoa dây. Các đề tài đều phản ánh đời sống tinh thần, tôn giáo của một cộng đồng người trong lịch sử. Phải chăng thánh địa Cát Tiên là mê cung của các thần linh? Từ thuở xa xưa nơi đây từng là đô thị tôn giáo tiến hành những nghi lễ đa thần? Và vương quyền đã kết hợp với thần quyền trong các nghi lễ hiến tế?

Các hình vẽ ở 265 mảnh vàng được người xưa sử dụng phổ biến kỹ thuật vẽ chìm trong vàng và kỹ thuật gò. Các nét vẽ, nét gò mảnh mai, phóng khoáng, hòa nhập vào nhau tạo ra một bức tranh hoàn chỉnh về một thời kỳ rực rỡ, hưng thịnh. Có thể nói đó là 265 tác phẩm nghệ thuật với một phong cách riêng, bản sắc riêng: tinh tế, hấp dẫn, sinh động tạo nên phong cách nghệ thuật bí ẩn, kỳ thú, diễn tả những ma lực của thần linh mà đặc trưng nghệ thuật là biểu tượng của sự sinh sôi, tái tạo một khát vọng vươn tới.

Nơi đây các nhà khảo cổ đã ý thức chọn một phương pháp khai quật lưu giữ di tích rất công phu để bảo vệ các cấu trúc và bình diện của đền tháp và đền mộ. Với những chứng tích và di vật từ Cát Tiên có thể khôi phục lại giai đoạn không thành văn mà có thể Cát Tiên là trung tâm chính trị, tôn giáo của một quốc gia cổ đại. ■

THE CAT TIEN RELIC

■ DINH THI NGHA



In following back the track of the country's history, archaeologists found a temple complex buried underground upstream the Dong Nai river, at the foot of the South Long -Mountain Range(Truong Son Nam). This was the Holy Land of Brahmanism established during the unrecorded historical period lasting from the 7th century to the 11th century.

To what historical period did the Cat Tien relic belong? Of which architectural style was the relic? Who was its owners? Ever since the discovery of this archaeological site, even with the results gained from four stages of excavation, such ques-

tions have kept on raising exciting discussions in the archaeology circle. Latest information about Ancient Cat Tien always startles the public as well as Vietnamese and international historians. It is the first ancient religious capital that has been discovered in Lam Dong as well as in the Central Highlands., which is extremely significant to the study of the foundation of the Southern Ancient Sate.

In the ancient time, the Ancient Cat Tien played the role of an unchanged boundary among different civilizations. The Kingdom comprised the residential ruins ever since the Bronze Age 40,000 years ago with its villages specializing in molding bronze and weaving; with its towery temples and mausoleums belonging to a specific civilization of Dong Nai, Oc Eo, and Phu Nam cultures.

In the old time, Ancient Cat Tien's culture with its own characteristics was capable of integrating into other cultures through selective absorption. Such a culture had success in creating its development path with its own reactions on meeting the Indian civilization. The design of all the temples in the Ancient Cat tien complex was modeled in accordance with Brahman principles (a combination of Hinduism and Buddhism) Such a temple had a square -based terraced structure comprising several tower floors decorated with Linga-Yony idols, Ganesa statues, etc. The architectural works were done by talented religious artisans of various generations - 20 temples and tombs which were different in details but perfectly harmonious in style formed a mysterious and fantastic



Photo: Dinh Thi Nga

world of spirit rising up into the sky.

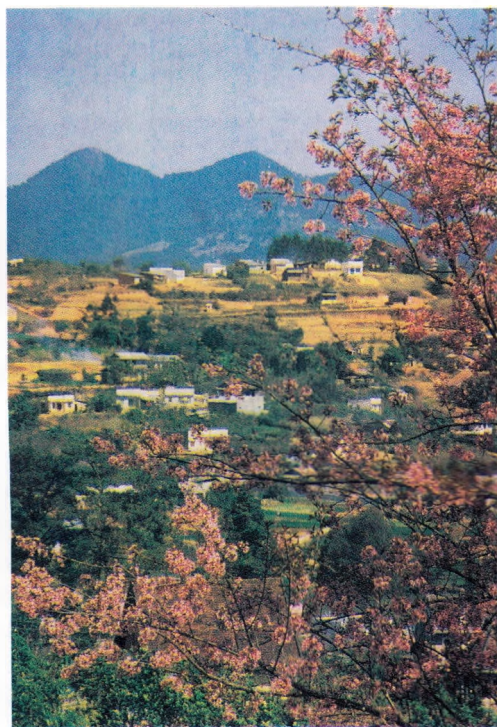
To which historical background of the South did Ancient Cat Tien belong? From the 7th century to the 8th century, whether the well-developed coastal nations related to North China were separated or united into the Kingdom of Phu Nam?

Along with the growing influence of Hinduism over the Far East, the Ancient Cat Tien's culture was also growing up; In the mean time, Lam Ap, ChamPa, Khme,prospered under the monarchy mixed with the beliefs in idols.

The extinct of a kingdom does not mean the extinction of its culture. The design of the architecture of the Brahmin Holy Land in Ancient Cat Tien is obviously an ever living evidence of the eternal value of history, culture and art.

The 256 gold bas-reliefs found in Ancient Cat Tien created a deities's labyrinth. The mystical religion with the spir-its of the land of "monks and dancers" was a belief imbued with the "mother-god" legend in which the negative power and positive power are believed to be the origin of all creation. The image of Siva frequently appeared; the gods of animals, birds, snakes also appeared as totems, but less frequently. The ancient people portrayed the gods with skillfully sharp, vivid and lively drawing lines

With a sublime style of art, gentle in terms of lines, harmonious in proportion, the main topics that were often carved on gold were the images of Siva, Monks, Gods, Goddesses;dancers; worshippers, warriors, etc. The images of animals such as lions, elephants, boars, snakes, fish, cows, goats, etc. frequently appeared as totems. There were also designs of waves, flowers in freely curved shapes, lotus petals in chained shapes, and strings of flowers.All those motifs reflect the spiritual life and religious life of a particular community in history. Whether the Holy Land of Cat Tien was a deities' labyrinth? And



Núi LangBian nhìn từ Đà Lạt. Ảnh: MPK.
LangBian mountain as viewed from Đà Lạt.
Photo: MPK

whether, in the old times this kingdom was the religious capital where polythe-istic rituals were performed? Whether the monarchy was mixed with the belief in idols in sacrifice ceremonies?

The ancient people's carving and molding techniques were shown in the 265 sheets of gold. The molding and carving lines united in a perfect picture illus-trated a prosperous age.It should be claimed that those 265 profound, lively, and charming works of unique character and style created a mysterious and fan-tastic style, to describe the mystical pow-ers of the spirits that were the symbols of thriving and the embodiments of a for-ward yearning.

Archaeologists have always applied the most meticulous methods of excava-tion and preservation so as to protect the architectural structures and the surround-ings of the temple complex. •

LẠC DƯƠNG - TIỀM NĂNG DU LỊCH CHƯA ĐƯỢC ĐÁNH THỨC

■ NGUYỄN VĂN HÙNG

Chủ tịch UBND huyện Lạc Dương

Là một huyện phía Bắc tỉnh Lâm Đồng, giáp với thành phố Đà Lạt, Lạc Dương có tổng diện tích tự nhiên 151.380 ha, dân số gần 25.000 người. Đây là một địa phương có tiềm năng lớn về phát triển du lịch hướng tới kỷ nguyên mới: Du lịch sinh thái gắn với văn hóa dân tộc.

Với một mức độ che phủ của rừng vào loại lớn nhất nhì cả nước, khoảng 85% rừng Lạc Dương gần như nguyên sơ. Hầu hết rừng Lạc Dương thuộc diện đặc dụng và phòng hộ đầu nguồn của Nhà máy thủy điện Đa Nhim, Suối Vàng và Trị An. Trong đó, nổi bật nhất là rừng đặc dụng Bidoup - Núi Bà với thảm thực vật và động vật rất phong phú, đa dạng. Thành phần dân cư của Lạc Dương chủ yếu là đồng bào dân tộc bản địa gốc Tây Nguyên, chiếm khoảng 90% dân số toàn huyện. Cộng đồng người K'Ho, Lạch, Cil, M'Nông ở đây hầu hết vẫn giữ được văn hóa truyền thống với những mùa lễ hội,

các làng dệt thổ cẩm tập trung, các sản phẩm dệt thổ cẩm, rượu cần, các trò chơi dân gian...

Về khí hậu, có thể chia ra làm 2 tiểu vùng mang đặc trưng khác nhau, đó là: tiểu vùng khí hậu ôn đới bao gồm 3 xã giáp giới Đà Lạt, và tiểu vùng khí hậu nhiệt đới, bao gồm 4 xã giáp giới tỉnh Đắk Lắk.

Tiểu vùng khí hậu ôn đới bao gồm các xã Lát, Đạ Sa, Đạ Chais, độ cao bình quân 1.500m so với mặt biển, nhiệt độ trung bình hằng năm khoảng 18 độ C, biên độ nhiệt trung bình các tháng khoảng 3,9 độ C, biên độ nhiệt giữa ban ngày và đêm 9 độ C. Có thể nói khí hậu tiểu vùng này quanh năm ôn hòa, mát mẻ. Phong cảnh thiên nhiên tuyệt hảo, với các rừng lá kim bạt ngàn, chủ yếu là thông ba lá,

Photo: Nguyen Dinh Hien



nổi bật có khu rừng đặc dụng Bidoup - Núi Bà - với hai đỉnh núi cao nhất Nam Tây Nguyên (Bidoup cao 2278m, Langbiang cao 2167m) với thảm thực vật hết sức phong phú. Nơi đây còn là địa bàn cư trú lâu đời của người Lạch và Cil. Khu vực này rất thích hợp với các loại hình du lịch sinh thái, dã ngoại; du lịch kết hợp với thể thao như leo núi, dù lượn, cưỡi ngựa không yên hay du lịch kết hợp với việc tìm hiểu văn hóa dân tộc như: dệt thổ cẩm, tham gia lễ hội công chiêng, tìm hiểu văn hóa bản địa Tây nguyên trong các làng buôn dân tộc; du lịch kết hợp với nghiên cứu khoa học.

Nhận thức được những tiềm năng to lớn của du lịch trên địa bàn Lạc Dương, một số công ty chuyên kinh doanh về du lịch trong và ngoài nước đã đến Lạc Dương. Họ đặt rất nhiều kỳ vọng ở vùng đất này.

Năm 1996, công ty Du lịch Lâm Đồng và 2 tập đoàn của Singapore (gồm Đà Lạt - ĐanKia Holding PTE., LTD và DD Managerment Services PTE.,LTD) lập dự án kinh doanh thực hiện dự án khu Du lịch Đà Lạt - ĐanKia trên ranh giới của huyện Lạc Dương. Dự án này có số vốn 706 triệu USD, tổng thể được phát triển trên diện tích 4,913 ha đất thuộc huyện Lạc Dương. Dự án đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép số 2031/GP ngày 26/1/1998. Tuy nhiên, do “Cơn bão tài chính” thổi vào các nước ASEAN và các nước công nghiệp mới (NICS) năm 1997, cộng với một vài lý do khác nên đến nay dự án vẫn chưa được triển khai.

Cũng từ năm 1994, Công ty Du lịch Thanh niên Xung phong TP. HCM (VYC), được sự đồng ý của UBND tỉnh, đã lập dự án đầu tư phát triển khu Du lịch Langbian thuộc xã Lát. Mục tiêu của dự án khởi đầu rất tốt đẹp nhằm mở ra một điểm du lịch mới đáp ứng yêu cầu của du khách đến Đà Lạt, góp phần phục hồi và bảo tồn di sản văn hóa của các dân tộc bản địa, đầu tư tôn tạo cảnh quan. Cuối năm 1999, VYC đã chính thức bàn giao cho Công ty Du lịch Lâm Đồng tiếp quản và khai thác khu du lịch này với tổng số vốn đầu tư khiêm tốn khoảng 1 tỷ đồng và một dự án cáp treo đang được chuẩn bị dự án tiền khả thi. Dự án đầu tư khu Du lịch núi LangBian đã

từng được cả nước biết đến qua các lễ hội “Đà Lạt trăm năm”, lễ hội liên hoan “Búp sen hồng”... Về tương lai, nơi đây sẽ là một khu du lịch đa năng bao gồm tham quan, leo núi, dã ngoại, cắm trại; cùng với việc mở rộng dự án đầu tư các loại hình thể thao khác như: dù lượn, dù thể thao, cáp treo. Ngoài loại hình du lịch thể thao dã ngoại còn có thể tổ chức du lịch chuyên đề nghiên cứu khoa học về động thực vật, nghiên cứu dân tộc học, bảo tồn và khai thác nền văn hóa cổ truyền các dân tộc bản địa.

Ngoài tiềm năng phát triển du lịch của tiểu vùng khí hậu ôn đới, huyện Lạc Dương có một tiểu vùng khí hậu nhiệt đới giáp giới tỉnh Đắk Lắk với độ cao trung bình khoảng 500m so với mặt biển. Nơi đây có một trữ lượng lớn nước khoáng tự nhiên. Nhiệt độ đo trực tiếp tại nguồn phun tự nhiên bình quân từ 60 độ C đến 70 độ C hàm lượng khoáng cao, phù hợp cho sản xuất công nghiệp và chữa bệnh. Năm 1996, Ngân hàng Việt Hoa (TP HCM) đã được Bộ Công nghiệp cấp phép thăm dò nguồn nước khoáng tự nhiên này. Tuy nhiên, hệ thống giao thông chưa cho phép khai thác ở quy mô công nghiệp và chữa bệnh nên dự án này cũng còn ở dạng chờ đợi.

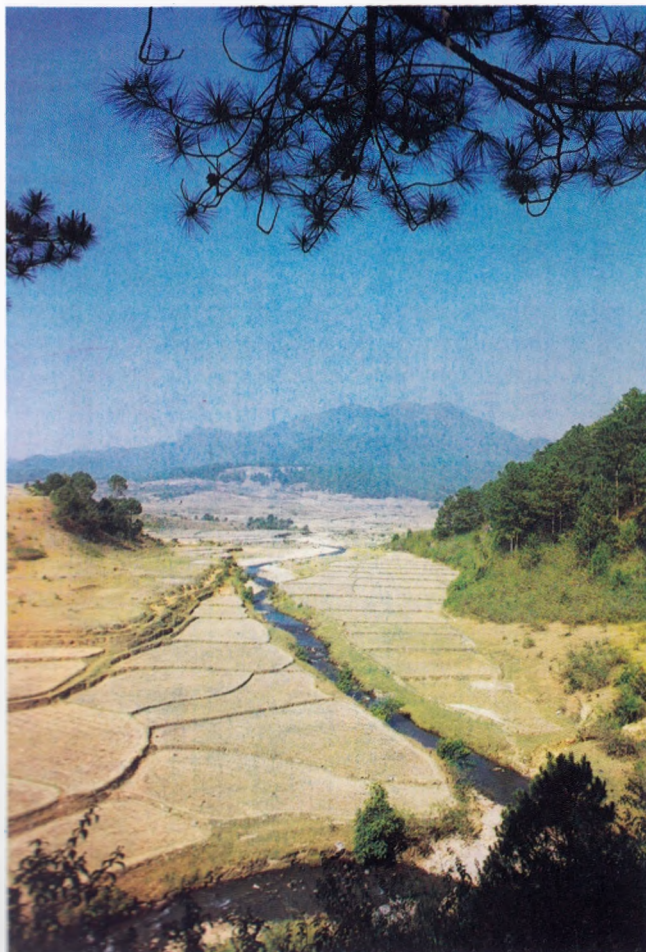
Có thể nói Lạc Dương là một địa bàn có tiềm năng rất lớn về du lịch, đặc biệt là du lịch xanh, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa. Theo đánh giá của ngành Du lịch Lâm Đồng, khoảng 50% du khách đến Đà Lạt đều có nguyện vọng đến Lạc Dương. Hiện nay, các tour du lịch ở các thành phố lớn trên cả nước khi thiết kế chương trình đến Đà Lạt đều có điểm dừng ở Lạc Dương (đặc biệt là chinh phục núi Langbiang: văn hóa công chiêng và thăm làng dệt thổ cẩm Bnơ C). Hiện nay, xã Lát đã có 3 đội văn hóa công chiêng phục vụ du khách vào ban đêm theo yêu cầu của các hãng du lịch trên cả nước. Du khách trong và ngoài nước đến với Lạc Dương ngày càng nhiều.

Tuy nhiên, tiềm năng du lịch của Lạc Dương hãy còn bỏ ngỏ, hệ thống cơ sở hạ tầng chưa thật hoàn chỉnh và đặc biệt là nguồn vốn đầu tư còn rất hạn chế. Lạc Dương rất mong muốn các đối tác trong và ngoài nước đến và cùng khai thác những tiềm năng lớn mà thiên nhiên đã ban tặng chúng ta. ■



LAC DUONG - A TOURIST POTENTIAL NOT YET WAKENED UP

■ **NGUYEN VAN HUNG**
*Chairman of Lac Duong
People's Committee*



Cảnh đồng Đa Sa (Lạc Dương). Ảnh: LHL
Fields of Da Sa (Lac Duong). Photo: LHL

A district to the north of Lam Dong province, bordering Da Lat, Lac Duong has a total natural land of 151,380 hectares and a population of 25,000. This is an area with great potentiality in tourist development towards the new era: Eco-tourism combining with national culture.

The forest coverage in Lac Duong is high compared with other regions in the country, approximately 85% of which is nearly primitive. Most of the forests are of two kinds: special-use forests and up-stream protective forests of the hydro-power plants of Da Nhim, Suoi Vang and Tri An. The most striking is the Bidoup-Nui Ba forest with an abundant flora and fauna cover. The inhabitants in Lac Duong are mainly the ethnic aborigines of the Central Highlands, making up about 90% of the population. The communities of the K'Ho, Lach, Cil, M'Nong still keep their traditional customs and culture: festivals, brocade-weaving villages, weaving products, rice alcohol, folk-games, etc.

As for the climate, there are two sub-regions with different characters: the temperate sub-region includes the three communes bordering Da Lat, and the tropical one includes the four communes bordering Dak Lak province.

The temperate sub-region includes the communes of Lat, Da Sa, Da Chais, at the average height of 1,500 metres above sea



Em bé người Chil. Ảnh: LHL

A child of Chil ethnic-group. Photo: LHL

level. The annual average temperature is 18°C; the average variation between months is 3.9°C, between day and night is 9°C. We can say that the area has a mild climate throughout the year. There is also extraordinary landscape here: vast pine forests, mainly the “three-needle” pine trees, the striking wood Bidoup- Nui Ba with two highest peaks of the Southern Central Highlands (the Bidoup is 2,278 metres and the Langbiang is 2,167 metres) with a rich flora cover. This is also the life- long dwelling of the Lach and Cil people. On the other hand, this is a suitable place for eco- tourism, excursions, tours combining with sports and games like parasailing or bare-back horse riding or tours together with study of natural culture like brocade weaving, gong festivals, aboriginal culture of the Central Highlands in the ethnic villages, or tours combining with scientific research.

Aware of the great potentials in

tourism in Lac Duong, some national and foreign tourist companies have come to Lac Duong and pinned lots of hope on this land.

In 1996, Lam Dong Tourist Company and two Singaporean consortiums (including Da Lat- Dankia Holding PTE, LTD and DD Management Services PTE, LTD) set up a plan to develop the Dalat- Dankia resort project within the boundary of Lac Duong, the total capital is \$706 million, on an area of 4,913 hectares belonging to Lac Duong district. The project was granted investment licence No. 2031/GP on January 26th 1998 by the Ministry of Planning and Investment. However, because of the “financial crisis” sweeping through ASEAN countries and new industrial countries (NICS) in 1997 together with some other reasons, the project has not been carried out.

In 1994, the Voluntary Youth Company of Ho Chi Minh City (VYC), permitted by The People’s Committee of the province, set up an investment project for the Langbiang tourist attraction in Lat commune. Initially, the project was a sound one, aiming at opening a new tourist attraction to meet the demands of visitors, giving a hand in restoring and reserving the cultural heritages of the ethnic aborigines, and upgrading the landscape. At the end of

1999, VYC officially handed it over to Lam Dong Tourist Company to exploit with the total investment capital of about 1 billion VN dongs, and a cable- car project is in the process of setting up a pre-feasibility plan. The investment project for the Langbiang tourist attraction has been known with the festivals, "Dalat Centenary", "Pink Lotus" ("Bup Sen Hong"), etc. In the future, this will be a multi- purpose tourist attraction including sightseeing, mountain climbing, excursions, camping; together with expanding investment projects for other forms of sports such as parasailing, parachuting, cable- car, etc. Beside sports tourism, we can also organize tours for scientific research on fauna and flora, ethnography, conserving and exploring the traditional culture of the ethnic aborigines.

Apart from the tourist potentiality of the temperate sub- region, Lac Duong has a tropical sub-region bordering Dak Lak province, with an average height of 500 metres above sea level. There is a great reserve of natural mineral water. The temperature at the source is about 60°C to 70°C; the mineral content is high so it is suitable for production and medical treatment. In 1996, Viet Hoa Bank (HCM City) was granted a licence by the Ministry of Industry to explore this mineral water source. However, our communication system is not adequate for medical and industrial- scale exploitation, so the project is still pending.

Lac Duong, as we can say, is an area with great potentiality in tourism, especially green tourism, eco- tourism and cultural tourism. According to the assessment of the Lam Dong tourist service, about 50% of the tourists to Da Lat have the desire to go to Lac Duong. At the moment, all tours held by big agencies

in our country consider Lac Duong as a destination when they set up a programme to visit Da Lat, especially conquering Langbiang mountain: getting to know about gong culture and visiting the brocade- weaving village Bnor C. Lat commune has three gong groups to entertain tourists at night when requested. The number of Vietnamese and foreign tourists coming to Lac Duong has been increasing.

Nevertheless, Lac Duong's tourist potentiality has been left open, the infrastructure is not complete, and particularly, we are still in short of investment capital. Lac Duong is longing for domestic as well as foreign partners to visit it and participate in exploiting the potentialities that nature has bestowed on us. ■



LADOTEA

Trụ sở Công ty: Số 01 đường Quang Trung
Thị xã Bảo Lộc – tỉnh Lâm Đồng
Điện thoại: (63) 864095 – Fax: (63)863780
Chi nhánh Công ty Chè Lâm Đồng
tại Tp. HCM:
66-67 đường Trần Văn Kiểu – Q.5 – Tp.HCM.
Giám đốc Công ty: Đoàn Trọng Phương



Chuyên về sản xuất chè đen xuất khẩu với trên 4000 công nhân, tổng sản phẩm hàng năm từ 5000 đến 6000 tấn. Sản phẩm của LADOTEA đã và đang thâm nhập nhiều nước trên thế giới như Trung Đông, châu Á, Nga, các quốc gia Bắc Mỹ, Anh, Hà Lan, Đức...

Sản phẩm chè đen của LADOTEA được sản xuất theo dây chuyền ORTHODOX và CTC. Trong dây chuyền ORTHODOX có 8 loại sản phẩm được sản xuất ra như OP, FBOP, P, PS, BPS, BOP2, FNG và DUST. Trong dây chuyền CTC sản xuất ra 4 loại sản phẩm như BP, PF, PD, DUST1.

LADOTEA cũng sản xuất chè xanh Nhật Bản cung cấp cho thị trường Nhật và chè ướp hương phục vụ cho thị trường nội địa.

LADOTEA rất hân hạnh hợp tác với các tổ chức trong việc đầu tư vốn, các dự án lâu dài.

Specialized in producing black tea for export with over 4000 workers, total yearly output from 5000 to 6000 tons.

LADOTEA products have been exported to many countries: Middle East, Asia, Russia, North America, England, Netherlands, Germany, etc. LADOTEA black tea is made with the production lines ORTHODOX and CTC. The ORTHODOX production line yields 8 kinds of products: OP, FBOP, P, PS, BPS, BOP2, FNG and DUST. The CTC production line yields 4 kinds of products: BP, PF, PD and DUST1.

Other products made by LADOTEA are Japanese green tea to supply to Japan's market and scented tea to local market.

LADOTEA is honored to co-operate with all organizations in capital investment for long-term projects.



COMPANY OFFICE:
01 Quang Trung St. –
Bao Loc Town – Lam
Dong Province
Tel: (63) 864095
Fax: (63)863780

LADOTEA BRANCH
OFFICE IN HCMC:
66-67 Tran Van Kieu St.
– District 5 –HCMC

COMPANY DIRECTOR:
Doan Trong Phuong

ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT UNIVERSITY OF DALAT

01 PHU DONG THIEN VUONG, DALAT, VIETNAM

Tel: (84.63) 822246

Fax: (84.63) 823380

Email: csecdala@hcm.vnn.vn



PGS. TSKH. NGUYỄN HỮU ĐỨC - Hiệu trưởng
Prof. Dr. Sc. NGUYEN HUU DUC - Rector

Thành lập từ năm 1958.

Là trường đại học đa ngành, đào tạo 22 ngành học khác nhau: Toán học, Tin học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Quản trị kinh doanh, Ngoại ngữ, Việt Nam học, Môi trường, Quản trị Nông Lâm, Luật, Địa lý, Sư phạm Toán học, Sư phạm Tin học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Ngoại ngữ.

Đào tạo ở bậc sau đại học các ngành: Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Tin học, Ngoại ngữ, Quản trị kinh doanh.

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ với cơ chế tích lũy kiến thức mềm dẻo, linh hoạt, thích ứng với nhiều đối tượng học viên khác nhau.

Founded in 1958, the University of Dalat is a multi-discipline University

Offers courses leading to a B.A or B.S degree 22 branches: *Mathematics, Informatics, Physics, Chemistry, Biology, Philology, History, Business Administration, English, Vietnamese Study, Ecology, Agriculture and Forestry Administration, Law Study, Geography, Teaching Mathematics, Teaching Informatics, Teaching Physics, Teaching Chemistry, Teaching Biology, Teaching Philology, Teaching History, Teaching English.*

Offers courses leading to Master's degrees in 9 branches (Master's degree): *Mathematics, Informatics, Physics, Chemistry, Biology, Philology, History, Business Administration, English.*





VIET NAM INSURANCE
CORPORATION

BAO VIET LAM DONG

ADDRESS: 10A – ¾ STREET,
WARD 3, DALAT CITY
TEL: (063) 822326, 824036
FAX: 84.63.824035

(SPECIALLY RANKED STATE-
OWNED CORPORATION)

Bao Viet Lam Dong is a subsidiary company of Viet Nam Insurance Corporation, known as Bao Viet – an unique specially ranked state-owned insurance enterprise in Vietnam with a plus 35 year-experience, steadily and strongly financial capacity, a team of highly professional staff, and a close reinsurance relationship with hundreds of reputable international insurance companies and reinsurance companies around the world such as in USA market, United Kingdom, France, Japan, Germany... and other countries. Bao Viet Lam Dong is a prestigious Insurer, ready to serve and meet the Vietnamese and foreigner client's needs with a wide range of services:

■ *LIABILITY INSURANCE:*

- *Motor vehicle owner's third party liability insurance*
- *Public and product liability insurance*
- *Loyalty insurance*
- *Workmen's compensation*

■ *PROPERTY INSURANCE:*

- *Cargo insurance (including Import Export and Inland transit)*
- *Contractor's and erection all risks*
- *Machinery breakdown, contractor's plant and machinery insurance*
- *Fire and special perils insurance*
- *Household package insurance*

...

■ *PERSONAL INSURANCE*

- *Personal accident insurance*
- *Personal life insurance*
- *Voluntary private medical insurance*
- *Domestic and world wide tourist insurance*
- *Personal of current insurance*

BAO VIET LAM DONG SUB-BRANCH OFFICES:

- 1 – Bao Loc representative office
Tel: 864575
- 2 – Duc Trong representative office
Tel: 843891
- 3 – Da Huoi representative office
Tel: 874233
- 4 – Di Linh representative office
Tel: 871255
- 5 – Lam Ha representative office
Tel: 850539
- 6 – Don Duong representative office
Tel: 847822
- 7 – Da Teh representative office
Tel: 880582
- 8 – Cat Tien representative office
Tel: 884093

**BAO VIET LAM DONG is honour
to serve all of you and always
brings the Client the best
guarantee and efficiency.**

Trung tâm Vật tư Chăn nuôi - Thú y Lâm Đồng



VP liên lạc 61 A Nguyễn Văn Trỗi TP Đà Lạt
ĐT: 063-822537 - DD: 090738903

- *Chuyên mua bán các loại vaccine - thuốc thú y (với hệ thống phân phối hơn 40 cửa hàng khắp 11 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh Lâm Đồng.*

- *Trạm xá thú y:*

Nhận hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, thú y, chẩn đoán - điều trị bệnh gia súc gia cầm, chăm sóc bệnh nội ngoại trú cho chó mèo & các dịch vụ thiến, hoạn, đỡ đẻ, phối giống nhân tạo...

- *Giới thiệu vaccine mới:*

Chỉ cần tiêm một mũi phòng 3 bệnh truyền nhiễm trên heo: dịch tả, tụ huyết trùng, phó thương hàn (tiết kiệm công tiêm, công bắt giữ - giảm stress. An toàn và hiệu lực cao).

(Giấy CNĐK SX số 93 QLT/GĐ K ngày 25/7/2000 của Cục Thú Y).

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Di Linh là một doanh nghiệp đã tồn tại và phát triển từ 23 năm nay. Quĩ mô sản xuất - kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng.

Công ty chuyên:

- Sản xuất heo con giống, heo nái hậu bị, heo thịt giống nạc: Landrac, Yorkshire, Duroc, cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh Lâm Đồng. Heo giống hướng nạc do Công ty cung cấp thích nghi với điều kiện chăn nuôi mọi vùng.

- Nhận thiết kế chuồng trại; hướng dẫn ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi heo để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

ADDRESS: TAN PHU VILLAGE – DINH LAC COMMUNE – DI LINH DISTRICT – LAM DONG
TEL: (063) 872172

LAMDONG CENTER OF VETERINARY & BREEDING MATERIALS

BUSINESS ADDRESS:

61 A NGUYEN VAN TROI ST. – DA LAT CITY
TEL: 063-822537 – MOBILE: 090738903

Specialized in trading veterinary vaccing (with a distribution network of more than 40 dealers covering 11 districts, towns, and cities within the province).

Veterinary station:

Offering instructions in veterinary & breeding technique, diagnosis and treatment of livestock, poultry, dogs & cats, and other services: castration, delivery, artificial insemination, etc.

NEW VACCINE !

Only one injection to prevent 3 infectious diseases for pigs: cholera, plasmodium & typhoid. Labor saving and stress reducing. Safety and high efficiency.

(Production Registered Certificate No. 93 QLT/GDK signed on 25/07/2000 by the Provincial Agency of Veterinary).

DI LINH BREEDING JOINT-STOCK COMPANY



As a business with 23 years of development, the company's scale of production and trading has gradually been enlarged.

The company is specialized in:

- Producing pure-bred piglets, prolific sows, lean-meat porkers as LANDRAC, YORKSHIRE,

DUROC, to meet the market demands within and without Lam Dong. The breeds of lean-meat porkers supplied by the company are well adapted to the breeding conditions of all regions.

- Supplying and installing pig-farm equipment, offering new technology in pig breeding to help farmers gain the highest economy efficiency.

Thác Pongour
(Đức Trọng).
Ảnh: Bá Trung
Pongour Fall
(Duc Trong).
Photo: Ba Trung



ĐỨC TRỌNG - CƠ HỘI ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

■ **LÊ ĐÌNH PHƯỚC**

Chủ tịch UBND huyện Đức Trọng



Huyện Đức Trọng nằm ở vùng giữa tỉnh Lâm Đồng với diện tích tự nhiên 90.220 ha, dân số 136.000 người. Trung tâm huyện cách thành phố Đà Lạt 30 km về hướng nam, nằm ở vị trí đầu mối giao thông đường bộ giữa Quốc lộ 20 (Đà Lạt - Tp. Hồ Chí Minh) và Quốc lộ 27 (Đà Lạt - Ban Mê Thuột), Quốc lộ 20 đi Ninh Thuận - Nha Trang và đường nối Quốc lộ 20 với Quốc lộ 1 ở đoạn Ninh Gia - Bắc Bình (Bình Thuận). Ngoài ra còn có Sân bay Liên Khương trong hệ thống cụm Cảng Sân bay miền Nam đang quy hoạch mở rộng để tăng cường giao lưu với các sân bay trong và ngoài nước.

Với ưu thế về vị trí, địa lý, thế mạnh về nông nghiệp, lâm nghiệp đồng thời với ổn định về dân cư, xã hội trong huyện, trong những năm qua, kinh tế - xã hội của Huyện Đức Trọng không ngừng phát triển và luôn đạt tốc độ tăng trưởng khá.

Về kinh tế, tổng sản phẩm xã hội GDP bình quân hàng năm tăng 16,06%; cơ cấu kinh tế đã từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; tỷ trọng công nghiệp tiểu thủ công nghiệp tăng từ 13% lên 20%, dịch vụ từ 25% lên 27%, nông lâm nghiệp giảm từ 61%

xuống còn 53%.

Công tác đầu tư được tập trung, kết cấu hạ tầng được mở rộng, nâng cấp, hệ thống giao thông từ huyện đến các xã, thị trấn đảm bảo thông suốt trong cả mùa mưa. Đến nay, 12/13 xã, thị trấn đã có điện lưới quốc gia, hệ thống thủy lợi đảm bảo cho việc tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Nhiều công trình xây dựng cơ bản đã và đang phát huy tác dụng có hiệu quả góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, xóa đói giảm nghèo, bộ mặt kinh tế - xã hội nông thôn đã có bước thay đổi rõ rệt.

Trên cơ sở phát huy nội lực, kết hợp với đẩy mạnh khai thác các nguồn lực trong và ngoài nước; trong những năm qua, Đức Trọng đã huy động nguồn vốn đầu tư trong huyện gần 100 tỷ đồng, vốn đầu tư nước ngoài và vốn liên doanh với nước ngoài đã đạt 12,86 triệu USD, liên kết trong nước và vốn của doanh nghiệp tư nhân trong nước đạt 125 tỷ đồng để phát triển kinh tế trên địa bàn huyện, góp phần tích cực khai thác tiềm năng và thế mạnh của địa phương, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Về văn hóa - xã hội, sự nghiệp giáo dục - đào tạo đã đạt được những tiến bộ đáng kể, giữ được nhịp độ phát triển về quy mô và chất lượng; mạng lưới và hệ thống trường lớp phát triển rộng khắp, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân trong huyện. Sự nghiệp văn hóa, thông tin và thể thao có bước phát triển mạnh cả về quy mô và chất lượng hoạt động. Các chính sách thương binh và xã hội được thực hiện tốt, công tác xóa đói giảm nghèo được quan tâm và triển khai có hiệu quả. Mạng lưới y tế ngày càng phục vụ tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh cho nhân dân.

Công tác an ninh quốc phòng được quan tâm chú trọng, luôn giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo ổn định chính trị, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Từ những thành tựu và các bài học kinh nghiệm được tổng kết, để thực sự trở thành một huyện giàu mạnh theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nghị quyết đại hội IX Huyện Đảng bộ đã xác định rõ mục tiêu, phương hướng tổng quát từ nay đến năm 2010 là: *Phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất, tự lực, tự cường của Đảng bộ và nhân dân trong huyện, nắm vững quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của TW Đảng và Chính phủ, của Đảng bộ và Chính quyền tỉnh Lâm Đồng, tranh thủ thời cơ và thuận lợi, phát huy nội lực, khai thác tiềm năng và thế mạnh, đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - TTCN dịch vụ. Đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí và đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, củng cố quốc phòng, đảm bảo an ninh, giữ vững ổn định chính trị, xây dựng củng cố tổ chức Đảng, chính quyền - Mặt trận và các đoàn thể trong sạch vững mạnh, tạo điều kiện thuận lợi vững bước đi vào thế kỷ 21 vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.*

Trong đó, các mục tiêu cụ thể đến năm 2005 là: tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm 15-16%, thu nhập bình quân đầu người tăng 1,8 lần so với năm 2000, nông lâm nghiệp tăng hàng năm 5%, CN-TTCN tăng 25%, dịch vụ tăng 32%, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 16-18%; tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến 2005, nông lâm nghiệp chiếm 42%, công nghiệp - TTCN chiếm 26%, dịch vụ 32%, củng cố các cơ sở kinh tế Nhà nước vững mạnh, xây dựng và phát triển mạnh hình thức kinh tế HTX, mở rộng liên doanh, liên kết, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế trên địa bàn đầu tư, khai thác tiềm năng, thúc đẩy sản xuất phát triển. Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng bao gồm thủy lợi, đường giao thông, trường học, trạm

y tế, điện, thông tin liên lạc...

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, Đức Trọng đã đặt ra cho mình một số nhiệm vụ và giải pháp lớn. Trước hết, chuyển mạnh sản xuất nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa gắn với tập trung chuyên canh, thâm canh tạo vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu cây trồng, hình thành và phát triển vùng rau nguyên liệu đạt tiêu chuẩn, cung cấp cho các nhà máy chế biến rau xuất khẩu. Liên doanh liên kết xây dựng các cơ sở chế biến nông sản với công nghệ phù hợp để tăng giá trị sản phẩm hàng hóa. Ổn định diện tích cây cà phê, tăng diện tích dâu tằm và mở rộng diện tích cây thuốc lá.

Riêng trong lĩnh vực xây dựng, phát triển thương mại và dịch vụ du lịch, Đức Trọng sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thành chợ Liên Nghĩa, đồng thời tiến hành quy hoạch, khuyến khích đầu tư xây dựng phát triển các khu thị tứ. Phấn đấu đẩy nhanh tốc độ phát triển để trung tâm thương mại dịch vụ của huyện trở thành trung tâm giao lưu hàng hóa khu vực liên huyện.

Trên cơ sở chủ trương của tỉnh ***"Phát triển dịch vụ du lịch và đầu tư phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh"***, trong 5 năm tới (2001-2005), phải đẩy mạnh huy động vốn trong và ngoài huyện, đầu tư xây dựng, tôn tạo cảnh quan môi trường để khai thác một số điểm du lịch sinh thái và văn hóa như: thác Pongour, Gougah, Liên Khương, Bảo Đại, Hồ Nam Sơn, khu căn cứ núi Voi, lòng hồ Thủy điện Đại Ninh...

Là vùng đất có những ưu thế nổi bật về vị trí địa lý, lợi thế về phát triển lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp, thu hút đầu tư nước ngoài và những thành tựu phát triển trong những năm qua cũng chính là tiềm năng của Huyện cần được phát huy. Những dự kiến trong tương lai là cơ hội cho các nhà đầu tư và là triển vọng của Đức Trọng vững bước trên con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa. ■

DUC TRONG - CHANCE OF INVESTMENT AND DEVELOPMENT

■ LE DINH PHUOC
*Chairman of the People's
Committee of Duc Trong*

The district of Duc Trong lies in the heart of the province of Lam Dong, with a natural area of 90, 000 ha, a population of 136, 000 inhabitants. Its center, 30 km from the center of Dalat, is located at the junction of National Road [NR]20 (Dalat-HCM City) and NR 27 (Dalat- Ban Me Thuot); NR 20 to Ninh Thuan -Nha Trang and the road section connecting NR 20 to NR 1 at Ninh Gia-Bac Binh (Binh Thuan). Besides the local Lien Khuong airport (which is part of the airport system of the South) is being planned to be expanded so that it can be connected with more other inland and international airports.

In recent years, thanks to its favorable geographical location, its agricultural and forestry strength, together with the stabilized population and the ensured social security, Duc Trong has continuously developed at a fairly high rate.

Regarding the economic aspect, its GDP, on the average, has increased 16.06% ; Its economic structure has strongly shifted towards industrialization- modernization; the industry and home-craft percentage has increased from 13% to 20 %, service from 25% to 27%; agriculture has decreased from 60% down to 53%.

To date, investment has always been centralized, its infrastructure expanded and upgraded. The transport system connecting the town to its adjacent areas operates efficiently even in the rainy season. So far, 12/13 communes and small town have been supplied with electricity from the national electricity grid; the irrigation system of the district has met the need of its agricultural production. Many basic construction works have been making worthy contribution to the promotion of its production development as well as the success the implementation of the Hunger Eradication- Poverty Alleviation Program [HEAP]. As a result, the face of its rural economy has changed distinctively.

During the past few years, based on local economic strength in combination with full exploitation of domestic and foreign capital sources, Duc Trong mobilized an investment capital of roughly 100 billion VND from inside the district, 12. 86 million USD from foreign enterprises and joint ventures with foreign partners, 125 billion VND from Joint ventures with private enterprises. The total sizable capital has fully been used to develop the district's economy, help exploit its potentialities and strength. As a result, local workers have been given more jobs and their income has increased.

Concerning the culture –society sphere, the district has gained significant achievement in education and training with a stabilized development in both quality and quantity. The school system has spread all over the district so as to satisfy the needs in schooling of the people in the district with higher quality. Also, the district has gained more success in its development of culture, sport, and information qualitatively and quantitatively. War invalids and social welfare policies have been well implemented. HEAP has brought about positive results, the medical service provided better medical care and treatment to the public. Besides, state security has always been attended to ensure social safety and political stability, which will create favorable conditions for the development of the local economy.

Summing up the lessons of experience to



Cảnh đồng rau Đức Trọng.
A vegetable field in Duc Trong

build a prosperous district towards industrialization- modernization, the resolution of the District Party has asserted general targets and directions till 2010 as following : *stimulating the spirit of unity, self – reliance, and self- strengthening in the Party Unit and people in the district; firmly catching the views and guiding ideas of the Party Central Committee, the government as well as the Provincial Party Unit and, the authorities of Lam Dong, exploiting all potentialities and strength, promoting development towards the increase of industry –home craft and service, promoting industrialization of agriculture and the development of rural economy. Linking economic growth with advance and social equality; solving the problem of unemployment, implementing the HEAP; raising people's standards of culture and their cultural, spiritual life; consolidating state security, ensuring the political stabilization and social safety and order, building and consolidating clean organizations of the Party, Government, United Front and other organizations so as to create favorable conditions to step into the 21st century with the utmost targets of a powerful nation with rich people and an equal-democratic society*

Particular targets till 2005 are: raising the district's GDP growth rate to 15-16% annually, GDP per capita to 1.8 compared with the year of 2000, service to 32%, annual economic growth rate to 16%-18% ;actively shifting the district's economic structure till 2005. By 2005, agriculture-forestry will increase by 42%, industry-home craft 26%, service 32%; consolidating state enterprises, building and developing the economic forms of co-operation and joint venture so as to create favorable conditions for people of different economic sectors in the district to invest and exploit the potentialities so as to promote its production development. Mobilizing capital from all sources to invest in building its infrastructures including irrigation works, roads, schools, health units, power stations, information

bureaus, etc.

To reach such targets, Duc Trong's authorities have set out certain particular missions and resolutions. Firstly, converting its agricultural production into agro-product processing in combination with intensive farming and establishing an industrial-material supplying zone. Promoting the diversion of its crop structure, establishing a zone of standard vegetables to supply the processing factories with materials ; calling for investment projects in form of joint venture or co-operation in building processing factories with proper technology to enhance its processed product value. Maintaining the existing coffee growing area, expanding the mulberry area and the tobacco growing area.

Regarding the sectors of construction, business, and tourism, Duc Trong will continue to invest in completing the Lien Nghia market. Besides, the district authorities will set plans and encourage investment projects in building and developing the urban quarters. Striving to speed its development towards the target: the center of commerce and service of the district will become the major center of the whole region.

Based on the resolution " Developing the tourist service and investing in the development of the tourist sector as a key economic sector of the province, " the district authorities have asserted their missions in the period from 2001 to 2005 as following :Actively mobilizing capital from inside and outside the district, investing in building ecological and cultural tourist sites such as the Pongour, Gougah, Lien Khuong, Bao Dai waterfalls, the Nam Son lake, the Elephant Mountain Revolutionary Base (Nui Voi), the Dai Ninh lake...

Favorable geological conditions, suitable land for food crops and industrial crops, attraction to foreign investors, together with certain achievements attained over the past years are the strong potentialities of the district, which are to be exploited. Full exploitation of such potentialities will be an attractive chance for investors, and constitute a bright prospect for the promising development of the district. ■

THỂ MẠNH CÂY LÚA Ở ĐẠ TÊH

■ **HOÀNG HIỂN**

Chủ tịch UBND huyện Đạ Tẻh



Đạ Tẻh là huyện nông nghiệp nằm ở phía nam tỉnh Lâm Đồng. Lúc mới thành lập, số dân của huyện có khoảng 23.000 người; đến nay đã lên trên 40.000 với khoảng 9.200 hộ. Người dân ở đây đến từ mọi miền của đất nước. Đạ Tẻh nhiều năm qua bằng nỗ lực của mình đã biến nơi đây thành vùng canh tác lúa trọng điểm của tỉnh Lâm Đồng.

Năm 1986, diện tích gieo trồng của huyện Đạ Tẻh có khoảng 7.000 ha, năm 1996 tăng lên trên 10.000 ha, và hiện nay con số này là 11.400 ha. Trong đó, diện tích trồng lúa đạt 7.030 ha. Như vậy, diện tích gieo trồng của Đạ Tẻh đã đạt đến con số bình quân 1,2 ha/hộ. Trong những năm gần đây, nhờ phát triển hệ thống thủy lợi nên diện tích lúa 3 vụ của Đạ Tẻh đã được nâng lên một cách đáng kể. Tính đến nay, Đạ Tẻh có 1.550 ha lúa 3 vụ và 2.730 ha lúa 2 vụ. Cây lúa ở Đạ Tẻh chiếm giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong nền nông nghiệp của địa phương. Năng suất cây lúa đã tăng từ 15 tạ/ha năm 1986 lên 32,6 tạ/ha hiện nay. Tổng sản lượng lương thực quy thóc của huyện đạt 16.000 tấn/năm, sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt trên 500 kg/năm. Đến năm 2000, tổng sản lượng lương thực đạt 25.000 tấn, bình quân lương thực đầu người 576 kg/năm. Các công trình thủy lợi ở đây, đặc biệt là hồ Đạ Tẻh (chính thức đưa vào sử dụng 1996) đã giúp cho cây lúa nước Đạ Tẻh phát triển và đã hình thành vùng chuyên canh lúa tương đối lớn.

Từ nhiều năm qua, Đạ Tẻh chủ trương phát triển cây



Mùa thu hoạch lúa
ở Đạ Tẻh.
*Harvest time
in Da Teh.*

lúa theo hướng tập trung thâm canh cây lúa nước, đảm bảo an ninh lương thực cho địa bàn; đồng thời đẩy mạnh các nghiên cứu cơ bản về đất - phân, tích cực chuyển giao KHKT (trong đó đặc biệt quan tâm đến vấn đề giống) và chú ý đến công nghệ sau thu hoạch. Về nghiên cứu cơ bản, thời gian gần đây, huyện đã phối hợp với Trung tâm nghiên cứu đất - phân thành phố HCM tiến hành điều tra, đánh giá tài nguyên đất trên địa bàn huyện và đã đề xuất hướng sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên này. Về công tác chuyển giao KHKT, huyện đã đặc biệt quan tâm đến việc chuyển giao kỹ thuật thâm canh và chọn lọc những giống lúa tốt, cho năng suất cao, phù hợp với sinh thái của địa bàn, phù hợp với thị trường tiêu thụ, có khả năng kháng bệnh. Huyện cũng đã trích một phần kinh phí giao nhiệm vụ cho Phòng NN&PTNT phối hợp với Bộ môn Cây lương thực thuộc Viện KHNN miền Nam, Trường Đại học nông lâm T.P HCM, Viện lúa Ô Môn đưa nhiều giống lúa mới đã được Nhà nước cho phép khu vực hóa vào sản xuất thử tại địa bàn Đạ Tẻh. Kết quả là từ 1996 đến nay, Đạ Tẻh đã chọn được nhiều giống lúa mới đã qua khảo nghiệm để đưa vào trồng đại trà như VNĐ 95-20, VNĐ 95-19,

OMCS 96, OMCS 98... (giống lúa nước thuần); TN 15 (giống lúa lai); LC 88-66, LC 88-67, LC 90-11, LC 90-12, LC 90-5 (lúa cạn). Hiện nay, Phòng NN&PTNT Đạ Tẻh đang phối hợp Sở NN&PTNT tỉnh và C.ty Giống cây trồng miền Nam tổ chức thực hiện một chương trình sản xuất lúa giống trong nhân dân với mục đích là cung cấp các loại giống tốt, giảm giá thành và đáp ứng nhu cầu về giống lúa cho nhân dân trong vùng. Việc sản xuất giống lúa này tuân thủ theo một quy trình nghiêm ngặt riêng. Đáng chú ý là việc sử dụng giống nguyên chủng hoặc siêu nguyên chủng có sự theo dõi chặt chẽ về di truyền giống và sau thu hoạch. Đến nay, việc sử dụng các giống lúa mới qua chọn lọc ở Đạ Tẻh là khá phổ biến, diện tích chiếm khoảng 70% trong cơ cấu diện tích sử dụng các giống lúa. Việc sản xuất lúa giống, khảo nghiệm các giống lúa mới, đẩy mạnh công nghệ làm đất, nghiên cứu các loại phân bón phù hợp... nhằm mục đích đến năm 2005, năng suất bình quân của cây lúa Đạ Tẻh đạt 40-50 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực đạt từ 28-30 ngàn tấn. Chương trình phòng trừ dịch hại tổng hợp trên cây lúa (gọi tắt là IPM) trong những năm gần đây đã giúp khá nhiều trong việc phát triển vùng lúa Đạ Tẻh. Theo số liệu của

Phòng NN&PTNT, đã có trên 30 lớp IPM được tổ chức với trên 900 hộ nông dân tham gia, đã thành lập được 8 câu lạc bộ IPM, trong đó có 5 câu lạc bộ do tổ chức FAO tài trợ, thu hút khoảng 230 hội viên tham gia. Các câu lạc bộ này đã có nhiều hoạt động giúp nhau thực hiện những nội dung tập huấn, hình thành các mô hình hợp tác mới ở nông thôn, giúp nhau về vốn, về lúa giống... Các hộ nông dân ở Đạ Tẻh tính toán: Nếu không áp dụng IPM trên đồng ruộng thì mỗi ha lúa chỉ lãi 1 triệu đồng hoặc thấp hơn; còn nếu áp dụng IPM thì khoản tiền lãi sẽ lên đến 1.158.000 đồng/ha.

Phát triển cây lúa là thế mạnh của huyện Đạ Tẻh. Nhưng để phá thế độc canh, trong những năm gần đây, huyện đã đưa vào sản xuất nông nghiệp nhiều loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao; trong đó, đáng chú ý là cây dâu tằm và cây tiêu. Hiện nay, toàn huyện có đến 332 ha dâu tằm và gần 100 ha cây tiêu.

Việc phát triển cây lúa nói riêng và các loại cây trồng trong nông nghiệp nói chung ở Đạ Tẻh nhờ một phần rất lớn vào hệ thống thủy lợi. Trong các công trình này, đáng chú ý nhất là công trình thủy lợi hồ Đạ Tẻh. Hồ Đạ Tẻh có diện tích lưu vực 198 km², dung tích mặt nước hữu ích là 19,19 triệu m³ với các công trình đầu mối, tràn xả lũ, hệ thống kênh chính, kênh cấp 1 và cấp 2 có chiều dài 18.116 m. Công trình có tổng trị giá gần 89 tỷ đồng này phục vụ tưới cho 2.300 ha đất nông nghiệp, trong đó chủ yếu là diện tích cây lúa.

Chắc chắn trong tương lai, với việc xác định đúng hướng về phát triển KT-XH địa phương, vùng chuyên canh lúa sẽ tiếp tục đóng vai trò không nhỏ trong nền kinh tế và sẽ tiếp tục có những đóng góp hết sức quan trọng cho sự phát triển chung của huyện nhà, cũng như đảm bảo an ninh lương thực của địa phương Lâm Đồng. ■



Vào vụ cấy.
Beginning of the crop.

THE POTENTIALITY OF RICE PLANTING IN DATEH

■ HOANG HIEN

Chairman of the People's Committee of Dateh



ateh is a suburban district of agriculture situated in the south of Lamdong province.

The population of the district at the time of foundation was approximately 23.000. It has reached 40.000 now with 9.200 families. The people of the district come from different parts of the country. The district has been trying to become the key zone of rice cultivation of the province.

The area of rice cultivation in Dateh covered 7.000 ha in 1986 ha, 7.030 ha in 1996; at present the area covers 11.400 ha ; the average scale of the cultivating area is estimated at 1.2 ha per family. In recent years, owing to the development of the irrigation works of the district, the area of rice for three harvesting crops has increased considerably, which now covers 1.550 ha and the area for two harvesting crops covers 2.730 ha. Rice now has played a very important role in the development of agriculture of the district. The rice yield has jumped from 1,500 kilos per ha in 1986 to 32.6 at the present. The total output of food in terms of rice is 16.000 tons per year, expected to reach 25.000 tons per year in 2000 The average output per person is 500 kilograms

per year, expected to reach 576 kilograms per year in 2000. The irrigation works, especially the works at Dateh lake (put into use since 1996) has brought great advantages to the development of water-rice cultivation and the formation of a large special agricultural zone for rice cultivation in the district.

In recent years, the local government has set forth strategic directions on intensive cultivation of water-rice to reach a stable yield of rice in the area, and on researches on soil-fertilizer mechanism, on the transfer of techniques, especially the techniques of breeding and post-harvesting techniques. At present, the local government of Dateh is having co-operating plans with the soil-fertilizer research center in HCM City to investigate and estimate the soil resources in the area for more effective cultivation. The district also plans to transfer of the techniques of intensive cultivation, the breeding techniques of high-yield rice, and rice species that suits the ecological conditions and of the rice that meets the need of the local consumers' market. The local government has extracted part of the budget to support The Agricultural Development Institute of Lamdong to work with the Food-Tree

Branch (of the Science and Techniques Institute of the South) and the University of Agriculture and Forestry, The Omon Rice Institute, on testing various rice breeds which are approved to cultivate on a large scale. Since 1996, various new rice breeds have been used in Dateh such as VND 95-20, VND 95-19, OMCS 96, OMCS 98, TN15 (cross-bred) LC 88-66, LC 88-67, LC 90-11, LC 90-12, LC 90-5. At the present, the Institute of Agricultural Development of Dateh and The Service of Agriculture and Rural Area Development of Lamdong, Breeding Company of the South are encouraging farmers to produce rice breeds themselves to obtain good rice breeds, low cost and abundant sources of rice breeds. The plan focuses on applying original rice-breeds and super-original rice breeds, on the transmitting those breeds and post -harvesting processes. The area of new breed cultivation now has covered 70 % the total rice cultivation of the district. The target is to reach an average yield of 4,000 – 5,000 kilos per hectare in 2005, and a total output of food products of 28-30 thousand tons. The IPM program, the program of rice immunization has played an

important role in the development of rice cultivation in Dateh. According to the statistics of the Agriculture and Rural Area Development Institute, more than 30 IPM training courses have been offered to more than 900 farmers, 8 IPM clubs, 5 sponsored by FAO with 230 members. It has been estimated that the profits from the farming with IPM techniques can reach 1.158.000 dong per hectare.

The local government of Dateh also plans to avoid the domination of rice crops by growing various plants of high quality and productivity, especially the mulberry which covers an area of 332 hectare and pepper which covers an area of 100 hectare. The irrigation works in Dateh have made great contribution to the development of agriculture. The most important irrigation works is the Dateh construction in an area of 198 km² with a capacity of 19.19 million m³; the system of drainages and cannels covers 18.116 m. The whole works with a total cost of 89 billion of VND serves an area of 2.3000 hectare of cultivating land.

Obviously, rice cultivation will maintain its important role in the economic development of Dateh.■



Photo: VTP

ĐIỆN LỰC LÂM ĐỒNG

LAMDONG ELECTRICITY BRANCH

Điện lực là ngành kinh tế-kỹ thuật có tính chất quyết định trong sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước. Sau 25 năm giải phóng, ngành điện Lâm Đồng đã có bước trưởng thành vượt bậc:

- Điện thương phẩm tăng gần 19 lần (năm 1976: 10 triệu KWh, năm 2000: 191 triệu KWh).

- Khách hàng dùng điện tăng 5 lần (năm 1976: 12.000, năm 2000: 60.000).

Một số chương trình đã hoàn thành xuất sắc, tạo điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

■ Chương trình điện khí hóa vùng rau Đà Lạt (1980-1985)

Tất cả các khu vực ngoại ô thành phố Đà Lạt đã được cấp điện như Xuân Thọ, Nam Hồ, Tự Phước, Thái Phiên, Đa Thiện...

■ Chương trình điện khí hóa nông thôn (1996-2000)

Toàn bộ huyện, thị, thành phố và 88/106 xã của tỉnh Lâm Đồng có lưới điện quốc gia đạt 80,2%, vượt chỉ tiêu 80% số xã có điện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ 6. Tổng số hộ có điện sản xuất, sinh hoạt khoảng 120.000 hộ.

■ Một số công trình xây dựng nguồn lưới có hiệu quả như:

- Nhà máy thủy điện Lộc Phát (600KW) vận hành năm 1985.

- Trạm 25MVA, 230/35 KV bảo Lộc cấp điện cho 6 huyện thị phía nam tỉnh.

- Nâng công suất thủy điện Suối Vàng từ 3100 KW lên 4400 KW (1999).

- Xây dựng mới đường dây 110 KV và trạm 16 MVA – 110/22 KV Đức Trọng đưa vào vận hành (12/2000).

■ Bước vào thế kỷ XXI, ngành điện Lâm Đồng đã chuẩn bị các công trình có tính chiến lược phục vụ sự phát triển của địa phương:

- Triển khai dự án cải tạo lưới điện thành phố Đà Lạt theo công nghệ hiện đại.

- Xây dựng mới đường dây 110 KV và trạm 40 MVA – 110/22 KV Đà Lạt 1.

- Xây dựng mới trạm 25 MVA – 110/22 KV Bảo Lộc.

- Hoàn tất công tác đưa điện đến trung tâm các xã vào năm 2003.

- Tiếp tục chương trình điện khí hóa nông thôn giai đoạn 2 với các dự án vay vốn Ngân hàng thế giới WB cho 7 xã với tổng dự toán 19 tỷ đồng.

- Tổng Cty Điện lực Việt Nam tiếp tục đầu tư các công trình năng lượng quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển:

- Đường dây 220 KV Hàm Thuận – Bảo Lộc và trạm 63 MVA – 220/110/35 KV Bảo Lộc.

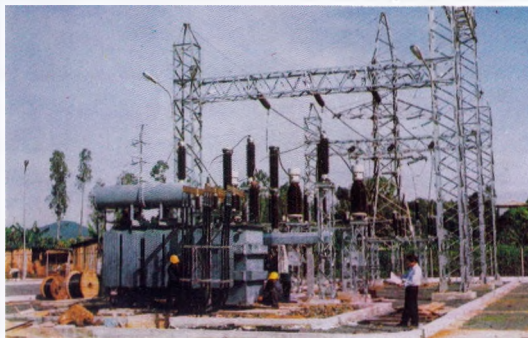
- Đường dây 500 KV và trạm 450 MVA 500/220 KV Di Linh.

- Nhà máy thủy điện Đại Ninh 300 MW.

■ Lực lượng CB-CNV được nâng cao về trình độ và nhận thức:

đảm đương được hầu hết các yêu cầu quản lý, vận hành sửa chữa lưới điện đến điện áp 110 KV. Đẩy nhanh công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Điện lực Lâm Đồng đã được Nhà nước tặng 1 Huân chương Lao động hạng Nhì, 2 Huân chương Lao động hạng Ba và nhiều bằng khen, cờ thi đua của tỉnh và Chính phủ.



Electricity is the crucial factor in the process of industrialization-modernization for our country. After 25 year since 1975, the Lamdong Electricity Branch has taken grand steps forwards:

- Electricity as a commercial product increases nearly 19 times (from 10 million KWh in 1976 to 191 million kWh in 2000).

- The number of electricity buyers increases 5 times: (from 12,000 in 1976 to 60,000 in 2000).

■ Electricity program for Dalat suburbs (1980-1985)

All areas surrounding Dalat City such as Xuan Tho, Nam Ho, Tu Phuoc, Thai Phien, Da Thien... were supplied with electricity.

■ Rural electrification program (1996-2000)

All districts, towns, cities and 80 of 106 communes with the province have used national power network. The results of the program have over fulfill the norms set by the Resolution of the 6th Lamdong Party Congress. About 120,000 households are supplied with electricity everyday.

■ Some effective power network projects:

- Loc Phat hydro-electric plant (600 KW), operating since 1985.

- Bao Loc power station (25 MVA, 230/35 KV) to supply electricity to the 6 southern districts of the province.

- Upgrading the power output of Suoi Vang hydro-electric plant from 3100 KW to 4400 KW in 1999.

- Power network 110 KV and Duc Trong power station (16 MVA – 110/22 KV), operating since Dec. 2000.

■ Entering the 21st century, Lamdong Electricity Branch well prepares for the strategic projects for the local development:

- Modernizing the power network of Dalat City.

- Building new power network (110 KV) and Dalat 1 power station (40 MVA – 110/22 kv).

- Building Bao Loc power station (25 MVA – 110/22 KV)

- Supplying electricity to all communes in 2003.

- Executing phase 2 of the rural electrification program with the power projects for 7 communes valued VND 19 billion from the World Bank loan capital.

- National power project in Lam Dong area carried out by Viet Nam Electricity Corporation:

- Ham Thuan-Bao Loc 220 KV power line and Bao Loc power station (220/110/35 KV).

- 500 KV power line and Di Linh power station (500/220 KV).

- Dai Ninh hydro-electric plant (300 MW).

■ The highly dedicated and skilled personnel of Lamdong Electricity Branch always offer the best quality in their power services.

Lamdong Electricity Branch has been awarded one 2nd class and two 3rd class Labor Decorations by the State as well as many congratulatory certificates and banners of merit by the national and local governments.

**Thi công trạm 110KV/22 - 16 MVA Đức Trọng.
Building power station 110KV/22 - 16 MVA at Duc Trong**

Công ty Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng (Đà Lạt)

TRỤ SỞ CHÍNH: 44B HỒ TÙNG MẬU, THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

ĐT: 063.822111 – 827753, FAX: 821934 – 832096

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN:

17 DINH TIÊN HOÀNG, Q.1, TP.HCM – ĐT: 08.8232830

82 NGUYỄN THÁI HỌC, TP. CẦN THƠ – ĐT: 071.829522

Được sự đồng ý của Bộ Tài chính, kể từ năm 1998 vé số Lâm Đồng được phát hành rộng rãi tại 20 tỉnh trong khu vực miền Nam từ Bình Thuận, Tp. Hồ Chí Minh đến Cần Thơ, Cà Mau...

Trong thời gian qua nhất là năm 2000, được sự ủng hộ của người mua vé số, Công ty Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước giao. Trong thời gian tới để cho người mua vé số thuận tiện trong việc dò kết quả, kể từ tháng 1/2001 kết quả xổ số kiến thiết Lâm Đồng (Đà Lạt) được đăng trên báo Thanh Niên và Sài Gòn Giải Phóng phát hành vào sáng thứ Hai hàng tuần.

Nhân dịp năm mới, Công ty Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng xin chân thành cảm ơn và kính chúc các bạn cùng gia quyến an khang, thịnh vượng và gặp nhiều may mắn.

GIÁM ĐỐC

Đào Thị Tâm Mai



Lamdong Lottery Company (Dalat)

HEAD OFFICE: 44B HO TUNG MAU ST., DALAT CITY

TEL: 063.822111 – 827753, FAX: 821934 – 832096

REPRESENTATIVE OFFICES:

17 DINH TIEN HOANG ST., 1ST DIST., HCMC – TEL: 08.8232830

82 NGUYEN THAI HOC ST., CAN THO CITY – TEL: 071.829522

Approved by the Ministry of Finance since 1998, Lam Dong lottery tickets have been widely distributed in 20 provinces of the South Viet Nam from Binh Thuan, Ho Chi Minh City to Can Tho, Ca Mau...

In recent years, especially the year of 2000, Lamdong Lottery Company has over fulfilled the target set by the State, thanks to the generous support of lottery buyers. To make more convenient for the buyers, from Jan 2001 onwards, Lamdong lottery results will be published every Monday on Thanh Nien and Sai Gon Giai Phong.

To celebrate the New Year, Lamdong Lottery Company would like for express our thanks for your support and wish you and your families health, prosperity and good luck!

DIRECTOR

Đào Thị Tâm Mai



Hãy thử dùng **Internet**

► **Không cước cài đặt**

(Chỉ thu khi khách hàng có yêu cầu cài đặt tại nhà)

► **Không cước thuê bao tháng**

► **Đăng ký sử dụng thuận tiện theo hợp đồng điện thoại**

► **Sử dụng webmail miễn phí**



VNN**1269**

No installation fee (unless customers require)

No monthly subscription charges

Conveniently add-on with your telephone subscription

Free Webmail service

**Easy access,
diversified information**

Please call 18001260 or visit our website at
<http://support.vnn.vn> for details.

One access code nation-wide: 1269

One username for all: vnn 1269

One password for all: vnn 1269



TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM VIỆT NAM
VIET NAM INSURANCE CORPORATION

CÔNG TY BẢO HIỂM TỈNH LÂM ĐỒNG

BAO VIET LAM DONG

Số 10A đường ¼, Phường 3, Tp. Đà Lạt

Tel: (063) 822326, 824036 – Fax: 84.63.824035

(DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC XẾP HẠNG ĐẶC BIỆT)

Là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam – Doanh nghiệp Bảo hiểm Nhà nước xếp hạng đặc biệt duy nhất ở Việt Nam. Với kinh nghiệm hơn 35 năm, khả năng tài chính vững chắc, đội ngũ nhân viên lành nghề, và quan hệ tái bảo hiểm với gần 100 công ty bảo hiểm và tái bảo hiểm quốc tế nổi tiếng trên các thị trường Mỹ, Anh, Pháp, Nhật, Đức và các quốc gia khác trên toàn thế giới... BẢO VIỆT LÂM ĐỒNG là người bảo hiểm có uy tín. Luôn sẵn sàng phục vụ và đáp ứng tất cả các yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước về các dịch vụ bảo hiểm, theo các nhóm bảo hiểm sau:

CÁC PHÒNG BẢO HIỂM TRỰC THUỘC CÔNG TY

- 1 – Phòng bảo hiểm
Khu vực thị xã Bảo Lộc
Tel: 864575
- 2 – Phòng bảo hiểm
Khu vực Đức Trọng
Tel: 843891
- 3 – Phòng bảo hiểm Khu vực Đạ Huoai
Tel: 874233
- 4 – Phòng bảo hiểm Huyện Di Linh
Tel: 871255
- 5 – Phòng bảo hiểm Huyện Lâm Hà
Tel: 850539
- 6 – Phòng bảo hiểm Huyện Đơn Dương
Tel: 847822
- 7 – Phòng đại diện bảo hiểm
Huyện Đạ Tẻh
Tel: 880582
- 8 – Phòng đại diện bảo hiểm
Huyện Cát Tiên
Tel: 884093

■ **NHÓM BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM:**

- Bảo hiểm xe cơ giới
- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự và sản phẩm
- Bảo hiểm lòng trung thành
- Bảo hiểm trách nhiệm của người sử dụng lao động

■ **NHÓM BẢO HIỂM TÀI SẢN:**

- Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu và vận chuyển trong nước
- Bảo hiểm xây dựng và lắp đặt
- Bảo hiểm đồ vỡ, máy móc thiết bị của chủ đầu tư
- Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt
- Bảo hiểm nhà và hỏa hoạn nhà tư nhân

■ **NHÓM BẢO HIỂM CON NGƯỜI:**

- Bảo hiểm tai nạn con người
- Bảo hiểm sinh mạng
- Bảo hiểm y tế tự nguyện
- Bảo hiểm khách tham quan du lịch trong và ngoài nước
- Bảo hiểm người sử dụng điện

**BẢO VIỆT LÂM ĐỒNG rất hân hạnh được phục vụ quý khách.
Luôn đem lại cho quý khách sự bảo đảm an toàn và hiệu quả.**



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở LÂM HÀ

■ **TRẦN THANH PHƯƠNG**

Chủ tịch UBND huyện Lâm Hà

T

heo tiêu chí mới (trang trại phải có diện tích trên 5 ha), đến ngày 1/7/2000, theo thống kê của phòng thống kê huyện, Lâm Hà có 213 trang trại (211 trang trại trồng cây lâu năm, 1 trang trại trồng cây lâm nghiệp và 1 trang trại nuôi trồng thủy sản). Các trang trại đang sử dụng 1275,3 ha đất nông nghiệp, 15 ha đất lâm nghiệp và 2 ha mặt nước; sử dụng 474 lao động của chủ trang trại, lao động thuê ngoài thường xuyên 331 người, thuê theo thời vụ 597 người. Tổng số vốn của 213 trang trại này được thống kê khoảng 50.207 triệu đồng, thu nhập hàng năm 11.463 triệu. Thống kê này cho thấy trang trại ở Lâm Hà chủ yếu là trang trại trồng cây công nghiệp dài ngày (cà phê, chè) hầu hết các trang trại không tổ chức chăn nuôi gia súc, gia

cầm. Các địa phương có nhiều trang trại là các xã Mê Linh, Hoài Đức và thị trấn Nam Ban, 2 xã không có kinh tế trang trại là Gia Lâm và Liêng Srôn.

Với tiềm năng đất đai, khí hậu..., Lâm Hà rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, cho kinh tế trang trại tiếp tục phát triển. Để thúc đẩy kinh tế trang trại, nhất là kinh tế trang trại gia đình phát triển nhanh, từ năm 1997 Huyện ủy và UBND huyện Lâm Hà đã đề ra các giải pháp trước mắt và lâu dài như sau:

- Tiếp tục khuyến khích kinh tế hộ gia đình phát triển vì đây là tiền đề của kinh tế trang trại. Tạo điều kiện cho kinh tế trang trại phát triển, đồng thời công nhận kinh tế trang trại là một loại hình kinh tế trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với trình độ quản lý và kinh doanh hiện nay.

- Đẩy nhanh tiến độ chuyển giao khoa học kỹ thuật, đưa cơ giới hóa vào sản xuất, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nông nghiệp - nông thôn.

- Khuyến khích các mô hình trang trại nông lâm kết hợp, coi đây là mô hình quan trọng nhằm phủ xanh đất trống, đồi núi trọc và quản lý bảo vệ và phát triển rừng. Hàng năm tổ chức hội nghị các trang trại làm ăn có hiệu quả để rút kinh nghiệm và nhân rộng.

- Khuyến khích đảng viên làm kinh tế trang trại trên cơ sở hợp lý và chính đáng. Biểu dương các trang trại làm giàu chính đáng và có các hoạt động xã hội tốt, chấp hành pháp luật của Nhà nước, giải quyết tốt việc làm, hỗ trợ các gia đình nghèo, đói ở địa phương.

- Động viên và có chính sách khuyến khích các chủ trang trại liên kết hợp tác, tham gia xây dựng các hợp tác xã kiểu mới, tham gia liên kết kinh tế với các

đơn vị kinh tế Nhà nước, kinh tế hợp tác. Thường xuyên cung cấp thông tin giá cả và thị trường trong, ngoài nước cho các chủ trang trại.

- Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉ cấp giấy chứng nhận trong phạm vi hạn điền, phần vượt mức hạn điền giao cho chủ trang trại sử dụng nhưng với mức thuế có hệ số cao hơn mức thuế ở địa phương.

- Có chính sách cho vay hỗ trợ vốn để kinh tế trang trại phát triển với lãi suất hợp lý từ nguồn vốn trung và dài hạn. Tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển đổi đất cho liên vùng để làm kinh tế trang trại.

- Có chính sách hợp lý, hợp pháp khuyến khích hợp tác lao động, thuê mướn lao động. Lao động thường xuyên các chủ trang trại phải ký hợp đồng lao động và thực hiện các chế độ bảo hiểm như quy định của Luật Lao động. Đối với lao động theo thời vụ thì tùy vào thời điểm, tình hình địa phương để quy định mức thỏa thuận ngày công bảo đảm đời sống cho lao động làm thuê.

Xác định kinh tế trang trại là động lực phát triển kinh tế nông nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động dư thừa ở nông thôn, các giải pháp này hiện nay đang được thực hiện đồng bộ và nhất quán ở Lâm Hà. ■



ORIENTATION OF FARMING ECONOMY IN LAM HA

■ **TRAN THANH PHUONG**

Chairman of Lam Ha People's Committee

A

According to the statistics of the district, till 01/7/2000, Lam Ha has 213 farms by new criteria (farms with over 5 ha in area) including 211 perennial plant farms, 1 forest plant farm and 1 aquaculture farm. These farms are cultivating 1275,3 ha of agricultural area, 15 ha of forestry area, 21 ha of water surface using 474 fixed farm labourers, 331 permanent employees and 597 seasonal workers. Their total capital comes up to 50.207 million VND, annual income 11.463 million. The statistics reveals that farms in Lam ha grow chiefly perennial industrial crops (tea, coffee) and most of them do not breed livestock. The area



Thác voi
Lâm Hà.
*Elephants Fall
in Lam Ha*

with a great number of farms are Me Linh, Hoai Duc, Nam Ban; 2 without farms are Gia Lam and Lieng Sron.

It is very convenient for agriculture and farming economy to develop in Lam Ha, due to its climate and soil. To promote farming economy, especially household farming economy, District Party Committee and Lam Ha People's Committee, from 1997, has put forward the following short-term and long-term solutions :

- To go on encouraging household economy, for it is the basis of farming economy. To facilitate the development of farming economy and at the same time, to recognize it as an agricultural model appropriate to present management and business.

- To speed up science-technology transference while mechanizing production, and industrializing, modernizing agriculture in rural areas.

- To encourage the models of agro-forestry farms, treating them as significant solutions to make waste land and bare hills greener, to control, protect and develop forests. It's advisable to conduct efficient farmers' annual conferences to summarize and publicize experiences.

- To encourage party members to take proper part in farming economy, and to praise the farmers who thrive themselves honestly, who participate in social activities, who live up to the laws, provide jobs and support poor families in the area.

- To have policies to encourage farmers to cooperate, to share in forming new models of cooperative and to join state businesses. Farmers should be regularly

informed of home and foreign market information.

- To speed up the issue of land ownership certificates to farms with approved area. Farmers have the right to cultivate extra land but with higher taxes.

- To have policies on loans with low interest rates for medium and long-term capital resource to expand farming economy. Simultaneously, to make it convenient for peasants to exchange farmland to initiate farming economy.

- To have proper, legal policies to encourage cooperation and hire of labour. Farm owners must sign labour contracts with permanent employees and fulfill insurance policies stipulated in the Law of Labour. Depending on the time and the district situation, farm owners, with seasonal employees, will agree upon such wages that could ensure a fair living standard.

Defining farm economy as impetus to agriculture, giving jobs to surplus labour in the rural areas are both being implemented simultaneously and fully at Lam Ha. ■



RAU THƯƠNG PHẨM - THỂ MẠNH CỦA ĐƠN DƯƠNG

■ THÁI ON

Chủ tịch UBND huyện Đơn Dương



hắc đến cây rau ở Lâm Đồng, người ta thường nghĩ ngay đến Đà Lạt. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, ở một số huyện khác xung quanh vùng chuyên canh rau Đà Lạt là Đức Trọng, Lạc Dương và Đơn Dương, loại cây trồng này đã “bén rễ” và dần trở thành một thể mạnh của địa phương. Và với riêng Đơn Dương, cây rau thương phẩm đã vươn lên có chỗ đứng vững chắc trong biểu đồ cơ cấu kinh tế nông nghiệp của huyện.

Nếu năm 1992 diện tích cây rau của Đơn Dương chỉ có 760 ha, thì nay con số này đã tăng gần 10 lần - 7.510 ha (diện tích gieo trồng cả năm), đạt sản lượng từ 160.000 - 165.000 tấn/năm. Diện tích rau ở Đơn Dương tập trung ở thị trấn Thạnh Mỹ và các xã Ka Đô, Lạc Xuân, Lạc Lâm... Đây là những địa phương có sông Đa Nhim đi qua nên việc canh tác rau được chủ động nhờ nguồn nước tưới.

Nghề trồng rau ở Đơn Dương đã có

từ lâu đời, dưới tác động của cơ chế thị trường, người nông dân đã biết kết hợp giữa kinh nghiệm truyền thống với khoa học kỹ thuật hiện đại trong canh tác, tạo nên sự đa dạng về chủng loại và phẩm cấp nên sản phẩm của họ làm ra có khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường khác nhau. Một thuận lợi nữa là, địa bàn huyện Đơn Dương tương đối thuận lợi về mặt giao thông nên việc vận chuyển sản phẩm nông nghiệp nói chung và vận chuyển rau nói riêng không mấy khó khăn so với một số địa phương khác. Bên cạnh đó, có khá nhiều điểm thu mua nên người nông dân khi tiêu thụ rau không phải vận chuyển quá xa làm ảnh hưởng chất lượng của sản phẩm. Hiện nay, có trên 70 điểm thu mua sản phẩm rau các loại với khả năng thu mua rất lớn (chiếm khoảng 90% sản lượng toàn huyện), và toàn bộ các điểm thu mua này đều là của tư thương. Các tư thương thu mua rau ở Đơn Dương có cách làm khá linh hoạt: ứng trước nguồn vật tư cho nông dân với những tỷ lệ nhất

định (có khi lên đến 100% giá trị vật tư) để khi đến mùa vụ thì thu mua sản phẩm theo giá cả thỏa thuận. Những tư thương này thường là các chủ vựa rau, họ thu mua tại chỗ rồi gửi thẳng đến nơi tiêu thụ nên tình trạng ép giá ít xảy ra. Còn về khó khăn, cũng giống như số phận của những người trồng rau trong tỉnh và trong cả nước, người trồng rau tại Đơn Dương vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào giá cả thị trường. Thêm vào đó, tuy nông dân Đơn Dương khá nhạy bén về giá cả nhưng điều kiện tiếp nhận thông tin của họ còn nhiều hạn chế nên sản phẩm rau Đơn Dương khó cạnh tranh vượt trội so với một số vùng khác. Nói cách khác, có một bộ phận không nhỏ nông dân Đơn Dương vì thiếu thông tin nên việc sản xuất mang tính may rủi nhiều hơn là chủ động. Ngoài ra, điều kiện chế biến rau của Lâm Đồng đã khó, điều kiện của Đơn Dương càng khó nên rau khi bị khủng hoảng thừa thì chỉ còn cách hủy bỏ để làm phân.

Đối với vùng chuyên canh rau, người nông dân trong một năm không trồng tía duy nhất một loại rau mà sử dụng nhiều chủng loại khác nhau qua các vụ để hạn chế mức độ sâu bệnh hại cây trồng. Tuy nhiên, trong một vụ (một lứa rau) thì họ hầu như chỉ trồng duy nhất một loại rau. Tức là hình thức xen canh hầu như không được áp dụng. Sản phẩm rau của Đơn Dương chủ yếu là bán sản phẩm tươi chứ ít thông qua công nghệ chế biến. Hiện trên địa bàn huyện chỉ có 2 công ty nước ngoài có khả năng chế biến sản phẩm rau (chủ yếu xuất khẩu) là C.ty Thực

phẩm Á Châu và C.ty TNHH Đài Loan. Ngoài ra, cây rau Đơn Dương còn được một số cơ sở chế biến khác đứng chân trên địa bàn huyện Đức Trọng và thành phố Đà Lạt lưu tâm đến. Tuy vậy, những cơ sở này chỉ tiêu thụ một phần rất nhỏ trong tổng sản lượng rau của Đơn Dương. Điều dễ nhận thấy là các cơ sở này chỉ thu mua rau một cách có chọn lọc, hoặc họ thuê đất của nông dân để trồng rau theo công nghệ của riêng mình. Vấn đề giống cây trồng cũng là điều đang gây bức xúc cho người nông dân ở đây. Trên thị trường hiện nay, các loại giống cây trồng nói chung và giống rau nói riêng rất đa dạng và không kém phần phức tạp. Trong khi đó, công tác quản lý của cơ quan hữu trách vẫn còn những bất cập. Mặc dầu Sở NN&PTT đã có quy chế quản lý giống cây trồng nhưng trong thực tế thì việc triển khai thực hiện vẫn còn những khúc mắc (vì chưa ban hành danh mục các loại cây giống được phép đưa vào sản xuất) nên hầu như người nông dân tự lựa chọn các loại giống theo cảm tính của mình. Tại Đơn Dương hiện có khoảng 23 cơ sở ươm giống rau và 63 hộ cung cấp giống rau cho nông dân. Đây là những địa chỉ để nhà vườn tìm đến, nhưng trong thực tế thì những chủ hộ ươm giống và mua bán giống rau này không nhận được sự hướng dẫn về kỹ thuật cũng như không nhận được sự

Chăm bón vụ hè thu ở
xã Lạc Lâm - Đơn Dương.

*Caring for the autumn-summer crops
at Lac Lam commune of Don Duong*



khuyến cáo có tính chất khoa học. Còn các công ty cung ứng giống rau khi cung cấp giống cho nông dân ở Đơn Dương hầu như không thông qua cơ quan hữu trách trước khi đưa giống xuống các đại lý. Điều này gây khó khăn không ít cho các cơ quan chuyên môn trong việc quản lý giống về chất lượng, khả năng thích nghi... theo những quy định hiện hành.

Huyện Đơn Dương đưa ra định hướng về phát triển cây rau: Nắm bắt thông tin thị trường; tìm hiểu thời vụ, chủng loại ở các địa phương khác để có kế hoạch sản xuất các loại rau đặc sản đáp ứng được nhu cầu của thị trường, không trùng lặp, hạn chế tình trạng ế thừa. Nâng cao chất lượng sản phẩm theo hướng sản xuất rau an toàn. Phối hợp với các cơ sở chế biến rau để nâng cao giá trị hàng hóa. Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn và giải quyết vấn đề đầu ra cho sản phẩm rau an toàn nói riêng và sản phẩm rau nói chung.

Cây rau trong những năm gần đây đã thực sự là thế mạnh của huyện Đơn Dương. Nhiều hộ trồng rau ở địa phương này đã giàu lên nhờ cây rau. Tuy nhiên, cũng giống như nhiều vùng rau khác trong tỉnh và trong cả nước, không ít nhà vườn ở Đơn Dương phải khốn đốn vì cây rau do giá cả thất thường. Với sự cạnh tranh gay gắt của thị trường hiện nay thì nhà vườn ở Đơn Dương nói riêng và cả tỉnh nói chung không thể độc diễn trên ruộng rau của mình được. ■

COMMERCIAL VEGETABLES IN DON DUONG

■ **THAI ON**

*Chairman of Don Duong
People's Committee*

Talking about vegetables, people normally think of Dalat. However, in recent years, vegetables have also “taken root” in some neighbouring rural districts such as Duc Trong, Lac Duong and Don Duong; especially in Don Duong, they are taking a good stand in the chart of the district's agricultural economy structure.

In 1992, the area of vegetable planting in Don Duong was 760 ha, and now it is tenfold: 7,510 ha (all-year cultivation) with an output of 160,000 – 165,000 tons per year. This area is mainly in the town of Thanh My, Ka Do, Lac Xuan and Lac Lam where the River Da Nhim flows through, helping the watering of vegetables.

Vegetable growing appeared in Don Duong a long time ago. Under the impact of market, peasants have known how to combine traditional practices with modern techniques in cultivation, which produces a variety of vegetables for different markets. On the other hand, Don Duong has the advantages of transport and quite a few purchase points run by individuals (over 70 points buy 90% of the district's output). They are flexible in business by providing peasants with agricultural materials (sometimes up to 100% of purchase value), then buying the produce at negotiable prices.



As for difficulties, like other vegetable growers in Lam Dong and nationwide, Don Duong peasants are dependent on market prices. They cannot obtain the market information easily, so their goods fail to compete with other localities. In other words, due to the lack of information, most peasants base their production profits on luck. When a over-production crisis occurs, vegetables are made into manure.

In the vegetable growing area, peasants change strains of vegetables throughout the year to restrict the damage of pests, but in a crop, they grow almost one single kind. Don Duong mainly sells fresh vegetables although two foreign vegetable processing companies for export – Asia Foodstuff Company and Taiwan Company Ltd. – and some processing units in Dalat and Duc Trong are also interested in its produce. They buy a small amount of Don Duong's output selectively and lease peasant's land to cultivate with their own technology.

Also, seeds are a problem for peasants. Markets have a great though complicated variety of vegetable seeds; meanwhile, the control of the govern-

mental services is not efficient enough. The Department of Agriculture and Rural Development has issued the regulations of seeds control, but their realization is difficult. Peasants choose seeds intuitively. In Don Duong there are about 23 seed breeders and 63 seed suppliers where peasants come for seeds. In fact, these units have not received any technical instruction or scientific warnings. Suppliers sell seeds over the counter without the control of the authorities, who have difficulty managing the quality.

Don Duong lays down the orientation of vegetable planting as follows: obtaining the market information; producing vegetables which meet the need of the market; improving the quality to have safe vegetables; co-operating with vegetable processors to raise product value; planning safe vegetable zones and searching for markets.

Vegetables have become the strength of Don Duong; a lot of vegetable growers are well off. Nevertheless, some have fallen into difficulty due to unstable prices. With the severe competition of the present market, vegetable growers in Don Duong cannot monopolize in their fields. ■

DI LINH

HÌNH THÀNH VÙNG CHUYÊN CANH CÂY CÀ PHÊ

■ K' BEO

Chủ tịch UBND huyện Di Linh



Di Linh là vùng đất bazan màu mỡ, có tổng diện tích tự nhiên hơn 162.000 ha; trong đó, có 47.000 ha đất nông nghiệp. Di Linh có tiểu vùng thời tiết, khí hậu rất thích hợp đối với các loại cây công nghiệp mà đặc biệt là cây cà phê.

Trước đây, sau khi nghiên cứu điều kiện thổ nhưỡng, người Pháp đã lập nên các đồn điền trồng cà phê trên vùng đất này. Người dân ở đây, phần lớn làm thuê cho các đồn điền cà phê của Pháp, số ít cũng bắt đầu trồng cà phê. Tổng diện tích cà phê của Di Linh trước năm 1975 chỉ có 750 ha. Sau ngày miền Nam giải phóng, trong thời kỳ đầu tập trung giải quyết “cái ăn”, huyện Di Linh chỉ chú trọng củng cố và phát triển cây lương thực, chưa có định hướng và giải pháp củng cố, phát triển cây công nghiệp, nhiều người đã chặt bỏ cây cà phê để trồng cây lương thực và các loại cây khác. Sau đó vài năm, huyện xác định chủ trương: vừa lo cho dân cái ăn, cái mặc bằng cách khôi phục, phát triển cây lương thực để đáp ứng nhu cầu trước mắt, vừa vận động nhân dân phát huy thế mạnh vùng cây công nghiệp để từng bước cải thiện, nâng cao đời sống và làm giàu cho quê hương.

Trong các loại cây công nghiệp, cây cà phê có “chỗ đứng” chiếm ưu thế hơn. Huyện đã có nhiều chủ trương và giải pháp khuyến khích phát triển cây cà phê, như:



Thu hoạch cà phê. Ảnh: BT
Coffee crop. Photo: BT

giải quyết tốt công tác định canh định cư, lập vườn hộ, nhà gắn với vườn. Mặt khác, tập trung đội ngũ cán bộ kỹ thuật hướng dẫn bà con nông dân trồng và thâm canh cà phê. Huyện cũng khuyến khích phát triển cây cà phê vùng đồng bào dân tộc bằng nhiều giải pháp; trong đó, có giải pháp là huyện tổ chức gieo ươm cây giống rồi cung cấp tận nơi cho bà con dân tộc vùng sâu, vùng xa trồng mới. Phong trào trồng cà phê bắt đầu có chiều hướng phát triển từ năm 1984. Năm 1984, toàn huyện trồng được 350 ha; năm 1985 trồng được 600 ha; năm 1986 trồng được 1.500 ha... Diện tích trồng mới cây cà phê của huyện theo đà ấy cứ tăng dần. Cao điểm là năm 1994, năm hoàng kim của cây cà phê, khi giá cà phê tăng lên 30.000đ, 40.000đ/1 kg nhân, Di Linh có tốc độ trồng cà phê như "vũ bão". Có năm, toàn huyện trồng mới 3.500 ha- 4.000 ha cà phê. Không những người dân ở địa phương mà ở nhiều địa phương tập trung về Di Linh trồng cà phê. Cũng chính từ thời điểm này trở đi, Di Linh hình thành một vùng chuyên canh cà phê. Toàn huyện phát triển diện tích cà phê đến năm 1996 là 23.000 ha và đến nay có trên 40.000 ha.

Khi đã hình thành vùng chuyên canh cà phê, huyện Di Linh chủ trương không phát triển thêm diện tích (chỉ trừ mở rộng diện tích theo các dự án) mà chủ yếu tập trung vào khâu thâm canh tăng năng suất, tăng hiệu quả kinh tế bằng cách từng bước cơ giới hóa, mở rộng khâu thủy lợi để phòng chống hạn, tăng cường đầu tư phân bón và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật... Hiện nay, toàn huyện có gần 10.000 máy cày, máy kéo, máy bơm, máy xay xát; 250 đập, hồ nước và các công trình thủy lợi nhỏ và hàng năm đầu tư trên 50.000 tấn phân các loại.

Tốc độ tăng GDP bình quân của Di Linh hàng năm (thời kỳ 1996-2000) là 22,59%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2000 là 490 USD, tăng 52% so 1996. Thu nhập GDP của huyện chi phối chủ yếu bằng thu nhập từ cây cà phê. Năm

1996, sản lượng cà phê toàn huyện thu được 17.188 tấn, năm 2000 là 44.000.

Di Linh hình thành được vùng chuyên canh cây cà phê là điều đáng mừng tuy nhiên, trong quá trình phát triển, vẫn còn một số mặt chưa cân đối, nhất là chưa chú trọng phát triển khâu công nghiệp chế biến để nâng giá trị sản phẩm hàng hóa cà phê. Do vậy, huyện sẵn sàng đón nhận và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đến Di Linh để đầu tư khâu công nghiệp chế biến, như: sấy khô, đánh bóng, chế biến thành các dạng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Nền kinh tế của huyện phát triển mạnh, nhưng không vững chắc bởi còn trong thế độc canh, chủ yếu là cây cà phê. Còn cây chè, cây dâu tằm và các loại cây trồng khác bị xem nhẹ. Những năm trước, cà phê có "giá", đời sống kinh tế - xã hội chuyển biến rõ nét, người dân hăng hái, an tâm đầu tư sản xuất. Nhưng khi cà phê bị "rớt" giá (như năm 2000) sản xuất có thể bị lỗ hoặc lãi rất thấp, người nông dân dao động, việc đầu tư để bảo tồn cây cà phê gặp khó khăn. Và tất nhiên, nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế - xã hội của huyện.

Cơ cấu kinh tế của huyện phát triển theo hướng nông - lâm - công nghiệp và dịch vụ, nhưng thực tiễn đã có sự mất cân đối. Nông nghiệp phát triển nhanh (trong nông nghiệp chỉ chú trọng phát triển cây cà phê), còn lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển chậm, chưa cân đối với nông nghiệp. Trong định hướng phát triển từ 2001-2005, huyện Di Linh vẫn xác định cơ cấu kinh tế là nông - lâm - công nghiệp và dịch vụ.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng ở Di Linh không phải là việc giản đơn, đòi hỏi có sự kiên trì và chuyển dịch dần từng bước. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng không có nghĩa là chặt bỏ bớt cây cà phê để trồng cây khác. Di Linh sẽ tập trung các giải pháp để chuyển dịch cơ cấu cây trồng nhưng phải bảo vệ và nâng cao giá trị thông qua thâm canh vùng chuyên canh cây cà phê đã hình thành. ■

THE DISTRICT OF DILINH ESTABLISHING A SINGLE-CROP ZONE OF COFFEE



Được mùa. Ảnh: Văn Thương.
Good harvest. Photo Van Thuong

■ K' BEO

*Chairman of the People's
Committee of Dilinh*

T

he district of Dilinh covers a total area 162,000 ha area of fertile basalt land, of which 47,000 ha is agricultural land. Its weather subzone and climate are suitable for industrial crops, especially coffee. Years ago, after researches of the soil condition of the district, the French established plantations of coffee. At the time most of the Vietnamese people in the district worked as employees for those plantations; the others began to cultivate coffee for themselves. Before 1975 Dilinh had a total 750 ha coffee growing area. During the first phase just after the Liberation of South Vietnam, since food was the first demand and concern, the district gave all priorities to food crops. As a result, a great number of coffee trees were cut off to be replaced with food crops and other crops. Some years later, the district's authorities set forth strategic directions : on one hand, food crops must be developed to meet with people's first demand of food and clothing; on the other hand, the advantages of such industrial land must be exploited to help improve and raise people's living conditions as well as to contribute to the whole country's prosperity.

Among industrial crops, coffee occupies a "position" superior to others. The district's authorities have set several strategic directions and measures so as to encourage people to cultivate coffee, such as: proper permanent settlement and permanent work.

ture; building home-garden models (i.e. Gardens goes with houses). In addition, a staff of agricultural experts was recruited to guide the farmers to coffee-cultivating methods and intensive techniques. The authorities also took various actions to encourage the farmers among ethnic minorities to grow coffee: coffee saplings, seeded and germinated, were to be given to the farmers in remote and isolated areas. The trend of coffee planting has been upwards since 1984. In 1984, the district had a 350 ha coffee-growing area; 600 ha in 1985, 1500 ha in 1986. So the total coffee-growing area of the district was expanded. It reached the climax in 1994, "the golden year of coffee", when the price of coffee reached 30,000 – 40,000 VNDong/kg of coffee beans. Dilinh had a "storming" growth rate. In some years, the district had a new growing area of 3,000-4,000 ha of coffee. Besides local farmers, people from other parts of the country came to the district to cultivate coffee. Statistics showed that the district attained 23,000 ha of coffee growing area till 1996, and 40,000 ha by now. Once an intensive zone of coffee was established, the district set forth strategic directions to cease expanding growing areas (except, for such expansion required for certain projects). The district should concentrate on intensive methods of horticulture step-by-step mechanisation, instead. Together with this, the irrigation system is to be expanded, more fertilizers invested, and advanced science and technology applied. At present, the district has roughly 10,000 mechanized ploughs, tractors, water pumps, and grinders; 200 dams, lakes, and other small irrigation works; 50,000 tons of fertilizer of various types are invested annually.

Obviously, it is encouraging for the district to be an intensive coffee planting zone. However, the district's economic development has proved to be unbalanced

For example, it failed to raise the value of processed coffee. The authorities, therefore, wholeheartedly welcome and is willing to create all favorable conditions for any investor who is to invest in the coffee – processing industry such as drying, polishing, processing coffee products to satisfy the market's requirements

The district's economy is developing vigorously, but not stably because of the single-crop system, in which coffee is considered superior to tea, mulberry and other crops. Some years ago when coffee gained high prices, the social-economic life underwent distinct changes and people all felt encouraged and reassured to do their farming. Then the prices of coffee fell low (as in 2000) and the farmers got losses or very low profits. They grew so worried and undecided that the preservations of coffee crops turned out to be a problem. No wonder that the event should directly affect the district's socio-economic life.

According to the district's policy the economic-structure is to be based on the parallel development of agri-forestry and service sectors. Actually, the existing structure is unbalanced. Agriculture (mainly coffee cultivation) is developing much faster, while forestry, small-scale industry and service are still developing very sluggishly, creating an unbalanced economic development of the district. According to the strategic directions for 2001-2005, the district still asserts the economic structure which balances agricultural, forestal, industrial and service sectors.

It is not a simple process to achieve the diversion of the crop structure. It requires patience and time; To diversify the structure of crops does not mean to replace the current number of coffee plants with other crops. On one hand, Dilinh is to find more suitable solutions to crop diversion; on the other hand, to find measures to raise the coffee value by applying intensive methods to the current system of crops. ■



PATA



CÔNG TY DU LỊCH TỈNH LÂM ĐỒNG

Dalattourist

☛ Trụ sở chính: 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt. Tel: 063.822.317. Fax: 8463.822.661

☛ Chi nhánh tại TP.HCM: 80 Trương Định - Q1. Tel: 08.823.7177. Fax: 848.822.2347.

E-mail: dalatour@hcm.vnn.vn - dalattour@dalattourist.com

http://www.dalattourist.com

☛ Chi nhánh tại Hà Nội: 12 Nguyễn Huy Tự - Q.Hai Bà Trưng.

Tel: 04.971.7340 - Fax: 844.971.7340. E-mail: dalattour@dalattourist.com

☛ Thành viên Hiệp hội Du lịch châu Á Thái Bình Dương (PATA) từ năm 1995

☛ Thành viên Hiệp hội Du lịch Canada - Mỹ (ASTA) từ năm 1996

*** Ngành nghề kinh doanh:**

- **Lữ hành quốc tế, tham quan quốc tế và nội địa**

- **Khách sạn, nhà hàng, khu du lịch, hướng dẫn, vận chuyển du lịch.**

- **Hợp tác đầu tư, liên doanh liên kết.**



CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÔNG TY

I. Khu du lịch hồ Tuyền Lâm:

Tel: 833.023 - 833.502

Du thuyền trên mặt hồ, du lịch dã ngoại, leo núi, nghiên cứu văn hóa và môi trường.

II. Khu du lịch thác Datania:

Tel: 831.804 - 832.238

Datanla là thác đẹp nổi tiếng ở Đà Lạt, cách thành phố Đà Lạt 5km về hướng nam.

III. Khu du lịch Langbiang: Tel: 839.088

Du lịch dã ngoại, leo núi chinh phục đỉnh cao, nghiên cứu văn hóa và môi trường.

IV. Khách sạn Duy Tân: (2 sao)

83 đường 3/2 - Đà Lạt.

Tel: 822.216 - 823.564. Fax: 8463.823.677

Nhà hàng phục vụ món ăn Âu, Á - Massage

V. Nhà hàng Thủy tạ:

01 Yersin - Đà Lạt. Tel: 822.288

Phục vụ món ăn Âu, Á - Pha chế các loại rượu.

Biểu diễn nhạc dân tộc vào các tối thứ 3, 5, 7.

VI. Trung tâm điều hành hướng dẫn & nhà hàng Thanh Thủy

02 Nguyễn Thái Học - Đà Lạt.

Tel: 822.520 - 822.262.

Fax: 8463.834.144

E-mail: dalatour@hcm.vnn.vn

* Trung tâm điều hành hướng dẫn tổ chức thực hiện các chương trình tham quan du lịch trong tỉnh, trong nước và quốc tế, cung cấp các dịch vụ hướng dẫn và vận chuyển.

* Nhà hàng Thanh Thủy phục vụ các món ăn Âu, Á, đặc sản Đà Lạt, phòng nghe nhạc, cà phê... cung cấp các dịch vụ vui chơi trên mặt nước: Canô, Pédalo, Thuyền phao.

VII. Liên doanh DRI:

* Khách sạn Sofitel Dalat Palace: 12 Trần Phú - Đà Lạt. Tel: 825.444 - Fax: 825.666

* Khách sạn Novotel Dalat: 7 Trần Phú - Đà Lạt. Tel: 825.777 - Fax: 825.888

Nhà hàng, quầy lưu niệm, quầy bar, karaoke, khiêu vũ, sân tennis, xe ngựa, xe ô tô..., hội trường phục vụ hội thảo, hội nghị và các dịch vụ phục vụ cho mục đích thương mại.

* Sân Golf Dalat: Tel: 821.201 - Fax: 824.325

VIII. Khách sạn EMPRESS: 5 Nguyễn Thái Học - Đà Lạt. Tel: 833.888 - Fax: 829.399

Dalattourist với 25 năm hoạt động trên thương trường Việt Nam và Quốc tế.



LAMDONG TOURIST COMPANY

Dalattourist

★ HEAD OFFICE:

35 Tran Hung Dao St. - Da Lat city, Vietnam.

Tel: 821351 - 822047, Fax: (8463).822.661

E-mail: info@dalattourist.com, <http://www.dalattourist.com>

★ The branch office in HCMC: 80 Truong Dinh St., Dist.1, HCM City, Vietnam. Tel: (84.8) 8237177. 8237176, Fax: (84.8) 822.2347.

E-mail: dalatour@hcm.vnn.vn - dalattour@dalattourist.com

<http://www.dalattourist.com>

★ Representative office in Hanoi: 12 Nguyen Huy Tu St., - Hai Ba Trung Dist., Tel: (84.4) 9717340 - Fax: (84.4) 9717340.

E-mail: dalattour@dalattourist.com

★ Member of the Pacific Asia Travel Association (PATA) since 1995

★ Member of the American society of Travel Agencies (ASTA) since 1996

MEMBERS OF DALATTOURIST

Dalat Resort Incorporation (D.R.I)

(Hotel Sofitel Dalat Palace,
Novotel Dalat, Dalat Palace Golf
Club, Palace I, Tran Hung Dao
Villas) - 12 Tran Phu, Dalat city,
Lam Dong province -
Tel: (84.63) 822673 - 823704 -
Fax: (84.63) 823542

Thanh Thuy Jointventure - Empress Hotel

5. Nguyen Thai Hoc St., Dalat
City, Lam Dong Province
Tel: (84.63) 833888 -
Fax (84.63) 829399

Dalattourist Travel Service Center

2. Nguyen Thai Hoc St., Dalat City,
Lam Dong Province
Tel: (84.63) 822.520
Fax: (84.63) 834.144

Duy Tan Hotel

83, 3 thang 2 St., Dalat City, Lam
Dong Province Tel: (84.63) 822.216
- 823.564. Fax: (84.63).823.677

Thuy Ta Restaurant

1. Yersin St., Dalat City, Lam Dong
Province
Tel: (84.63) 822.288 - 833758



Thanh Thuy Restaurant

2. Nguyen Thai Hoc St., Dalat City Lam Dong
Province Tel:(84.63) 822262 - Fax (84.63) 834144

Datanla Tourist Attraction

Tel: (84.63) 831804

Tuyen Lam Tourist Attraction

Tel: (84.63) 833023

LangBian Resort

Tel: (84.63) 839088

Dalat - Dankia Project

Tel: (84.63) 822317

Dalattourist has experienced 25 years bussiness
activities in Vietnam and International Market .

NHỮNG THỂ MẠNH PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ

BẢO LÂM

■ **PHẠM QUANG TUỜNG**
Chủ tịch UBND huyện Bảo Lâm



ây chè hiện diện trên đất B'Lao (Bảo Lộc) từ những năm 30 của thế kỷ 20.

Năm 1994, huyện Bảo Lâm tách ra từ huyện Bảo Lộc cũ, từ đó trở thành vùng nguyên liệu chè lớn nhất tỉnh Lâm Đồng. Qua hơn 2/3 thế kỷ thăng trầm, cây chè vẫn là cây “sống đời” đối với nông dân Bảo Lâm.

NHỮNG TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ

Trung tâm huyện lỵ (thị trấn Lộc Thắng) Bảo Lâm cách thành phố Đà Lạt chừng 125km về hướng Bắc. Từ đây đi Bảo Lộc chỉ 25km; đi thành phố Hồ Chí Minh khoảng 200km. Khí hậu Bảo Lâm là khí hậu nhiệt đới và á nhiệt đới với độ ẩm không khí trên 80%; nhiệt độ trung bình từ 21°C-22°C; lượng mưa hàng năm từ 2.500mm đến 3.000mm... Đó là những điều kiện thuận lợi để mở rộng và phát triển vùng nguyên liệu chè. Với tổng diện tích tự nhiên 145.710 ha; đất nông nghiệp 43.942 ha, chiếm 31,1%, gồm 33.673 ha

đất nông nghiệp đã sử dụng, 10.269 ha đất có khả năng nông nghiệp. Các nhà khoa học đã xác định ngoài hai nhóm đất chiếm tỷ lệ rất nhỏ là nhóm đất phù sa sông suối (trồng dâu, cây lương thực, thực phẩm, cây ăn quả) và nhóm đất dốc tụ dưới chân sườn đồi (trồng cây màu), hầu hết diện tích đất Bảo Lâm là nhóm đất Feralit nâu vàng và nâu đỏ trên các loại đá bazan, đa-xít và phiến thạch, rất thích hợp với cây công nghiệp dài ngày đặc biệt là cây chè. Hơn nữa, Bảo Lâm có tiềm năng lao động rất lớn gồm 42.267 người, trong đó 38.870 lao động nông nghiệp, chiếm gần 92%, gồm dân tộc bản địa, dân di cư, dân kinh tế ... Nhìn chung, người dân Bảo Lâm có tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, giàu kinh nghiệm, truyền thống, đồng thời tiếp cận nhanh nhạy khoa học - kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp. Với tiềm năng đất đai, khí hậu và con người như vậy, nhưng đến thời điểm năm 2000, diện tích cây chè Bảo Lâm chưa đến 9.000 ha, phần lớn là diện tích giống chè già cỗi, sản lượng mới hơn 38,7 ngàn tấn, nên đối

với người nông dân vẫn chưa bút ra hẳn tình trạng cổ hữu: “lực bất tòng tâm”!

NHƯNG CHƯA KHAI THÁC HẾT

Năm năm trở lại đây, diện tích chè Bảo Lâm biến động trên dưới 10 ngàn ha với sản lượng dưới 40 ngàn tấn/năm. Năm 1994 đến năm 1997, sản lượng chè tăng nhanh, từ 14.250 tấn đến 39.559 tấn, nhưng đến năm 1998, diện tích và sản lượng lại đột ngột thu hẹp vì giá thị trường chưa phù hợp với khả năng lao động bỏ ra. Nông dân thay thế cây chè bằng cách mở rộng diện tích cà phê. Hai năm trở lại đây, cây chè chỉ phát triển những bước dè dặt, không đáng kể (thay thế, trồng mới giống chè cảnh khoảng 200 ha). Trong khi đó, còn hơn 10 ngàn ha đất nông nghiệp chưa được đánh thức; và chỉ cần trồng mới từ 800-900 ha chè/năm (gồm diện tích thay thế và diện tích trồng trên đất mới) thì đến năm 2010, sản lượng chè Bảo Lâm sẽ đạt 105 ngàn tấn, chiếm khoảng 1/4 sản phẩm chè dự kiến xuất khẩu trong cả nước...

Như vậy, vùng đất Bảo Lâm đang còn những khả năng tiềm tàng chưa khai thác hết để nâng thế đứng bền vững của cây chè. Ở đây có thể đúc kết từ “4 cái thiếu”: thiếu vốn đầu tư, thiếu kỹ thuật canh tác, thiếu hệ thống thủy lợi và thiếu thị trường tiêu thụ. Thực tế hàng năm ở Bảo Lâm, các chương trình dự án điểm, dự án định canh, định cư; ngân hàng nông nghiệp qua chương trình phục vụ người

nghèo, tín dụng... đã đầu tư hàng tỷ đồng, nhưng chỉ đáp ứng một phần nhỏ nhu cầu vốn rất lớn của nông dân. Bởi 1 ha chè cần thời gian trồng mới và chăm sóc sau 4 năm mới thu hoạch, tổng chi phí lên đến 50 triệu đồng. Vả lại, cây chè hàng năm phải hái lá từ 25 lứa đến 30 lứa, nên rất cần nước tưới, giữ độ ẩm, song, “hạ tầng thủy lợi” ở Bảo Lâm năng lực tưới tiêu còn hạn chế. Chẳng hạn: hồ Tân Rai công suất thiết kế 140 ha, trước đây xây dựng để cung cấp nước cho sản xuất cây lương thực, nay nông dân dùng máy bơm nước tưới chè và cà phê. Còn hồ Lộc An, công suất thiết kế 240 ha, chỉ tưới được 200 ha cây công nghiệp; đập dâng Lộc Lâm chủ yếu dùng phát điện công suất 160 KW. Nông dân tự xây dựng 100 ha ao hồ (công trình thủy lợi nhỏ) cũng mới dùng lại ở năng lực tưới tiêu chừng 100 ha. Chưa kể giao thông đi lại vào mùa mưa còn cách trở. Nhiều xã vùng sâu, vùng xa như Lộc Tân, Lộc Bắc, Lộc Bảo cách xa nhà máy hơn 30 km, ảnh hưởng lớn đến việc vận chuyển nguyên liệu chè búp tươi và vật tư phục vụ cho sản xuất.

Trở lại diện tích chè Bảo Lâm, hiện tại phần lớn là diện tích chè già cỗi (trồng bằng hạt), năng suất từ 40-45 tạ/ha. Ngược lại, các giống chè đạt năng suất và chất lượng cao, rất hợp thổ

Thị trấn Lộc Thắng
(Bảo Lâm).
Loc Thang townlet
(Bao Lam)



nhường Bảo Lâm như TB14, PH1, Shan chính quy; hoặc các giống chè nhập nội như Ô-long, Yabukita, năng suất từ 65-84 tạ/1 ha, nhưng nông dân không những “đói vốn” mà còn thiếu nhiều thông tin khoa học kỹ thuật canh tác để phát triển đại trà. Thêm vào đó, với khoảng 50-60% sản phẩm chè búp tươi “gắn” với nhà máy chế biến; còn lại nông dân tự xoay xở đầu ra bấp bênh, khiến cho họ chưa thực sự mạnh dạn tìm kiếm vốn vay bên ngoài để thay thế, mở rộng các loại giống chè cảnh...

Những năm qua, nhờ những hành lang pháp lý thông thoáng trên lĩnh vực đầu tư, đặc biệt là đầu tư trong nước, trên địa bàn Bảo Lâm có 14 doanh nghiệp Nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân thì có 5 đơn vị đầu tư trên lĩnh vực sản xuất, chế biến chè trên phạm vi diện tích khoảng 1.700 ha. Dù đã nhiều lần thay thế thiết bị công nghệ, nhưng nhìn chung vẫn còn lạc hậu so với công nghệ tiên tiến trên thế giới từ 20 đến 30 năm; năng lực chế biến giới hạn mỗi nhà máy từ 8 tấn đến 40 tấn búp tươi mỗi ngày. Mặt khác, việc chế biến chè thủ công với cả chục cơ sở hiện có, công suất mỗi xưởng từ 2 đến 4 tấn tươi/ngày mà thời gian hoạt động chỉ dao động từ 150 đến 200 ngày trong năm. Ngoài ra, Bảo Lâm đã xây dựng, củng cố 1 hợp tác xã nông nghiệp, 341 trang trại và 124 tổ hợp tác, chi hội làm vườn... mà cuộc tìm kiếm thị trường tiêu thụ nguyên

liệu chè ổn định ở khu vực kinh tế này đang ở giai đoạn thử sức vô cùng nghiệt ngã, gian nan. Do vậy, nhìn tổng thể mà nói, cây chè Bảo Lâm vẫn mất cân đối nghiêm trọng giữa tiềm năng, năng lực sản xuất và năng lực chế biến tại chỗ, nên chưa tạo động lực mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển một cách tương xứng hơn.

ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH VÙNG NGUYÊN LIỆU CHÈ TRONG 10 NĂM TỚI

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 đã được nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ 6, có đoạn: “Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trọng tâm là phát triển vùng nguyên liệu gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông lâm sản”. Theo đó, mục tiêu phát triển vùng nguyên liệu chè Bảo Lâm 10 năm tới phải theo hướng tập trung chuyên môn hóa, tiến hành đồng thời việc cải tạo, trồng mới giống chè cảnh. Hàng năm, huyện sẽ trích kinh phí tỷ lệ 2% tổng thu ngân sách cho mục tiêu này và đề nghị Sở NN-PTNT Lâm Đồng hỗ trợ từ 1 đến 2 triệu chè cảnh giống/năm. Gấp rút cắm mốc xác định ranh giới nông - lâm, làm cơ sở tạo ra hướng phát triển chiến lược, tiến đến một nền nông nghiệp bền vững,



Trà giống Đài Loan ở Lộc An (Bảo Lâm). Ảnh: VTP
Taiwanese tea planted at Loc An (Bao Lam).
Photo: VTP

trong đó sản phẩm chè đích thực là hàng hóa có giá trị nội tiêu và xuất khẩu ổn định lâu dài.

Về phía huyện Bảo Lâm, sẽ tranh thủ, phát huy mọi nguồn vốn bên trong và bên ngoài; xây dựng từng bước hoàn chỉnh hệ thống giao thông, thủy lợi (thủy lợi gồm những hồ chứa nước vừa và nhỏ), tạo thuận tiện cho sản xuất và lưu thông hàng hóa. Muốn vậy, việc điều hành vĩ mô của Nhà nước cũng phải thay đổi, những cơ chế chính sách mới về quỹ bảo hiểm nông nghiệp, khuyến nông đều phải coi trọng; điều tiết hợp lý thuế sử dụng đất nông

ng nghiệp, cùng các chính sách khác về miền núi - dân tộc, xã hội - nông thôn, vay vốn rộng rãi đến nông dân, đầu tư vốn dài hạn cho các doanh nghiệp Nhà nước... từ đó thiết lập nên môi trường sản xuất - tiêu thụ sản phẩm chè vận hành đồng bộ, đi lên...

Với những định hướng đó, huyện Bảo Lâm sẵn lòng chào đón các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đây khai thác thế mạnh cây chè đang còn tiềm tàng; làm giàu cho nhà đầu tư và đóng góp cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở Lâm Đồng. ■

THE STRENGTHS OF BAO LAM'S TEA PLANTING

■ PHAM QUANG TUONG

Chairman of BaoLam People's Committee



Tea plants appeared in B'Lao (also called Bao Loc) in the 1930s. In 1994 Bao Lam was separated from the former district of Bao Loc and has since become the largest area of tea planting in Lam Dong. Through two-thirds of the century with ups and downs, now tea plants are still "ever-green" to Bao Lam's peasants.

POTENTIALS OF TEA PLANTING

The district capital of Loc Thang is just 125 km south of Da Lat, 25 km from Bao Loc, and 200 km from Ho Chi Minh City. Bao Lam has the tropical and subtropical climate with the humidity of over 80%, the rainfalls of 2,500 mm - 3,000 mm, and the average temperatures of 21 °C - 22 °C. These conditions are favourable for tea planting. Bao Lam's total area is 145,710 ha, including 43,942 ha of agricultural land (31.1%) in which 33,673 ha are in cultivation and 10,269 ha of agricultural potentiality. Scientists have identified that apart from the two types of soil of small proportions (alluvial soil suitable for mul-



berry, food and fruit growing, and hill-foot soil suitable for food crops), most of Bao Lam's area is the yellowish brown and reddish brown soil on the basalt, good for long-term industrial crops, especially tea planting.

Furthermore, Bao Lam has a great potential of labour : 42,267 people including

38,870 agricultural workers (92%). They are, in general, hard – working, creative, experienced, traditional but quick with technical practice. Despite these natural and human potentials, in 2000 there are only less than 9,000 ha of tea plants, most of which are old, giving an output of 38,700 tons.

THE UN-EXPLOITED

In the past five years, the area of Bao Lam's tea planting has been around 10,000 ha, with an output of 40,000 tons per year. From 1994 to 1997, the output was increasing, from 14,250 tons to 39,559 tons; however, it went down sharply in 1998 due to the market. Farmers replaced tea plants with coffee plants. People have grown

tea plants cautiously in the past two years (about 200 ha). Meanwhile, more than 10,000 ha of agricultural land has not been "awakened". If there are 800-900 ha of newly-grown tea plants every

year, by 2010 the output will be 105,000 tons, accounting for approximately 25% of estimated national tea export.

Bao Lam, therefore, has un-exploited potentials that can uphold the stable position of tea planting. Conclusively, there are four shortages: the shortages of capital, cultivating techniques, irrigation systems , and markets. In fact, agricultural banks, credit funds, and settlement programmes provide loans of billions of VND, which meets only part of peasants' financial need. The total cost to grow and take care of a hectare of tea plants for four years is 50 million VND.

In addition, tea plants need watering and humidity, but watering facilities in Bao Lam cannot meet that need. For example, Tan Rai Lake can water only 140 ha of tea and coffee; Loc An Lake just 200 ha of industrial crops; Loc Lam Dam is being used to run a 160 KW generator. Peasants built 100 ha of small reservoirs with a watering capacity for 100 ha. Furthermore, some remote communes such as Loc Tan, Loc Bac and Loc Bao are 30 km away from the factory, which affects the transport of tea leaves and production materials.

Most of Bao Lam 's tea plants are old and seed-grown, giving an output of 4 - 4.5 tons per hectare. Peasants can-

not afford new seeds with high productivity and good quality (6.5 – 8.4 tons per hectare) such as TB14, PH1, Shan, Olong,

Yabukita. Tea growers have not yet been keen on looking for loans because only 50-

60% of their products is bought by the factory.

Recently, thanks to the open law corridors for investment, five of the fourteen enterprises in Bao Loc have invested in tea production and processing in an area of 1,700 ha. Still, the equipment of these factories is 20-30 years backwards against the world's advanced technology, so each unit processes only 8-40 tons of tea leaves per day. Dozens of processing units with manual labour only make 2-4 tons per day in 150-200 days of the year.

Bao Lam has 1 co-operative, 341 tea plantations, 124 co-operative groups; then the search for markets is quite competitive. In general, there is lack of balance between potentials and production of tea in Bao Lam.

PLANNING THE TEA ZONE IN THE NEXT TEN YEARS

The Resolution of the 6th Party Conference of Lam Dong says, " To develop

agriculture in the direction of industrialization and modernization; the key point is to develop raw material zones attached to the growth of processing industry and production of exported consumer goods, especially of agro-forestry processing industry." Accordingly, the aim of Bao Lam tea development in the next ten years will be specialization. The district will spend 2% of the year's total budget for this aim and the Department of Agriculture and Rural Development will supply 1-2 million

strain branches a year. The district will soon identify the boundary of agro-forestry for a stable agriculture in which tea is a product of lasting domestic consumption and export.

Bao Lam will strive to take advantage of all local and external capital, construct a complete system of transport and irrigation. The Government's macroscopic management should be changed: new policies of agricultural insurance funds should be introduced; agricultural land tax should be reasonable; other policies of ethnic and rural development and loans to peasants and state enterprises should be improved.

Following that direction, Bao Lam welcomes all domestic and foreign investors to wake up the potential strength of tea planting. ■



TIỀM NĂNG VÀ HƯỚNG MỞ Ở VÙNG CÂY TRÁI ĐẠ HUOAI

■ **PHAN THANH LAI**
*Chủ tịch UBND huyện
Đạ Huoai*



Đạ Huoai là huyện kinh tế mới được thành lập từ tháng 6/1986; là cửa ngõ phía nam của tỉnh Lâm Đồng nối liền với các tỉnh miền Đông, miền Tây Nam bộ và vùng kinh tế động lực Đồng Nai - thành phố Hồ Chí Minh - Bà Rịa - Vũng Tàu. Nằm trên Quốc lộ 20, cách thành phố Hồ Chí Minh và thành phố du lịch Đà Lạt khoảng 150 km, có diện tích tự nhiên 48.960 ha, rừng và đất rừng chiếm 68%, đất nông nghiệp chiếm 18%. Dân số Đạ Huoai hiện có 30.700 người, trong đó đồng bào dân tộc - chủ yếu là Kơ Ho và Châu Mạ chiếm 19,5%.

Từ tiềm năng thế mạnh, Đảng bộ Đạ Huoai xác định cơ cấu kinh tế chung thời kỳ 1986-2005 là: nông - lâm - công nghiệp - dịch vụ. Được thực tiễn kiểm định, cơ cấu kinh tế ấy đã, đang hình thành rõ nét và phát huy tác dụng.

Nhìn tổng thể về thế mạnh nông nghiệp của huyện, ngoài cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả các loại: sầu riêng, mít tố nữ, chôm chôm... có một vị trí quan trọng trong cơ cấu cây trồng, với diện tích 1.460 ha, chiếm tỉ trọng 17% diện tích gieo trồng, được phân bố tập trung chủ yếu dọc theo Quốc lộ 20 thuộc địa bàn thị trấn Đạm Ri, xã Hà Lâm và xã Đạm Ri.

Không phải trong thời gian gần đây, khi nền kinh tế hàng hóa mở thì cây ăn trái ở Đạ Huoai mới phát triển, mà ngay từ trước 1945 người Pháp đã nhận ra ưu thế về cây ăn trái Đạ Huoai và đã lập đồn điền như: đồn điền Anh Tú, vườn cây Nam Nhi với chất lượng trái cây mang đậm hương vị đặc trưng của tiểu



vùng khí hậu mà chỉ Đạ Huoai mới có.

Với diện tích cho thu hoạch gần 800 ha, sản lượng trái cây Đạ Huoai hàng năm bán ra thị trường xấp xỉ 7.000 tấn. Dù giá cả tăng, giảm theo quy luật cung cầu của thị trường, song một điều có thể khẳng định là: đã giải quyết việc làm cho một lực lượng lao động đáng kể, thu nhập của người nông dân trồng cây ăn trái tương đối ổn định, và chiếm tỉ trọng đáng kể về giá trị sản xuất (43,13%) trong cơ cấu ngành.

Vì vậy, hàng năm diện tích cây ăn trái của Đạ Huoai vẫn tiếp tục tăng trưởng. Và chủ trương chung của huyện là tập trung đầu tư thâm canh diện tích cây ăn trái các loại hiện có nhằm nâng cao năng suất và chất lượng thương phẩm, mở rộng diện tích trên các vùng đất thích hợp, phấn đấu đến năm 2005 toàn huyện có 1.700 ha, trở thành thế mạnh thứ 2 trong sản xuất nông nghiệp, sau cây điều.

Tuy nhiên, cây ăn trái ở Đạ Huoai đã và đang đối mặt với những khó khăn nhất định. Những năm qua, người trồng cây chưa chú trọng đến công tác cải tạo đất và mạnh dạn thay giống mới để vừa tăng năng suất, sản lượng, vừa tăng chất lượng trái cây đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Về tiêu thụ sản phẩm, lâu nay chủ yếu bán cho khách vãng lai qua lại trên Quốc lộ 20, thông qua các quán của từng chủ vườn hoặc hộ buôn bán nhỏ được dựng vội bên lề đường khi vào vụ thu hoạch. Chỉ có một khối lượng nhỏ cây ăn trái vượt qua đèo Bảo Lộc đến thị trường Đức Trọng, Lâm Hà và Đà Lạt... Cách tiêu thụ thụ động này đã gây không ít phiền hà và thiệt thòi đối với người sản xuất và khách hàng.

Để biến các tiềm năng về cây ăn trái trở thành thế mạnh thứ hai trong sản xuất nông nghiệp của huyện, đảm bảo thu nhập, đời sống cho bà con nông dân trồng cây ăn trái, cần thực hiện các giải pháp cơ bản như nâng cao năng

suất, chất lượng trái cây và chủ động tìm kiếm tạo ra và mở rộng thị trường tiêu thụ ổn định gắn với tiềm năng du lịch sinh thái của Đạ Huoai nói riêng và của Lâm Đồng nói chung. Để thực hiện hướng đi này, cần phải:

Một là, vận động thành lập các hợp tác xã hoặc tổ hợp tác chuyên về cây ăn trái gắn với các Hội làm vườn để đảm nhận dịch vụ đầu vào: vật tư, giống, phân bón, phòng chống sâu bệnh, kinh nghiệm, kỹ thuật làm vườn... và đầu ra là thu mua, tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Về lâu dài, nghiên cứu để kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy chế biến trái cây tại huyện.

Hai là, khuyến khích nông dân mạnh dạn đầu tư thâm canh và cải tạo giống để nâng cao năng suất và chất lượng trái cây với phương châm cải tạo từng bước, tiến tới thay thế hoàn toàn giống mới đủ tiêu chuẩn, đối với diện tích mở rộng trồng 100% giống mới. Mặt khác, giữ lại và nhân các giống cây có chất lượng cao đã thích nghi với khí hậu và thời tiết Đạ Huoai.

Ba là, kêu gọi các cá nhân và tổ chức khoa học kỹ thuật hợp tác nghiên cứu và đầu tư đổi mới từng loại cây ăn trái phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu của vùng. Khuyến khích thành lập các trang trại sản xuất nông - lâm kết hợp theo mô hình vườn đồi, vườn rừng. Mạnh dạn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất như tác động cho cây ra hoa kết trái theo ý muốn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và tạo ra sản phẩm trái cây đa dạng bốn mùa phục vụ cho nhu cầu của khách hàng nói chung và khách du lịch nói riêng.

Bốn là, gắn việc phát triển vùng cây ăn trái với dịch vụ du lịch miệt vườn, du lịch sinh thái huyện. Đạ Huoai có ưu thế là nằm ở giữa tuyến đường du lịch Đà Lạt - thành phố Hồ Chí Minh, nếu xây dựng được các khu du lịch hấp dẫn thì chắc chắn Đạ Huoai sẽ là điểm dừng chân

lý tưởng trong lộ trình của khách, vừa tham qua thắng cảnh, vừa thưởng ngoạn hương vị ngọt ngào của trái cây sau một chặng đường dài là điều vô cùng thú vị đối với du khách và đem lại lợi ích cho các nhà vườn trồng cây ăn trái, tạo thêm cơ hội phát triển vô cùng quý giá đối với một huyện đang nghèo như Đa Huoai.

Có thể nói, thực hiện được những vấn đề trên là điều không dễ dàng chút nào, nếu không muốn nói là cần phải vượt qua nhiều khó khăn thách thức. Quan trọng nhất là cần có một chủ trương, quyết sách đủ mạnh, có cơ chế thoáng và có quyết tâm cao của mọi cấp, mọi ngành cho đến từng người dân thì mới có thể thực hiện được. Chúng tôi tin chắc rằng, không xa nữa Đa Huoai sẽ thực hiện được ước mơ của mình, vì sự đồng tình của nhân dân, sự giúp đỡ của cấp trên và những điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư tìm đến. ■

POTENTIALS AND ORIENTATION OF DA HUOAI'S FRUIT TREES

■ PHAN THANH LAI

Chairman of Da Huoai People's Committee



Da Huoai is a new-economy district founded in June, 1986 as the southern gateway of Lam Dong to the provinces of Southern Vietnam and the dynamic zone of Dong Nai - HCM City - Ba Ria Vung Tau. One hundred and fifty kilometres away from HCM City and Dalat. By the 20th National Highway, it covers an area of 48,960 ha (68% is forest land and 18% rural land), and a population of 30,700 (19.5% are ethnic minorities, Ko Ho and Chau Ma).

Da Huoai has defined its general economic structure of the period 1986-2005 as that of agriculture-forestry-industry-service. It is proved in reality that this structure has taken shape.

In the strength of its agriculture, apart from long-term industrial crops, durian, jackfruit, and rambutan play an important part in the crop structure with an area of 1,460 ha, accounting for 17% of the cultivating area, along the 20th Highway in Damri Town, Ha Lam Commune and Damri Commune.

It was before 1945 when the French recognized the high productivity of Da Huoai fruits and established the orchards of Anh Tu and Nam Nhi, producing fruit of distinctive flavour.



Every year Da Huoai sells approximately 7,000 tons of fruit from its harvest area of 800 ha. In spite of the changes of prices, fruit has brought work to a considerable force of labour and a stable income to fruit growers. Its value of production is 43.13% of the agricultural structure.

Fruit trees in Da Huoai continue to develop. The district aims to invest in the intensive cultivation of the existing area of fruit trees to raise productivity and commercial quality, and at the same time, to expand them to suitable lands so that the district will have 1,700 ha in 2005, making fruit trees the second major resource, just after cashew.

However, fruit trees are facing some difficulties. Peasants have not been interested in land improvement and new seeds to meet the need of customers. For consumption, fruit is chiefly sold to travellers on the 20th Highway at roadside. Only a small amount of fruit goes beyond Bao Loc Pass to reach Duc Trong, Lam Ha, and Dalat markets.

To turn the potentials of fruit trees into the second strength of agriculture, the district has to take indispensable measures such as improving productivity and quality, and looking for stable markets. The following are some suggestions:

First, co-operatives or co-operative groups of fruit growers should be formed to undertake "input service" such as supplying materials, seeds, fertilizer, pesticide, techniques and experience, and output service" such as sales and markets.

For a long-term plan, it is necessary to appeal for the construction of a fruit processing factory.

Second, peasants should be encouraged to cultivate intensively and improve strains in order to improve the yield and quality of fruit crops, aiming at a complete change of strains. On the other hand, breeds of fruit trees accustomed to Da Huoai's climate should be kept and developed.

Third, the district will appeal to individuals and scientific organizations to co-operate in breed improvement and to establish farms of agro-forestry combination. Techniques for optional blooming should be applied to produce fruit all year round.

Fourth, the development of fruit trees should be attached to green tourism and ecological tourism. Da Huoai is in the middle of the tour route Dalat - HCM City. If attractive tourist spots are built, it will be a wonderful travellers' stopover for sightseeing and fruit tasting. This will facilitate the growth of Da Huoai, a poor district.

It is not easy to find proper solutions. What is most important is a precise policy, an open mechanism, and strong determination. We believe that in the near future, Da Huoai will accomplish its goals thanks to the people's willingness, the government's assistance and favourable conditions to attract investors. ■



1A. NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM
TRẠM ĐÀ LẠT
AVERAGE AIR TEMPERATURE IN MONTHS - DALAT STATION

Độ C - In degree Celsius

	1995	1996	1997	1998	1999
Cả năm - year	17.8	17.7	17.7	18.5	17.8
Tháng 1 - January	15.5	15.4	14.9	16.7	16.5
Tháng 2 - February	16.1	16.0	16.7	17.8	16.4
Tháng 3 - March	17.5	17.6	17.2	18.8	18.3
Tháng 4 - April	18.7	18.4	18.4	19.1	18.7
Tháng 5 - May	19.3	19.4	19.0	19.9	18.8
Tháng 6 - June	19.9	19.0	19.0	20.2	18.4
Tháng 7 - July	18.6	18.3	18.5	18.8	18.5
Tháng 8 - August	18.6	18.6	18.3	19.1	18.2
Tháng 9 - September	18.4	18.2	18.5	18.8	18.6
Tháng 10 - October	18.2	18.5	18.0	18.6	17.7
Tháng 11 - November	17.4	17.6	17.4	17.7	18.2
Tháng 12 - December	15.6	15.9	16.6	17.1	15.9



Photo: MPK

1B. NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM
TRẠM BẢO LỘC
AVERAGE AIR TEMPERATURE IN MONTHS - BAOLOC STATION

Độ C - In degree Celsius

	1995	1996	1997	1998	1999
Cả năm - year	22.3	21.9	21.6	22.6	21.5
Tháng 1 - January	20.5	20.1	18.9	21.1	20.5
Tháng 2 - February	20.5	21.1	21.3	23.0	20.9
Tháng 3 - March	20.9	22.9	21.8	23.2	22.2
Tháng 4 - April	23.7	23.3	22.2	24.2	22.5
Tháng 5 - May	23.7	23.6	23.1	24.7	22.7
Tháng 6 - June	23.3	23.2	22.4	23.5	21.7
Tháng 7 - July	22.8	22.1	21.6	23.1	21.8
Tháng 8 - August	22.7	22.3	21.5	22.9	21.8
Tháng 9 - September	22.3	22.3	21.8	22.6	21.8
Tháng 10 - October	22.4	22.1	21.8	21.8	21.6
Tháng 11 - November	22.0	21.1	21.6	21.1	21.5
Tháng 12 - December	21.4	19.1	21.4	20.6	19.7

1C. NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM
TRẠM LIÊN KHƯƠNG
AVERAGE AIR TEMPERATURE IN MONTHS - LIENKHUONG STATION

Độ C - In degree Celsius

	1995	1996	1997	1998	1999
Cả năm - year	21.3	21.2	21.1	22.0	21.0
Tháng 1 - January	19.8	19.9	18.2	20.4	19.9
Tháng 2 - February	19.3	19.9	20.1	21.5	20.0
Tháng 3 - March	21.1	21.1	21.1	22.1	21.9
Tháng 4 - April	23.0	22.3	22.2	22.7	22.3
Tháng 5 - May	22.7	22.5	22.3	23.7	22.0
Tháng 6 - June	22.3	21.9	22.1	23.4	21.6
Tháng 7 - July	21.9	22.1	21.9	22.8	21.6
Tháng 8 - August	21.9	22.1	21.5	22.0	21.3
Tháng 9 - September	21.6	21.2	21.6	22.0	21.6
Tháng 10 - October	21.3	22.1	21.3	21.4	20.6
Tháng 11 - November	20.6	20.5	21.0	20.6	21.1
Tháng 12 - December	20.0	19.1	19.9	21.4	19.1

3A. LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG TRONG NĂM - TRẠM ĐÀ LẠT RAINFALL IN MONTHS - DALAT STATION

mm

	1995	1996	1997	1998	1999
Cả năm - year	1.681	1.815	1.876	1.988	2.159
Tháng 1 - January	1	7	-	-	17
Tháng 2 - February	70	-	96	25	-
Tháng 3 - March	100	9	157	5	111
Tháng 4 - April	202	246	274	198	223
Tháng 5 - May	244	281	218	230	416
Tháng 6 - June	175	203	154	271	293
Tháng 7 - July	326	147	216	149	179
Tháng 8 - August	28	229	184	271	291
Tháng 9 - September	221	231	260	216	212
Tháng 10 - October	270	257	262	176	236
Tháng 11 - November	37	148	55	318	113
Tháng 12 - December	7	57	-	129	68



Photo: HHN

3B. LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG TRONG NĂM - TRẠM BẢO LỘC
RAINFALL IN MONTHS - BAOLOC STATION

mm

	1995	1996	1997	1998	1999
Cả năm - year	2.500	2.423	3.349	2.447	3.156
Tháng 1 - January	51	60	5	1	117
Tháng 2 - February	28	30	187	56	36
Tháng 3 - March	151	20	84	6	251
Tháng 4 - April	114	435	518	179	376
Tháng 5 - May	182	126	303	347	240
Tháng 6 - June	247	217	241	182	449
Tháng 7 - July	384	306	617	109	567
Tháng 8 - August	493	355	583	267	368
Tháng 9 - September	413	519	263	450	204
Tháng 10 - October	289	187	370	292	291
Tháng 11 - November	143	115	154	411	191
Tháng 12 - December	5	53	24	147	66

3C. LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG TRONG NĂM -TRẠM LIÊN KHƯƠNG
RAINFALL IN MONTHS - LIENKHUONG STATION

mm

	1995	1996	1997	1998	1999
Cả năm - year	1.673	1.854,2	1.749	1.832	1.624
Tháng 1 - January	7	0,2	-	-	9
Tháng 2 - February	92	-	4	14	-
Tháng 3 - March	93	-	92	-	212
Tháng 4 - April	52	310	166	157	242
Tháng 5 - May	207	405	208	273	279
Tháng 6 - June	166	212	166	163	119
Tháng 7 - July	234	105	369	112	60
Tháng 8 - August	240	176	147	165	75
Tháng 9 - September	273	253	381	184	193
Tháng 10 - October	244	197	203	215	210
Tháng 11 - November	56	145	13	334	168
Tháng 12 - December	9	51	-	215	57

2A. SỐ GIỜ NẮNG CÁC THÁNG TRONG NĂM - TRẠM ĐÀ LẠT
NUMBER OF SUNSHINE HOURS IN MONTHS - DALAT STATION

Giờ - Hours

	1995	1996	1997	1998	1999
Cả năm - year	2.252	1.884	2.230	2.189	1.890
Tháng 1 - January	266		228	268	187
Tháng 2 - February	240	234	195	215	227
Tháng 3 - March	226	281	257	285	225
Tháng 4 - April	251	170	183	188	131
Tháng 5 - May	187	158	148	175	154
Tháng 6 - June	184	120	176	196	148
Tháng 7 - July	151	126	120	200	146
Tháng 8 - August	154	113	112	167	146
Tháng 9 - September	85	97	139	104	155
Tháng 10 - October	210	113	183	142	130
Tháng 11 - November	134	124	216	97	130
Tháng 12 - December	164	155	273	152	111



Photo: HHN

2B. SỐ GIỜ NẮNG CÁC THÁNG TRONG NĂM - TRẠM BẢO LỘC
NUMBER OF SUNSHINE HOURS IN MONTHS - BAOLOC STATION

Giờ - Hours

	1995	1996	1997	1998	1999
Cả năm - year	1.949	2.000	2.135	2.082	1.870
Tháng 1 - January	211	252	234	224	153
Tháng 2 - February	214	224	188	232	289
Tháng 3 - March	200	265	250	257	227
Tháng 4 - April	216	183	202	185	146
Tháng 5 - May	182	173	160	188	143
Tháng 6 - June	151	158	193	202	116
Tháng 7 - July	152	125	80	197	124
Tháng 8 - August	130	156	106	156	141
Tháng 9 - September	61	97	145	87	140
Tháng 10 - October	126	148	169	134	129
Tháng 11 - November	150	101	180	92	141
Tháng 12 - December	156	118	228	128	121

2C. SỐ GIỜ NẮNG CÁC THÁNG TRONG NĂM - TRẠM LIÊN KHƯƠNG
NUMBER OF SUNSHINE HOURS IN MONTHS - LIENKHUONG STATION

Giờ - Hours

	1995	1996	1997	1998	1999
Cả năm - year	2.405	2.800	2.518	2.462	2.061
Tháng 1 - January	268	296	294	304	195
Tháng 2 - February	258	288	205	260	259
Tháng 3 - March	256	305	290	305	240
Tháng 4 - April	247	276	212	230	181
Tháng 5 - May	208	235	149	198	179
Tháng 6 - June	164	190	199	202	145
Tháng 7 - July	184	192	146	217	148
Tháng 8 - August	148	169	143	181	131
Tháng 9 - September	92	175	167	124	181
Tháng 10 - October	155	193	210	158	138
Tháng 11 - November	191	221	233	115	133
Tháng 12 - December	234	260	270	168	131

**4A. ĐỘ ẨM TƯƠNG ĐỐI TRUNG BÌNH
CÁC THÁNG TRONG NĂM TRẠM ĐÀ LẠT**
*MEAN RELATIVE HUMIDITY IN MONTHS -
DALAT STATION*



	%				
	1995	1996	1997	1998	1999
Cả năm - year	86	85	85	85	87
Tháng 1 - January	82	80	79	81	85
Tháng 2 - February	77	79	83	79	78
Tháng 3 - March	78	78	80	72	84
Tháng 4 - April	82	88	87	86	89
Tháng 5 - May	86	79	80	81	90
Tháng 6 - June	90	89	87	88	89
Tháng 7 - July	90	89	91	89	91
Tháng 8 - August	91	91	91	90	91
Tháng 9 - September	91	91	89	92	88
Tháng 10 - October	89	88	88	89	88
Tháng 11 - November	86	88	85	90	92
Tháng 12 - December	88	86	80	89	88

4B. ĐỘ ẨM TƯƠNG ĐỐI TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM
TRẠM BẢO LỘC
MEAN RELATIVE HUMIDITY IN MONTHS - BAOLOC STATION

%

	1995	1996	1997	1998	1999
Cả năm - year	86	85	87	84	87
Tháng 1 - January	82	84	80	77	84
Tháng 2 - February	80	77	84	79	79
Tháng 3 - March	83	74	82	75	84
Tháng 4 - April	79	85	88	77	89
Tháng 5 - May	86	86	89	87	90
Tháng 6 - June	90	85	90	86	90
Tháng 7 - July	89	88	92	87	92
Tháng 8 - August	90	90	93	89	91
Tháng 9 - September	91	92	90	88	89
Tháng 10 - October	89	89	89	89	90
Tháng 11 - November	86	89	88	91	91
Tháng 12 - December	86	87	83	88	80

4C. ĐỘ ẨM TƯƠNG ĐỐI TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM
TRẠM LIÊN KHƯƠNG
MEAN RELATIVE HUMIDITY IN MONTHS - LIENKHUONG STATION

%

	1995	1996	1997	1998	1999
CẢ NĂM - YEAR	82	82	79	78	81
Tháng 1 - <i>January</i>	73	79	75	69	79
Tháng 2 - <i>February</i>	89	69	75	70	67
Tháng 3 - <i>March</i>	70	69	73	64	75
Tháng 4 - <i>April</i>	73	82	76	74	81
Tháng 5 - <i>May</i>	80	87	83	77	86
Tháng 6 - <i>June</i>	85	85	83	80	85
Tháng 7 - <i>July</i>	87	86	85	81	83
Tháng 8 - <i>August</i>	88	86	84	83	86
Tháng 9 - <i>September</i>	90	90	84	86	86
Tháng 10 - <i>October</i>	89	86	81	85	83
Tháng 11 - <i>November</i>	86	86	78	87	87
Tháng 12 - <i>December</i>	80	81	70	84	81

4C. ĐỘ ẨM TƯƠNG ĐỐI TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM
TRẠM LIÊN KHƯƠNG
MEAN RELATIVE HUMIDITY IN MONTHS - LIENKHUONG STATION

%

	1995	1996	1997	1998	1999
Cả năm - year	82	82	79	78	81
Tháng 1 - January	73	79	75	69	79
Tháng 2 - February	89	69	75	70	67
Tháng 3 - March	70	69	73	64	75
Tháng 4 - April	73	82	76	74	81
Tháng 5 - May	80	87	83	77	86
Tháng 6 - June	85	85	83	80	85
Tháng 7 - July	87	86	85	81	83
Tháng 8 - August	88	86	84	83	86
Tháng 9 - September	90	90	84	86	86
Tháng 10 - October	89	86	81	85	83
Tháng 11 - November	86	86	78	87	87
Tháng 12 - December	80	81	70	84	81

Mục lục

CONTENTS

Tác Giả	Nội dung	Trang
<i>Nguyễn Hoài Bảo</i>	<i>Lời giới thiệu</i>	5
Nguyen Hoai Bao	Foreword	6
<i>Phan Thiên</i>	<i>Phát huy tiềm năng, tạo đà phát triển kinh tế-xã hội nhanh, mạnh hơn trong những năm đầu thế kỷ 21</i>	8
Phan Thien	Promoting potentials, creating impetus to develop economy and society more quickly and strongly in the early years of the 21st century	12
<i>Nguyễn Xuân Kiên</i>	<i>Tiềm năng và cơ hội đầu tư</i>	16
Nguyen Xuan Kien	Potentialities and chances of investment	20
<i>Nguyễn Văn Minh</i>	<i>Phát triển nông nghiệp nông thôn đến năm 2010</i>	25
Nguyen Van Minh	Agriculture and rural development in Lamdong towards industrialization and modernization to 2010	27
<i>Nguyễn Văn Mão</i>	<i>Trang trại ở Lâm Đồng: Thực trạng và triển vọng</i>	31
Nguyen Van Mao	Prospects of farming in Lam Dong	33
<i>Nguyễn Văn Khiêm</i>	<i>Quy hoạch và phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Lâm Đồng đến 2010</i>	35
Nguyen Van Khiem	Development plan until 2010 for industry and craft in Lam Dong	37
<i>Hứa Văn Tuấn</i>	<i>Giao thông vận tải tỉnh Lâm Đồng hiện trạng và định hướng phát triển</i>	41
Hua Van Tuan	Transportation in Lam Dong province: Present conditions and orientation for development	44

Tác giả	Nội dung	Trang
Lê Tứ	<i>Đô thị hóa tại Lâm Đồng và cơ hội đầu tư</i>	47
Le Tu	Urbanisation in Lam Dong: Opportunities of investment	49
Trần Đức Lộc	<i>Đà Lạt - một tổng thể kiến trúc độc đáo</i>	51
Tran Duc Loc	Dalat, an original architectural ensemble	53
Phạm Bá Phong	<i>Những thành quả trong nghiên cứu khoa học và áp dụng tiến bộ kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống</i>	56
Pham Ba Phong	Achievements in science research and in application of technical progress to serve production and life	58
Trương Trổ	<i>Định hướng phát triển công nghệ thông tin tại Đà Lạt - Lâm Đồng</i>	61
Truong Tro	An orientation of information technology in Dalat-Lam Dong	64
Đặng Ngọc Lưu	<i>Để du lịch Lâm Đồng trở thành ngành kinh tế động lực</i>	66
Dang Ngoc Luu	How to make Lam Dong's tourism become a major economic sector	68
Lý Quang Nhẫn	<i>Giáo dục - đào tạo Lâm Đồng tiếp tục ổn định và phát triển</i>	71
Ly Quang Nhan	Lam Dong education and training steadily develops	74
Đoàn Văn Việt	<i>Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống</i>	78
Doan Van Viet	Preserving and bringing traditional cultural values into full play	81
Nguyễn Trọng Hoàng	<i>Phát triển nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa</i>	84
Nguyen Trong Hoang	Developing human force to serve industrialization and modernization	86
Lê Thái	<i>Chiến lược chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân</i>	91
Le Thai	The strategy of promoting people's health care	94
Nguyễn Thọ Biên	<i>Nguồn dược liệu phong phú</i>	97
Nguyen Tho Bien	A diverse resource of pharmaceutical materials	99
Trần Kỳ Ba	<i>Thể thao Lâm Đồng - Những thể mạnh chưa được khai thác hết</i>	101

Tác giả	Nội dung	Trang
Tran Ky Ba	Sports in Lam Dong - The advantages not having brought into full play	104
Nguyễn Hữu Đức	Đại học Đà Lạt- vận hội và thách thức ở những năm đầu thế kỷ XXI	106
Nguyen Huu Duc	The University of Dalat - Opportunities and Challenges in the first years of the 21st Century	108
Nguyễn Nhị Điền	Kỹ thuật hạt nhân và một số ứng dụng điển hình ở nước ta	111
Nguyen Nhi Dien	Nuclear technology and some representative applications in our country	114
-	Danh mục các dự án kêu gọi vốn đầu tư thời kỳ 2000-2010	117
-	List of projects calling for investment capital, phase 2000 - 2010	123
-	Xây dựng trung tâm nghiên cứu - phát triển và bảo tồn các giống hoa, cây cảnh tại Đà Lạt	129
-	The building of a center for researching, developing and conserving flower breeds, ornamental plants in Dalat	131
Nguyễn Tri Diện	Đà Lạt vào thế kỷ XXI	135
Nguyen Tri Dien	Dalat City in the 21st century	137
Nguyễn Đức Thịnh	Bảo Lộc phấn đấu là trung tâm phát triển vùng các huyện phía Nam	139
Nguyen Duc Thinh	Bao Loc strives to become a developmental centre of the southern districts	142
Nguyễn Xuân Tùng	Cát Tiên - vùng đất đặc biệt	145
Nguyen Xuan Tung	Cat Tien - a special land of Lamdong province	147
Đinh Thị Nga	Di tích Cát Tiên	150
Dinh Thi Nga	The Cat Tien relic	152
Nguyễn Văn Hùng	Lạc Dương - tiềm năng du lịch chưa được đánh thức	154
Nguyen Van Hung	Lac Duong - A tourist potential not yet wakened up	156
Lê Đình Phước	Đức Trọng - cơ hội đầu tư và phát triển	159
Le Dinh Phuoc	Duc Trong - Chance of Investment and Development	161

Tác giả	Nội dung	Trang
<i>Hoàng Hiến</i> Hoang Hien	<i>Thế mạnh cây lúa ở Đa Tễ</i> The potentiality of rice planting in Dateh	164 167
<i>Trần Thanh Phương</i> Tran Thanh Phuong	<i>Định hướng phát triển kinh tế trang trại ở Lâm Hà</i> Orientation of farming economy in Lam Ha	169 171
<i>Thái On</i> Thai On	<i>Rau thương phẩm - Thế mạnh của Đơn Dương</i> Commercial vegetables in Don Duong	173 175
<i>K'beo</i> K'beo	<i>Di Linh hình thành vùng chuyên canh cây cà phê</i> The district of Dilinh establishing a single-crop zone of coffee	177 179
<i>Phạm Quang Tường</i> Pham Quang Tuong	<i>Những thế mạnh phát triển cây chè Bảo Lâm</i> The Strengths of Bao Lam's Tea Planting	181 184
<i>Phan Thanh Lai</i> Phan Thanh Lai	<i>Tiềm năng và hướng mở ở vùng cây trái Đa Huoai</i> Potentials and orientation of Da Huoai's fruit trees	187 189



LÂM ĐỒNG

HƯỚNG TỚI THẾ KỶ XXI

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG - 2000

• *Chịu trách nhiệm xuất bản:*

NGUYỄN ĐỊNH

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng

• *Hội đồng biên tập:*

PHẠM VINH

TRẦN SỸ THỨ

NGUYỄN VĂN HƯƠNG

NGUYỄN THANH ĐẠM

TẠ QUANG VŨ

UÔNG THÁI BIỂU

• *Thư ký:*

TRẦN THANH HOÀI

• *Dịch tiếng Anh:*

TẠ TẮT THẮNG

• *Mỹ thuật:*

HOÀNG THẢO

HỒ TOÀN

SINH THỰC

• *Sửa bản in:*

PHÒNG VI TÍNH BÁO LÂM ĐỒNG

*Giấy phép xuất bản số 03/GPXB do Sở VH-TT Lâm Đồng
cấp ngày 8/1/2001. Chế bản tại Báo Lâm Đồng. In tại Xi nghiệp
In bản đồ Đà Lạt. In và nộp lưu chiểu tháng 1/2001*

LAM DONG TOWARDS THE 21ST CENTURY

LÂM ĐỒNG

hướng tới thế kỷ



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG • 2000